

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐÔ THỊ VÀ PHÁT TRIỂN

Tôn Nữ Quỳnh Trân  
Chủ biên

# THỦ THIÊM QUÁ KHỨ VÀ TƯƠNG LAI



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
<https://tieulun.hopto.org>

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐÔ THỊ VÀ PHÁT TRIỂN

**Tôn Nữ Quỳnh Trân**  
Chủ biên

# **THỦ THIÊM**

## **Quá khứ và Tương lai**



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Những người thực hiện*

Tôn Nữ Quỳnh Trân

Nguyễn Quang Vinh

Lê Văn Năm

Sơn Nam

Trần Quang Ánh

Trương Hoàng Trương

Nguyễn Quang Giải

Nguyễn Tấn Tự

Trương Thanh Thảo

Doãn Quyên

## LỜI GIỚI THIỆU

Thủ Thiêm thôn dã sông nước sắp trở thành một khu đô thị mới với những hạ tầng kỹ thuật hiện đại và cao ốc chọc trời, có chức năng là trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ cao cấp của Thành phố Hồ Chí Minh, là nơi bổ khuyết cho những gì còn thiếu của Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.

Dù nằm cách Quận 1 của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh không bao xa, chỉ cách một con sông (sông Sài Gòn), nhưng xét về mặt phát triển đô thị thì hai vùng đất này trái ngược nhau gần như hoàn toàn cho đến tận cuối thế kỷ XX. Trong khi Quận 1 và những quận khác bên bờ này phát triển đều đặn suốt ba trăm năm qua, thì bên bờ kia, Thủ Thiêm vẫn là vùng nông thôn sông nước với lối sống thôn dã. Vì thế, Thủ Thiêm chứa đựng trong nó những giá trị văn hóa thật đặc biệt, hòa lẫn giữa tính sông nước dân dã và tính đô thị.

Để Thủ Thiêm và những giá trị văn hóa của Thủ Thiêm không bị rơi vào quên lãng, với sự đặt hàng của Ban Quản Lý Thủ Thiêm và Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển đã thực hiện đề tài “Xây dựng Thủ Thiêm như một điểm nhấn của truyền thống lịch sử - văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh”.

Cuốn sách bạn đọc đang cầm trên tay, ***Thủ Thiêm – Quá khứ và tương lai***, là những gì chắt lọc từ công trình khoa học trên, nhằm ghi lại những hình ảnh về Thủ Thiêm trước đây, để thế hệ sau có thể biết được trên vùng đô thị hiện đại Thủ Thiêm ngày nay vốn đã có một Thủ Thiêm khác, một Thủ Thiêm của quá khứ.



Cuốn sách còn đề cập đến việc chuyển tải những đặc trưng văn hóa của Sài Gòn Thành phố Hồ Chí Minh vào khu đô thị mới Thủ Thiêm. Nhiều nhà khoa học và nhà quản lý đã cống hiến những ý tưởng độc đáo để Thủ Thiêm mới sẽ không phải là thành phố cô đơn lạnh lẽo bên cạnh một thành phố cũ, mà sẽ là một phần, một mảnh ghép trong toàn cảnh bức khảm đô thị của Thành phố Hồ Chí Minh, mang linh hồn, dáng dấp Sài Gòn.

*Thành phố Hồ Chí Minh ngày 2 tháng 9 năm 2010*

**PGS. TS. Bùi Thế Cường**

Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu đề tài

“Xây dựng Thủ Thiêm như một điểm nhấn của truyền thống lịch sử - văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh”

Viện trưởng Viện Phát triển Bền vững vùng Nam Bộ

Tổng Biên tập Tạp chí Khoa học Xã hội

# Mục lục

LỜI GIỚI THIỆU ..... 4

PHẦN I: THỦ THIÊM – QUÁ KHỨ ..... 7

CHƯƠNG I. LỊCH SỬ VÀ CON NGƯỜI THỦ THIÊM ..... 9

I. LỊCH SỬ THỦ THIÊM QUA CÁC THỜI KỲ ..... 11

1. Từ thời khai hoang đến năm 1859 ..... 11

2. Từ năm 1859 đến năm 1945 ..... 17

3. Từ năm 1945 đến năm 1975 ..... 20

II. CUỘC SỐNG SÔNG NƯỚC ..... 30

1. Quá trình nhập cư ..... 30

2. Thiên nhiên sông nước ..... 32

3. Đời sống tâm linh ..... 34

4. Lối sống sông nước ..... 40

III. ĐỊA DANH ..... 63

CHƯƠNG II. VĂN HÓA VẬT CHẤT ..... 69

1. Trang phục ..... 69

2. Ẩm thực ..... 74

3. Nhà ở ..... 78

CHƯƠNG III. VĂN HÓA TINH THẦN ..... 83

I. CÁC CƠ SỞ VĂN HÓA, TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG ..... 83

1. Đình ..... 83

2. Chùa, tịnh thất, tịnh xá ..... 96

3. Nhà thờ, nhà nguyện ..... 126

4. Thánh thất, ngọc điện ..... 138

5. Đèn, miếu .....	144
<b>II. TRÒ CHƠI DÂN GIAN TRẺ EM VÀ VĂN HỌC, THƠ CA VIẾT VỀ THỦ THIÊM.....</b>	<b>192</b>
1. Trò chơi dân gian trẻ em.....	192
2. Văn học, thơ ca viết về Thủ Thiêm .....	197
<b>PHẦN II: THỦ THIÊM – TƯƠNG LAI .....</b>	<b>225</b>
<b>CHƯƠNG I. CHUYỂN TẢI CÁC ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA CỦA SÀI GÒN – TP. HỒ CHÍ MINH VÀO KHU ĐÔ THỊ MỚI THỦ THIÊM .....</b>	<b>231</b>
1. Chuyển tải các giá trị không gian văn hóa lễ hội của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh vào khu đô thị mới Thủ Thiêm...	231
2. Chuyển tải các đặc trưng văn hóa của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh trong lĩnh vực quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm ...	237
3. Chuyển tải các đặc sắc kiến trúc của Sài Gòn 300 năm với kiến trúc mới của Thủ Thiêm .....	243
4. Chuyển tải các đặc trưng văn hóa về không gian cảnh quan đô thị tiêu biểu của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh vào khu đô thị mới Thủ Thiêm .....	246
5. Chuyển tải các đặc trưng văn hóa của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh qua việc xây dựng các không gian công cộng ở khu đô thị mới Thủ Thiêm.....	253
6. Định hướng không gian xây dựng tượng đài và những công trình điêu khắc cho khu đô thị mới Thủ Thiêm - Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh .....	260
<b>CHƯƠNG II. DỰ BÁO TỔNG QUÁT VỀ DÂN CƯ CỦA ĐÔ THỊ THỦ THIÊM TƯƠNG LAI.....</b>	<b>271</b>
1. Dẫn nhập.....	271
2. Từ bài học đắt giá của các khu đô thị mới ở châu Á, nghĩ về câu hỏi “ai sẽ là cư dân Thủ Thiêm nay mai?” .....	276
3. Về dân cư của đô thị mới Thủ Thiêm tương lai .....	289
4. Một số khuyến nghị về quan điểm và chính sách.....	299
<b>THƯ MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>301</b>

Phần I

# THỦ THIÊM - QUÁ KHỨ



## Chương I

# Lịch sử và con người Thủ Thiêm

**T**hủ Thiêm được đề cập trong công trình nghiên cứu này là vùng đất nằm trên bán đảo đối diện với trung tâm quận 1 qua sông Sài Gòn, bao gồm ba phường là An Khánh, An Lợi Đông, Thủ Thiêm và một phần phường Bình An, Bình Khánh thuộc quận 2 hiện nay. Vùng đất này được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp sông Sài Gòn (quận Bình Thạnh) và một phần đất phường An Khánh (quận 2),
- Phía Nam giáp sông Sài Gòn (quận 7),
- Phía Đông giáp phường An Bình, Bình Khánh (quận 2),
- Phía Tây giáp sông Sài Gòn (quận 1 và quận 4).

Hiện nay, chiếm diện tích chủ yếu trên vùng đất Thủ Thiêm xưa là ba phường Thủ Thiêm, An Lợi Đông và An Khánh.

Phường Thủ Thiêm có diện tích 135ha, được thành lập ngày 6/1/1997 sau quyết định phân huyện Thủ Đức thành ba đơn vị hành chính là quận Thủ Đức, quận 2 và quận 9. Ranh giới phường Thủ Thiêm được xác định như sau: Đông và Nam giáp phường An

Lợi Đông; Tây giáp sông Sài Gòn; Bắc giáp phường An Khánh. Trước khi có quyết định phân định hành chính này, Thủ Thiêm vốn là một xã của huyện Thủ Đức bao gồm các khu vực xóm Chợ, Cây Bàng và An Lợi Đông với diện tích lên đến 511ha. Như vậy, phường Thủ Thiêm hiện nay chỉ bao gồm một phần của xã Thủ Thiêm trước đây, phần đất còn lại được nhập vào các phường khác.

Phường An Lợi Đông có diện tích 385ha, được thành lập cùng lúc với phường Thủ Thiêm, trên phần đất của xã Thủ Thiêm trước đây. Phường An Lợi Đông có Đông và Nam giáp sông Sài Gòn; Tây giáp phường Thủ Thiêm và phường An Khánh; Bắc giáp phường Bình Khánh.

Phường An Khánh vốn là một phần của xã An Khánh, huyện Thủ Đức. Sau quyết định phân cấp ngày 6/1/1997, An Khánh trở thành một phường của quận 2 với diện tích là 169ha. Phường An Khánh có Đông giáp phường Bình Khánh và phường An Lợi Đông; Tây giáp sông Sài Gòn; Nam giáp phường Thủ Thiêm, Bắc giáp phường Bình An và sông Sài Gòn.

Bán đảo Thủ Thiêm đã khoác trên mình chiếc áo của nền văn minh sông nước Nam Bộ, của văn hóa sông nước với đặc điểm địa hình và hệ sinh thái sông nước. Về mặt sinh thái, Thủ Thiêm thuộc chung trong môi trường của khu vực Sài Gòn và Đông Nam Bộ, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, ôn hòa, ít chịu ảnh hưởng của thiên tai, phân làm 2 mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô cùng khí hậu nóng ẩm quanh năm. Dù nằm kề trung tâm của một thành phố lớn nhất nước, chỉ cách nơi đô hội một dòng sông nhưng thiên nhiên của Thủ Thiêm còn khá hoang sơ. Về mặt thực vật, đây là một vùng giao thoa giữa cây cỏ nước mặn và cây cỏ nước lợ. Mắm, bần, dừa nước mọc chen nhau um tùm hai bên bờ các con rạch. Còn động vật thì chẳng khác gì vùng đồng bằng Sông Cửu Long. Trong các rạch, xẻo, ngọn vẫn còn khá nhiều động vật của vùng sông nước. Đó là lươn, rắn, rùa, cua đinh, chuột, các loại ốc, cá, đặc biệt là cá trê... Những con vật này,



tùy theo loài mà xuất hiện theo con nước lên nước xuống. Cư dân tại đây cải thiện cuộc sống của họ qua đánh bắt thủy sản sống cận kề với họ. Ngay cả những loài chim trời, những cư dân quen thuộc của vùng sông nước Nam Bộ, cũng có mặt ở đây như cò, diệc, cúm nùm, bìm bịp, công cộc, én...

## **I. LỊCH SỬ THỦ THIÊM QUA CÁC THỜI KỲ**

### **1. Từ thời khai hoang đến năm 1859**

Vùng đất Thủ Thiêm đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam có lẽ từ khi những lưu dân người Việt đặt chân đến đất Gia Định. Lịch sử còn ghi lại vào khoảng năm 1623, người Việt đã đến cư trú tại vùng đất hiện nay là nội thành TP. Hồ Chí Minh sau khi vua Chân Lạp cưới một công nương, con của chúa Nguyễn thì cho phép người Việt đến vùng này làm ăn, sinh sống. Thời bấy giờ, con đường thuận tiện nhất cho việc đi lại làm ăn của lưu dân là con đường thủy dọc theo sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Như thế, ta có thể tin rằng dấu chân của những lưu dân người Việt đầu tiên này hẳn đã từng đặt lên vùng đất Thủ Thiêm.

Theo dấu những lưu dân đầu tiên này, những luồng di dân khác từ miền Trung cũng đi vào làm ăn ở vùng sông Đồng Nai, sông Sài Gòn. Đến cuối thế kỷ XVII, số lượng người Việt ở vùng Gia Định, Đồng Nai đã tăng lên đáng kể. Vì thế, năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược miền Nam. Ông đã lập phủ Gia Định ở đây. Phủ Gia Định có hai dinh là dinh Phiên Trấn ở xứ Sài Gòn và dinh Trấn Biên ở xứ Đồng Nai.

Dinh Trấn Biên có một đơn vị hành chính nhỏ hơn là huyện Phước Long, còn dinh Phiên Trấn có huyện Tân Bình. Thủ Thiêm lúc bấy giờ thuộc về huyện Phước Long, dinh Trấn Biên. Cùng với việc thiết lập các đơn vị hành chính, các quan chức cũng được cắt cử đến để cai trị. Chúa Nguyễn cũng cho chiêu mộ dân từ Quảng Bình trở vào đến vùng đất mới để khai phá.



Tại vùng Gia Định, nơi dân cư đông đúc, kinh tế phát triển nhất là khu vực nằm trên bờ sông Tân Bình (sông Sài Gòn), rạch Bến Nghé (vùng Sài Gòn, Chợ Lớn sau này). Đây cũng là nơi đặt trụ sở hành chính, quân sự của dinh Phiên Trấn và là trung tâm kinh tế của vùng với nhiều chợ như chợ Bến Sỏi, chợ Bến Thành, chợ Điều Khiển<sup>(1)</sup>, chợ Tân Cảnh, chợ Sài Gòn<sup>(2)</sup> ... Các bến sông ở đây là nơi ghe thuyền đến tập trung mua bán. Chính quyền đã cho lập đồn binh ở Thủ Thiêm để kiểm soát việc đi lại trên sông Tân Bình (sông Sài Gòn) và để phòng thủ cho khu vực trung tâm.

Đến giữa thế kỷ XVIII, cư dân ở Thủ Thiêm đã đông đảo hơn. Năm 1751, một ngôi chợ được thành lập ở đây tức chợ Thủ Thiêm<sup>(3)</sup>.

Trong những thập niên cuối của thế kỷ XVIII, tình hình chính trị, xã hội của Việt Nam có những biến động lớn. Các cuộc khởi nghĩa nông dân liên tiếp nổ ra, quan trọng nhất là cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Nhạc đứng đầu khởi phát ở ấp Tây Sơn (thuộc phủ Quy Nhơn) vào năm 1771. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn phát triển nhanh chóng và trở thành một lực lượng đe dọa sự tồn vong của chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong. Lợi dụng lúc chúa Nguyễn phải lo đối phó với cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài đem quân đánh vào Đàng Trong. Chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Thuần phải chạy vào Gia Định. Ở đây, lực lượng ủng hộ chúa Nguyễn đưa Nguyễn Phúc Dương lên ngôi chúa tức *Tân chính vương* và tôn Nguyễn Phúc Thuần làm *Thái thượng vương*. Năm 1777, Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem quân đánh Gia Định giết Nguyễn Phúc Thuần và Nguyễn Phúc Dương, chỉ có Nguyễn Phúc Ánh chạy thoát được ra đảo Thổ Châu ẩn náu.

---

(1) Chợ Điều Khiển ở gần nhà thờ chợ Đũi ngày nay.

(2) Sau này là Chợ Lớn.

(3) Thạch Phương, Lê Trung Hoa (chủ biên), *Từ điển Thành phố Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr. 384.







Câu ở bờ Nam của sông Gia Định (tức là sông Sài Gòn). Người trấn nhiệm đồn này là Dương Công Trừng. Ở phía bờ Bắc của sông bên phía Thủ Thiêm, đối diện với đồn Thảo Câu một đồn khác cũng được lập nên. Đồn này có tên gọi là Giác Ngur (đồn Cá Trê) do Tôn Thất Mân chỉ huy. Bản đồ của LeBrun vẽ năm 1799 thể hiện rõ hai đồn này. Sách *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức gọi đồn Cá Trê là Đồn Thiêm cũng từ đó mà ra.

Nguyễn Ánh còn cho bắc một cầu phao nối liền hai đồn để thuận tiện cho việc qua lại giữa hai bờ. Hàng trăm chiếc thuyền được neo đậu dựa vào nhau do Châu Văn Tiếp chỉ huy. Giữa sông thường xuyên có cả hơn trăm chiến thuyền do các tướng lĩnh tài giỏi chỉ huy. Ngoài ra, Nguyễn Ánh còn cho đặt những chiếc bè lớn, trên bè chứa cỏ khô có cài hỏa lôi phòng thủ. Các bè chứa cỏ nối liền nhau được gọi là rồng cỏ<sup>(1)</sup>.

Tháng 2 năm Quý Mão (1783), thủy quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ vào đến Cần Giờ và tiến vào theo đường sông Sài Gòn. Thủy quân Tây Sơn chia làm hai cánh tiến đánh cùng lúc hai đồn Thảo Câu và Giác Ngur. Tư khẩu Nguyễn Văn Kim đưa thuyền chiến tiến sát đồn Giác Ngur trong khi lực lượng do đô đốc Lê Văn Kế tiến đến đồn Thảo Câu.

Bên quân Nguyễn, lưu thủ Thăng, theo kế hoạch đã định trước, đem một đội quân nhẹ ra chặn đánh quân Tây Sơn để dụ quân Tây Sơn lọt vào thế trận do quân Nguyễn bày sẵn.

---

(1) Nguyên văn như sau: “[Nguyễn Ánh] sai đặt đồn Thảo Câu ở bờ phía nam sông lớn Gia Định, giao cho Dương Công Trừng giữ; ở bờ phía bắc thì đặt đồn Giác Ngur [Cá Trê], giao cho Tôn Thất Mân giữ, ngang qua sông bắc cầu phao để tiện qua lại. Trong sông thì bày hơn trăm chiến thuyền để làm thế dựa nhau, do Chu Văn Tiếp, Tôn Thất Cốc, Võ Di Nguy, lưu thủ Thăng, tiên phong Túy quân lãnh. Đằng trước đặt một con rồng cỏ để phòng [địch]. Sai giám quân Tô coi bè hỏa công, đợi khi [quân Tây Sơn] đến, theo dòng nước chảy mà phóng hỏa để đốt thuyền [địch].”, trong *Đại Nam thực lục, Chính biên, Đế nhất kỷ*, Bản dịch của Viện Sử học, tập II, Hà Nội, 1963, tr. 44-45.



Trước khí thế tiến công dũng mãnh của quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ, quân Nguyễn đã trở nên rối loạn. Giám quân Tô vôi vàng cho phóng hỏa rồng cỏ trên sông, định đốt thuyền Tây Sơn. Tuy nhiên, quân Nguyễn trong lúc hoảng sợ đã không để ý là điều kiện dòng nước và chiều gió đều đang bất lợi cho họ. Kết quả là rồng lửa không đốt thuyền Tây Sơn mà bị gió và nước sông đẩy về phía chiến thuyền của quân Nguyễn. Thủy quân Nguyễn tan vỡ, tháo chạy. Quân Tây Sơn thừa thắng đánh thốc tới. Tôn Thất Mân phải bỏ đồn Giác Ngư theo cầu phao chạy về bờ phía Nam. Tuy nhiên, đô đốc Tây Sơn Lê Văn Kế đã kịp đưa thuyền chiến tiến đến phá cầu phao. Tôn Thất Mân và nhiều quân lính của Nguyễn Ánh bị rơi xuống sông chết. Dương Công Trừng bị quân Tây Sơn bắt sống, Châu Văn Tiếp dẫn tàn quân bỏ chạy. Nguyễn Ánh ở Gia Định hay tin quân mình bại trận vội chạy trốn sang Xiêm (Thái Lan) và nhờ quân Xiêm giúp đỡ.

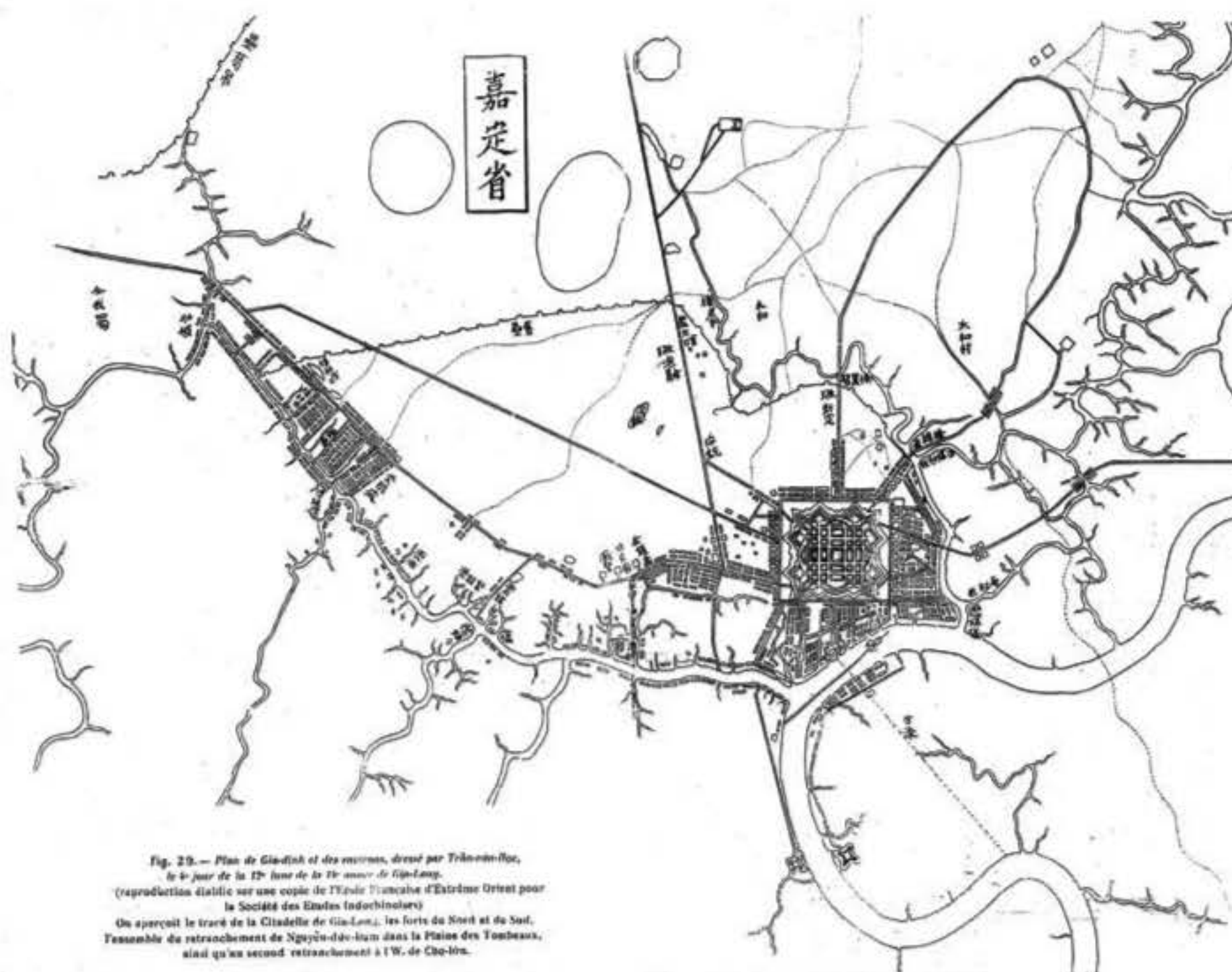
Năm 1788, Nguyễn Ánh trở về chiếm lại Gia Định. Để tăng cường việc phòng thủ thành Gia Định, tháng 12 năm Canh Tuất (1790), Nguyễn Ánh sai chương cơ Nguyễn Văn Nghĩa sửa sang lại hai đồn Thảo Câu và Giác Ngư (Cá Trê).

Sách *Đại Nam nhất thống chí*, trong mục viết về tỉnh Biên Hòa, có ghi một số điểm của đồn Giác Ngư như sau: “Pháo đài ... ở bờ phía Đông của sông Bình Giang, cách huyện [ly] Nghĩa An 16 dặm về phía Nam... chu vi 207 trượng 6 thước, cao 5 thước, mở một cửa, 4 pháo đài, đối diện với pháo đài Hữu Bình tỉnh Gia Định”<sup>(1)</sup>. Về đồn Thảo Câu, sách này chép: “Pháo đài Hữu Bình, ở cách huyện Bình Dương chừng 3 dặm về phía Đông, chu vi 124 trượng 6 thước 5 tấc, cao 7 thước...”<sup>(2)</sup>. Như thế ta thấy về qui mô, đồn Cá Trê rộng lớn hơn đồn Thảo Câu nằm ở phía bên kia bờ sông Sài Gòn.

(1) Năm Minh Mệnh thứ 15 (1834) đặt đại bác và đổi tên là pháo đài Tả Định. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), đắp thêm núi đất và lập xưởng pháo.

(2) Tên gọi Hữu Bình được đặt vào năm Minh Mệnh thứ 15 (1834).





**Bản đồ 2: Bản đồ thành Gia Định do Trần Văn Học vẽ vào năm thứ 14 đời vua Gia Long (1815). Đồn Tả Định (đồn Cá Trê) và đồn Hữu Bình vẫn còn tồn tại và nằm đối diện nhau hai bên sông Sài Gòn**

Năm Gia Long thứ 7 (1808), vua Gia Long cho đổi Trấn Biên thành trấn Biên Hòa và huyện Phước Long được thăng làm phủ. Đồng thời, 4 tổng của huyện Phước Long (Phúc Chính, Bình An, Long Thành, Phúc An) được thăng lên làm huyện. Như vậy vào năm này, Thủ Thiêm là một vùng đất của thôn An Lợi, tổng An Thủy<sup>(1)</sup>, huyện Bình An, phủ Phước Long, trấn Biên Hòa.

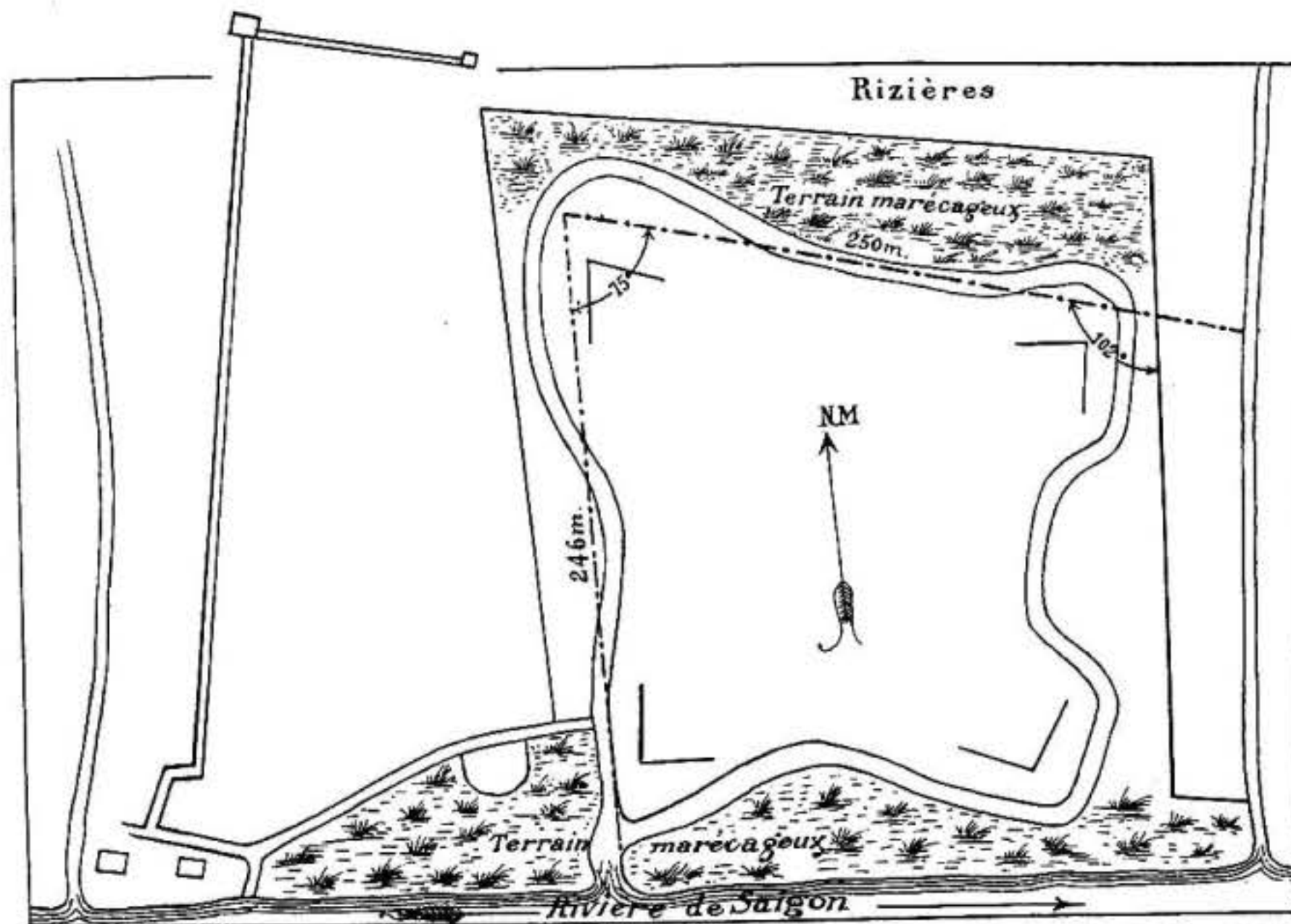
Đến năm Minh Mạng thứ 14 (1833), huyện Bình An được chia ra làm hai huyện là huyện Bình An và huyện Nghĩa An. Thủ Thiêm thuộc huyện Nghĩa An, phủ Phước Long, trấn Biên Hòa.

(1) Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, tập trung, Nha Văn hóa, Sài Gòn, 1972, tr.50.



## 2. Từ năm 1859 đến năm 1945

Giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp đem quân xâm lược Việt Nam. Năm 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha tiến đánh Đà Nẵng. Sau một thời gian bị lực lượng nhà Nguyễn cầm chân ở đây, liên quân Pháp – Tây Ban Nha quyết định đánh vào Gia Định. Đầu tháng 2 năm 1859, quân Pháp – Tây Ban Nha đưa phần lớn lực lượng vào Nam. Ngày 15 tháng 2 năm 1859, quân Pháp theo đường sông Sài Gòn tiến đến đồn Hữu Bình (tức đồn Thảo Cầu) và Tả Định (đồn Cá Trê). Tại đây, quân Việt và chiến thuyền Pháp đấu pháo suốt cả buổi chiều. Trước đồn, quân Việt để nhiều chiếc thuyền chứa thuốc súng và rơm khô để chờ nước ròng làm kế hỏa công đốt tàu giặc. Tối hôm đó, quân Pháp thừa lúc nước lớn, tiến vào đốt hết những thuyền này rồi đổ bộ tấn công đồn Hữu Bình. Đồn Hữu Bình thất thủ. Cự điểm phòng ngự trên sông Sài Gòn của quân Việt bị phá vỡ và tàu chiến của Pháp tiến thẳng vào bắn phá thành Gia Định.



Bản đồ 3. Đồn Cá Trê (Thủ Thiêm) 1891<sup>(1)</sup>

(1) Bản đồ đồn Cá Trê được lấy từ *Bulletin de la Société des Études Indochinoises*, Nouvelle série, tome X, No 4, 1935, Planche XXVII.



Thành Gia Định thất thủ và sau đó cả các tỉnh Nam Kỳ lần lượt rơi vào tay quân Pháp. Các đồn Tả Định, Hữu Bình dần dần mất vai trò phòng vệ.

Dựa vào bản đồ trên (do người Pháp vẽ, 1891), ta thấy đồn Cá Trê vẫn còn hiện diện vào năm 1891. Phía Bắc và Nam của đồn là vùng đầm lầy. Đồn không vuông vức mà có hình dáng một tứ giác không đều. Cạnh phía Bắc đo được 250m, cạnh phía Tây đo được 246m. Góc Tây Bắc là góc nhọn và góc Đông Nam là góc bù.

Dần dần đồn Cá Trê không còn để lại dấu vết trên thực địa. Tuy nhiên, căn cứ theo những bản đồ xưa còn để lại, ta có thể phỏng đoán vị trí đồn Cá Trê nằm ở vị trí Cơ sở Công ty Đông lạnh cạnh UBND phường An Lợi Đông ngày nay. Còn đồn Hữu Bình (đồn Thảo Câu) ở khoảng cửa Kinh Tế ngày nay.

Dưới thời Pháp thuộc, trên đất Thủ Thiêm, bên bờ sông Sài Gòn, đối diện với hãng Ba Son, người Pháp cho lập một kho chứa than đá để cung cấp cho các tàu hơi nước và để sử dụng trong hoạt động sửa chữa tàu thủy của hãng Ba Son. Năm 1887, hãng cơ khí CARIC (Les Chantiers et Ateliers Réunis d'Indochine) được thành lập. Công ty này đặt văn phòng tại bến Bạch Đằng, Sài Gòn. Cơ xưởng sản xuất của công ty được đặt ở Thủ Thiêm, đối diện với văn phòng. Cơ xưởng này có các hoạt động đóng xà lan, tu bổ tàu đưa khách sử dụng máy hơi nước... Hãng CARIC vẫn còn hoạt động cho đến ngày nay.

Sau khi chiếm Nam Kỳ, thực dân Pháp chia vùng đất này thành 24 hạt thanh tra (inspections), tổng Nghĩa An thành 1 hạt thanh tra với 4 tổng, 35 thôn làng. Đến năm 1868, hạt Nghĩa An được đổi tên lại là hạt Thủ Đức và sau đó được sáp nhập vào hạt Sài Gòn. Hạt này sau đó được đổi tên thành hạt Gia Định. Năm 1885, hạt Gia Định lại đổi thành tỉnh Gia Định. Vào năm 1910, tỉnh Gia Định có 4 quận là Thủ Đức, Gò Vấp, Hóc Môn, Nhà Bè. Vùng đất Thủ Thiêm thuộc về quận Thủ Đức<sup>(1)</sup>.

(1) Hải Đường, “Quận 2 qua các thời kỳ”, Tập san *Quận 2 – Năm năm xây dựng và phát triển*, 2003, tr.7.



Thực dân Pháp tập trung phát triển Sài Gòn thành một trung tâm kinh tế, hành chính, văn hóa đầu não của Nam Kỳ, biến Sài Gòn thành một “hòn ngọc Viễn Đông”. Vùng Thủ Thiêm, mặc dù chỉ cách khu trung tâm một con sông nhưng đứng bên lề sự phát triển đó. Ngoài hăng Caric, nhà thờ và nhà dòng, trên vùng đất này chỉ một đoạn dọc bờ sông đối diện với quận 1 là có một số nhà cửa, còn những nơi khác, dân cư rất thưa thớt. Bên bờ sông Sài Gòn, ở phía Thủ Thiêm, người Pháp cho lập những phao để cho tàu neo đậu giữa sông trong khi chờ cập cảng Sài Gòn ở phía bên quận 4 để bốc dỡ hàng. Các phao được đánh số từ số 1 đến số 17 và số hiệu, vị trí của chúng vẫn còn được biết đến qua một số địa danh ở Thủ Thiêm.

Năm 1945, Nhật đảo chánh Pháp. Phong trào đấu tranh của nhân dân Sài Gòn phát triển mạnh mẽ. Lực lượng Thanh Niên Tiền Phong được thành lập. Bên ngoài đây là lực lượng quân chúng được tập hợp nằm trong chủ trương của quân Nhật nhưng thực tế là lực lượng do Đảng Cộng Sản Việt Nam lãnh đạo. Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch làm Tổng thư ký của tổ chức này. Chỉ trong vòng 3 tháng, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự trợ giúp của các tổ chức quân chúng của Đảng, lực lượng Thanh Niên Tiền Phong ở Sài Gòn đã lên đến 200.000 người, tính chung cả các tỉnh ở Nam Bộ thì con số lên đến 1.200.000 người.

Ở vùng Thủ Thiêm, khí thế cách mạng cũng sôi sục như các nơi. Lực lượng Thanh Niên Tiền Phong cũng được thành lập và được sự hưởng ứng tích cực của đông đảo thanh niên thuộc mọi tầng lớp nhân dân, đa số là nông dân. Nhà nào cũng hăng hái tự trang bị vũ khí, tầm vông vạt nhọn.

Ngày 2.9.1945, Thủ Thiêm cùng cả nước mừng đón ngày độc lập. Ủy ban Hành chính lâm thời Nam Bộ và sau đó Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ được thành lập. Các hình thức đấu tranh của nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn lúc này được nêu rõ: đấu tranh chính trị, tổng đình công, bất hợp tác với giặc, kết hợp bao vây phá hoại



kinh tế địch, đồng thời đấu tranh vũ trang dưới hình thức du kích chiến tranh nhằm bao vây chặt địch trong thành phố.

Lực lượng Thanh Niên Tiền Phong ở Thủ Thiêm thuộc sự chỉ huy của Ủy ban Kháng chiến miền Đông khu vực Thủ Thiêm. Lực lượng Thanh Niên Tiền Phong có năm đoàn, mỗi ấp có một đoàn như đoàn của ấp An Lợi Đông, ấp Cây Bàng, ấp Chợ, ấp Cầu Cống... Mỗi đoàn có đến khoảng trên 100 người.

Trụ sở của Thanh Niên Tiền Phong đóng tại chợ Thủ Thiêm. Lãnh đạo lực lượng Thanh Niên Tiền Phong là ông Bảy Môn và Mười Lực. Hai ông này cũng là Chủ tịch và phó Chủ tịch Ủy Ban Kháng chiến miền Đông khu vực Thủ Thiêm. Mỗi đoàn có đoàn trưởng, đoàn phó, thủ quỹ, quân sự... Thanh Niên Tiền Phong chia ra những đội như cảm tử, xung phong, công an... Tỉnh trưởng đoàn Thanh Niên Tiền Phong có sinh hoạt chính trị theo chỉ thị từ trên gửi về.

Tại An Lợi Đông, trụ sở đoàn Thanh Niên Tiền Phong đóng tại nhà ông Nguyễn Văn Đố (cha của ông Nguyễn Văn Mật), ở phao 17. Ông Nguyễn Văn Hoán (Sáu Hoán) làm thủ quỹ của Đoàn Thanh niên tiền phong, Nguyễn Văn Hùng phụ trách quân sự. Vũ khí chỉ có một hai cây súng 2 nòng, một cây súng lấy được của lính Nhật<sup>(1)</sup>. Ngoài ra, vũ khí chủ yếu là tầm vông vạt nhọn, giáo, mác...

### **3. Từ năm 1945 đến năm 1975**

Nỗi vui mừng độc lập không kéo dài bao lâu. Vào ngày 22.9.1945, sau một thời gian đầu hàng Phát Xít Nhật, được quân Anh hỗ trợ, quân Pháp đánh chiếm lại Sài Gòn, mở màn cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai. Nhân dân Sài Gòn và người dân Thủ Thiêm lại cầm lấy vũ khí chống giặc bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng vừa mới giành được.

(1) Vào thời điểm này, có được một cây súng mót rất quan trọng và là một điều rất đáng tự hào.



Ngày 24-9, Tổng Công đoàn Nam Bộ ra lời kêu gọi hiệu triệu toàn dân kháng chiến. Tại thành phố hình thành bốn mặt trận bao vây quân Pháp: 1/Mặt trận tiền tuyến miền Đông (từ cầu Thị Nghè qua cầu Bông, cầu Kiệu, cầu Mạc Má Hồng<sup>(1)</sup>), 2/Mặt trận Bắc Tây Bắc Sài Gòn (Tham Lương, Hóc Môn), 3/Mặt trận tiền tuyến miền Tây (Phú Lâm, Cầu Tre, Bình Điền) và 4/ Mặt trận số 4, ở phía Nam, gồm bộ đội Bình Xuyên, Bình Đông, Chánh Hưng còn có lực lượng công nhân hãng dầu Nhà Bè của Huỳnh Văn Nhị, công nhân bến Cảng Sài Gòn, Tân Thuận tham gia. Công nhân Thủ Thiêm tham gia vào mặt trận này.

Mặt trận bao vây thành phố bị tan vỡ, phần lớn các lực lượng vũ trang được rút ra các vùng ven ngoại thành tiếp tục tham gia vào các đơn vị chiến đấu. Tổng Công đoàn Nam Bộ được tổ chức thành hai bộ phận. Lực lượng công đoàn xung phong ở Mặt trận tiền tuyến miền Đông dời về An Phú Đông. Mặt trận phía Nam được sự chỉ đạo của Xứ ủy, Tổng Công đoàn Nam Bộ đã cử hai đồng chí công đoàn là Từ Văn Ri và Huỳnh Văn Nhị đi vào hoạt động và tổ chức bộ đội trong lực lượng Bình Xuyên. Đa số công nhân ở bến cảng trong đó có công nhân Thủ Thiêm... đều gia nhập vào các đơn vị Bình Xuyên<sup>(2)</sup>, cùng tham gia chiến đấu.

Tháng 11 năm 1945, quân Pháp đổ bộ vào Sài Gòn, tràn qua Thủ Thiêm. Trước tình hình mới, để bảo toàn lực lượng, phần lớn lực lượng Thanh Niên Tiền Phong được lệnh rút đi, chỉ để lại một bộ phận nhỏ để cầm cự. Trước khi rút đi, lực lượng Thanh Niên Tiền Phong của Ủy ban Kháng chiến miền Đông Thủ Thiêm do Bảy Môn chỉ huy đã chặn đánh quân Pháp một trận ở Tân Lập<sup>(3)</sup> rồi mới rút về khu căn cứ ở Phước An (Long Thành) để tiếp tục kháng chiến.

---

(1) Cầu Công Lý hiện nay.

(2) Khi ấy Bình Xuyên là một lực lượng yêu nước.

(3) Nay là Bình Trưng Đông, quận 2.



Riêng lực lượng Thanh Niên Tiền Phong ở An Lợi Đông vẫn trụ ở lại cho đến khi quân Pháp về đóng ở Nhà Thờ Thủ Thiêm thì rút sâu vào bên trong vùng lõi của bán đảo, đóng ở vùng um tùm dừa nước, cách bờ sông khoảng 1km để tránh đạn pháo của quân Pháp bắn vào từ tàu chiến đóng neo trên sông Sài Gòn. Nhà của ông Một Thìn và ông Tám Tre là nơi đóng quân. Sau đó, toàn quân này rút về vùng Sáu Xã, thuộc sự chỉ huy của một đồng chí cấp ủy Đảng là Sáu Long và đồng chí Huỳnh Tư, Chủ tịch Ủy ban Hành chánh Kháng chiến vùng Sáu Xã.

Chiếm được Thủ Thiêm, quân Pháp cho đóng đồn rải rác khắp nơi để kiểm soát. Có ba đồn lớn được thiết lập tại các địa điểm chiến lược là khu vực quanh Nhà thờ Thủ Thiêm (nơi đông đúc dân chúng), cầu Cá Trê (vị trí giao thông chi phối vùng lõi) và khu vực An Lợi Đông (vị trí sát bờ sông Sài Gòn). Trong số các tên đội chỉ huy đồn Nhà Thờ có Đội Sáu rất háo sát, hễ bắt được ai nghi là Việt Minh thì đều đem ra cầu Ông Cậy bắn bỏ, không cần xét xử. Ngoài việc đóng đồn, quân Pháp còn đi ruồng bố khắp nơi, gieo rắc kinh hoàng cho dân chúng. Trước sự càn quét của quân Pháp, lực lượng kháng chiến phải hoạt động hoàn toàn bí mật. Họ rút về lập căn cứ ở An Phú, chỉ hoạt động ở Thủ Thiêm vào ban đêm. Quần chúng cách mạng ở Thủ Thiêm là người cứu mạng cho các chiến sỹ, giúp họ hoạt động trong thời gian này.

Thực tế, sau Cách mạng tháng Tám, lực lượng vũ trang cách mạng nói chung và của Thủ Thiêm nói riêng còn yếu, vũ khí thô sơ và tình hình thì lại phức tạp. Xứ ủy và Ủy ban Hành chánh Nam Bộ phát động phong trào “vũ trang quần chúng” và được đồng bào hưởng ứng nhiệt liệt. Dân Thủ Thiêm tìm cách tự vũ trang cho mình bằng cách mua súng, cướp súng của Nhật, rèn dao găm, mã tấu, hoặc lặn xuống sông, rạch mò tìm vũ khí của Nhật đã ném xuống khi đầu hàng quân Đồng Minh...

Tại Sài Gòn, Thành ủy Sài Gòn Gia Định thúc đẩy phát triển chi bộ Đảng tại các xí nghiệp, nơi có giai cấp công nhân đang làm



việc. Chi bộ Đảng của công nhân hãng Caric được thành lập cùng đợt với chi bộ của các xí nghiệp Ba Son, Bastos, BGI, rượu Bình Tây, hãng Ô tô buýt... Nhiều công nhân tốt được kết nạp vào tổ chức công đoàn.

Tuy mất đất nhưng lực lượng kháng Pháp không mất dân. Quân chúng luôn luôn là chỗ dựa, cung cấp sức người và sức của cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Nhờ thế, sau một thời gian chuẩn bị, lực lượng kháng Pháp tại đây đã phát động nhiều trận đánh oanh liệt.

Năm 1947, lực lượng Chi đội 6 tiến đến án ngữ cầu Ông Cậy, đặt súng cối tại đó rồi bắn sang bên kia sông, nơi chỗ quân Pháp đang đồn trú tại ngã ba sông Sài Gòn – Rạch Tàu Hũ<sup>(1)</sup>, làm cho quân Pháp hoảng loạn. Chúng kéo sang bờ ráp vùng Thủ Thiêm, nhưng Chi đội 6 đã rút đi an toàn.

Cũng trong năm ấy, một chiến công khác tiếp theo cũng đã diễn ra trên vùng đất Thủ Thiêm là trận đánh chiếm tàu Nhà Đoan của Pháp<sup>(2)</sup>. Người có công lớn nhất trong trận tấn công này là ông Nguyễn Văn Đông, bí danh là Sáu Đông. Ông Đông là một người yêu nước, vốn trước đây là một thành viên trong lực lượng Thanh Niên Tiền Phong. Ông làm gác tàu cho cơ quan Hải quan của Pháp và đồng thời do thám tình hình của bộ phận này. Những tàu này thường về đậu tại bến đò Thủ Thiêm. Sau khi nắm được quy luật hoạt động của tàu, ông liên lạc với lực lượng Việt Minh của Thủ Thiêm để bàn việc tấn công tàu, cướp súng, gây tiếng vang. Vào ngày nổ ra trận đánh, ông Đông là người gác tàu. Theo kế hoạch đã định, ông Đông đưa được các chiến sĩ là Bảy Thân, Sáu Hương, Ba Bá leo lên được tàu. Họ diệt được một lính Pháp, trấn áp toàn tàu rồi tước súng ông, đạn được có trên tàu rồi rút đi an toàn. Sau trận đánh du kích này, quân Pháp cho canh phòng nghiêm ngặt tất cả các tàu đậu ven Thủ Thiêm.

---

(1) Khoảng nhà hàng Majestic hiện nay.

(2) Từ “Đoan” được phiên từ chữ Pháp là douane, tức là hải quan.



Cuối năm 1948, phong trào đấu tranh của công nhân thành phố nổ ra hàng loạt, rất công khai rầm rộ. Đầu tiên là cuộc đấu tranh của công nhân hãng Mic, sau đó là công nhân các hãng thuốc lá khác. Phong trào lan đến công nhân của các hãng ô tô, hãng đóng tàu. Công nhân Caric, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, liên kết với công nhân của các hãng khác bãi công đòi tăng lương, đòi tự do nghiệp đoàn. Thực dân Pháp phải kêu các chủ xưởng lên và buộc phải tăng lương cho công nhân 12%.

Sau đó, tại Sài Gòn, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của công nhân phối hợp với đấu tranh chính trị được phát động mạnh mẽ. Hàng ngàn công nhân các hãng đình công đòi dân sinh, dân chủ. Tháng 3 năm 1949, 600 công nhân hãng Caric cùng các công nhân của các hãng SIMAC, xe Location, Ô tô buýt, Nhà đèn bãi công, đòi tăng lương, giảm giờ làm. Phía chủ phải nhượng bộ.

Đầu năm 1950, quân Pháp bị tổn thất nặng nề trên khắp chiến trường. Bên cạnh đó, nhiều nước là thuộc địa của Pháp đứng lên kháng chiến và giành thắng lợi. Để cứu nguy cho Pháp, Mỹ âm mưu can thiệp vào Đông Dương, đồng ý gánh bớt gánh nặng tài chính, vũ khí, giúp đưa Bảo Đại về nước nắm chính phủ bù nhìn, thành lập quân đội “quốc gia” do Mỹ trang bị và huấn luyện, biến Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ, bao vây Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Ngày 6.3.1950, phái đoàn viện trợ Mỹ do tướng Griffin đến Sài Gòn cầu kết với thực dân Pháp bàn luận can thiệp vào cuộc chiến Đông Dương. Trong ngày 16.3.1950, ở ven bờ biển Trung Bộ, tàu chiến thuộc hạm đội 7 của Mỹ với 71 máy bay sẵn sàng cho cuộc diễn tập lớn để biểu dương lực lượng. Ngày 18.3.1950, đế quốc Mỹ đưa hai chiến hạm Andersen và Stickell vào cảng Sài Gòn. Chúng dự định là vào ngày 19.3 lính Mỹ sẽ diễu binh, máy bay từ biển vào sẽ gầm rú trên bầu trời Sài Gòn để biểu dương lực lượng, hỗ trợ cho thanh thế của quân Pháp. Trước tình hình đó, Thành ủy Sài Gòn chủ trương tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu



tranh phản đối để quốc Mỹ can thiệp vào Đông Dương. Các cuộc biểu tình đòi tàu chiến Mỹ rút đi đã nổ ra.

Đêm 18.3.1950, dưới sự bảo vệ của nhân dân Thủ Thiêm, đại đội Trần Phú (từ du kích Bình Trưng) phối hợp với du kích Thủ Thiêm đưa ba khẩu cối 82 về Thủ Thiêm, bắn 20 quả súng cối vào soái hạm<sup>(1)</sup> Stickell sát thương một số lính Mỹ. Cùng lúc, các đơn vị trong huyện đội Thủ Đức và du kích các xã An Phú, An Khánh, Thủ Thiêm, An Lợi Đông cũng đồng loạt nổ súng ở ba trận địa: Đình Thầy Lương, Cầu Cống và An Khánh. Bị bất ngờ, địch không kịp đối phó. Gần một giờ sau, chúng mới bắn trả<sup>(2)</sup>. Sáng ngày 19.3.1950, hàng ngàn đồng bào các giới kéo xuống bến Argonne<sup>(3)</sup>, nơi hai chiến hạm đang bỏ neo, căng biểu ngữ chống Mỹ: “Đả đảo can thiệp Mỹ”, “Để quốc Mỹ không được can thiệp vào chiến tranh Đông Dương”. Trước cuộc đấu tranh vừa quân sự, vừa chính trị của dân Sài Gòn – Thủ Thiêm, ngày hôm sau, 20 tháng 3, hai chiến hạm Mỹ buộc phải rút khỏi Sài Gòn. Cuộc tấn công từ Thủ Thiêm hòa cùng khí thế cuộc đấu tranh của người dân Sài Gòn đã đuổi được tàu Mỹ ra khỏi Việt Nam. Ngày 19 tháng 3, trở thành ngày Toàn quốc chống Mỹ của nhân dân Việt Nam.

Năm 1952, sau cuộc tấn công gây tiếng vang lớn của các chiến sĩ Rừng Sác trên sông Lòng Tàu, du kích xã An Phú và An Khánh định tổ chức một cuộc tấn công tương tự trên sông Sài Gòn nhưng không thể thực hiện được do sự canh phòng cẩn mật của thực dân Pháp.

Năm 1954, hiệp định Genève được kí kết, một số đảng viên ở Thủ Thiêm đi tập kết, một số bám trụ ở lại.

---

(1) Trần Văn Giàu (chủ biên), *Địa chí văn hóa TP. Hồ Chí Minh*, Nxb TP. HCM, 1987, tập I, tr.365.

(2) Trần Lê Hoa, “Từ nhân dân mà ra”, Tập san *Quận 2 – Năm năm xây dựng và phát triển*, 2003, tr. 10.

(3) Đường Tôn Đức Thắng ngày nay.



Các phong trào đô thị ở Sài Gòn trong thời gian từ sau hiệp định Genève đến trước phong trào Đồng Khởi đều diễn ra với lực lượng khá mỏng và không mang lại nhiều hiệu quả. Trong khi đó, chính quyền Ngô Đình Diệm thẳng tay trấn áp các lực lượng chống đối. Cách mạng bị tổn thất nặng nề sau giai đoạn tổ chức chính quyền của Ngô Đình Diệm.

Ở Thủ Thiêm, việc phục hồi lực lượng cũng diễn ra khá chậm. Đến năm 1955, trên địa bàn chi bộ Đảng đảng đầu tiên trong dân được thành lập tại đình An Lợi Đông. Bí thư chi bộ là đồng chí Phạm Văn Biều (người ở Giồng Ông Tố). Phó Bí thư là Nguyễn Văn Hoán (Sáu Hoán). Không lâu sau khi chi bộ đầu tiên được thành lập, các hoạt động đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và thống nhất đất nước diễn ra hòa chung vào phong trào đấu tranh của nhân dân toàn thành phố.

Phong trào có tính chất quần chúng đầu tiên của nhân dân Thủ Thiêm sau thời kì đất nước bị chia cắt là cuộc đấu tranh đòi giảm tô cho nông dân. Từ năm 1954, nông dân Thủ Thiêm đã tham gia vào Nghiệp đoàn Dân cày xã An Khánh thuộc Tổng liên đoàn Lao động của chính phủ Sài Gòn. Việc tham gia này giúp nông dân tổ chức tranh đấu một cách hợp pháp. Ông Lê Văn Đầu (Tur Đầu) – một nông dân Thủ Thiêm - được chi bộ chọn đưa ra làm Chủ tịch Nghiệp đoàn Dân cày của xã. Ông Nguyễn Văn Mật (Út Mật) – người sau này có nhiều đóng góp trong các hoạt động cách mạng ở Thủ Thiêm - được chi bộ cử vào Ban chấp hành, giữ chức thư ký để nắm hoạt động của Nghiệp đoàn.

Ngay sau đó, Nghiệp đoàn Dân cày tổ chức nông dân đấu tranh đòi giảm tô từ 25 gia/ha xuống còn 20 gia, sau đó xuống còn 10 gia. Chính quyền địa phương phải chấp nhận giảm tô cho nông dân xuống còn 15 gia/ha. Cũng trong năm 1955, nhân ngày 1/5, Nghiệp đoàn tổ chức đưa nông dân sang Thành phố biểu dương lực lượng lao động. Hàng ngàn nông dân của An Khánh, Thủ Thiêm đã tham gia vào cuộc đấu tranh chính trị này.



Cuộc đấu tranh đã để lại tiếng vang lớn và cổ vũ tinh thần cho hàng ngàn lao động trên địa bàn Thủ Thiêm nói riêng và thành phố nói chung. Chính quyền cho bắt một số người trong ban chấp hành của Nghiệp đoàn Dân cày trong đó có đồng chí Út Mật. Út Mật bị bắt giam ở bót Cây Gừa (Thủ Đức). Nhờ sự đấu tranh của các đồng chí bên ngoài và sự can thiệp của Tổng liên đoàn lao động thành phố, Út Mật được trả tự do ngay sau đó.

Năm 1957, trên địa bàn thành phố diễn ra cuộc đấu tranh của hàng trăm ngàn nhân dân đòi quyền dân sinh dân chủ. Một số đồng chí trong chi bộ Đảng của khu vực Thủ Thiêm cũng tham gia. Phong trào đấu tranh tuy không mang lại nhiều kết quả nhưng cũng thể hiện tiếng nói thiết thực của người dân đối với chính quyền Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ.

Dưới thời Ngô Đình Diệm, chính quyền Sài Gòn tăng cường đàn áp cách mạng. Các cán bộ cách mạng hoạt động rất khó khăn, luôn phải lẩn tránh sự theo dõi, tìm bắt của cảnh sát. Chính vì vậy Thủ Thiêm trở thành nơi trú ẩn náu của các cán bộ cách mạng, đồng thời là nơi còn cất giữ được một số vũ khí của quân cách mạng.

Tuy nhiên, các hoạt động đấu tranh của nhân dân Thủ Thiêm trước năm 1960 đều diễn ra với tính chất nhỏ lẻ và chủ yếu là đấu tranh chính trị. Từ sau năm 1960, hoạt động võ trang tuyên truyền được tiến hành ở địa phương. Hình thức chủ yếu của hoạt động võ trang là bắn súng vào các căn cứ của giặc ở bên kia sông. Các hoạt động tuyên truyền bằng hình thức truyền đơn cũng được chú ý nhằm giác ngộ tinh thần đấu tranh của nhân dân.

Trong khoảng thời gian từ năm 1960 đến năm 1965, trên địa bàn thành phố diễn ra nhiều sự kiện quan trọng. Đánh dấu cho giai đoạn cách mạng này là sự ra đời Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam mà đại diện của nhân dân Sài Gòn trong đó rất đáng kể. Tiếp theo đó là hàng loạt các sự kiện diễn ra mà ảnh



hưởng lớn nhất là phong trào Phật giáo. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị động trong việc đối phó với phong trào đấu tranh của nhân dân, dẫn đến việc đế quốc Mỹ phải thay ngựa giữa dòng. Ngô Đình Diệm bị giết chết. Thay vào đó là các lực lượng phản cách mạng khác.

Sự tham gia của nhân dân Thủ Thiêm vào các hoạt động đấu tranh đô thị diễn ra bên kia bờ sông chưa được thống kê một cách đầy đủ. Tuy nhiên, trong thời gian này, Thủ Thiêm trở thành nơi trú ẩn của nhiều người tham gia đấu tranh bị Chính quyền Sài Gòn bố ráp. Ban ngày, vùng đất này là của Chính quyền Sài Gòn, nhưng ban đêm lại trở thành căn cứ hoạt động của du kích địa phương và của các lực lượng đấu tranh cách mạng khác.

Bắt đầu từ năm 1965, đế quốc Mỹ đổ quân vào Việt Nam, cuộc kháng chiến của dân tộc được nâng lên một tầm vóc mới. Lực lượng cách mạng tại Thủ Thiêm cũng được củng cố thêm. Ban Quân sự diệt ác phá kiêu quân 9 ra đời. Đồng chí Út Mật được giữ chức Trưởng ban của tổ chức này. Út Mật đã có nhiều hoạt động hiệu quả, góp phần cho lực lượng cách mạng tại địa phương được củng cố, đồng thời lãnh đạo nhân dân đấu tranh cho quyền lợi trước mắt.

Tháng 6 năm 1965, để xây dựng khu giải trí cho sĩ quan và lính Mỹ, chính quyền Sài Gòn định giải tỏa vùng đất dọc bờ sông Sài Gòn thuộc xóm Than (xã An Khánh) và xóm Cây Bàng (xã Thủ Thiêm). Hàng trăm hộ dân ở đây được sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân Thủ Thiêm đã đấu tranh chống việc giải tỏa. Cuộc đấu tranh kéo dài suốt 5 tháng. Cuối cùng chính quyền Sài Gòn phải nhượng bộ, hủy bỏ kế hoạch chiếm đất trên<sup>(1)</sup>.

Chuẩn bị cho cuộc tấn công Tết Mậu Thân, các cán bộ cách mạng ở An Lợi Đông được giao nhiệm vụ dẫn đường cho bộ đội

---

(1) Võ Đình Nam, “Lực lượng quần chúng và phong trào đấu tranh cách mạng”, *Quận 2 – Năm năm xây dựng và phát triển*, TP. HCM, 2003, tr. 9.



về tấn công các căn cứ địch: Út Mật được giao nhiệm vụ rước tiểu đoàn 4 về đánh căn cứ Giang Thuyền, ông Tám Bé và ông Chín Sơn chịu trách nhiệm đánh đồn lính ở bến đò Cây Dương. Việc chuẩn bị sẵn sàng nhưng cuối cùng lực lượng bộ đội không về được. Sau đợt tiến công Mậu Thân thứ nhất, nhiều cán bộ cách mạng tại địa phương bị địch bắt. Số còn lại phải rút vào bung.

Sang tháng 3, chuẩn bị đợt tấn công thứ hai, lực lượng cách mạng tại Thủ Thiêm nhận nhiệm vụ đưa bộ đội về địa phương. Tuy nhiên, bộ đội bị địch phục kích. Một số chiến sĩ hy sinh. Cơ sở cách mạng ở An Lợi Đông bị lộ, địch bắt một số người đày đi Côn Đảo. Hoạt động cách mạng gặp nhiều khó khăn cho đến năm 1975. Tuy nhiên, phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân vẫn được duy trì. Năm 1970, để mở rộng thành phố, chính quyền Sài Gòn cho đuổi nhà dân ở An Phú, An Khánh và Thủ Thiêm. Chúng không cho người dân sửa chữa và xây dựng nhà mới. Nhân dân trong vùng lại tổ chức đấu tranh đòi hủy bỏ lệnh trên. Người dân giúp nhau sửa chữa nhà cửa vào ban đêm để tránh sự kiểm soát của chính quyền địch. Cảnh sát địch bắt giam nhiều người. Nhân dân lại tổ chức đấu tranh đòi thả người ra. Cuộc đấu tranh diễn ra rất quyết liệt và cuối cùng địch phải đình chỉ việc đuổi nhà, chiếm đất<sup>(1)</sup>.

Năm 1975, du kích và nhân dân địa phương đón bộ đội về giải phóng và tiếp quản Thủ Thiêm. Sau khi miền Nam được giải phóng, nhiều cán bộ đảng, là con em của vùng đất Thủ Thiêm đã trở về hoạt động, góp phần xây dựng và phát triển địa phương.

Sau chiến thắng 1975, người dân Thủ Thiêm cùng người dân thành phố chung sức, thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhằm xây đắp cho thành phố ngày càng văn minh, hiện đại. Vào đầu thế kỷ XXI, sự đóng góp của người dân Thủ Thiêm

---

(1) Võ Đình Nam, *bài đã dẫn*, tr.9.



cho thành phố là vô cùng to lớn trong việc cống hiến vùng đất quê hương của mình, phục vụ cho việc phát triển của thành phố để TP. Hồ Chí Minh vươn lên tầm quốc tế.

## II. CUỘC SỐNG SÔNG NƯỚC

Dòng sông Sài Gòn uốn khúc quanh Thủ Thiêm. Cùng với những con kênh, rạch, xẻo, ngọn, con sông đã tạo cho cư dân một cuộc sống gắn liền với sông nước. Cũng chính dòng sông này chuyên chở những con người và văn hóa từ vùng đồng bằng sông Cửu Long về đây, tiếp biến với cư dân tại chỗ trong cảnh quần cư, hình thành nên cộng đồng, làng xã, hình thành nên nếp sống sông nước mang đậm đà âm hưởng Nam Bộ.

### 1. Quá trình nhập cư

Nhịp sống Thủ Thiêm vẫn còn mang nhiều nét đặc sắc của một vùng quê Nam Bộ với những thói quen sinh hoạt chân chất và bình dị. Thủ Thiêm xưa kia chỉ toàn là cây, cỏ dại, con người phải cật lực lao động để trồng trọt, biến vùng đầm lầy cỏ lác thành ruộng lúa. Trong công việc nặng nhọc, gian khổ đó, người nông dân Thủ Thiêm sẵn sàng mở rộng tay đón những người mới đến chia sẻ cho nhau đất đai canh tác để xóm làng đông thêm. Mỗi liên hệ cộng đồng gắn bó hình thành và ngày càng bền chặt giữa những người láng giềng, người cùng xóm ấp và mở rộng hơn cùng thôn xã.

Ngày nay, trên địa bàn Thủ Thiêm có nhiều cư dân mang nhiều họ tộc khác nhau nhưng trước đây chiếm phần đông cư dân tại đây là con cháu của dòng họ Lê, họ Nguyễn đang cùng nhau sinh sống, phát huy một lối sống cộng đồng truyền thống của cư dân sông nước.

Lịch sử khai phá vùng đất bán đảo Thủ Thiêm xưa gắn chặt với tên tuổi của ông Lê Văn Mười, dân chúng thường gọi là ông Cả Mười. Xuất thân trong một gia đình truyền thống có nhiều người làm nghề thuốc Nam, cư ngụ ở Phú Lạc, Đa Phước nay thuộc địa



phận Bình Chánh. Từ nhỏ ông Cả Mười đã theo ông bà của mình sang vùng đất Thủ Thiêm khai phá đất hoang và sinh sống.

Cả Mười là người có công đứng ra khai lập đình An Lợi Đông năm 1909 tọa lạc ven rạch phao số 11, thuộc phường An Lợi Đông. Đình An Lợi Đông không chỉ là cơ sở tín ngưỡng, lễ hội truyền thống của cư dân tại đây mà còn là dấu tích của truyền thống cách mạng. Đây là nơi thành lập chi bộ Đảng từ năm 1955<sup>(1)</sup> và thành lập Nghiệp Đoàn Dân Cày.

Với sự hiểu biết sâu rộng về chữ Nho, ông được cư dân tại vùng đất này tín nhiệm, bầu ông lên giữ chức Hương cả. Hương cả là người nắm giữ quyền lực và chức trách cao nhất của làng. Trọng trách và uy tín này được lưu giữ đến thế hệ con cháu của ông về sau. Hiện nay con cháu của ông Cả Mười cũng đang nắm giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền địa phương.

Tiếp theo gia đình ông Cả Mười, một số dòng tộc khác cũng đến vùng đất Thủ Thiêm lập nghiệp ngày một đông hơn, đã quần tụ và phát triển thành làng xã, cộng đồng. Thủ Thiêm là nơi tiếp nhận nhiều người dân tứ xứ đến cư ngụ, đặc biệt là trong những giai đoạn chiến tranh như trong những năm trước 1954, trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Từ sự đa dạng về dân cư, Thủ Thiêm đã trở thành vùng đất của sự đa dạng các hình thức văn hóa tín ngưỡng với việc thờ Ngũ Hành Nương Nương, thờ Bà Chúa Xứ, Phật, Ngọc Hoàng, thờ vua, thần đất...

Ngoài ra còn có những người từ miền Bắc đã vào đây sau năm 1954 và họ đã mang đến cho vùng đất Thủ Thiêm những hình thức tín ngưỡng dân gian ở miền Bắc như thờ Quan Bơ, Cô Bơ, Đức thánh Trần... Tín ngưỡng dân gian ở đây cũng là yếu tố chính tạo nên những nhóm cộng đồng đặc thù vào thời gian trước cũng như hiện nay.

---

(1) Ông Bảy Kiêu làm bí thư, Ông Sáu Hoán (năm nay được 40 năm tuổi Đảng) làm phó ban chi bộ.



Sau những đợt nhập cư khác qua các thời kỳ lịch sử, cư dân ở đây đã rất đa dạng, nhưng tính đặc thù sông nước vẫn còn rất cao. Những ngôi nhà đơn sơ, những con thuyền bồng bênh, ẩn hiện trong đó là những con người chất phác, quanh năm sống với sông nước.

## 2. Thiên nhiên sông nước

Kênh, rạch, xẻo ở Thủ Thiêm chẳng chịt nối đuôi nhau chạy vào tận vùng sâu. Không giống như những con rạch, con kênh bên kia của thành phố bị lấp đi để xây dựng cơ sở hạ tầng hoặc phát triển giao thông đường bộ, kênh rạch ở phía bên Thủ Thiêm vẫn còn được giữ nguyên với hệ thống kênh, rạch ăn thông với nhau. *Kênh* thì lớn hơn rạch và xẻo, rộng chừng 10m, hai ba chiếc ghe xuồng có thể đi vào cùng lúc. Chạy sâu vào thì kênh nhỏ lại và rẽ nhánh, được gọi là *rạch*. Theo rạch đi vào sâu hơn, dòng nước hẹp hơn thì gọi là *xẻo* và cuối cùng là *ngọn*. Như vậy xẻo chấm dứt bằng ngọn và là đoạn cuối cùng của con kênh, rạch từ sông lớn chạy vào. Hai bên bờ kênh cũng như hai bên bờ rạch, xẻo, ngọn đều được bao phủ bởi những loài thực vật của vùng nước lợ, vùng



Hình 1. Nhà ở gần bến sông, thuận tiện cho việc đi lại của cư dân Thủ Thiêm

rừng ngập mặn như ô rô, dừa nước, bần, trôm, cóc kèn. Ô rô<sup>(1)</sup> là loại cây thấp chừng 1m đến 1m50, lá cứng, mép lá có răng nhọn, ra hoa màu xanh tím vào tháng 10, tháng 11. Dừa nước có thể nói là loài cây đặc trưng của vùng nước lợ còn nhiều nhất tại đây. Cây có lá kép lông chim rất

(1) Tên khoa học là *Acanthus ilicifolius* L., họ Acanthaceae.



to, đứng thẳng từ trong bùn, cao đến từ 5 đến 9m, thường mọc thành từng dải dọc theo bờ kênh rạch, nghiêng bóng bên bờ nước tạo thành những lùm xanh um<sup>(1)</sup>, làm cảnh quan rất hoang dã. Bần<sup>(2)</sup> là loại cây gỗ cao, mọc thẳng, ở vùng nước lợ. Người dân địa phương lấy tên của cây này đặt cho con rạch Bần Cụt. Cây trôm<sup>(3)</sup> là loài cây gỗ cao, có khi đến 25m, thường mọc trên vùng đất cao. Loại cây này cũng được một địa danh mang tên là miếu Cây Trôm. Cây cóc kèn<sup>(4)</sup> là loại dây leo, có hoa màu trắng hay ửng hồng. Lá cây này được người địa phương dùng để trị những vết chích do con mù mạt gây ra.



Hình 2. Một con rạch nhiều dừa nước trên vùng đất Thủ Thiêm

Hầu hết tuổi thơ của cư dân ở đây gắn liền với sông nước. Sông rạch là nơi trẻ em thỏa thê vẫy vùng bơi lội, chơi đùa cùng nhau. Ghe đò là phương tiện đưa trẻ em đến trường, theo mẹ đi hái lá, trái cây, theo cha đi câu, đi lưới. Những con rắn nước, rắn ri tuy nguy hiểm nhưng rất quen thuộc với chúng. Tuy không tự tay bắt

(1) Tên khoa học là *Sonneratia cascolaris*, họ Sonneratiaceae.

(2) Tên khoa học là *Heritiera littoralis* Dryand, họ Sterculiaceae.

(3) Tên khoa học là *Derris trifoliata* Lour, họ Fabaceae.



những con vật ấy, nhưng chúng không ngần ngại gì thưởng thức món rắn xào nghệ. Đi theo người lớn trong các chuyến tát đìa, chúng được hưởng cái thú được ăn các món cá, tôm tươi nướng trên lửa rơm. Món chuột ướp ngũ vị hương cuốn lá cách nướng cũng rất hấp dẫn, tuy thế, chúng vẫn theo người lớn cung kính gọi chuột là ông Tý.

Những chiếc sàn nước bắc xuống sông, xuống rạch là nơi các trẻ gái, các thiếu nữ, các bà nội trợ lên xuống hàng ngày để rửa chén, giặt áo quần... Có thể nói, cư dân ở đây gắn liền với sông nước từ khi còn thơ cho đến khi đã trưởng thành.

### 3. Đời sống tâm linh

Tại Thủ Thiêm, đặc biệt còn giữ được nét sinh hoạt truyền thống của vùng nông thôn. Cư dân Thủ Thiêm trước đây, khi mới đến lập làng, đã giữ theo truyền thống của dân tộc, đã lập đình làng thờ vị thần bảo vệ của xã thôn mình. Họ tin tưởng vào sự linh thiêng của vị Thần Thành hoàng của làng mình, hàng năm tổ chức long trọng lễ cúng Kỳ Yên cầu cho xóm làng được bình yên, mọi người đều khỏe mạnh - đó là lễ hội đình chùa miếu.



Hình 3. Trẻ em tắm sông





Hình 4. Đám tang ở một gia đình bình dân trên đường  
Cây Bàng, phường An Lợi Đông, Thủ Thiêm

Hiện nay, phần lớn người dân Thủ Thiêm vẫn còn coi lễ hội đình chùa là một nét sinh hoạt văn hóa tinh thần không thể thiếu, đặc biệt là lễ Kỳ Yên (cầu an). Vượt ra ngoài tính chất một lễ hội cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, thì lễ hội đình làng còn mang ý nghĩa tôn trọng những bậc tiền nhân có công với dân, với nước. Ở nhiều nơi như phường An Khánh hầu hết người dân đã không còn làm ruộng nữa, nhưng vẫn giữ lễ hội Kỳ Yên. Kỳ Yên là một lễ hội lớn nhất và quan trọng nhất (sau Tết Nguyên Đán) của người dân Thủ Thiêm. Mỗi đình chọn một ngày Kỳ Yên khác nhau như đình An Khánh chọn ngày 15, 16 tháng 11 (ÂL), đình An Lợi Đông ngày 16, 17, 18 tháng Giêng (ÂL)... Lễ hội Kỳ Yên còn là dịp để giao lưu, thắt chặt tình cảm cộng đồng giữa những người trong làng và giữa các làng với nhau. Vào dịp này thường có đoàn hát bội về biểu diễn phục vụ bà con. Đến với lễ hội mọi người không còn nhận ra cái dáng vẻ trầm mặc của những ngôi đình hằng ngày. Tất cả trở nên rộn ràng náo nhiệt khác thường.

Đời sống tâm linh của cư dân nơi đây mang đậm nét văn hóa của cư dân sông nước vùng Nam Bộ. Những người làm nghề sông



nước còn tạo thành những cộng đồng trong đó tín ngưỡng là yếu tố gắn kết. Họ thờ cúng bà Thiên Hậu, bà Thủy Long, Quan Thế Âm Bồ Tát là những đấng thần linh phù hộ cho những con người sông nước, luôn chi phối và gắn gũi với cuộc sống của họ.

Những người sống bằng nghề đưa đò ở bến Cây Bàng (trước kia thuộc xã An Lợi), gọi chung là *vạn đò* đã cùng nhau lập miếu thờ Bà Thiên hậu. Miếu này mang tên là *An Lợi Vạn*. Trong khi đó, những người làm nghề đánh bắt cá tôm, người đưa đò ở bến An Lợi Đông cũng thành lập miếu *Thủy Long*, thờ vị thần sông nước. Hàng năm tại hai miếu này, họ và nhiều người dân Thủ Thiêm tụ họp lại để cúng vào những kỳ tế lễ để cầu an, cầu làm ăn khấm khá.



Hình 5. Bàn thờ bà Thiên Hậu trong miếu An Lợi Vạn, phường An Lợi Đông



Theo người dân, bà Thiên Hậu tính tình rất hiền lành và hiểu biết về sông nước. Tương truyền bà Thiên Hậu có thể cưỡi mây qua biển lớn, cứu thuyền gặp nạn, Bà cũng biết xem thiên văn và dự báo thời tiết cho những người đi sông. Vì thế, những người đi sông lớn ở Thủ Thiêm rất sợ thuyền của mình gặp nạn nên họ thường van vái khẩn nguyện Bà cứu giúp được tai qua nạn khỏi.

Bà Thủy Long là một vị thần nữ trong tín ngưỡng dân gian, có nơi gọi là Thủy Long Ngọc Nữ, người bình dân thì gọi là Rồng Nước. Có nơi đồng hóa Thủy Long với hình tượng giao long. Thủy Long không hẳn là hoàn toàn hình ảnh của thần mang tính chất phù hộ, mà là hình ảnh của một chủ thể sông nước, có thể đem linh hồn của người chết về với Tổ tiên của họ. Tại Thủ Thiêm, Thủy Long là một trong Ngũ hành nương nương, là vị thần tượng trưng cho nước trong năm biểu tượng Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ.

Phật bà Quan Âm, cũng gọi là Quan Âm Như Lai, Quan Thế Âm Bồ Tát - một vị nữ thần rất gần gũi với cuộc sống tâm linh của người Việt. Người là vị Nữ Phật, nhưng mang danh hiệu Bồ Tát. Quan Âm thường được hình dung là một vị có gương mặt từ ái, tay cầm bình nước cam lộ, cành dương liễu, hoặc hoa sen, có khi ẵm một đứa trẻ trên tay hoặc có tiểu đồng theo hầu. Tượng Phật Bà Quan Âm hiện diện hầu hết tại các đền miếu của Thủ Thiêm.



Hình 6. Gian thờ bà Thủy Long thần nữ



Ngay ở những nhà dân, tượng cũng được thờ ở balcon nhà hướng ra phía trước. Cư dân, nhất là những người theo nghề sông nước tin rằng vị thần này nghe được tiếng kêu cứu của con người nơi cõi trần để hiện thân cứu nạn, nhất là những người gặp nạn trên sông, trên biển. Họ cúng, khấn vái các vị thần linh này cầu cho mưa thuận gió hòa, trời yên, sóng nhẹ cho thuyền êm mái xuôi chèo, cầu cho thuyền ghe đầy ắp cá, tôm..., cho cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Thông thường, mỗi một cơ sở văn hóa tín ngưỡng có một cộng đồng dân cư riêng. Vào những ngày cúng chính, bà con ai đảm nhận công việc gì thì mỗi năm đều tự động quần tụ lại để cùng tham gia. Còn bà con hàng xóm xung quanh cũng tự nhớ ngày và tập hợp nhau lại để phụ giúp đình hay miếu làm mâm cúng. Người góp công, người góp của để tổ chức ngày lễ. Những người xung quanh cũng đến tham dự vào lễ cúng để cầu an, cầu may, xem hát bội, hát bóng,... người ta có thể tham gia cả lễ cúng đình, cúng chùa, cúng miếu. Ngày lễ cúng đình, chùa, miếu đã trở thành một nếp sinh hoạt cộng đồng quen thuộc của người dân nơi đây. Vào



Hình 7. Tượng Phật Bà Quan Âm tại tịnh xá Như Lai



thời kỳ chiến tranh, những hoạt động lễ hội bị hạn chế, bà con cũng cố gắng gom góp cho đủ để làm một mâm cúng, có khi còn góp mỗi người một cái chén cái đĩa. Dường như việc tổ chức lễ cúng hàng năm là trách nhiệm của bà con. Trước đây những người lớn tuổi, hay những người quen việc cúng tế thường có mặt trong ban trị sự đình, ban tế của đền hay bốn hội miếu. Có những miếu có thành phần bốn hội rất đông. Hàng năm, các miếu, đình, đền tới ngày lễ chính đều có sự giao lưu với nhau tạo nên một cộng đồng văn hóa tín ngưỡng đặc sắc. Các đền, chùa, miếu đều cử người tham dự lễ của nhau, gọi là trả lễ, có miếu giao lưu đến gần 40 bốn hội. Người dân ở xung quanh cũng tham gia rất đông vào những hoạt động văn hóa này. Ở Thủ Thiêm có thời kỳ, hàng năm bà con vẫn rủ nhau đi lễ tận Châu Đốc, dần dần về sau người dân thỉnh luôn bà về thờ tại miếu (như ở miếu Cây Dương).

Đại bộ phận cư dân ở Thủ Thiêm giữ phong tục thờ cúng ông bà trong gia đình. Họ cũng đến chùa lễ Phật vào những ngày Tết, ngày Rằm. Mỗi chùa ở Thủ Thiêm cũng quy tụ một số tín đồ và những người thường xuyên đến lễ Phật. Đây cũng là những cộng đồng tôn giáo.

Một cộng đồng quan trọng nữa trong cư dân ở Thủ Thiêm là cộng đồng giáo dân. Cộng đồng này tập trung chủ yếu quanh nhà thờ Thủ Thiêm. Với lịch sử hình thành lâu đời, nhà thờ Thủ Thiêm đã đón nhận rất nhiều các lượt giáo dân di cư. Trải qua nhiều thời kỳ, dân cư chuyển đến và chuyển đi quanh khu vực này khá nhiều. Trước năm 1954, có một đợt thay đổi dân cư ở khu vực này. Nhiều người đã chuyển đi, định cư ở những vùng miền khác hoặc ra nước ngoài, nhưng cũng có khá nhiều người chọn Thủ Thiêm làm điểm đến. Những năm sau giải phóng, giáo dân cũng đi khá nhiều, và nhiều người nơi khác lại đến mua nhà mua đất. Hiện giờ giáo xứ này không còn là khu vực sinh sống riêng của giáo dân nữa mà còn của cả các thành phần dân cư khác. Tuy nhiên quan hệ giữa người mới đến và người cũ rất tốt, người dân quan tâm giúp đỡ



lẫn nhau khi hoạn nạn. Những hoạt động cứu trợ, giúp đỡ của nhà thờ cũng đồng đều cho tất cả mọi người sinh sống trong phạm vi của xóm đạo mà không nhất thiết phải là giáo dân của họ. Riêng những giáo dân, quan hệ cộng đồng chính của người dân xoay quanh những hoạt động của nhà thờ. Như hoạt động của thiếu nhi cũng được nhà thờ cử người phụ trách hay đến những ngày lễ chính những người quản lý đứng ra tập hợp thanh niên lại để phụ giúp tổ chức lễ cho nhà thờ.

#### 4. Lối sống sông nước

Trong cuộc sống hàng ngày thì người dân giao tiếp với nhau một cách cởi mở và thân thiện. Không gian mở dọc bờ sông cũng thường là nơi mọi người gặp gỡ. Dọc đường bờ sông là nơi kiếm kế sinh nhai của nhiều người dân Thủ Thiêm, những quán nhỏ cũng được bày ra dọc theo con đường này và đó cũng là nơi giao lưu, trò chuyện, nghỉ ngơi, đánh cờ của bà con tầng lớp bình dân những lúc nhàn rỗi.



Hình 8. Dù cuộc sống còn bộn bề khó khăn nhưng người dân Thủ Thiêm vẫn vui tươi và cởi mở với nhau.





Hình 9. Ghe Thủ Thiêm

*Phong tục, tập quán* của cư dân Thủ Thiêm cũng chịu sự kiêng cử chung của cư dân sông nước, họ rất cấm kỵ để những vật dụng dùng cho sinh hoạt, cũng như trong sản xuất như dao, kéo, búa, chài, lưới..., bị rơi xuống nước. Trong giao tiếp, họ tránh nói những từ ngữ không tốt, mang tính chất hoạn nạn như chìm ghe, chìm thuyền, mưa gió, bão táp, lũ lụt..., không được trù dập, chửi mắng hay lớn tiếng trên sông nước. Tất cả đều trở thành tập tục mà mỗi cư dân sông nước phải tuân thủ.

Lối sống sông nước thể hiện rõ trong *phương tiện di chuyển* của người dân Thủ Thiêm. Khi giao thông đường bộ chưa phát triển thì phương tiện giao thông chủ yếu ở Thủ Thiêm là theo đường thủy. Những nguyên vật liệu sẵn có trong tự nhiên là điều kiện thuận lợi để họ có thể tự đóng lấy một chiếc ghe nhỏ để đi lại. Thêm nữa nhà của cư dân thường được cất dọc hai bên con kênh, rạch, xẻo, nên mỗi nhà đều sắm một, hai chiếc ghe hoặc xuồng để có thể xuôi ngược dòng theo kênh, rạch, sông, để đi chợ, đi sang quận 4, quận 7... và từ đó họ có thể dùng phương tiện khác lớn hơn để đi tiếp hoặc dùng phương tiện giao thông đường bộ. Tùy theo kinh tế gia đình mà họ sắm ghe hay tự đóng lấy. Ghe



phân biệt với xuống chủ yếu là ở kích thước và các bộ phận khác như có máy đuôi tôm và khả năng di chuyển nhanh hơn, có thể chở được khối lượng nhiều hơn xuống. Xuồng thường thì đi được vài người và mình tự chèo lấy không nhờ đến máy đuôi tôm.

Ngày nay, khi đường bộ ở Thủ Thiêm được nhựa hóa và những con đường đã vào tận thôn ấp, giao thông đường bộ ngày càng hoàn thiện đáp ứng tốt nhu cầu đi lại của người dân, nên người dân nơi đây đã bớt dần thói quen xuống rạch đi ghe, xuống, phương tiện di chuyển bằng đường thủy.

*Ẩm thực* của người dân Thủ Thiêm thể hiện rất rõ sự gắn bó với đời sống sông nước. Họ có những món ăn của đồng ruộng, sông rạch như chuột đồng, cá tươi, tôm cua, ếch, rắn,... Đó thường là những thức ăn do họ tự tay kiếm được trong thiên nhiên, trên kênh rạch sau những buổi đi hái, đi câu, đi lưới, đi lộp, đi đâm chuột, đi soi ếch, đi bắt cua. Món cá hấp mỡ hành cuộn rau sống bánh tráng, món chuột đồng nướng, cá lóc nướng trui, ếch xào lăn, canh cua đồng, rắn xào nghệ... là những thức ăn mà người dân ở



Hình 10. Với con rắn hồng ri này, người Thủ Thiêm có thể “làm” vài “xì”



đây vẫn còn có dịp thưởng thức trong gia đình, không tốn tiền phải mua mà chỉ mất công đi tìm kiếm. Những thức ăn ấy không những cải thiện được bữa ăn mà còn đỡ dần chi phí cho gia đình.

Riêng về *cách kiếm sống*, thì lĩnh vực này thể hiện rõ lối sống sông nước của Thủ Thiêm. Cũng giống như mọi địa phương khác của đất nước, nghề nghiệp của cư dân Thủ Thiêm rất đa dạng, hòa mình trong guồng máy lao động của cả nước, tuy nhiên tại Thủ Thiêm có một số nghề rất đặc trưng, phản ánh cuộc sống nông nghiệp, gắn liền với môi trường sông nước.

Sông nước đã giúp cho họ kiếm sống. Sinh hoạt với sông nước, cư dân Thủ Thiêm có cuộc sống dựa vào sông nước rất đặc trưng của văn hóa Nam Bộ. Bên cạnh nghề làm ruộng, là những nghề đánh bắt thủy sản như cá, tôm, cua, rắn, chuột, nghề chèo thuyền đưa đồ, nghề lặn, nghề đóng và sửa chữa ghe thuyền...

#### **4.1. Làm ruộng**

Thủ Thiêm là một vùng đất phù sa mới ven sông Sài Gòn với địa hình bằng phẳng, cạnh vùng phù sa cổ với địa hình hơi cao từ Giồng Ông Tố nối liền với khu vực Thủ Đức. Trên vùng đất thấp, phẳng này, hoạt động sản xuất chính của cư dân Thủ Thiêm từ xưa là canh tác lúa nước.

Vào đầu thế kỷ XX, một nhà thơ đã mô tả cảnh nông thôn ở khu vực hai bên sông Sài Gòn:

*“Cá Trê, Giồng Tố, Nhà Bè  
Hai bên ruộng lúa ngó mê cả đồng”.*

Thủ Thiêm có nhiều ruộng lúa và trước đây nông dân Thủ Thiêm gần như độc canh lúa. Ruộng chỉ làm một mùa vì mùa nắng nước sông Sài Gòn bị nhiễm mặn, không thể đưa vào ruộng để tưới lúa. Năng suất lúa đạt được khoảng 100 đến 120 tạ/ha.

Nông dân vùng Thủ Thiêm chỉ có làm ruộng, không trồng cây hay canh tác hoa màu phụ nào vì đồng ruộng thấp, nước ngập liên



tục. Chung quanh nhà, dân Thủ Thiêm có thể trồng một vài cây ăn trái hoặc vài loại rau dùng trong gia đình. Mãi đến gần đây, người ta mới lập vườn cây ăn trái.

Trước đây, ở Thủ Thiêm, một phần lớn đất đai là của nhà thờ. Người nông dân tá điền phải đóng lúa tô 25 gạ lúa mỗi mẫu. Lúa đem nộp tô phải khô, sạch, nếu đổ vào nước mà có lúa lép nổi lên thì nông dân phải chở về hết. Sau ngày giải phóng, theo chỉ thị của Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam, đất đai được giao cho nông dân. Nông dân không còn phải đóng tô cho nhà thờ nữa.

Đến khoảng thập niên 90 của thế kỷ trước, do tình trạng đô thị hóa dần ảnh hưởng nhiều đến vùng Thủ Thiêm và sau đó là việc qui hoạch hình thành khu đô thị mới, ruộng lúa dần được nông dân bán đi hay được qui hoạch cho mục đích sử dụng khác nên diện tích ruộng lúa giảm dần. Ngày nay ruộng lúa gần như không còn mà thay vào đó là một số vườn cây ăn trái, đầm trồng sen hay đất hoang...

Ngoài trồng lúa, người dân Thủ Thiêm còn có nhiều hoạt động khác để mưu sinh. Có những nghề phụ xuất phát từ cuộc sống nông nghiệp mà trước đây rất thịnh hành, nhưng hiện nay đã mai một do môi trường biến đổi, lợi nhuận vì thế cũng không còn.



Hình 11a. Đất ruộng bỏ hoang



Hình 11b. Đất ngập nước ven sông



**4.2. Nấu rượu** là một nghề truyền thống của nông thôn Nam Bộ, nghề này ở Thủ Thiêm không nhiều lắm, chỉ có một ít hộ làm nghề này. Rượu được nấu để phục vụ cho cộng đồng dân cư trong làng xã nhân các dịp cưới hỏi, giỗ chạp. Nguyên liệu để nấu rượu là gạo và nếp. Gạo dùng để nấu rượu là gạo lúc. Gạo lúc có lớp vỏ cám bên ngoài, khi nấu chín không kết dính nên dễ dàng trong khâu trộn men. Đồng thời chính lớp vỏ cám bên ngoài cũng là một trong những yếu tố làm cho chất lượng rượu được thơm ngon.

Công cụ sử dụng trong nghề nấu rượu rất đơn giản và có nhiều loại, thô sơ và không cần dùng đến bất cứ loại máy móc nào. Các công cụ gồm có:

+ Nồi: có hai loại, loại dùng để nấu cơm và loại dùng để nấu rượu. Loại dùng nấu cơm là một nồi lớn có thể nấu được khoảng 10 lít gạo, còn nồi nấu rượu là một loại lò đặc biệt, phải đặt thợ làm, gọi là *tả*. Tả được làm từ hai cái thau lớn, úp hai vành lại với nhau thành hình tròn. Sau đó người ta khoét 1 đáy thau để làm miệng.

+ Lu, khạp: dùng để ủ trước khi nấu ra rượu.

Gạo lúc sau khi nấu chín thành cơm, để nguội và được trộn đều với men, sau đó sẽ cho vào khạp để ủ. Thời gian ủ trong khạp khoảng 3 ngày, trước khi khạp<sup>(1)</sup> 12 giờ người ta phải chan nước vào cơm, có nghĩa là vào tối hôm trước đó để sáng hôm sau có thể khạp được. Tất cả cơm rượu được cho vào tả và đun lên. Hơi nóng trong tả bốc lên qua một ống dẫn bằng nhôm thông qua một thập nước lạnh để nước ngưng tụ lại rồi chảy xuống chai thành rượu. Nghề này đơn giản nhưng cần phải có nhiều kinh nghiệm và phụ thuộc rất nhiều vào thời tiết. Nếu trời lạnh quá và nóng quá thì cơm rượu sẽ không đủ độ lên men để cho rượu. Nếu không lên men, rượu sẽ bị chìm và khi đem khạp thì sẽ bị khét, nước rượu có màu vàng và không thể dùng được.

---

(1) Khạp là từ địa phương, nói đúng hơn là chưng cất.





Hình 12. Mô hình chưng cất rượu

Rượu có nhiều loại khác nhau, những mẻ đầu cho nồng độ rất cao khoảng 70 độ và thấp dần ở những mẻ tiếp sau đó.

#### **4.3. Đánh bắt thủy sản**

Gần với sông nước là nghề đánh bắt cá, chài lưới. Cuộc sống của những người đánh bắt trôi nổi theo con nước. Lúc trước các dòng sông ở đây có rất nhiều loài cá, tôm, ốc,... dân chài kiếm sống không mấy khó khăn, chỉ cần những kỹ thuật đánh bắt thô sơ là cũng có một số lượng tôm, cá lớn dùng để ăn và đem ra chợ bán. Mùa nước lên thì họ làm ăn được, đánh bắt được nhiều cá, cuộc sống dễ chịu. Vào mùa khô thì nước cạn, cá tôm đi nơi khác, người dân ở đây xoay qua làm việc khác kiếm sống như đưa đồ, lặn

Dọc theo bờ sông, cách bến đò Thủ Thiêm về hướng xóm Cây Bàng không bao xa, do bồi đắp cộng với hướng dòng chảy của thủy triều đã hình thành nên nhiều kênh rạch, trong số đó phải kể đến con rạch có nhiều cá trê đến sinh sống thành bầy đàn tạo nên “lãnh địa” riêng của mình. Từ đó hình thành nên địa danh rạch Cá Trê. Tranh thủ và tận dụng những đặc điểm của địa hình cùng với sự tính toán vào con nước (thủy triều lên, xuống), dân chài đã đóng đáy “phục kích” tại đây. Sau mỗi lần đóng đáy như vậy dân chài thu hoạch được rất nhiều cá trê, nhiều đến nỗi nhiều lúc không dám đến gần vì sợ chúng tấn công.





Hình 13a. Câu cá



Hình 13b. Bắt cá bằng vợt điện

Mùa nắng, công việc đồng áng rảnh rỗi, người nông dân xuống các sông rạch trong vùng để bắt tôm cá bằng nhiều cách, nhiều phương tiện khác nhau từ mò bắt bằng tay, tát vũng, câu cá ... đến đắp đập trên những nhánh rạch nhỏ, mương cùng để ngăn nước lại cho tôm cá vào ở và sau đó tháo nước đi để bắt. Những người dân đi câu thường hướng dẫn nhau về cách thả câu sao cho câu được nhiều tôm cá.

- *Lưới chủ* cũng là nghề được dân chài ở đây phát triển rất mạnh, nghề này chủ yếu là đánh bắt cá cơm. Nhóm đánh bắt cá cơm được chia thành hai tốp, một tốp vài người đứng sát bờ sông, tay nắm lấy lưới, làm xuất phát điểm, tốp kia ngồi trên ghe thả lưới xuống sông theo hình cánh cung. Họ phải tính toán thế nào cho đến khi thả hết lưới thì cũng là lúc ghe ghé vào bờ. Cả hai tốp bắt đầu từ từ kéo và gom lưới vào bờ. Tới khi lưới gom lại, cá nhiều không thể kéo được nữa thì một số người lần theo lưới chủ tiến ra lấy vợt xúc cá cho đến khi nào không còn cá. Một chuyến đánh bắt cá cơm của nghề lưới chủ như vậy đã kết thúc, sẵn sàng cho một chuyến đánh bắt tiếp theo. Một trong những người có nhiều năm kinh nghiệm sống bằng nghề lưới chủ là ông Ba Thuận, có ba đời làm nghề này ngụ ở cầu Phao số 11<sup>(1)</sup>.

(1) Con số này được căn cứ vào số thứ tự của kho hàng bên cảng sông Sài Gòn.





Hình 13c. Bắt trùn chỉ dưới sông

- *Đặt lộp* có dụng cụ bắt cá làm bằng tre. Tre được vuốt mỏng và đan lại với nhau, có hôm để cá chui vào mà không ra được. Ở Thủ Thiêm đặt lộp chủ yếu là bắt cá bống và cá sặc. Muốn bắt cá bống thì người đặt lộp phải đi theo con nước lớn ở những con rạch, men theo cạnh bập dừa nước hay ven bờ có cây cối um tùm, nước đến đâu thì chuyển lộp đến đó. Mỗi dùng để đặt là ruột ốc, ba khía, cua đồng, trùn... Còn đặt lộp cá sặc thì chỉ đặt ở những đầm, ruộng, ao hồ.

- *Mò cua, bắt ốc, đơm chuột* thịnh hành khi trước đây Thủ Thiêm còn làm nông nghiệp. Cua có hai loại là cua đồng và cua biển. Cua đồng là loại cua thường ở trên đồng ruộng và làm hang ở bờ mấp của những thửa ruộng. Hang cua đồng không sâu, người đi bắt chỉ cần thọc hơn nửa cánh tay vào là có thể bắt được cua. Cua biển là loại cua nước lợ, không ở trên đồng mà thường ở sông, làm hang ở bờ kênh, rạch, xẻo. Cua biển to và hung dữ hơn cua đồng nên việc bắt cua này khó khăn hơn. Vì thế người đi bắt cua phải có vũ khí “độc” mới bắt được cua, đó là cái *cù móc*. Cù móc một đầu được bẻ cong hình móc câu, đầu móc thường làm bằng thanh sắt nhỏ hoặc bằng Inox, được cột chặt vào một thanh gỗ cứng làm tay cầm. Người bắt cua dùng cù móc thọc vào hang



cua và móc cua ra khỏi hang. Ngoài cách dùng tay và cù móc để bắt cua người ta còn dùng một cách khác tương đối nhẹ nhàng hơn đó là câu. Người ta thường câu ở bãi đất bồi, gần những gốc cây bần ngoài sông hay trong những con rạch, xẻo nhỏ mỗi khi nước lớn. Mỗi câu cua thường là ruột ốc, ruột gà, vịt, hoặc trùn đất. Câu cua không cần dùng lưỡi câu. Cua bám vào mồi. Người câu phải giữ cần câu lên từ từ, nhẹ nhẹ và dùng một cái vọt vọt húng cua rơi xuống.

Chuột được đánh bắt ở đây là chuột đồng, thường xuất hiện vào mùa thu hoạch lúa. Đâm chuột là một việc làm khá đặc biệt ở Thủ Thiêm. Sinh hoạt này hiện không còn nữa vì chuột đồng đã biến mất theo các cánh đồng sinh ra chúng. Chuột thường ở trong những hang cua khi nước ruộng đã khô hoặc trong những bụi cây ven bờ. Muốn bắt được chuột phải có ít nhất ba người trở lên và phải dẫn theo chó để biết được hang chuột. Người đâm chuột phải mang theo chìa. Chìa được làm bằng thanh tre, trúc nhỏ, thẳng để canh mới chính xác. Đầu chìa là một thanh kim loại nhỏ, được mài thật sắc. Thường thì ba người canh ở ba góc, nếu chuột chạy ra thì chìa. Những tay chìa chuột rất điệu nghệ, họ chìa rất chính xác, chú chuột nào ló ra thì khó chạy thoát.



Hình 13d. Bắt ốc



#### 4.4. Nuôi vịt

Một số gia đình nông dân, khi lúa còn trên đồng, đã mua vịt con về nuôi. Vịt sẽ tìm thức ăn trên ruộng lúa và khi mùa thu hoạch bắt đầu, người ta lùa vịt đến những mảnh ruộng vừa gặt xong. Vịt sẽ tìm ăn những hạt thóc rơi trên ruộng cùng những con cá, ốc ... Người chăn nuôi lùa bầy vịt hàng mấy trăm con từ mảnh ruộng này sang mảnh ruộng khác cho chúng kiếm ăn. Khi mùa thu hoạch chấm dứt thì bầy vịt đã đủ lớn và có thể bán được. Có người tiếp tục nuôi để lấy trứng.

#### 4.5. Nghề đưa đò

Nghề đưa đò là nghề vang bóng một thời của cư dân Thủ Thiêm. Trước đây họ tận dụng địa thế sông nước mà dùng đò đưa khách sang sông hoặc dọc sông để kiếm sống. Hiện nay, một số người tận dụng được nguồn du lịch của thành phố, đưa du khách đi tham quan bằng thuyền các con rạch, con xẻo còn hoang sơ của Thủ Thiêm.

Nghề đưa đò là một nghề rất đặc trưng của Thủ Thiêm, vốn nổi tiếng với câu ca:

*“Ấu ơ... Bao giờ Chợ Quán hết vôi  
Thủ Thiêm hết giặc em thôi đưa đò  
Bấp non mà nướng lửa lò  
Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm”.*

Câu ca ấy đã trở thành nét văn hóa đặc trưng không chỉ là nghề chèo đò mà còn là nét văn hóa của vùng đất Thủ Thiêm đã in đậm trong trí nhớ từ bao đời nay.

Trước kia, ở Thủ Thiêm chỉ có hai bến đò là bến Cây Bàng và bến An Lợi Đông. Khoảng sau năm 1980, do phà Thủ Thiêm thường bị hư phải ngưng chạy, việc đi lại của dân Thủ Thiêm gặp nhiều khó khăn, người dân lập thêm bến đò cạnh bến phà để đưa khách sang sông, bến đò Caric hình thành từ đó.



- Bến Cây Bàng (ở xã Thủ Thiêm), phía bên Thủ Thiêm đậu tại cầu Ông Cây (phía hạ lưu), phía Sài Gòn đậu ở cột cờ Thủ Ngũ.

- Bến An Lợi Đông (xã An Lợi Đông) phía Thủ Thiêm đậu tại đầu cầu 13, phía Nhà Bè đậu tại chợ Tân Thuận.

- Bến Caric (ở xã An Khánh) trước đây đậu gần bên phà Thủ Thiêm, sau này dời xuống đậu ở cầu Ông Cây (phía thượng lưu) bờ Thủ Thiêm, phía bờ Sài Gòn đậu tại cột cờ Thủ Ngũ.

Nghề đưa đò ở đây có đò dọc đò ngang, đò ngang là đi qua Sài Gòn, đò dọc là đi lên phía Bình Quới, lên Thủ Dầu Một hay xuôi xuống quận 4, quận 7.

Bến đò Thủ Thiêm hoạt động gần như 24 giờ mỗi ngày. Từ 1-2 giờ khuya, đò đã bắt đầu đưa những người buôn bán sang quận 1 để đến các chợ đầu mối mua hàng và quay trở về cho kịp buổi chợ sáng. Tờ mờ sáng là bắt đầu người người sang sông để đi làm, học sinh đi học... đến trưa hay chiều hết giờ làm lại quay về. Trong suốt ngày, có những người sang sông vì việc này hay việc nọ, thăm viếng, đi cúng bái ở các chùa miếu, khách đi dạo



Hình 14.a: Đưa người qua sông Sài Gòn



trên sông, đưa khách đi dọc bờ sông và nhiều người khác nhờ đò đưa đến các con tàu đang neo đậu trên sông... Buổi tối, đò chuyên chở những người đi làm về muộn, người đi sang thành phố chơi... Khi vắng khách, các con đò thường đậu ở bến Cây Bàng, phía Thủ Thiêm. Tuy nhiên khi cần, khách đến bến đò phía quận 1 có thể gọi đò sang rước.

Trước năm 1975, những người đưa đò ở bến Cây Bàng qui tụ thành 2 tổ: tổ 1 và tổ 2 với 127 chiếc đò. Ở bến An Lợi Đông có khoảng 60 chiếc đò. Người đưa đò phần nhiều là dân từ miền Tây (Thới Lai, Cờ Đỏ, Ô Môn, kinh Bảy Ngàn, kinh Mười Ngàn...) lánh nạn chiến tranh lên Thủ Thiêm ở. Họ làm nghề đưa đò đến khoảng đầu thập niên 80 mới về quê. Lúc bấy giờ tàu nước ngoài nhiều. Máy cô đưa đò thường đưa thuyền viên cặp mạn. Họ cũng chở hàng của thủy thủ lên bờ và kiếm được khá tiền. Đưa đò ngang sông giá 1 đồng/người. Mỗi chuyến đò có thể chở đến 10-12 người, nhưng khi được 7-8 người thì có thể tách bến. Nếu khách bao đò sang sông (đi ngay) thì trả 5 đồng. Đò chở cả xe đạp, xe Honda. Người đưa đò có thể nuôi gia đình sống được.



Hình 14b. Ông Ba Thạch,  
người đưa đò ở Thủ Thiêm  
Ảnh: Đoàn Đạt

Năm 1978, Hợp tác xã đò ngang Thủ Đức được thành lập gồm người đưa đò ở bến Cây Bàng. Đến năm 1981, Hợp tác xã đò ngang quận 2 được thành lập bao gồm người đưa đò ở cả 3 bến Cây Bàng, An Lợi Đông và Caric.

Đò đưa khách ở Thủ Thiêm ngày xưa là đò chèo tay. Thường đò có hai chèo, một mái chèo ở lái và một chèo ở mũi, người chèo phía sau dùng chân để điều khiển cần tay lái, có một sạp cho vài người ngồi còn bao nhiêu đều phải đứng. Khoảng năm 1970, đò dần dần được gắn máy đuôi tôm. Các chủ đò



thường dùng máy Kohler 4 mã lực. Sau đó, người ta dần dần thay thế máy đuôi tôm bằng máy đặt ở giữa thuyền và dùng loại máy có công suất lớn hơn, khoảng 7 mã lực.

Trước năm 1975, đò Thủ Thiêm không có mui. Sau Giải phóng, khi Hợp tác xã đò ngang Thủ Đức được thành lập, Hợp tác xã cho làm mui để khách khỏi bị nắng mưa.

Lúc đầu đò Thủ Thiêm có thể chuyên chở khách sang sông cũng như chở khách muốn đến các tàu lớn đang đậu trên sông Sài Gòn. Tuy nhiên khoảng những năm 1980, việc chuyển lậu hàng hóa từ các tàu biển lên bờ tăng nhiều, cơ quan quản lý ở cảng Sài Gòn không kiểm soát nổi nên cảng Sài Gòn đề nghị tách số đò Thủ Thiêm ra hai nhóm:

- Đò ngang: chỉ chở khách sang sông. Đò loại này được sơn mui màu xanh và do Phòng Giao thông Công chánh quận quản lý cấp phép hoạt động.
- Đò cặp mạn tàu chỉ chở khách đến các tàu biển. Đò loại này có mui sơn màu trắng và do cảng Sài Gòn cấp phép.



Hình 14c. Đò cặp mạn tàu



Ngoài ra còn có :

- Những ghe chở hàng hóa linh tinh cặp mạn tàu để bán cho thủy thủ hay những người đang làm việc trên tàu như công nhân bốc xếp hàng hóa, công nhân gõ rì. Thường họ bán nước uống, cơm, mì, hủ tiếu và chút ít rau quả, thịt cá...

- Ghe chuyên chở công nhân từ bờ ra tàu làm việc. Những ghe này do Cảng cấp phép và quản lý.

Mỗi chiếc đò được phép chở 12 người. Sau đó, việc quản lý chuyên chở trên sông gắt gao hơn, số người được phép chở giảm xuống còn 8 người rồi còn 5 người. Đến tháng 9 năm 2004, bến đò Cây Bàng có 87 chiếc đò ngang.

Nghề ghe vàm (buôn bán trên sông), cũng diễn ra rất nhộn nhịp. Những người làm nghề ghe vàm là những tiểu thương, chủ yếu là người Hoa từ phía quận 7 về đây chèo đò, cặp mạn tàu thuyền, trao đổi chủ yếu của ghe vàm là thức ăn, hoa quả.



Hình 14d. Bến đò Cây Bàng, phường An Lợi Đông



Hình 14e. Chèo đò sang sông



Năm 2004, thành phố không cho phép đưa đò sang sông Sài Gòn ở hai bến Cây Bàng và Caric nữa, chỉ bến An Lợi Đông là còn phép hoạt động, đưa người và chuyên chở hàng hóa qua quận 7 hoặc cập vào các tàu đậu ở sông. Đến tháng 5-2005, việc đưa đò ngang và đò dọc chấm dứt, cũng chấm dứt luôn việc cấp giấy đăng kiểm cho phương tiện chuyên chở từ hai bến Caric và Cây Bàng. Đối với những người đưa đò không còn việc làm nữa, Nhà nước hỗ trợ cho mỗi người 9 triệu đồng để tìm việc làm mới hoặc học nghề mới và 3 triệu đồng cho chiếc đò. Người làm nghề đưa đò một số bán đò, một số còn đò nhưng không chở khách được vì không đăng kiểm được.

#### ***4.6. Nghề đóng, sửa chữa ghe***

Tại Thủ Thiêm có một số trại đóng ghe. Không ai biết được nghề này ra đời ở đây từ lúc nào, có lẽ từ khi ở đây có bến đò.

Những chủ trại đóng ghe lúc trước có ông Hai Tô, ông Sáu Nén, ông Tư Xích, ông Hai Mạnh, ông Hai Phát (Thái Văn Phát), ông Ba Thi (ở chỗ miếu An Lợi Vạn, ấp Cây Bàng). Họ làm nghề đóng ghe từ trước ngày Giải phóng, đến gần đây thì tạm ngưng do nhu cầu đóng mới không còn. Trong số những chủ trại này, chỉ có ông Hai Tô còn sống, những người kia thì đã qua đời. Các ông này là người sống ở Thủ Thiêm, các thợ phụ đóng ghe cũng là người Thủ Thiêm.

Gỗ dùng đóng sửa ghe là gỗ sao, thường được mua ở các trại cưa ở cầu Rạch Ông rồi vận chuyển về Thủ Thiêm để đóng thành chiếc ghe theo nhu cầu. Vùng Rạch Ông là một làng nghề đóng ghe thuyền có tiếng từ xưa, nhưng người Thủ Thiêm không thuê đóng ghe tại đây vì thợ ở Rạch Ông quen sản xuất loại ghe Cần Đức có hình dạng không giống loại ghe Thủ Thiêm.

Ghe Thủ Thiêm hình dáng nhỏ gọn, mũi và lái đều bằng không nhọn. Mũi sơn đỏ, lái sơn xanh, chỉ dùng để đưa khách và một số lượng hàng rất hạn chế. Ghe có nhiều cỡ, từ dài 7m, ngang 1,5m cho đến loại ghe đò dài 9m, ngang 1,8m. Đò ở bến Cây Bàng nằm



trong các kích thước đó. Ghe nhỏ nhất là loại *4 đôi* (tính theo số ván làm be ghe), lớn hơn là loại *4 đôi một độn* (4 đôi và một nửa miếng – hay là nửa lá), loại *5 đôi*. Một *lá* là một tấm gỗ có chiều rộng khoảng 20cm, dày 2cm, dùng để làm ván be.

Ván dùng để đóng đáy thuyền gọi là tiếp. Khi đóng mới một chiếc ghe nào thì trước hết phải ráp hai tấm tiếp cho khớp nhau. Sau đó người thợ *đâm lô*. Lô là miếng ván mũi và lái của chiếc thuyền, được gọi là lô mũi và lô lái. Động tác ghép lô cho chắc chắn ở hai đầu mũi và lái của thuyền được gọi là *đâm lô*.

Sau khi *đâm lô*, người thợ mới ráp ván be. Các miếng ván be ghe thường có dạng hình thoi, rộng ở giữa và nhỏ ở hai đầu. Ván be phải có kích thước chuẩn mực, trước khi ráp đã được cắt theo ni thật chính xác. Cách đo, cắt theo ni của họ cũng rất đặc biệt. Họ dùng một dây sắt, uốn dây sắt một cách sít sao theo hình dáng của miếng ván be đầu tiên. Sau đó, họ lấy dây sắt có hình dáng miếng ván be ấy đặt lên trên miếng ván khác và vẽ theo hình dây sắt để cắt theo đó mà hình thành nên miếng ván be mới.

Ván be được ráp hai bên từ dưới lên trên cho đều để hình thành nên vỏ ghe. Sau đó, người thợ cắt *cây cong* (là các thanh gỗ có bề dày 7 - 8cm, được ghép phía trong vỏ ghe để giữ cho vỏ vững chắc) làm sườn cho vỏ ghe. Kích thước của *cây cong* không được làm sẵn mà phải dựa vào hình dạng của vỏ ghe để lấy ni rồi mới được ráp vào. Để bịt kín những khe hở, người thợ phải xảm ghe. Vật liệu để *xảm* ghe là bao bố, dây thừng trộn với dầu chai. Chỗ nào có đóng đinh thì lấy dầu chai trét đầu đinh lại để bảo vệ đinh khỏi bị rỉ sét.

Ngoài loại ghe đưa khách, người Thủ Thiêm còn đóng xuồng thông (loại ghe dùng trong gia đình để đi lại trên kênh rạch), tam bản (chỉ có 1 chèo lái bên tay trái). Xuồng tam bản có điểm đặc biệt là miếng ván lô rộng 3 - 4 tấc, mỗi bên ghép lên bằng ván 2 tấc, mũi và lái bằng không giống mũi lái nhọn ở miệt Long An.



Trước đây, gia đình nông dân nào cũng phải có một chiếc xuồng để chở lúa, chở mạ, chở đồ...

Trong quá trình đóng ghe, sau khi ghim lô xong thì chủ ghe sửa soạn mâm cúng. Lễ vật cúng là bộ tam sên gồm thịt luộc, tôm/cua, hột vịt và một bình bông.

Những gia đình có ghe (đò hay xuồng) đều có tục lệ cúng ghe vào ngày mùng 3 Tết. Họ bày lễ vật cúng tại hai nơi, cả ở trên nhà lẫn ở dưới ghe. Sau khi cúng trên nhà, chủ ghe cúng dưới ghe, lễ vật là con vịt, lấy vàng bạc dán lên ghe để tỏ lòng trân trọng.

Bây giờ các trại này chỉ còn sửa chữa vá ghe, không còn đóng mới nữa vì việc đưa đò sang sông bây giờ chỉ còn ở bến An Lợi Đông. Thêm nữa là những người làm nghề đóng ghe đã già hoặc mất đi, con cháu họ không tiếp tục nghề nữa nên ở đây nghề đóng ghe đã mai một. Điều kiện bến bãi để đóng ghe cũng không còn. Trước đây có bãi để đóng ghe rộng từ chân bờ kè đá (làm từ năm 1937) ra mí nước. Sau này bờ sông bị lở. Một số nơi kè đá bị lở, người dân lấy đá về lát đường. Khoảng năm 1999 - 2000, con đường dọc mé sông được nâng cấp, lấn vào các kè đá làm cho khoảng cách từ kè đến mí nước trở nên rất hẹp, các trại ghe không còn chỗ hoạt động nữa.

Một người nổi tiếng trong nghề sửa chữa, vá ghe là bác Huỳnh Văn Khỏe được giới thương hồ dọc sông Sài Gòn quen miệng gọi bác Tám Khỏe. Bác theo nghề vá ghe từ cha để lại đã ngót 40 năm nay. Cha của bác là thợ vá ghe được đánh giá là giỏi nhất cả khúc sông Sài Gòn từ những năm 50. Lúc ấy cả vùng này chỉ có bốn điểm vá ghe, mà gia đình của bác chiếm hết ba điểm. Anh em bác được cha tận tình chỉ vẽ, truyền nghề lại. Và họ không phụ lòng người cha, cũng trở thành những người thợ vá ghe lành nghề và lương thiện<sup>(1)</sup>. Một gia đình khác cũng theo nghề vá ghe từ hơn 50 năm nay, là gia đình anh Huỳnh Văn Thành. Cả ba đời nhà anh bám lấy ven sông Sài Gòn, sống bằng nghề vá ghe.

(1) [www.sgt.com.vn](http://www.sgt.com.vn), 26/05/2006





Hình 15a. Sửa ghe loại nhỏ



Hình 15b. Sửa ghe loại lớn ►

Những người thợ vá ghe cho rằng ghe xuống dưới sông cũng chẳng khác chi xe cộ chạy trên đường, cũng hư hao bất chợt, cũng cần sửa chữa thường xuyên. Điềm vá ghe cũng tương tự như máy điềm bơm hơi vá ép trên đường. Ghe bị lủng, bị mục được người ta đưa đến để vá. Vá xong, nếu thả xuống nước mà nổi ngon lành, nước không vô, xài được bền, vậy là có uy tín. Thợ vá ghe Huỳnh Văn Thành tâm sự: “Vá ghe đâu có khó, mọi cái có quy chuẩn rồi, lấy miếng ván cũ ra gọt miếng khác y chang như vậy thế vào, sau đó chốt đinh, trét chai cho kín là xong”<sup>(1)</sup>.

Tuy thế, nghề vá ghe cũng phải học tập nhiều mới thành, mới có được uy tín để có được bạn hàng. Cái khó của nghề vá ghe là phần đưa ghe lên bệ. Nếu là ghe nhỏ, thì chỉ cần sức trai tráng của một vài cậu thanh niên cùng nhau nhíp nhàng nâng lên theo tiếng hô của người hướng dẫn là ghe vào bệ. Nhưng nếu là ghe lớn thì đợi thủy triều dâng lên, nhờ sức nước mà đưa ghe lên đậu sát mé, rồi dùng con đội kích lên, kê cao thân ghe rời khỏi mặt nước. Các

(1) [www.sgt.com.vn](http://www.sgt.com.vn), 26/05/2006



công đoạn này đều làm bằng tay, không cần cầu, máy móc nên mất thời gian nhiều. Một cái khó khác nữa của nghề vá ghe là nằm ở khâu mộc. Ghe xuống mực, gỗ bị hư hại phần nào thì sẽ được thay phần đó bằng cách lắp một miếng khác cho vừa rồi vá lại. Những chỗ hở sẽ được nhét bằng dây thừng đập thiệt khít sau đó trét chai lên cho nước khỏi ngấm vào. Mỗi chiếc ghe thường được sửa theo định kỳ 1 hoặc 2 năm một lần.

Khu vực gần Ủy ban Nhân dân xã An Lợi Đông hiện còn một số hộ sửa ghe. Công việc chủ yếu ở các cơ sở này là thay *cong*, thay *lô*, thay *ván*, trét chai, sơn lại ghe. Để cắt miếng ván be cho đúng kích cỡ, hình dạng, thợ sửa ghe dùng cây sắt để lấy ni miếng ván bị thay. Họ bẻ thanh sắt cho vừa khít miếng ván bị thay, xong đặt thanh sắt lên miếng ván mới, lấy mực vẽ rồi cắt. Xong đặt vào be ghe uốn cho vừa khít vào cây *cong*. Phải dùng “cảo” để cho miếng ván nằm đúng vào vị trí. Miếng ván làm tiếp lườn dài hơn, khoảng 2 phân rưỡi, 3 phân nên người thợ phải đốt lửa để “uốn” cho đúng vị trí.

Sửa xong ghe, trước hạ thủy thì chủ ghe cúng. Thường lễ vật là trái cây. Cũng có khi chủ ghe cúng vịt quay và trái cây.

Để trở thành thợ sửa chữa vá ghe lành nghề, tất cả đều qua kinh nghiệm, ban đầu thì làm việc lật vạt như trét chai, xẻ ván, đóng đinh... dần dần khá hơn thì làm mộc, cắt ráp khung xương trong ghe. Chẳng cần qua trường lớp gì cả, chỉ cần sáng dạ và khéo léo là thành nghề.

#### **4.7. Nghề gõ rĩ sơn tàu**

Đây là một nghề khá đặc trưng của vùng Thủ Thiêm do nằm sát bên cảng Sài Gòn, nơi thường xuyên tiếp nhận các tàu biển từ nhiều nước đến. Các tàu này thường phải đậu lại cảng một số ngày để chuyển hàng hóa lên bờ hay nhận hàng hóa từ cảng để chở đi các nước. Vì là tàu biển, thường xuyên tiếp xúc với nước mặn nên dễ bị rỉ sét, hư hại. Một số tàu tranh thủ thời gian đậu lại để làm việc bảo trì, sơn phết lại. Có thể cũng do họ muốn tranh thủ giá



nhân công thấp ở Việt Nam để thực hiện công việc cần nhiều lao động này nên đã thực hiện việc bảo trì này ở cảng Sài Gòn.

Để sơn lại tàu, người thợ cần phải dùng búa gỗ vào các thanh sắt, vách sắt hay thành sắt của tàu cho lớp sơn cũ và rỉ sét bong hết ra, sau đó mới dùng sơn mới sơn lại. Người thợ phải làm việc trong môi trường độc hại. Trước hết là sự ô nhiễm về tiếng động. Luôn luôn họ phải chịu đựng tiếng ồn rất lớn do tiếng búa đập liên tục vào kim loại. Ngoài ra còn có sự ô nhiễm do bụi bặm, rỉ sét và hóa chất từ sơn. Ngoài ra còn tình trạng môi trường nóng bức trong hầm tàu... Một số người phải đảm nhận công việc nguy hiểm khi làm việc trên các tháp cần cầu... Số lao động nghèo ở Thủ Thiêm là lực lượng sẵn sàng chấp nhận công việc khó nhọc, độc hại và nguy hiểm này để mưu sinh.

Nghề gõ rỉ sơn tàu có lẽ cũng ra đời ở Thủ Thiêm từ lâu. Thời gian phát triển nhất của nghề này là những năm sau Giải phóng, khi có nhiều tàu Liên Xô và một số nước Xã hội Chủ nghĩa. Lúc bấy giờ, số người làm nghề gõ rỉ sơn tàu ở Thủ Thiêm cũng rất đông. Họ tập hợp lại thành những tổ. Người tổ trưởng là người năng động, có nhiều quan hệ với các viên chức ở cảng Sài Gòn để biết tàu nào có nhu cầu sơn phết lại. Thời gian để làm việc này tùy thuộc vào thời gian tàu đậu ở cảng. Sau đó tổ trưởng huy động lực lượng của tổ để làm. Tổ trưởng cũng phải lo những thủ tục cần thiết để đưa công nhân lên tàu làm việc. Thường thì người thợ gõ rỉ sơn tàu có thể nhận được tiền công khoảng gấp đôi so với lao động phổ thông ở địa phương. Chính vì thế, nghề gõ rỉ sơn tàu thu hút được nhiều lao động ở Thủ Thiêm. Ngoài ra họ còn có thể có thêm một vài khoản thu nhập phụ khác. Hiện nay việc gõ rỉ sơn tàu không còn nhiều. Có lẽ vì các tàu chọn nơi khác để sơn lại do có giá nhân công rẻ hơn.

Trong thời gian thịnh đạt của nghề này, buổi chiều khi các công nhân hết làm việc, họ thường tụ tập tại các quán ngay trên bờ sông để ăn uống, nhậu nhẹt. Điều này cũng khiến các hàng quán ở đây cũng đông đảo và làm ăn khá hơn.



**4.8. Nghề lặn** là một nghề độc đáo ở Thủ Thiêm nói chung và phường An Khánh nói riêng. Nghề lặn ra đời từ những năm 40 của thế kỷ XX trong một làng nhỏ nay thuộc khu phố 3, phường An Khánh. Theo những bậc cao niên trong làng thì nghề này ra đời từ nhu cầu dò tìm phế liệu, đạn dược, dao kiếm bị chìm dưới sông. Ban đầu chỉ có vài ba người làm nghề này.



Hình 16a. Đường vào làng “lặn”



Hình 16b. Phương tiện hành nghề



Hình 16c. Một góc của làng lặn



Hình 16d. Anh Út Tèo khi còn lặn kiếm phế liệu ở đoạn sông Sài Gòn



Thời kháng chiến chống Mỹ, nhiều tàu chiến của Mỹ bị chìm dưới sông Sài Gòn, do đó nhiều người trong làng xuống sông để mò đạn dược, súng ống của những tàu chiến bị đánh chìm. Nghề lặn vì thế mà cũng phát triển hơn trước. Tuy nhiên, phải sau thời kỳ chiến tranh, lặn mới trở thành nghề kiếm sống thực sự của dân làng. Từ khoảng chục người trong thời chiến tranh, số lượng người làm nghề lặn tăng lên vài chục rồi hàng trăm. Đây là thời kỳ cực thịnh của làng lặn An Khánh với khoảng hơn 200 thợ lặn. Nhà ai có người đi lặn là cuộc sống gia đình đó khấm khá hẳn lên. Cũng chính từ đây đã xuất hiện nhiều người lặn có tiếng như Mười Xicule, Út Tèo, anh Phú... Nghe tiếng làng có nhiều người lặn giỏi, các Công ty trực vớt khắp nơi đổ về làng tìm thợ.

Trước đây làng “lặn” cũng như bao làng khác ở Thủ Thiêm đều sống chủ yếu bằng nghề nông. Tuy nhiên, việc làm nông ngày càng khó khăn do đất đai bị thu hẹp, nước bị ô nhiễm... Thấy làm nông không có thu nhập, nhiều người kéo nhau đi lặn, đời cha truyền đời con, dần dần làng này thành làng “lặn”, và người dân cũng trở thành thợ lặn.

Hành trang cho mỗi chuyến đi làm ăn của dân làng chỉ độc một chiếc ghe, trên đó gồm một máy phát điện, một bình hơi cải tiến từ chiếc bình gas loại 8kg, một đoạn ống hơi bằng nhựa dài hơn 50 thước và ít đồ ăn. Trước đây, chỉ cần ra khúc sông Sài Gòn giáp với quận 1 là có thể “hành nghề” được, nhưng khi “kho báu” dưới lòng sông gần cạn kiệt thì thợ lặn phải đi xa hơn, nhiều ngày hơn, không lên tận thượng nguồn sông Sài Gòn thì lại ngược về phía biển, cực nhọc vì thế mà cũng nhiều hơn.

Những khó khăn trên cùng với sự nguy hiểm của nghề đã khiến cho nhiều thợ lặn chuyển qua làm nghề khác, một số đi làm cho các Công ty trực vớt, chỉ còn một số ít bám trụ với nghề. Những thợ lặn có tiếng cũng không truyền nghề lại cho lớp trẻ nữa. Anh Út Tèo là một thợ lặn nổi tiếng nhưng đã bỏ nghề và cũng không



truyền nghề lại cho con cháu. Theo anh, làm nghề này quá nguy hiểm cho tính mạng người thợ.

Sắp tới, làng “lặn” cũng như vùng đất Thủ Thiêm sẽ bị giải tỏa, người dân trong làng sẽ bị di dời; hơn thế nữa, sẽ có một đường hầm Thủ Thiêm hiện đại bậc nhất nước ta nối liền quận 2 và quận 1, đường hầm Thủ Thiêm sẽ chạy ngang con sông, nơi người dân làng lặn đã kiếm sống bao năm nay thì liệu nghề lặn ở An Khánh có còn được phát huy trong tương lai hay không. Mong rằng dù đi đâu hay điều kiện có khó khăn đi nữa thì người dân làng “lặn” vẫn có người duy trì nghề khá độc đáo này.

### III. ĐỊA DANH

Bức tranh toàn cảnh về bán đảo Thủ Thiêm nay đã khác xưa, nhưng những chứng tích lịch sử đã in đậm về một Thủ Thiêm của quá khứ vẫn còn lưu giữ ở thế hệ ngày nay. Những tên gọi quen thuộc như Bến Đò, Cá Trê, Cây Bàng, đồn Giác Ngư, cầu Ông Cậy, xóm Than..., là những sự kiện, dấu tích lịch sử từ lâu đã khắc sâu trong trí nhớ, tình cảm của người dân vùng đất Thủ Thiêm qua nhiều thế hệ.

Ở Thủ Thiêm nhiều địa danh được đặt theo tên gọi dân gian, rất chất phác, hay theo tên gọi những vật hiện hữu trong tự nhiên, hoặc mượn tên của một công trình kiến trúc gần đó như xóm Đình, xóm Chùa. Những địa danh, tên đường đặt theo tên người anh hùng, danh nhân chỉ mới xuất hiện sau này...

Tên gọi *Thủ Thiêm* đã xuất hiện từ cuối thế kỷ XVIII. Tên gọi này được giải thích như sau: *Thủ* là đồn canh dưới thời phong kiến và cũng là chức vụ để chỉ người đứng đầu một tổ chức, một đơn vị hành chính nào đó,<sup>(1)</sup> giống như *thủ lĩnh*, *thủ thư*, *thủ tướng*...

(1) Thạch Phương, Lê Trung Hoa (chủ biên), *Từ điển Thành phố Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr. 384.



Chính quyền thời ấy đã cho lập đồn binh ở Thủ Thiêm để kiểm soát việc đi lại trên sông Sài Gòn và để phòng thủ cho khu vực trung tâm. Có thể do người chỉ huy đồn binh tên là Thiêm nên dân gian quen gọi đồn binh đó là Thủ Thiêm và sau đó tên này trở thành tên của vùng đất.

Một địa danh quen thuộc, đã có tên tuổi, cùng với lịch sử hình thành vùng đất này, trước tiên phải kể đó là *Bến đò* Thủ Thiêm. Bến đò là địa điểm tiếp nhận đầu tiên của cư dân vùng đất này. Tại đây con người bắt đầu xây dựng, tổ chức cuộc sống của mình bằng nghề chài lưới, buôn bán trên sông. Dần dần về sau bằng sức mạnh của cộng đồng làng xã, họ đặt chân đến những vùng đất liền để khai hoang, định cư và sinh sống, tạo dựng nên một cộng đồng dân cư như Thủ Thiêm ngày nay.

*Cá Trê* là một tên gọi được dùng để chỉ cho nhiều địa danh. Đó là các con rạch Cá Trê Lớn, Cá Trê Nhỏ và đó cũng là tên một đồn binh được lập vào thế kỷ XVIII. Đồn Cá Trê có tên chữ Hán là Giác Ngư, còn sách sử triều Nguyễn gọi là Tả Định, nằm trong hệ thống phòng thủ của Gia Định vào thời kỳ giao tranh giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn (1782). Đối diện với đồn Cá Trê bên kia sông là đồn Hữu Bình, còn gọi là Thảo Câu



Hình 17. Dọc bờ sông ở phường An Lợi Đông là đường Cây Bàng



Từ phà Thủ Thiêm đi dọc theo bờ sông về phía Nam, theo đường Cây Bàng chúng ta đi qua nhiều cầu bắc qua các con rạch là cầu Ông Cậy, cầu phao số 5, cầu phao số 11, cầu phao số 13. Mỗi địa danh ấy đều có xuất xứ từ những đặc điểm của địa hình.

Tên gọi *Cây Bàng* là vì trên đường dọc theo bờ sông này là những hàng cây bàng, vốn là loại rất gần gũi trong cuộc sống hàng ngày của những người nơi đây. Vào những buổi trưa người dân thường mắc võng dưới những tán bàng đầy bóng mát để nghỉ ngơi hay ngồi nhâm nhi cà phê hay một ít rượu đế.

Chiếc cầu *Ông Cậy* hiện nay được làm bằng xi măng cốt sắt vừa đủ rộng cho một chiếc xe chở hàng cỡ nhỏ chạy qua. Ông Cậy là tên gọi của cây cầu và cũng tên gọi của con rạch. Tên gọi này nguyên thủy là Ông Cai, nhưng lâu dần được đọc trại thành Ông Cậy. Cầu có thể do một viên quan thời Nguyễn có chức vụ là cai chỉ huy xây cất, nên cầu được gọi là cầu Ông Cai. Thời kháng chiến, đồn Giác Ngư, cầu Ông Cậy là những địa điểm đóng quân của Pháp, nơi đây Pháp đã từng nổ súng tấn công Việt Minh. Cầu Ông Cậy là nơi mà lính Tây dùng làm pháp trường để bắn chết rồi thả trôi sông những người đánh Tây ở vùng Thủ Thiêm bị chúng bắt được sau những cuộc bố ráp, đốt phá mà dân chúng Thủ Thiêm gọi là “bao bố nhìn mặt”: Tây mua chuộc người địa phương, cho trùm bao bố lên đầu để dấu tung tích rồi cho ra nhìn mặt những người bị Tây bắt trong những cuộc lùng xết, người nào bị bao bố gậy đầu thì bị cho đi “tắm” sông ở cầu Ông Cậy<sup>(1)</sup>. Các xác chết được dân địa phương vớt lên, đem chôn rồi lập miếu thờ. Vì vậy, vùng đất dọc bờ sông có rất nhiều miếu thờ vong linh người chết.

Các tên gọi bằng số (*cầu phao 5, cầu phao 11, cầu phao 13*) của các cây cầu tiếp theo là căn cứ vào tên gọi của các phao được

(1) [www.viethoc.com](http://www.viethoc.com), “Thủ Thiêm 50 năm về trước”, 31/07/2002



đánh số từ ngoài sông. Tên gọi có từ thời Pháp khi các phao được thiết lập.

Đi ngược lên phía Bắc, ta gặp *cầu Cống*, là tên gọi của chiếc cầu bắc qua con rạch đối diện với rạch Thị Nghè ở bên kia sông Sài Gòn. Cầu có tên là Cống đơn giản vì ở đây có bắc cống cho nước chảy qua.

Đa số những con rạch ở đây có tên gọi dính liền với thiên nhiên như rạch Lá, rạch Cá Trê Lớn, rạch Cá Trê Nhỏ, rạch Bần Cụt, xẻo Ông Rái, rạch Ngọn Én hay tên của những người sống lâu năm ở đó như mương Bà Bằng.

*Rạch Lá* được gọi như thế vì đơn giản đó là con rạch có nhiều lá dừa nước hai bên bờ. *Rạch Cá Trê Lớn* và *Cá Trê Nhỏ* được gọi như thế là vì ngày xưa ở hai con rạch này có nhiều cá trê. Hai con rạch được phân biệt với nhau hai chữ Lớn và Nhỏ. Ở đây “Lớn” hay “Nhỏ” không phải vì hai con rạch ấy lớn nhỏ khác nhau, cũng không phải vì cá trê ở rạch này lớn hơn cá trê của rạch kia, mà đơn giản là vì người ta gọi tên con rạch này là Cá Trê, rạch thứ hai cũng có nhiều cá trê, cũng được gọi rạch Cá Trê, và thế là để phân



Hình 18. Cầu Ông Cậy



biệt, con rạch đầu tiên mang tên cá Trê được gọi là Lớn, con thứ hai được gọi là Nhỏ. Bây giờ, trên giao thông, người ta gọi là Cá Trê I và Cá Trê II.

Rạch *Bần Cụt* được mang tên của loài cây vùng ngập nước như đã viết ở trên.

Rạch *Ngọn Én* nằm sâu trong lõi của đất Thủ Thiêm. Nơi đây trước đây có rất nhiều én. Trên vùng đất hoang sơ, trên những rừng bần san sát, từng bầy én đậu kín cả vùng. Hiện nay, én vẫn còn tụ lại ở đây làm tổ, sinh sôi nảy nở dù con người đã có tác động nhiều đến vùng đất này.

Ngoài tên gọi theo tự nhiên, rạch ở Thủ Thiêm còn gọi theo tên của những di tích, công trình tôn giáo, tên người gắn liền với vùng đất này như rạch *Bảng Đỏ*, rạch *Miếu Cây Dương*, rạch *Ông Cây*.

Rạch *Bảng Đỏ* có tên gọi như vậy vì ở đầu con rạch đó có một biển màu đỏ làm tín hiệu giao thông, đảm bảo an toàn giao thông đường thủy.

Xẻo *Ông Rái* vốn trước đây là một con lạch có rất nhiều rái cá. Lâu ngày người dân lập miếu thờ, trở thành xẻo Ông Rái.

Rạch *Cửa Lớn* bắt nguồn từ sông Sài Gòn, nằm giáp ranh giữa phường An Lợi Đông và phường Bình Khánh (trước cầu Cá Trê 1). *Cửa* là lối vào của kênh, rạch. Vị trí giáp với các con sông. *Lớn* vì cửa của con rạch này lớn hơn cửa của các con rạch khác trong vùng. Vì vậy, người dân gọi nơi đây là rạch Cửa Lớn để phân biệt với các con rạch khác ở Thủ Thiêm.

*Xóm Chùa* vì trong xóm đó có ngôi chùa Đông Hưng và xóm Đình vì ở đó có ngôi đình An Khánh.

*Xóm Than* vì dưới thời Pháp thuộc, trên bờ sông Sài Gòn, đối diện với xưởng Ba Son, Pháp cho lập một kho chứa than để cung



cấp than đá cho các tàu hơi nước và để sử dụng trong hoạt động sửa chữa tàu thủy của hãng Ba Son. Xóm Than ngày nay nằm ở khu vực miếu Cây Dương, phường An Khánh.

Các địa danh của Thủ Thiêm nói lên cuộc sống sông nước, hòa hợp với thiên nhiên của cư dân. Những tên gọi mộc mạc hẳn sẽ sống mãi với con người thành phố, với vùng sông nước Thủ Thiêm.



## Chương II

# Văn hóa vật chất

Là một bộ phận trong nền văn hóa chung của thành phố, văn hóa vật chất của Thủ Thiêm luôn mang âm hưởng văn hóa của thành phố. Những thay đổi trong văn hóa vật chất của thành phố cũng là những thay đổi trong văn hóa vật chất của Thủ Thiêm, nhưng ở những cung bậc khác nhau. Những cung bậc khác ấy có thể là do mức sống của cư dân Thủ Thiêm so với cư dân thành phố có phần chênh lệch và cũng có thể do những điều kiện vật chất, điều kiện thiên nhiên đặc thù ở đây. Như vậy, văn hóa vật chất tại Thủ Thiêm phản ánh văn hóa vật chất của thành phố, nhưng cũng phản ánh đặc trưng của nó. Điều kiện thiên nhiên của vùng nông thôn, lối sống sông nước, mức sống của cư dân là những yếu tố làm cho văn hóa vật chất Thủ Thiêm có phần khác với khung cảnh chung của thành phố.

### 1. Trang phục

Cách ăn mặc của người Thủ Thiêm qua các thời kỳ, không khác mấy so với cách ăn mặc của thành phố, nhưng ở đây chất thôn dã mạnh hơn nên vẫn có sự phân biệt khá rõ.

Ở Thủ Thiêm vào khoảng trước năm 1954, quần áo thông thường chỉ có hai màu cơ bản là trắng và đen chứ không nhiều màu sắc như nội thành. Nam giới và nữ giới hầu như chỉ mặc áo bà



ba, quần đen. Nhà giàu thì mặc những loại vải gần giống với kaki hiện nay hoặc vải lanh (lành Mỹ A, Tân Châu) hoặc tơ tằm. Những người nghèo thì mặc quần áo bà ba may bằng vải ú, vải tám nhuộm. Trang phục trang trọng có tính truyền thống của nam giới là áo dài đen, khăn đóng. Còn với phụ nữ, trang phục trang trọng là áo dài. Áo dài được may rộng, không chít eo, mặc với quần đen hoặc trắng. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là cách ăn mặc của những gia đình khá giả. Trang phục thông thường của nam giới thời kỳ trước vẫn là quần đen, áo bà ba, áo dài.



Hình 19a. Nam giới trong trang phục truyền thống những năm đầu thế kỷ XX



Hình 19b. Phụ nữ trong trang phục theo kiểu Bắc Bộ (khu vực xóm đạo)



Hình 19c. Phụ nữ trong trang phục áo dài truyền thống



Khu vực xóm đạo quanh nhà thờ là nơi tập trung nhiều người Bắc di cư vào từ những năm đầu của thế kỷ XX. Vì vậy, trang phục của nam giới và nữ giới ở đây vào khoảng trước năm 1945 có phần giống với trang phục của vùng Bắc Bộ. Nam giới có người vẫn mặc áo the, còn nữ giới mặc những kiểu áo dài gần giống áo tứ thân.

Cho đến năm 1954 vẫn còn nhiều người lớn tuổi trong vùng mặc kiểu trang phục này. Bên cạnh đó, những người giàu có, làm việc cho Pháp hay làm những công việc phải tiếp xúc nhiều với hoạt động của cảng Sài Gòn, thường có lối ăn mặc giống như người trong nội thành thành phố. Họ mặc Âu phục, đi giày Tây khi đi làm, đi chơi hoặc trong những buổi lễ quan trọng. Từ khoảng những năm 50 trở về sau, Âu phục mới dần dần trở nên phổ biến ở đây. Tuy nhiên, ở những vùng sâu phía trong đồng ruộng người ta hầu như vẫn còn mặc những trang phục truyền thống như áo bà ba, quần đen được may từ loại vải rẻ tiền.

Đến những năm 70, cách ăn mặc của người dân Thủ Thiêm cũng theo những trào lưu ăn mặc của người Sài Gòn. Lúc này, giữa các tầng lớp cư dân Thủ Thiêm cũng không có nhiều sự khác biệt lắm trong các kiểu cách của trang phục, chỉ khác chăng là người có điều kiện khá hơn thì ăn mặc đẹp, dùng loại vải đắt tiền hơn. Lúc này, hầu như người dân đã quen với Âu phục.

Ở nhà thì phụ nữ cũng mặc đồ bộ như ngày nay, nhưng kiểu đơn giản hơn như may các bộ quần áo có túi trước, cổ lá sen... Phụ nữ, nam giới khi đi làm cũng mặc quần tây áo sơ mi. Người ta cũng mặc Âu phục trong những buổi lễ Tết hoặc đi chơi. Trang phục của thanh niên lúc bấy giờ cũng theo một như quần ống rộng, áo sơ mi. Tuy nhiên, thời kỳ này áo bà ba, quần đen vẫn còn được nhiều người dân có mức sống trung bình sử dụng. Riêng những người làm nông, khi ra ruộng, thì mặc đồ bà ba đen cho tiện, khi về nhà vẫn thay đồ bộ.





Hình 19d. Trang phục của nam giới, nữ giới mặc khi đi chơi vào những năm 70



Hình 19e. Các kiểu áo, kiểu tóc của nữ vào những năm 70



Hình 19f. Trang phục trẻ em (thập niên 70)



Hình 19g. Trang phục nữ sinh

Một số trang phục phụ đi kèm mà người dân Thủ Thiêm vẫn thường sử dụng là khăn rằn quàng đầu, quàng cổ như cách của người Nam Bộ. Riêng phụ nữ quanh khu vực nhà thờ vẫn vẫn khăn đen, khăn mỏ quạ như người Bắc. Chỉ có ở khu vực này phụ nữ mới vẫn khăn như vậy.



Những năm gần đây, cách ăn mặc của người dân Thủ Thiêm cũng theo những xu hướng ăn mặc chung của người dân thành phố. Vải may quần áo bây giờ cũng đa dạng hơn trước. Hiện tại, phụ nữ thường dùng vải thun để may quần áo ở nhà cho tiện lợi. Nam giới thường sử dụng các loại áo dệt kim. Người dân cũng thường dùng quần áo may sẵn làm đồ mặc ở nhà. Trang phục khi đi ra ngoài, đi làm hoặc đi chơi cũng đa dạng hơn. Người ta có thể mua các loại quần áo kiểu may sẵn hoặc đi may ở các tiệm lớn. Một số người biết may thì tự thiết kế kiểu quần áo cho mình. Tuy nhiên, mặc dù trang phục hiện nay rất đa dạng nhưng áo bà ba vẫn còn được người dân sử dụng, đặc biệt là ở những người lớn tuổi.

Trước đây ở Thủ Thiêm có nhiều gia đình biết may. Có những nhà mở tiệm may, nếu không thì họ cũng tự may lấy quần áo cho gia đình mình. Nhiều phụ nữ, nếu không có máy may, đặc biệt ở những gia đình nghèo vẫn may bằng tay những bộ quần áo đơn giản như đồ bà ba. Những người giàu có thì may ở những tiệm lớn sang trọng ở Thủ Thiêm hoặc qua Sài Gòn, nhưng đó không phải là trường hợp phổ biến. Khoảng những năm 1960 ở Thủ Thiêm có khá nhiều tiệm may phục vụ cho cư dân tại chỗ. Hiện nay nhiều gia đình ở Thủ Thiêm vẫn còn máy may để sử dụng trong nhà dù đã có khuynh hướng đi may ở tiệm mỗi ngày một lớn.

Về giày dép, thời trước người dân thường đi guốc gỗ, cả nam giới lẫn nữ giới. Ở nhà họ đi guốc thấp, nhất là vào mùa mưa. Chỉ khi nào đi đám tiệc thì phụ nữ mới đi guốc cao. Về sau có thêm nhiều kiểu giày dép khác như giày da, dép nhựa, dép cao su. Những gia đình khá giả dùng các kiểu giày, dép da hiện đại.

Phụ nữ Thủ Thiêm thuộc tầng lớp khá giả ngày xưa cũng đeo những đồ trang sức quý giá như vàng hay cẩm thạch. Những người có tiền thì đeo trang sức cả khi ở nhà, còn tầng lớp trung bình chỉ đeo khi có đám tiệc. Họ cũng có đầy đủ một số mỹ phẩm thời thượng hồi đó, tuy không đa dạng như hiện nay và có thói quen trang điểm, nhưng chỉ là tự trang điểm một cách đơn sơ. Còn ở



vùng đồng ruộng, thì phụ nữ có một lối sống khác, hầu như không đeo trang sức cũng như trang điểm kể cả khi có đám tiệc.

Về kiểu tóc, trước đây phụ nữ để tóc dài bới lên, con gái thì kẹp tóc. Những năm 50, người ta bắt đầu đi tiệm làm tóc. Các bà các cô lớn tuổi khi có đám tiệc thịnh soạn cũng đi làm đầu, bới tóc, hoặc gắn thêm tóc giả. Phong trào uốn tóc quăn bắt đầu có vào khoảng những năm 60. Còn thói quen nhuộm tóc thì chỉ mới xuất hiện mấy năm gần đây.

Nhìn chung, tại Thủ Thiêm trước đây cũng như những vùng nông thôn Nam Bộ khác, người dân ăn mặc mộc mạc và giản dị. Chỉ có khu vực dọc bờ sông, nơi tập trung những người làm các công việc gần với vùng đô thị Sài Gòn thì lối sống cũng như cách ăn mặc có khác biệt đôi chút. Theo thời gian, sự khác biệt này dần dần đã không còn nữa. Hiện tại cách ăn mặc của người Thủ Thiêm cũng không khác biệt với những nơi khác trong thành phố. Trẻ em cũng mặc quần áo jean, kaki, thun đủ kiểu. Thanh niên nam nữ cũng theo những mốt thịnh hành như quần jean, áo thun, váy.... Tuy nhiên, bộ đồ bà ba, đặc trưng của Nam Bộ, vẫn chưa mất hẳn trong cuộc sống của người Thủ Thiêm.

## 2. Ẩm thực

Ẩm thực tại vùng đất bán đảo Thủ Thiêm về cơ bản cũng giống với ẩm thực Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh và cả với vùng nông thôn sông nước Nam Bộ.

Ngày xưa, nguồn lương thực, thực phẩm của hộ gia đình tại vùng đất này, nhất là những gia đình nông dân, chủ yếu được lấy từ vụ mùa thu hoạch của mình. Bên cạnh đó cũng có một số phải mua từ chợ, là những mặt hàng được mang đến từ nhiều nơi khác bằng đường sông.

Những món ăn ngày thường của cư dân Thủ Thiêm cũng không khác gì so với những món ăn truyền thống của gia đình Việt. Bữa ăn phong phú thường gồm cơm, canh, thịt hoặc cá. Trong bữa



ăn, cơm là thức ăn chủ yếu. Mỗi người ăn từ 2 đến 3 bát, thanh niên, trai tráng thì ăn nhiều hơn để có sức lao động. Trên bàn ăn ngoài nồi cơm, còn có các món ăn như canh chua cá lóc, canh rau muống, cá kho, cá chiên, thịt xào, thịt luộc...

Bữa ăn trong những gia đình khá giả, trung lưu hay nghèo khó cũng khác nhau. Nhà giàu thì trong bữa ăn rất đầy đủ các món ăn. Cơm được nấu từ gạo ngon, đất tiền, bữa ăn chủ yếu của họ là các món ăn. Còn bữa ăn của nhà nghèo thì ngược lại, có khi bữa ăn của họ chỉ đơn giản là ít cá, tép bắt ngoài đồng, các loại rau mọc ven bờ ruộng, kênh rạch...

Thủ Thiêm còn được biết đến qua nhiều món ăn đặc sản của vùng nông thôn sông nước. Những món ăn mà họ kiếm được trong vùng như bắp non nướng lửa lò, bánh xèo, khô mắm cá tra, chuột đồng nướng, cá tươi, ốc, tôm cua, ếch, rắn... Đó là những thức ăn sau những buổi đi hái, đi câu, đi lưới, đi lộp, đi đơm chuột, đi soi ếch, đi bắt cua... Những thức ăn do chính lao động trực tiếp mà có, lại là những thực phẩm tươi ngon mà người ta lấy được từ thiên nhiên sông nước.

Những món ăn dân dã đó của người dân Thủ Thiêm vẫn còn được giữ cho đến ngày hôm nay. Trước đây, người dân trong vùng vẫn trồng bắp và dùng bắp non để nướng. Những năm gần đây bắp không được trồng nhiều ở vùng này nữa vì vậy món bắp non nướng cũng không còn hương vị đặc sắc riêng của vùng Thủ Thiêm nhưng vẫn là một trong những món ăn chơi thú vị của người dân ở đây.

Món bánh xèo phổ biến ở nhiều nơi nhưng ở Thủ Thiêm, nguyên liệu và gia vị được lấy từ thiên nhiên sông nước địa phương. Bánh được làm từ bột gạo, ăn kẹp chung với rau sống như lá đọt mọt, lá kèo nèo, hẹ, xoài non, là những thứ lá dễ tìm trong ruộng, vườn của các gia đình. Người dân vẫn thường làm bánh xèo trong những ngày rảnh rỗi.





**Hình 20a. Bắp non nướng,  
một trong những món đặc sắc  
ở Thủ Thiêm**



**Hình 20b. Các loại ốc: ốc gạo, ốc dừa,  
ốc mỡ cũng là một trong những món  
ăn vặt của người Thủ Thiêm**

Thủ Thiêm nổi tiếng là vùng đất có nhiều loại cá. Đặc sản của địa phương là khô mắm cá tra. Sau đánh bắt, qua nhiều công đoạn chế biến, cá đã trở thành khô thịt rất chắc và ngon, góp phần tô điểm thêm hương vị đặc sản của một vùng quê sông nước.

Ngày nay, trong những ngày lễ, giỗ bên cạnh những món ăn hiện đại được bày nấu rất công phu và trang trí đẹp mắt như cà ri, gỏi, lẩu... những món đặc trưng của vùng nông thôn sông nước là nét văn hóa ẩm thực không thể thiếu. Tết đến, cư dân Thủ Thiêm cũng có tục gói bánh chưng, bánh tét, bánh ít; nấu các món cá kho, thịt kho tàu,...

Tuy nhiên, nghệ thuật trưng chế hay trang trí cho nghi lễ bàn tiệc thêm đẹp mắt, sang trọng như kết trái cây thành hình con rồng, phụng hiện nay rất ít thấy, có chăng cũng chỉ ở những nhà giàu. Nghệ thuật này không được giới trẻ Thủ Thiêm quan tâm có thể vì nó quá cầu kì so với nhịp sống sôi động của đô thị ngày nay.

Nội trợ và việc bếp núc vẫn là công việc đảm đương của người phụ nữ. Tuy nhiên hiện nay, do lối sống đô thị tác động, nam giới cũng tham gia trực tiếp vào công việc nấu nướng hàng ngày ở gia đình.



Văn hóa ẩm thực của cư dân Thủ Thiêm xưa cũng không khác so với các vùng miền trong cả nước. Nhưng phong cách ăn uống ở đây mang nét đặc trưng của cư dân sông nước. Đó là sự đơn giản trong cách bày bàn, không thêm thắt cầu kỳ.

Bữa cơm gia đình là thời gian để giữa các thế hệ con cháu, cha mẹ, ông bà, sum vầy lại bên nhau, tạo thành bầu không khí gia đình đầm ấm. Trong bữa ăn các thế hệ thường ngồi chung một bàn, không chia bàn trên, bàn dưới. Việc phân biệt này chỉ có trong ngày thường, còn trong ngày giỗ lễ thì khác. Bàn trên, bàn giữa đặt ở vị trí trang trọng được dành cho người lớn tuổi, bậc cha anh. Còn bàn dưới, bàn phụ thì dành cho con cháu, người nhỏ tuổi..

Bữa cơm thường ít được dọn kèm theo thức uống, chỉ có đàn ông thường có thói quen nhấp vài ly rượu để trước khi ăn vì họ cho rằng có như thế ăn cơm mới thấy ngon. Một thói quen mà chúng ta thường bắt gặp là đàn ông hay thanh niên thường tụ tập lại ở một nhà nào đó rồi cùng nhau uống rượu. Rượu ở đây là rượu đế được nấu trong vùng, làm từ gạo rất ngon. Thú vui của họ là được ngồi bên nhau, cùng nhau uống và trò chuyện.

Bên cạnh ăn, uống, hút thuốc lá cũng được coi là một nhu cầu và là thói quen của nam giới. Ở Thủ Thiêm, số đông nam giới ngày nay hút thuốc điếu. Còn ăn trầu cũng là nét văn hóa đặc trưng của dân tộc Việt, theo quan niệm thì ăn trầu sẽ làm cho răng chắc khỏe, da dẻ hồng hào. Theo tập tục thì con gái chưa có gia đình và chưa sinh con thì không nên ăn trầu. Tuy nhiên, tục ăn trầu có thể nói là đã biến mất trên vùng đất Thủ Thiêm.

Thủ Thiêm trong tư thế chuyển mình, vận động và phát triển nhằm rút ngắn dần khoảng cách đối lập giàu nghèo giữa vùng này và trung tâm thành phố, dù chỉ cách nhau một con sông. Hòa mình trong sự chuyển biến chung trên mọi lĩnh vực của xã hội, văn hóa ẩm thực truyền thống của cư dân Thủ Thiêm xưa và nay hòa quyện vào nhau tạo nên nét văn hóa ẩm thực của một Thủ Thiêm vừa



mang tính truyền thống đặc trưng của vùng nông thôn sông nước vừa mang tính hiện đại của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

### 3. Nhà ở

Nhà ở của người dân Thủ Thiêm có những đặc trưng cho từng thời kỳ phát triển. Bên cạnh đó, kiểu nhà ở cũng thể hiện được mức sống khác nhau của các tầng lớp cư dân. Có thể xếp nhà ở Thủ Thiêm vào các dạng sau:

- Nhà kiến trúc cũ thời Pháp
- Nhà xây kiên cố từ thập niên 70, 80
- Nhà kiên cố, biệt thự xây theo kiến trúc hiện đại
- Nhà gỗ của thập niên 80
- Nhà bán kiên cố được xây bằng nhiều dạng vật liệu như sắt, tôn, gỗ, gạch.
- Nhà sàn, nhà tạm bợ ven sông

Nhà ở trên từng vùng ở Thủ Thiêm phát triển theo từng thời kỳ khác nhau. Khu quanh bến phà Thủ Thiêm, khu ven bờ sông phát triển trước, dần vào bên trong càng thưa thớt, đến vùng lõi thì chỉ là đồng ruộng, thỉnh thoảng có vài cái chòi nhỏ bằng lá.

Người dân không xem hướng nhà như những vùng khác vì bị chi phối bởi địa hình sông rạch. Nhà thường được xây hướng ra mặt đường hoặc mặt hẻm. Nhà sàn thì mặt tiền hướng ra đường chính, mặt sau hướng ra sông, rạch, hồ.

Dọc đường bờ sông có rất nhiều dãy nhà được xây dựng từ thời Pháp thuộc. Những ngôi nhà này có niên đại khá lâu, từ những năm đầu thế kỷ XX, có nhà xây từ năm 1905. Dãy nhà này không nối liền với nhau mà ngắt quãng thành từng đoạn, hầu hết đều được lợp ngói, vốn là sở hữu của một người chủ. Dãy nhà được xây lên để cho thuê mà khách hàng là các công chức làm ở cảng hay ở hãng đóng tàu. Hiện giờ dãy nhà này chỉ còn lại một vài căn nhà ba gian, một vài căn nhà liên kế và một vài căn nhà cổ (mái bánh ú).





Hình 21a. Dãy nhà cổ dọc bờ sông,  
thường được gọi là  
dãy nhà thầy Năm Lộc



Hình 21b. Nhà cổ có từ năm 1930

Xóm Đạo quanh nhà thờ Thủ Thiêm cũng là nơi ở của phần lớn những người làm cho Pháp ngày xưa. Nhà ở của họ thường bằng ngói, ba gian. Hiện nay còn sót lại một số căn nhà cổ trên đường Nhà thờ vẫn còn dạng này. Gạch lót nền được nhập từ Pháp sang cũng đã tồn tại theo căn nhà được cả trăm năm. Nhà có sân trước và sân sau. Hiện tại những ngôi nhà này vẫn còn lưu giữ lại được cấu trúc nguyên vẹn như ngày xưa, từ gạch bông đến những tấm cửa có chạm khắc hoa văn. Bên cạnh các ngôi nhà cổ, hiện nay là những căn nhà ống hiện đại, kiểu dáng không có gì đặc sắc, nhưng chứng tỏ người dân có mức sống tương đối khá.

Kiểu nhà trước đây hầu hết là ba gian, dù là bằng lá hay bằng gạch, có mặt tiền rộng, có nhà rộng đến 9m. Cách bày trí trong nhà giống hầu hết loại nhà ba gian ở Nam Bộ. Gian giữa để tủ thờ và bộ bàn ghế để tiếp khách, hai gian hai bên là hai bộ ván để ngủ, phía trong là buồng. Nhà thường có một chái bên cạnh để làm nhà bếp. Nhà ở của nhà giàu hay của công chức Pháp thường là nhà ngói, cũng xây theo kiểu ba gian, nền nhà cao hơn mặt đường từ 1 đến 1,5m để tránh nước triều dâng lên.

Trước nhà là sân rộng rãi, thường được lát bằng gạch tàu nếu là gia đình khá giả, nếu không là nền đất nện. Nghèo hay giàu đều



thích trồng hoa vì vậy hầu hết các sân nhà đều có, ngoài bàn thờ thiêng, là những chậu kiểng hoặc trồng trang trí các loại cây có hoa như mai chiếu thủy, nguyệt quế, hoặc loại cây hoa ngắn ngày như vạn thọ, bông trang, bông móng tay, bông dừa, bông mười giờ, bông trâm ôi. Hàng rào các nhà thường được trồng bằng dây cây dâm bụt chen lẫn bông giấy, bông tigôn. Đặc biệt cây bông giấy và tigôn là rất hợp thủy thổ ở đây, hoa trổ rực rỡ cả vùng.

Trước đây, vào khoảng thập niên 50 phần lớn nhà ở Thủ Thiêm là nhà lá, chỉ có một vài gia đình giàu có thì xây nhà tường gạch. Vào khoảng thập niên 70, 80 người dân bắt đầu dùng gỗ để dựng nhà và sau này mới có nhà bê tông. Kiến trúc nhà càng về sau càng hiện đại hơn cũng theo trào lưu kiến trúc chung của thành phố. Tuy nhiên, loại nhà có nhiều nhất ở đây vẫn là nhà cấp 4, bán kiên cố được xây bằng nhiều dạng vật liệu. Những nhà nghèo ở ven bờ sông chủ yếu là nhà tạm bợ, lắp ghép từ các tấm ván tạp. Phần lớn ván này được nhặt từ dưới sông do các con tàu lớn vớt đi.

Một nét đặc biệt vẫn còn thấy ở Thủ Thiêm trong kiến trúc nhà ở là những căn nhà bằng gỗ. Những căn nhà này được xây dựng vào khoảng những năm 80, giống như căn nhà cổ truyền thống vẫn thấy ở Nam Bộ và ở Sài Gòn, nhưng đơn giản hơn, không cầu kỳ bằng. Vật liệu để xây hoàn toàn bằng gỗ. Vì, kèo được trang trí nhẹ nhàng nhưng phần lớn các cửa ra vào đều có chạm lộng. Cột bằng gỗ tốt, phía dưới cột là đá tảng hay bê tông làm trụ. Không khí trong nhà thoáng mát.

Một dạng nhà khác đáng chú ý là nhà sàn ven kênh rạch. Tuy đã bị giải tỏa khá nhiều, nhưng hiện nay, loại nhà sàn vẫn còn hiện diện dọc những con rạch nhỏ. Nhà thường làm bằng gỗ, ván đóng lại với nhau, ở trên lợp bằng lá. Một phần của căn nhà nhô ra trên nước. Cừ tràm hoặc cột bê tông được đóng dưới nước để chịu lực. Có nơi chủ nhà giữ đất dùng trôi bằng những bờ kè bằng đá, có chêm các bao cát hay lấy cọc đan chéo vào nhau cho vững vàng.



Loại nhà lá hiện nay vẫn còn. Ta chỉ cần lùi sâu một chút vào phía sau những con đường trải nhựa, trong những con hẻm hoặc đường ruộng quanh co là bắt gặp những ngôi nhà lợp hoặc được dựng hoàn toàn bằng lá. Lá được dùng ở đây là lá dừa nước có khắp quanh vùng. Muốn có lá để dựng nhà, người dân chỉ cần ra ven rạch, chặt lá về, xé dọc làm hai rồi đem phơi. Loại lá này gọi là lá xé. Lá xé vừa mát vừa không mắc tiền. Cư dân Thủ Thiêm vẫn thích nhà lá vì mát mẻ và dễ dàng khi sửa chữa.



Hình 21c. Nhà được dựng bằng gỗ của gia đình có mức sống khá



Hình 21d. Nhà được dựng bằng gỗ tạp



Hình 21e. Nhà được ghép bằng gỗ, tôn





Hình 21f. Những căn nhà sàn làm bằng các loại vật liệu nhẹ ở ven ao hồ



Hình 21g. Nhà lá, hẻm 140  
đường bờ sông, An Lợi Đông



Hình 21h. Nhà mái lá trên đường  
Lương Định Của



# Chương III

## Văn hóa tinh thần

### I. CÁC CƠ SỞ VĂN HÓA, TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

Bảng phân bố các cơ sở theo địa bàn từng phường trên địa bàn Thủ Thiêm

Phường An Khánh	Phường Thủ Thiêm	Phường An Lợi Đông
Đình An Khánh	Dòng Mến thánh giá	Chùa Đông Thạnh
Chùa Thiền Tịnh	Nhà thờ Thủ Thiêm	Tịnh xá Ngọc Thanh
Chùa Đông Hưng	Đền Quan Bơ	Tịnh xá Như Lai
Chùa Liên Trì	Đền Cô Bơ	Miếu An Lợi Vạn
Chùa Hội Đức	Chùa Giác Chơn	Miếu Bà Thủy Long
Chùa Linh Sơn	Miếu Ông Địa	Miếu Ngũ hành Bảng Đỏ
Tịnh thất Phước Quang	Giai Quới Miếu	Miếu Ngũ hành Ông Ớn
Miếu Cây Dương	Thánh thất Thủ Thiêm	Miếu Chiến sỹ
Miếu cây Trôm		Nhà nguyện Thánh Tâm
Miếu Cây Đa		
Ngọc điện Huỳnh Hà		

#### 1. Đình

Bất kỳ một làng quê nào ở Việt Nam cũng có một ngôi đình. Đã từ rất lâu rồi, khi nói đến văn hoá làng - nét văn hóa của nông thôn Việt Nam, chúng ta liên tưởng ngay tới những hình ảnh rất đặc trưng, làm nên biểu tượng của làng quê. Đó là những hình ảnh



của làng cùng đình làng, cây đa... Từ bao đời nay, đình làng là hình ảnh thân quen, gắn bó với tâm hồn của mọi người dân Việt, là nơi chứng kiến những sinh hoạt, lễ thói và mọi đổi thay trong đời sống xã hội của làng quê Việt Nam qua bao thế kỷ.

Ngôi đình trang trọng và thiêng liêng, nói lên tính chất của cuộc sống làng xã, về tính cộng đồng về tôn ti trật tự trong nông thôn, là nơi tụ họp mọi người trong mọi sinh hoạt chung. Đình làng trở thành một nơi thân quen gần gũi, là nơi che chở, là nơi ở, là cuộc sống của những người nông dân Việt Nam. Ngôi đình làng Việt Nam là một sáng tạo của con người Việt hòa nhập trong làng quê.

Thông thường, làng nào cũng có đình, mỗi làng là một đình, nhưng tại Thủ Thiêm, dù có đến hơn 3 đơn vị hành chính, nhưng qua thời gian, hiện nay chỉ còn lại hai đình là đình An Khánh và đình An Lợi Đông. Đình Thủ Thiêm đã bị san bằng sau khi Pháp chiếm Nam kỳ.

### **1.1. Đình An Khánh**

Đình An Khánh nằm cách bến phà Thủ Thiêm khoảng 300m, cạnh đường Lương Định Của, trục đường chính của Thủ Thiêm từ bến phà đến đường Trần Nãi và Giồng Ông Tố. Từ đường này vào đình phải theo một con hẻm dài khoảng hơn 100m. Đình nằm giữa một khu dân cư đông đúc. Đây là ngôi đình duy nhất trên địa bàn phường An Khánh, tương ứng với cấu trúc truyền thống trước đây là mỗi làng một đình.

Không rõ đình An Khánh được thành lập vào năm nào. Theo lời kể lại của những cụ già tuổi khoảng 80 – 90 tuổi thì lúc họ còn trẻ, đình đã có rồi. Theo Hải Đường, trong bài “*Ngày Xuân du khảo những chứng tích lịch sử quý hiếm ở quận 2*”<sup>(1)</sup> thì đình An Khánh được khai lập trong khoảng thời gian từ năm 1679 đến 1725.

Chính điện của ngôi đình được cất theo loại nhà tứ trụ, lợp ngói với khung nhà gỗ, tường gạch. Mái đình không uốn cong

(1) Báo *Quận 2*, Xuân 2000, tr.27



nhưng bốn góc có tượng rồng và trên đỉnh nóc có hình lưỡng long châu nguyệt.

Đình quay mặt về hướng Đông. Phía trước chính điện là võ ca rộng rãi với sân khấu để hát khi cúng Kỳ Yên và các ngày lễ hội khác.

Trước sân đình có 2 miếu nhỏ thờ Thần Nông và Thổ chủ.

Trong chính điện, tương tự như các đình khác, ngoài bàn thờ chính thờ Thần hoàng bốn cảnh còn có các bàn thờ Tả ban, Hữu ban, Tiền hiền, Hậu hiền, Tiên sư, Bạch mã Thái giám, Chiến sỹ trận vong, Bạch hổ chơn thần. Đặc biệt trong gian giữa chính điện còn có bàn Tam bảo thờ Phật và gian bên có bàn thờ Quan Thánh, Đức Thánh Trần. Bàn thờ Tam và bàn thờ Quan Thánh đã có từ xưa. Riêng bàn thờ Đức Thánh Trần mới được lập từ sau năm 1975.

Trước ngày Giải phóng, việc thờ cúng ở đình An Khánh được giữ theo đúng như truyền thống. Sau ngày Giải phóng, các cụ trong Hội đình có suy nghĩ là đình thờ vị thần mà không biết rõ là ai, chẳng biết như thế có bị xem là mê tín không. Chính vì thế, các cụ quyết định nên thờ thêm những vị mà mình biết trong lịch sử và các cụ đã lập thêm bàn thờ Trần Hưng Đạo, vị tướng đã đánh thắng quân Mông Nguyên vào thế kỷ XIII. Tuy vẫn thờ Đức Thánh Trần nhưng đình không liên hệ với những đền thờ Đức Thánh Trần khác ở Thành phố hay nơi khác. Đình cũng không tổ chức cúng riêng Đức Thánh Trần, mà chỉ cúng trong những ngày lễ của đình.

Trước kia, ở phía trước chính điện và nhà võ ca có một khoảng sân trống trước mộ Ông (người được người dân xem là Thần thành hoàng của làng). Khu phía Đông đình có nhiều mồ mả. Cổng đi vào thì ở phía Nam của đình. Từ cổng vào đình có một sân rộng và có cây đa lớn. Ngày xưa khi cúng Kỳ Yên, dân chúng đến tụ tập buôn bán thức ăn, nước uống trên sân này.

Trước ngày Giải phóng, chính quyền cũ lấy một phần đất sân đình để xây Trung tâm Phát triển Cộng đồng và đốn mất cây đa. Phần đất mồ mả phía Đông cũng bị lấy để cất một trạm gác cho



lực lượng Nhân dân tự vệ lúc đó. Sau Giải phóng các ngôi nhà và phần đất này do chính quyền quản lý. Ngôi nhà trước đó là Trung tâm Phát triển Cộng đồng thì được cấp cho các viên chức, còn trạm gác được dân biến thành nhà ở. Để chống lại việc lấn chiếm của những người ở chung quanh, Hội đình cho xây tường bao quanh mộ Ông để bảo vệ.

Diện tích khuôn viên đình hiện nay là 740m<sup>2</sup>. Trong đó, diện tích ngôi đình là 362m<sup>2</sup>, còn lại là sân đình, mộ Thần phía sau rộng 117m<sup>2</sup>.

Như thế tổng diện tích khuôn viên đình, gồm cả phần lăng mộ của Thần là 857m<sup>2</sup>.

Toàn bộ cơ sở của đình được dùng làm nơi thờ cúng, ngoại trừ gian nhà nhỏ sát cạnh được dùng làm nơi ở của người trông giữ đình.

Đình An Khánh được trùng tu lớn vào khoảng thập niên 1980. Trước kia mái đình lợp ngói âm dương, nhưng theo thời gian, rui, mè bằng gỗ dần bị mục, mỗi một ăn, mái bị hư hỏng, dột nhiều. Đình được lợp lại bằng loại ngói tráng men. Cột kèo vẫn giữ như cũ trừ một vài cây kèo bị mục phải thay. Cửa đình được làm bằng sắt cho chắc chắn. Nền chính điện được nâng lên khoảng 60cm để được cao ráo. Vì thế, những viên đá tảng hình trụ kê chân cột bây giờ đã bị vùi lấp, không còn thấy được. Vách tường của đình vẫn giữ nguyên, chỉ tô hồ thêm những chỗ bị hư hỏng. Vách tường được xây từ xưa vì ở chân có những lớp gạch xây hình vòm để chịu lực. Kinh phí để trùng tu đình do bá tánh đóng góp bằng tiền, cộng với số tiền quỹ đình tích lũy được trong nhiều năm. Hồi xưa đình An Khánh không có bia ông Hồ. Lần trùng tu này cũng làm bia đắp nổi hình ông Hồ ở đối diện với chính điện, chỗ sân khấu.

Trong đình còn lại một số hiện vật cổ như bàn thờ bằng gỗ, bài vị chữ Thần để thờ ở bàn thờ chính do Hội Quyến Hữu ở Sài Côn cúng (không rõ năm nhưng ta biết địa danh Sài Côn là cách dùng



rất xưa), hai bức hoành phi “*Quốc gia an khánh*”, “*Vạn vật hàm hanh*” do Mộc Ân, các chủ đồ cúng năm 1858<sup>(1)</sup>.

Đình có Hội đình chăm lo việc giữ gìn, tu bổ và tổ chức các lễ cúng tế. Hội gồm những người thành tâm và có nhiệt tình đóng góp công sức cho đình.

Đình không có sắc thần do vua phong. Tuy nhiên, đình còn lưu giữ một mảnh lụa, có thêu các chữ nho: “*Bình Dương huyện, Gia Định tỉnh, Tân Bình phủ, Bình Trị tổng, An Lợi xã, Trần Thống quân Hà Quảng Thống sư, danh lộc tri thủy bộ chi thần, tước sắc Bốn cảnh Thần hoàng*”<sup>(2)</sup>. Không rõ mảnh lụa có từ thời nào nhưng theo nhiều bậc cao niên, nó được cấp từ thời Tự Đức, vào đợt vua ban sắc phong cho nhiều đình trong Nam<sup>(3)</sup>. Tuy nhiên, cho đến nay cũng chưa thấy tài liệu nào cho biết nguồn gốc mảnh lụa và nó được đưa đến đình An Khánh trong hoàn cảnh nào và vào thời điểm nào. Tấm lụa này được dân làng địa phương xem trọng như một sắc thần, được giữ trong tráp, đặt trên bàn thờ chính và chỉ được mở ra vào dịp lễ cúng Kỳ Yên hàng năm. Ngoài ra, hiện nay đình cũng còn lưu giữ một chiếc ấn lớn hình vuông khắc 6 chữ Hán “**Quan Thánh đế quân linh bửu**”, không rõ niên đại của chiếc ấn này và vì sao nó được lưu giữ trong đình An Khánh.

Ta cũng không biết rõ vị Thần Thành hoàng của đình An Khánh có danh hiệu là Trần Thống quân Hà Quảng thống sư là ai. Tuy nhiên, theo ông bà truyền lại thì ngôi mộ to nằm cạnh đình là mộ của vị thần Thành hoàng thờ trong đình. Đây là một ngôi mộ được xây bằng gạch, vữa, hợp chất xưa, có thành bao quanh, bình phong phía trước và bia. Tuy nhiên, do hình đắp nổi trên bia chỉ

(1) Hải Đường, Bài báo đã dẫn, tr.27.

(2) Vị thần họ Trần, thống soái đạo quân Hà – Quảng (Hà Tĩnh – Quảng Bình) chỉ huy cơ doanh Lộc tri thủy bộ xã An Lợi, tổng Bình Trị Trung, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định, được Sắc vua ban cho tước vị Thần hoàng bốn cảnh (Hải Đường, Đình An Khánh, *Quận 2*, số Xuân 1998, tr.9)

(3) Theo Hải Đường trong bài “Ngày xuân du khảo những chứng tích lịch sử quý hiếm ở quận 2” (Báo *Quận 2*, Xuân 2000, tr. 27) thì niên đại mảnh lụa này là năm 1832.



còn vết tích, chữ viết không còn nên không thể biết được tên tuổi người mất.

*Một số lễ cúng tại đình An Khánh:*

Lễ Kỳ Yên được tiến hành hàng năm vào ngày 15-16 tháng 11 âm lịch. Nếu năm nào có hát thì thêm ngày 17. Lệ hát thì 3 năm một lần. Tối ngày 15 (khoảng 19h) cúng cầu an, mời các sư ở chùa lân cận như Đông Hưng, Hội Đức đến cúng. Ngày 16 cúng đầy đủ các lễ như tục lệ cúng đình (Mộc dục lúc 0 giờ, Túc Yết, Đàn cả...), có học trò lễ. Tối 16 làm lễ Xây châu. Ngày 17 tiếp các hội đình, hội miếu các nơi đến cúng và mời đoàn hát bội Thành phố về hát. Lễ Xây châu và Tôn Vương thì phải có hát bội.

Lễ cúng Thượng điền, Hạ điền và Cầu bông hiện nay không được tổ chức nữa vì vùng này không còn ai làm ruộng.

Người dân trong phường và cả những người ở xung quanh và các nơi khác tin tưởng vào sự linh thiêng của đình. Đêm giao thừa và những ngày Tết, người dân An Khánh đến cúng viếng đình khá đông, cầu xin điều may mắn cho suốt cả năm. Ngày thường thỉnh thoảng cũng có người đến thắp hương cúng, cầu xin thần ban phước lành.

Ngoài là nơi thờ thần Thành hoàng, đình An Khánh còn dùng làm nơi hội họp của khu phố vì đình có chỗ rộng rãi. Đình cũng là nơi chính quyền địa phương mượn để đặt thùng phiếu trong các đợt bầu cử.

Người dân An Khánh rất gắn bó với ngôi đình của mình như bao đời cha ông trước vẫn thế. Đình An Khánh không là một di tích lịch sử, chỉ là di tích văn hóa. Từ xưa nay, dân ở đâu thì đình ở đó. Đình gắn với địa danh, làng An Khánh có đình An Khánh, làng Bình Khánh thì đình mang tên là Bình Khánh. Trong tương lai dân địa phương sẽ dời đi nơi khác. Người dân dời về Thạnh Mỹ Lợi thì đình này có dời về đó không? Và nếu dời về đó thì tên An Khánh còn phù hợp không? Đó là những băn khoăn của không ít người dân và Ban quý tế hội đình hiện nay về tương lai ngôi đình sau này.



Một số hình ảnh về đình An Khánh



Hình 22a. Cổng đình An Khánh



Hình 22b. Kiến trúc bên trong đình



Hình 22c. Bàn thờ thần



Hình 22d. Vũ ca



Hình 22e. Tấm lụa ghi vị Thần hoàng bốn cảnh họ Trần



Hình 22f. Mộ thần phía sau đình



## 1.2. Đình An Lợi Đông

Đình An Lợi Đông nằm trên địa bàn phường An Lợi Đông ngày nay. Trên địa bàn phường chỉ có ngôi đình này. Đình tọa lạc trên một khu đất tương đối rộng rãi ở gần rạch Phao số 11, với diện tích khuôn viên khoảng 2.000m<sup>2</sup>. Trước đây, đình còn có khoảng 3.500m<sup>2</sup> đất ruộng. Tổng diện tích đất của đình vào khoảng 5.500m<sup>2</sup>. Nguồn gốc số đất này ngày nay không ai rõ, có thể đó là do dân trong làng cùng khai phá hay do một vài nhà hảo tâm phụng cúng. Diện tích đất ruộng (3.500m<sup>2</sup>) ngày nay đã được giao cho Ban Quản lý Dự án Thủ Thiêm. (theo quy hoạch của thành phố).

Đình cách con đường chính ven sông Sài Gòn khoảng hơn 300m. Đình nằm giữa một khu xóm với khoảng mười ngôi nhà và vườn tược, ao cá... Con đường mòn dẫn vào đình khá quanh co giữa những con mương, ao cá hay hàng rào ngăn cách với sân, vườn của các nhà trong xóm. Đường rộng độ hơn mét, có đoạn được tráng xi măng, có đoạn lát bằng những tấm xi măng.

Khuôn viên đình tiếp giáp phía trước là con đường mòn, chung quanh là những con mương rạch bao phủ bởi nhiều tán dừa nước.

Trước đây, đình An Lợi Đông chỉ có ngôi chính điện với cột kèo bằng gỗ, lợp ngói, vách ván. Năm nào Hội đình cũng lo trùng tu đình. Kinh phí cho việc này lấy từ số tiền còn dư của lễ Kỳ Yên và của người có hảo tâm giúp cho đình. Lần trùng tu lớn vào khoảng trước năm 1990. Trong lần này, chính điện được xây cất lại. Các cột cây đã bị mục được thay bằng cột xi măng, mái vẫn lợp ngói. Chính điện được sửa chữa theo như cách xây cất cũ, giữ nguyên khung nhà và diện tích. Chính điện có 2 mái, trên đình có hai con rồng lưỡng long châu nguyệt. Mái đình không uốn cong như những ngôi đình khác vì không thuê được thợ có tay nghề làm kiểu mái này.

Trước đây, đình có 3 nóc. Nóc của gian chính điện và hậu điện được lợp ngói, nóc phụ từ chính điện đến sân khấu được lợp tôn.



Lần trùng tu này, Hội đình cũng tận dụng số cây cũ của nhà chính vừa dỡ ra để xây thêm các nhà phụ xung quanh. Như thế, kiến trúc hiện nay của đình gồm nhà chính rộng độ 50m<sup>2</sup> cất theo kiểu tứ trụ với các cột được trang trí hình rồng, tường gạch với gian trong là bàn thờ chính thờ thần Thành hoàng.

Đình An Lợi Đông không có sắc phong thần. Trên bệ thờ chính được xây bằng xi măng, có khám thờ chạm trổ, trong đề chữ Hán. Năm 2005, Hội đình đặt thợ ở Thủ Đức làm ba pho tượng bằng xi măng để thờ. Lễ an vị tượng thần được tổ chức ngày 12.8 năm Ất Dậu (2005). Trước bàn thờ là cặp hạt trắng và một bên là tượng bạch mã, tất cả đều bằng xi măng. Ngoài ra còn có trống và mõ gỗ.

Trước gian chính có treo bức hoành phi bằng chữ Hán: “*Bảo An Chính Trực*”. Hai bên bàn thờ chính là những bàn thờ nhỏ thờ tiên hiền, hậu hiền. Dọc bên vách trái còn có bàn thờ Ngũ hành nương nương. Các tượng Ngũ hành nương nương trước là của một ngôi miếu (không rõ vị trí) được gửi vào đình từ năm 2001 sau khi miếu này không còn nữa. Trong đình cũng có bàn thờ Quan Công, Ngũ hổ long thần, Quan Âm,...

Nền gian chính điện được lát bằng gạch tráng men. Trước chính điện là võ ca khá rộng và sân khấu xây bằng gạch. Tất cả đều có mái che. Đây là nơi diễn tuồng vào dịp cúng Kỳ Yên hàng năm. Bên phải của nhà chính là gian nhà khách khá rộng rãi, cột gỗ, vách gạch, lợp tôn. Gian này có 3 bàn hương án thờ những người dân trong làng có công trong việc thờ cúng, gìn giữ và chăm sóc đình. Trên bàn thờ giữa là bảng linh vị các vị tiên hiền, hậu hiền, tiên vãng, hậu vãng với tên của 57 vị, đứng đầu là ông Lê Văn Mười, thường gọi là ông Cả Mười. Phần phía sau là nhà bếp và nơi ở của người giữ đình.

Trước nhà khách, tức bên góc trái chính điện có một cây gừa cổ thụ. Trước kia, nơi đây là cây da to. Tuy nhiên, sau đó cây da bị chết, vì thế cây gừa nhỏ mọc cạnh cây da đã phát triển to lên. Dưới gốc cây là miếu nhỏ thờ Thần Nông.



Trong sân đình khá rộng rãi có tượng Bạch mã. Hình ông Hồ trước kia được vẽ ở vách trước của ngôi chính điện. Khi trùng tu đình, hình ông Hồ được đắp nổi bằng xi măng ở ngay cổng vào. Một bên là hồ, một bên là rông. Ở võ ca, hai bên sân khấu cũng đắp nổi hình rông và hồ.

Về niên đại thành lập của đình An Lợi Đông thì hiện nay các vị bô lão cũng như các thành viên của Hội đình đều không rõ. Người ta chỉ biết là người đứng ra thành lập đình là vị Đại hương cả của làng, ông Lê Văn Mười. Theo Hải Đường, tác giả một bài báo viết về những di tích văn hóa ở Quận 2, đình An Lợi Đông được lập năm 1849. Chứng tích cho niên đại này là đôi liễn do thầy thuốc Lê Văn Đồi (em ruột ông cả Mười) đã cúng cho đình vào năm Kỷ Dậu (1849). Ngoài ra, đình còn lưu giữ được bức hoành phi “Bảo An Chính Trực” do ông Đỗ Công Thúc, bà Phạm Thị Bi cúng cho đình vào năm Tân Dậu (1861) và đôi liễn do Đỗ Công Thúc cúng vào năm Đinh Mão (1867).

Tuy nhiên, nếu đích thực là ông Cả Lê Văn Mười là người lập ngôi đình An Lợi Đông thì cần xem xét lại niên đại này. Ông Cả Mười và vợ (bà Trần Thị Tui) ở tại phường An Lợi Đông (hiện con cháu đã đưa cốt về chôn ở Dĩ An vì vùng này sẽ bị giải tỏa). Con cháu ông Lê Văn Mười có nhiều người hiện đang sinh sống ở An Lợi Đông. Theo ghi chép của chị Lê Thị Thân, cháu gọi ông Cả Mười bằng cố, thì ông Mười sinh năm 1867 và mất ngày 12.9.1946. Những người lớn tuổi trong dòng họ vẫn còn nhớ năm mất của ông Cả Mười. Thêm nữa, năm sanh và mất của ông Lê Văn Mười cũng được ghi trong bảng linh vị các vị tiên hiền hậu hiền, tiền vãng, hậu vãng trong đình An Lợi Đông.

Như thế, năm Kỷ Dậu ghi trong đôi liễn ở đình không thể là năm 1849 mà là năm 1909. Và cũng thế, niên đại của bức hoành phi là năm Tân Dậu (1921) và đôi liễn là năm Đinh Mão (1927). Như thế, ta có thể tạm xác định thời điểm thành lập của đình làng An Lợi Đông là năm 1909, hoặc có thể trước niên đại này một ít.



Theo ông Nguyễn Văn Hoán (tức Sáu Hoán, 86 tuổi vào năm 2005, hiện là Trưởng Hội đình An Lợi Đông) thì lúc đầu đình nằm ở vị trí gần cầu Cá Trê 2, khu vực miếu Bàng Đỏ hiện nay. Đến năm 1912, đình được dời về vị trí hiện nay, gần rạch Phao số 11.

Chiếc mõ và lỗ bộ của đình cũng là những vật có từ khi đình còn ở gần cầu Cá Trê 2 được lưu giữ được đến ngày nay.

Các kỳ cúng chính của đình An Lợi Đông gồm có:

- Cúng Kỳ Yên: ngày 16 tháng 1 âm lịch. Cũng như các đình khác, đây là lễ cúng quan trọng nhất. Lễ cúng kéo dài từ ngày 16 đến 20 tháng giêng.

Ngày xưa đình An Lợi Đông có lệ hát 3 năm một lần. Từ sau ngày giải phóng, lệ hát mỗi năm một lần. Đình mời Đoàn hát bội Thành phố về hát 3 đêm.

- Cúng Hạ điền ngày 16 tháng 6 vào dịp nông dân gieo mạ, cấy lúa (cúng gà và cơm nếp).

- Cúng Cầu bông cầu cho lúa trở tốt được tổ chức vào ngày 16 tháng 10.

- Cúng Thượng điền: lễ cúng sau khi thu hoạch lúa xong.

Cũng như các đình khác, dân trong làng An Lợi Đông trước đây (nay là phường) bầu ra một số người có nhiệt huyết để lo các công việc của đình tập hợp thành Hội đình. Hiện nay, Hội đình An Lợi Đông có tất cả 40 người. Ban đại diện gồm:

Ông Nguyễn Văn Hoán (Sáu Hoán), Hội trưởng

Ông Lê Văn Thân

Ông Lê Văn Túc

Ông Nguyễn Văn Dân

Bà Nguyễn Thị Dầm

Ông Trần Văn Xây

Bà Đỗ Thị Năm



Đình có một người thường xuyên trông giữ, coi sóc. Người giữ đình được canh tác trên phần ruộng để lấy hoa lợi cũng như bán lá dừa nước trên các mương rạch bao quanh thuộc sở hữu của đình để sinh sống. Nay thì các nguồn lợi này không còn nên người giữ đình được hưởng một số tiền trợ cấp hàng năm trích từ quỹ của đình.

Ngày lễ Kỳ Yên của đình An Lợi Đông là một ngày hội lớn của người dân trong vùng. Hàng năm, có đến vài ba ngàn người về đây thắp hương khấn vái, cầu xin Thần hoàng phò hộ cho quốc thái dân an, cho gia đình và công việc làm ăn của họ được tốt đẹp. Người đến cúng đình không chỉ là dân ở phường An Lợi Đông mà còn ở các phường lân cận, từ các quận khác của thành phố và nhiều tỉnh khác, nhất là những người đã từng đến Thủ Thiêm sinh sống tạm trong những năm chiến tranh. Bên cạnh đó, còn có những Việt kiều gốc ở địa phương về thăm quê. Vào dịp này một số người trong phường đến làm công quả, phụ giúp việc cúng kiến, nấu ăn, đãi khách...

Trong số người đến cúng có nhiều người trong lứa tuổi thanh niên, cả nam và nữ. Còn trẻ con thì tò mò đến xem cúng lễ và nhất là xem hát vào buổi tối. Các buổi hát cúng đình thường rất đông người trong vùng đến xem một cách say mê.

Ngoài những lễ cúng chính thì đình cúng lớn, còn ngày thường thỉnh thoảng khách thập phương, những người dân các nơi đã từng đến vùng này cư ngụ tạm trong những năm chiến tranh, nay họ đã về quê cũ... cũng đến cúng.

Người dân An Lợi Đông gắn bó nhiều với sinh hoạt của đình. Họ và những thành viên của Hội đình đã đóng góp nhiều công sức trong việc giữ gìn, mở mang ngôi đình và nhất là giữ cho sinh hoạt của đình được thường xuyên và ngày một đông đảo hơn. Họ rất muốn ngôi đình tiếp tục được bảo tồn và lưu giữ một nét tín ngưỡng văn hóa đình làng truyền thống cho các thế hệ mai sau.



Một số hình ảnh về đình An Lợi Đông



Hình 23a. Cổng đình An Lợi Đông



Hình 23b. Chính điện và bức hoàng phi Bảo an chính trực



Hình 23c. Bàn thờ Thần Nông trong dịp lễ Kỳ Yên



Hình 23d. Một cây cổ thụ trong khuôn viên đình



Hình 23e. Đông đảo người dân đến cúng thần trong lễ Kỳ Yên



Hình 23f. Người dân xem hát bội trong lễ Kỳ Yên



## 2. Chùa, tịnh thất, tịnh xá

Bên cạnh ngôi đình làng là những ngôi chùa thâm nghiêm, nơi cuộc sống tâm linh của đa số người Việt được đáp ứng, nơi lòng người hướng đến cái thiện, xa cái ác, đề cao lòng nhân ái.

### 2.1. Chùa Thiên Tịnh

Nằm cách đường Lương Định Của khoảng 300m, chùa Thiên Tịnh lọt thỏm giữa một không gian xanh của đồng ruộng. Con đường vào chùa là một kỳ công của các hòa thượng trụ trì và Phật tử xung quanh đắp nên và tu bổ qua nhiều năm. Ngôi chùa ngày nay khá rộng rãi, có diện tích khuôn viên hơn 1.800m<sup>2</sup>.

Trước đây chùa Thiên Tịnh mang tên là chùa Đông Hưng. Ngôi chùa này được khởi lập vào khoảng cuối thế kỷ XIX. Lúc đầu, đây chỉ là một ngôi chùa nhỏ do một người sùng đạo Phật (thường được mọi người trong vùng gọi là ông Tám) tự xây dựng nên. Chùa lúc đó được xây dựng bằng những vật liệu nhẹ như cây, lá. Năm 1935, Hòa thượng Bửu Trí (pháp danh là Như Thanh, tín đồ thường gọi là Yết Ma ăn Trầu) đến chùa. Hòa thượng Bửu Trí thuộc thiền phái Lâm Tế, thuộc đời thứ 40 nhánh Chúc Thánh Quảng Nam. Khi Hòa thượng Bửu Trí đến, ông Tám, lúc này cũng đã lớn tuổi, đã cúng dường chùa lại cho hòa thượng.

Hòa thượng Bửu Trí đã bỏ nhiều công sức vào việc tu bổ, mở rộng chùa. Ông đã bỏ công đắp con đường đất từ đường lớn (núi Bến phà lên Giồng Ông Tố) vào chùa để cho tín đồ đến chùa không phải vất vả theo con đường cũ vừa nhỏ vừa lầy lội trong những ngày mưa. Ông đã tự mình làm việc này, mỗi ngày một chút cho đến khi hoàn thành. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, chùa Đông Hưng là nơi nương náu của những cán bộ Việt Minh đến hoạt động trong vùng. Trong số những Phật tử và học trò của Hòa thượng Bửu Trí có người đã đi theo cách mạng và đóng góp xương máu của mình cho độc lập tổ quốc.



Năm 1947, Hòa thượng Bửu Trí bị chính quyền Pháp ép buộc rời khỏi chùa. Họ phong tỏa ngôi chùa và cấm các hoạt động sinh hoạt tôn giáo vì phát hiện trong số những người tử trận tại Giồng Ông Tố trong trận đánh chống lại Pháp có một học trò của Hòa thượng Bửu Trí. Hòa thượng ra bên ngoài và xây dựng một ngôi chùa trên đường Lương Định Của và cũng lấy tên là Đông Hưng. Sau năm 1956, tình hình yên ổn, ông về lại, sửa sang lại ngôi chùa cũ và đặt tên mới là Thiền Tịnh. Ngôi chùa được nới rộng thêm. Mái lợp tôn, vách ván, nhà Trị trị, nhà Phương trượng, chỗ tiếp khách phía sau chùa cũng được xây dựng. Trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968, phía sau chùa là điểm giao liên của các chiến sỹ cách mạng.

Đến năm 1972, ngôi chính điện được xây dựng lại bằng xi măng, cốt thép có hình dáng kiến trúc và diện tích như ngày nay. Năm 1998, Hòa thượng Thích Đồng Hạnh, vị sư trụ trì chùa hiện nay cho xây dựng lại khu vực phía sau chùa, nhà Trị trị và Phương trượng theo hình chữ Khẩu. Khoảng sân ở giữa, hòa thượng cho trồng nhiều cây sứ đại, che mát khoảng sân và tỏa hương thơm ngát quanh năm.

Hòa thượng Bửu Trí, vị tổ khai sơn của chùa, viên tịch vào năm 1979 và được an táng vào Bảo tháp ngay khuôn viên trước sân chùa. Có thể nói, Hòa thượng Bửu Trí không những là người có công gây dựng chùa Thiền Tịnh, chùa Đông Hưng mà còn là người có công lớn trong việc phát triển Phật pháp dòng Lâm Tế trên địa bàn Thủ Thiêm và nhiều địa phương của miền Nam. Ngày nay, sư trụ trì một số chùa xung quanh và các quận huyện khác là học trò của ông.

Kiến trúc của chùa Thiền Tịnh không cầu kỳ, cách bày trí bên trong cũng khá đơn giản. Ở chính điện, gian chính giữa thờ bộ tượng Thích ca Tam tôn. Tượng Quan Âm Chuẩn Đề có 18 cánh tay đang tọa thiền, thuyết pháp được đặt ở giữa. Pho tượng bên



phải là Văn Thủ Bồ Tát, tượng trưng cho trí tuệ, tay cầm bảo kiếm, cưỡi con thanh sư. Bên trái là tượng Phổ Hiền Bồ Tát, tượng trưng cho chân lý, ngồi trên lưng một con Bạch tượng, tay nâng hoa sen trên có lưỡi kiếm. Phía trên là hàng tượng Di Đà Tam Tôn được tạc từ năm 1935, thời kỳ tạo lập chùa. Hai bên là bàn thờ nhỏ thờ Hộ pháp. Gian phía sau chính điện là nhà thờ Tổ, có ảnh và bát nhang của các vị sư tổ đã tu và chủ trì chùa qua các thời kỳ. Hai bên dành để thờ di ảnh của các Phật tử đã mất.

Ngày thường ngôi chùa khá vắng vẻ nhưng vào ngày Rằm, ngày Phật Đản, ngày vía Di Đà hay ngày kỵ Tổ, Phật tử khắp nơi về chùa hành đạo khá đông. Đặc biệt là ngày kỵ tổ Hòa thượng Bửu Trí, Phật tử của các chùa xung quanh và nhiều địa phương khác cũng đến vì ông được xem là sư cố của nhiều chùa.

Như vậy, chùa Thiền Tịnh đã tồn tại lâu đời và gắn bó với nhiều giai đoạn lịch sử của vùng đất này. Ngôi chùa nằm yên tĩnh, nép mình sau cánh đồng ấy không chỉ là nơi hành hương của nhiều Phật tử của phái Lâm Tế mà còn là địa chỉ đến viếng của nhiều khách du lịch nước ngoài, đặc biệt là khách Pháp. Theo vị sư chủ trì, người Pháp rất quan tâm đến ngôi chùa này vì nghe nói, thời chống Pháp có một sự kiện lịch sử diễn ra ở vùng đất An Khánh này có liên quan đến một số người Pháp tử trận và ngôi chùa Thiền Tịnh.

*Danh sách các vị trụ trì chùa Thiền Tịnh qua các thời kỳ:*

1. Hòa thượng Bửu Trí, Tổ khai sơn, trụ trì chùa từ năm 1935 - 1965
2. Hòa thượng Phước Trí, trụ trì chùa từ 1965 - 1966
3. Hòa thượng Thích Đồng Hạnh, trụ trì chùa từ 1968 -1969 và từ 1980 đến nay
4. Hòa thượng Thích Viên Đức, trụ trì chùa từ 1969 - 1980



## Một số hình ảnh về chùa Thiền Tịnh



Hình 24a. Chùa Thiền Tịnh và không gian xanh xung quanh



Hình 24b. Ngôi chính điện



Hình 24c. Phật tử hành hương về chùa trước năm 1975



Hình 24d. Gian thờ chính trong chính điện



Hình 24e. Bảo tháp của Hòa thượng Bửu Trí



Hình 24f. Hòa thượng Thích Đồng Hạnh, trụ trì chùa từ năm 1980 đến nay



## 2.2. Chùa Đông Hưng

Chùa Đông Hưng là ngôi chùa lớn nhất của phường An Khánh. Chùa nằm ngay trên đường Lương Định Của, cách bến phà Thủ Thiêm khoảng 1km.

Chùa Đông Hưng trước đây nằm ở vị trí của chùa Thiên Tịnh (*Xem thêm phần viết về chùa Thiên Tịnh*). Khoảng năm 1947, thực dân Pháp phong tỏa ngôi chùa, Hòa Thượng Bửu Trí, trụ trì chùa khi đó bị buộc rời khỏi ngôi chùa Đông Hưng và ra đường Lương Định Của ngày nay tìm đất xây dựng một ngôi chùa khác. Lúc đó bà Bảy Được, một tín đồ ở gần chùa đã cúng dường một phần đất của mình để Hòa thượng xây dựng chùa mới. Sau đó một tín đồ khác đã cúng cho chùa một mảnh đất liền kề để chùa có thể mở rộng thêm khuôn viên.

Năm 1956, Hòa thượng Bửu Trí để chùa Đông Hưng lại cho đồ đệ là sư Thị Trí trông coi, còn mình thì quay về chỗ chùa cũ để sửa sang lại chùa.

Khoảng ba năm sau, Hoà thượng Hành Trụ từ chùa Chánh Giác ở Gia Định được cử về trụ trì chùa Đông Hưng. Hòa thượng Hành Trụ (1904 - 1984) thuộc đời thứ 42 nhánh Lâm Tế Chúc Thánh. Ông là người Phú Yên, xuất gia từ năm 12 tuổi. Sau nhiều năm tu hành, học đạo, sư Hành Trụ giảng dạy giáo pháp tại các chùa ở Phú Yên và ở các tỉnh Nam Bộ. Năm 1946, sư Hành Trụ cùng các sư Khánh Phước, Thới An, Tiệm Tường từ Sa Đéc lên Sài Gòn lập chùa Tăng Già (ở quận 4 ngày nay) và mở Phật học đường. Đây là Phật học đường đầu tiên ở vùng Sài Gòn trong phong trào Chấn hưng Phật giáo. Năm 1947, các vị này lại lập chùa Giác Nguyên (quận 4) và chuyển Phật học đường về đây. Chùa Tăng Già biến thành chùa Kim Liên dành cho ni sư. Năm 1963, Hòa thượng Hành Trụ mở Phật học đường tại chùa Chánh giác (Gia Định) và sau đó về trụ trì thêm chùa Đông Hưng (Thủ



Thiêm). Trong những năm sau đó, Hòa thượng Hành Trụ vẫn tiếp tục việc giảng dạy tại các Phật học đường và giữ nhiều chức vụ trong Giáo hội Phật giáo Sài Gòn. Hòa thượng Hành Trụ viên tịch tại chùa Đông Hưng năm 1984 (thọ 81 tuổi), tro cốt được giữ tại ngôi bảo tháp trước chùa.

Trong thời gia trụ trì chùa Đông Hưng, Hòa thượng Hành Trụ đã bỏ nhiều công sức kiến tạo ngôi chùa, nhất là trong giai đoạn những năm 1981-1982 đã tạo nên dáng vẻ của chùa hiện nay. Chùa Đông Hưng được xây cất bằng vật liệu nặng, cột bê tông, tường gạch, lợp ngói, nền lát gạch tráng men. Mái chùa làm bằng bê tông nhưng chỉ là mái thẳng, không có dạng cong, trừ phần mái hiên nhỏ ở phía trước. Sân nhỏ có đặt tượng Phật bà Quan Âm cao khoảng 5 m và nhiều chậu cây cảnh trang trí. Cổng vào phía bên trái, đi thẳng vào nhà trai. Bên trái cổng là tháp chứa tro của vị sư trụ trì đã viên tịch.

Chánh điện rộng 3 gian, bệ thờ chính ở gian giữa bằng xi măng với tượng Di Đà Tam Tôn. Phía ngoài là tượng Cửu Long; ngoài cùng là tượng Phật Di Lặc. Chánh điện được trang trí bằng những bao lam gỗ chạm khắc tinh vi, sơn son thếp vàng. Ngoài ra còn có nhiều tủ và đồ thờ bằng gỗ cẩn xà cừ.

Hai bên gian chính điện là tượng ông Thiện, ông Ác, đại hồng chung và trống. Phía sau chính điện là nhà tổ, nơi thờ các vị hòa thượng đã có công xây dựng chùa và các vị sư trụ trì qua các thời kỳ. Gian nhà tổ cũng có nhiều bao lam gỗ chạm khắc tinh xảo. Các bao lam này được đổi từ các chùa ở miền Bắc. Sau chùa là nơi ở của sư trụ trì và các tăng.

Ngày nay chùa Đông Hưng trở thành Tổ Đình của các chùa như Kim Liên, Giác Nguyên, Chánh Giác, Đông Thạnh,... Các vị sư trụ trì của các chùa trên đều là đệ tử của Hòa thượng Thích Hành Trụ. Sau khi Hòa thượng Hành Trụ mất, các chùa hội về cúng vào ngày 29 tháng 10 âm lịch, gọi là ngày kỵ tổ.



Trước khi mất, Hòa thượng Hành Trụ giao việc trụ trì chùa Đông Hưng lại cho học trò là Hòa thượng Đồng Diển. Tuy nhiên sau đó, Hòa thượng Đồng Diển đi làm Phật sự ở nước ngoài nên giao chùa lại cho sư huynh của mình là Hòa thượng Đồng Tín.

Trong khoảng thời gian từ 1988 đến năm 1994, chùa tổ chức việc sản xuất thủ công nghề mộc trong khuôn viên chùa. Hoạt động chính là sản xuất các loại bao lam, hoành phi cho các chùa khác và sản xuất các loại tủ cần xà cừ. Vào thời điểm hưng thịnh, chùa qui tụ hàng trăm thợ thủ công từ các tỉnh miền Bắc, miền Trung (chủ yếu là Thừa Thiên Huế) và miền Nam. Những bao lam trang trí tại chính điện của chùa cũng do cánh thợ Nam làm việc tại chùa làm ra vào năm 1989.

Chùa Đông Hưng là ngôi chùa lớn trong phường An Khánh, là nơi đến chiêm bái, thờ cúng của số đông người dân trong phường cũng như các phường lân cận. Số Phật tử quy y tại chùa vào khoảng 30 - 40 người. Những người này thường xuyên tham dự các buổi lễ cúng tại chùa.

Khi gia đình Phật tử có tang ma, hay gặp chuyện chẳng lành thường đến chùa để nhờ cầu siêu hay cầu an. Những ngày Rằm, ngày Tết, ngày lễ Phật Đản, người dân trong vùng đến chùa cúng bái lễ Phật, cầu xin những điều tốt lành. Ngoài ra trong những ngày thường, người dân trong vùng cũng thường đến chùa cúng bái.



Một số hình ảnh về chùa Đông Hưng



Hình 25a. Chùa Đông Hưng nhìn từ ngoài



Hình 25b. Gian chính điện



Hình 25c. Gian thờ bên trong chính điện



Hình 25d. Nhà Hậu tổ



Hình 25e. Phật tử đến chùa cầu kinh vào ngày Phật Đản



Hình 25f. Pháp làm gỗ được đổi từ các chùa miền Bắc



### 2.3. Chùa Đông Thạnh

Chùa Đông Thạnh tọa lạc tại số 512/8 đường Trần Nãi, phường An Lợi Đông, quận 2, TP. Hồ Chí Minh, cách đường Trần Nãi khoảng 400m. Chùa nằm nép mình ở một gò đất cao, phía trước có một con rạch nhỏ phủ nhiều màu xanh của tán dừa nước. Trước đây, người dân các nơi có thể dùng ghe xuồng đến chùa một cách dễ dàng.

Ngày thường ngôi chùa khá yên tĩnh và vắng nhưng đến ngày Rằm lớn hay ngày Phật Đản, Phật tử và bá tánh khắp nơi quy tụ về chùa khá đông. Chùa chỉ có sư trụ trì và ba chú tiểu nhỏ là những người ở thường trực. Tuy nhiên, vào các ngày cúng luôn có một số người dân xung quanh đến làm công quả, giúp bày trí, lau dọn và lo cơm nước. Ngoài ra, vào ngày Rằm hàng tháng cũng có nhiều Phật tử quy y tại chùa về cầu kinh, sám hối.

Tiền thân của chùa Đông Thạnh là một ngôi chùa lá rộng lớn được xây cất vào năm 1928 tại một khu đất trống nằm cách chùa ngày nay khoảng 1km. Theo nhiều bậc cao niên trong vùng, ngôi chùa ấy có thể chứa hàng trăm Phật tử về cúng bái một lúc. Tổ khai sơ đầu tiên của chùa là Thích Nữ Diệu Thọ. Đến năm 1962-1963, chùa bị bắt phải dời ra địa chỉ hiện tại vì chính sách dồn dân, lập ấp chiến lược của chính quyền Diệm - Nhu. Ngày trước, xung quanh là đồng trũng, vắng nhà dân. Đất xây chùa là của một người dân hiến tặng. Vật liệu xây cất chủ yếu là cây, vách làm bằng lá dừa nước, mái tôn. Sau gần ba mươi năm, ngôi chùa bằng cây, lá ấy ngày càng xuống cấp. Đến năm 1993, cây gỗ mục nát nên sư Minh, chủ trì chùa lúc đó, quyết định đứng ra gom góp tiền để xây cất lại chùa. Lúc đó tiền quyên góp được của bá tánh cũng chỉ đủ để xây cất ngôi chính điện, các gian khác vẫn được làm bằng cây lá. Sau khi xây chùa xong được ít năm thì sư Minh rời khỏi chùa và đi đến một nơi khác. Nhiều người nói bà đi về vùng Hóc Môn và lập ra một chùa mới tại đó. Năm 1998, Đại đức Thích Chúc Kiên, đệ tử dòng thứ 44 của phái Lâm Tế được cử từ Tổ đình chùa Đông Hưng, trên đường Lương Định Của, phường An Khánh, quận 2 về tiếp tục hành đạo và trụ trì chùa cho đến nay.



Sau khi về chùa, Đại đức Thích Chúc Kiên tiếp tục kiến thiết ngôi chùa như xây cất thêm phòng khách, phòng làm việc như hiện nay.

Kiến trúc chùa Đông Thanh không cầu kỳ, không nhiều chạm trổ, các chi tiết trang trí thật đơn giản nhưng gần gũi như một ngôi nhà thờ Phật. Sân chùa nhỏ nhưng phủ bóng mát của nhiều cây xanh như bồ đề, dừa, tre, cau,... Bước vào cổng chùa sẽ thấy ngay tượng Phật Di Lặc lớn, tay cầm tràng hạt, ngồi uy nghi dưới cội bồ đề, có lọng che phía trên. Trước chánh điện là tượng Quan Thế Âm Bồ Tát, đứng dưới một lá bồ đề lớn bằng xi măng, xung quanh tượng là một quần thể hòn non bộ.

Trong ngôi chính điện bày trí đơn giản. Bàn thờ chính gồm ba cấp. Phía trên cùng là ba pho tượng Phật lớn. Tượng Phật Quan Âm ở giữa, hai bên là tượng Tam Tạng và Bồ Tát, phía dưới là các tượng nhỏ hơn tượng trưng cho các kiếp vị lai của Phật. Bên trái và bên phải chánh điện là hai bàn thờ Hộ pháp.

Gian bên trái chánh điện thờ Thích Ca, Phật Di Lặc, bà Thiên Hậu, Ngọc Hoàng thượng đế và các vị quan trên thiên đình. Phía sau gian bên trái này là khu vực để tro cốt của các Phật tử. Phần hậu đường là các gian phòng dành cho việc tiếp khách, nghỉ ngơi và nhà bếp.

Nét đặc biệt của chùa Đông Thanh chính là bộ tượng Ngọc hoàng Thượng đế, gồm 16 pho tượng gỗ, được nghệ nhân xưa điêu khắc rất khéo léo. Các pho tượng này được gìn giữ từ ngôi chùa đầu tiên xây cất vào năm 1928 cho đến nay. Trong nhóm tượng này có một số tượng đã bị mục ở chân cần được các cơ quan chuyên môn giám định và bảo tồn vì đây là số tượng gỗ lâu năm và khá hiếm trên địa bàn quận 2.

Như vậy, nếu tính luôn ngôi chùa được xây dựng vào năm 1928 thì đến nay chùa Đông Thanh đã tồn tại trên vùng đất Thủ Thiêm được gần 80 năm. Nguyện vọng của người dân xung quanh và sự trợ trì là nếu có thể thì Nhà nước giữ lại ngôi chùa, hoặc cấp một khu đất khác nằm trong địa bàn quận để có nơi tái lập lại ngôi Tam Bảo vì ngôi chùa cũng đã có thời gian khá lâu gắn bó với người dân An Lợi Đông nói riêng và người dân quận 2 nói chung.



## Một số hình ảnh về chùa Đông Thạnh



Hình 26a. Cổng chùa Đông Thạnh



Hình 26b. Tượng Phật Di Lặc ngay lối vào



Hình 26c. Sân trước chùa



Hình 26d. Gian thờ Phật trong chính điện



Hình 26e. Bộ tượng Ngọc Hoàng từ ngôi chùa xây cất vào năm 1928



Hình 26f. Ngày Phật Đản ở chùa Đông Thạnh



## 2.4. Chùa Liên Trì

Chùa Liên Trì tọa lạc tại số 153 đường Lương Định Của. Với diện tích khoảng 800m<sup>2</sup>, chùa được xây khá rộng với nhiều dãy nhà liên kế, các công trình phụ. Kiến trúc xây dựng ngôi chùa khá hài hòa. Đi từ cổng chùa vào ta bắt gặp gian chánh điện, phía trên có đề chữ chùa Liên Trì, bên tay phải là linh đường và tăng đường, bên tay trái là nhà khách, phía sau là chay đường. Khuôn viên chùa khá rộng, nhiều cây xanh. Giữa sân có thờ tượng Bồ Tát.

Chùa xây cất cách nay khoảng 70 - 80 năm, trải qua năm tháng chùa đã có nhiều sự thay đổi. Trước kia, nơi đây còn hoang vắng, xung quanh là đồng ruộng, phía trước ngôi chùa chỉ là con đường đất nhỏ và người dân lúc đó vẫn còn lam lũ. Ban đầu chùa chỉ dựng tạm nhà tranh vách lá, rất nhỏ. Cho tới thập niên 70 sư phụ Không Tánh về chùa cai quản. Từ đó, chùa được sư phụ gây dựng và phát triển ngôi chùa rộng hơn, vách tường xây xi măng, mái lợp ngói, nền nhà lát gạch hoa, khá đẹp và khang trang. Lần lượt các khu nhà phụ như nhà tăng đường (phòng dành cho các vị sư ở), nhà linh đường xây ba tầng (dùng để cất). Kế bên nhà linh đường là cây bồ đề cao hơn 20m, cây có tuổi đời khá lâu, được trồng từ khi khởi lập chùa.

Bên trong ngôi chùa chia làm 3 khu vực: chánh điện, khu hậu tổ và nhà chay đường. Gian chánh điện có bàn thờ lớn được đặt chính giữa. Hàng trên cùng là Bốn sư Thích Ca Mâu Ni, đứng hai bên là ngài An Na và Ca Diếp. Hàng kế tiếp là Phật Chứng Đề ở chính giữa, bên phải là tượng Địa Tạng, bên trái là Đại Thế Trí. Tiếp đến, bên trái bàn thờ chính là bàn thờ Diệm Diên Vương là người thống lĩnh hết 10 loại cô hồn dưới âm phủ. Bên phải là bàn thờ Hộ Pháp. Khu hậu tổ có bàn thờ các vị sư chủ trì đã quá cố, từng đến chùa chủ trì qua các thời kỳ.

Đồ thờ cúng và đồ hành lễ của chùa Liên Trì cũng như những ngôi chùa khác gồm có lư hương, bộ đỉnh, chuông, mõ,... Đáng



chú ý là chiếc chuông đồng lớn cao khoảng 1,5m, nặng trên 300kg, được đặt phía trước gian chánh điện. Trên bề mặt chuông có đúc hình hoa văn nổi lên rất đẹp, hình rồng uốn lượn, mặt nguyệt... Chuông được đúc ngay tại chùa, thợ đúc được hoà thượng Không Tánh ra Huế mời vào. Ngoài ra, trong chùa còn có một tượng quý nữa được tạo tác rất công phu và nghệ thuật, đó là tượng Phật Thích Ca.

Chùa Liên Trì là ngôi chùa có tuổi đời khá xưa so với những ngôi chùa khác trên vùng đất Thủ Thiêm. Đến nay, có hàng trăm Phật tử ghi tên quy y tại chùa. Ngày cúng chính của chùa là những ngày Rằm lớn như: Rằm tháng Giêng cúng cầu nguyện cho các tín đồ; Rằm tháng Tư là đại lễ Phật Đản; Rằm tháng Bảy là ngày báo hiếu - mùa Vu Lan; Rằm tháng Mười là cúng cầu siêu cho các linh hồn có bài vị và tro cốt tại chùa. Vào những ngày này, bá tánh và Phật tử quy tụ về khá đông. Vào ngày thường, nhà chùa hành lễ ba lần: buổi sáng vào lúc 4 giờ, buổi chiều vào lúc 16 giờ và buổi tối vào lúc 21 giờ. Thông thường vào buổi tối có tín đồ tới dự hành lễ với các nhà sư.



Một số hình ảnh về chùa Liên Trì



Hình 27a. Cổng chùa Liên Trì



Hình 27b. Gian thờ Phật  
trong chánh điện



Hình 27c. Gốc đa và nhà Tăng



Hình 27d. Bên trong sân chùa



Hình 27e. Gian hậu Tổ



Hình 27f. Nơi thờ di ảnh các Phật tử



## 2.5. Chùa Hội Đức

Chùa Hội Đức theo hệ phái Lâm Tế truyền từ Quảng Nam vào, tọa lạc tại số 13/2 Khu phố 2, cùng lối vào với đình An Khánh, giữa một khu dân cư đông đúc nhất của phường. Chùa Hội Đức được người dân xung quanh quen gọi là chùa Lá vì trước đây ngôi chùa này làm bằng cây, lợp lá dừa nước. Chùa được thành lập vào năm 1948 trên một vùng đất nghĩa địa của xóm Đình xưa. Hòa thượng Nhựt Sơn, người gốc Sa Đéc, Đồng Tháp được xem là tổ khai sơn ngôi chùa. Những năm 40 của thế kỷ trước, Hòa thượng đã chọn nơi đây dừng chân để mở mang đạo pháp. Khi đó xung quanh còn thưa thớt người nhưng họ đã góp công sức, vật liệu chung tay với hòa thượng lập nên ngôi chùa đầu tiên trong làng mình. Ông đã trụ trì chùa cho đến khi viên tịch. Sau đó có vài vị nữa về trụ trì nhưng chỉ ở được một, hai năm rồi đi. Khoảng năm 1954, Hòa thượng Ngô Pháp về trụ trì chùa cho đến năm 2000 thì viên tịch. Sau đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cử Hòa thượng Thích Lệ Viên về làm trụ trì chùa cho đến nay. Có điều trùng hợp là cả ba vị sư: Nhựt Sơn, Ngô Pháp và Thích Lệ Viên đều là người có gốc gác ở Sa Đéc, Đồng Tháp.

Mặc dù được thành lập từ năm 1948 nhưng mãi đến năm 2001, chùa mới chính thức gia nhập vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam, với tên gọi mới là chùa Hội Đức.

Gần 60 năm tồn tại, chùa Hội Đức đã qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa. Khoảng năm 1984, 1985, thấy ngôi chùa đã quá xuống cấp, không thể sửa chữa được nữa nên Hòa thượng Ngô Pháp đã vận động Phật tử và người dân xung quanh đóng góp tiền bạc, công sức để xây cất mới lại ngôi chùa với vật liệu tốt hơn như gạch ngói, xi măng, ván,... Từ khi về trụ trì đến nay, Hòa thượng Thích Lệ Viên đã bỏ nhiều công sức cùng với Phật tử tiếp tục kiến tạo ngôi chùa hoàn chỉnh và khang trang hơn. Các vật dụng, tượng gỗ của ngôi chùa trước đây hầu hết đã hư mục nên đều đã được làm mới lại bằng xi măng, gạch hoặc gỗ tốt.



Kiến trúc chùa Hội Đức khá đơn giản, không có chạm trổ phức tạp ở cột hay mái chùa. Nhìn chung chùa giống một căn nhà bình thường nên rất gần gũi với cuộc sống của người dân xung quanh. Tổng cộng diện tích khuôn viên chùa hiện nay khoảng 350m<sup>2</sup>, gồm có khoảng sân nhỏ phía trước, chính điện, nhà hậu tổ, trai đường, nhà sư, nhà bếp phía sau và nhà tiếp khách bên trái chính điện. Phía sân trước được trồng nhiều hoa kiểng, đặc biệt là phong lan. Ngay giữa sân, phía trước chính điện đặt tượng lớn Quan Thế Âm Bồ Tát.

Bên trong chính điện khá thoáng, nền được lát gạch men sạch sẽ. Bàn thờ chính trung tâm bằng gỗ, phía trên đặt tượng Thích Ca ở giữa, tượng Quan Thế Âm, Địa Tạng hai bên, phía dưới đặt tượng Phật Dưỡng Sư, Phật Đản Sanh. Hai bàn thờ hai bên được xây bằng xi măng, thờ Hộ Pháp. Hậu Tổ đặt bàn thờ Bồ Đề Đạt Ma, sư Ngô Pháp (viên tịch năm 2000).

Hiện nay, có hơn 100 Phật tử quy y tại chùa. Họ là người từ nhiều nơi đến, tham gia cùng với các sư tổ chức cúng bái và tụng kinh sám hối. Ngoài những ngày cúng theo Phật giáo như ngày Rằm, ngày Phật Đản, ngày sóc vọng,... chùa Hội Đức còn tổ chức cúng lớn vào ngày 15 tháng 3 âm lịch, ngày mất của Hòa thượng Ngô Pháp.

Có thể nói, cùng với đình An Khánh nằm sát cạnh, chùa Hội Đức với tên gọi dân dã là chùa Lá, chùa của người dân nghèo đã tạo một vùng tín ngưỡng độc đáo của người Việt, văn hóa đình chùa, hòa quyện cùng nhau.



## Một số hình ảnh về chùa Hội Đức



Hình 28a. Chùa Hội Đức nhìn từ bên ngoài



Hình 28b. Gian chính điện



Hình 28c. Nhà hậu Tổ



Hình 28d. Trai đường



Hình 28e. Vườn lan trước sân chùa



Hình 29f. Chuông đồng



## 2.6. Chùa Linh Sơn

Chùa Linh Sơn nằm sâu trong một con hẻm nhỏ, cách đường chính Lương Định Của khoảng 150m, gần với chùa Thiên Tịnh. Chùa nhỏ, kiến trúc không đặc sắc, thoát trông giống như một gian nhà của người dân. Chùa do bà Nguyễn Thị Tư trông coi. Chùa này thoát tiên chỉ là một cái am nhỏ thờ bà Linh Sơn do bố mẹ của bà Tư tự dựng lên vào năm 1963. Một thời gian sau, khi hòa thượng Bửu Trí về chùa Thiên Tịnh an dưỡng tuổi già, thường đến viếng am. Hòa thượng đã cho xây dựng và mở rộng diện tích am nhỏ thành ngôi chùa như hiện nay. Năm 1979, hòa thượng Bửu Trí viên tịch và khoảng hơn chục năm sau thì cha mẹ bà Tư qua đời, để lại chùa cho bà trông nom.

Từ khi về ở và trông coi chùa, bà Tư đã sửa sang lại chùa nhiều lần. Lần sửa chùa lớn nhất là vào năm 1987. Bà tích góp được một ít tiền và nhờ con cháu biết làm thợ hồ về xây lại chùa. Theo sự hướng dẫn của bà, dần dần chùa được nâng nền, nâng mái, xây tường, ốp lát gạch bông, xây lại bệ thờ...

Hiện nay bà Tư sống một mình trong ngôi chùa. Bà đã 64 tuổi nhưng ngày ngày vẫn đi giác hơi dạo lấy tiền lo nhang khói cho chùa. Các đồ thờ cúng trong chùa như chuông, tủ thờ cũng từ tiền bà làm công và dành dụm hàng ngày.

Khuôn viên của chùa Linh Sơn khá hẹp, ban đầu có diện tích khoảng 30m<sup>2</sup>, nền nhà được tráng xi măng, mái tôn, vách lá, rất đơn sơ. Sau khi được coi nói, hiện nay tổng cộng diện tích xây dựng chùa hiện nay là 60m<sup>2</sup> với một khoảng sân nhỏ ở trước chừng 9m<sup>2</sup> với bệ thờ Quan Thế Âm Bồ Tát.

Chùa chia làm hai khu: Chánh điện và hậu tổ. Khu chánh điện có đặt ba bệ thờ, tất cả các bệ thờ đều là bệ xi măng và được ốp lát gạch bông màu sáng. Các bệ thờ có chiều cao khoảng 90cm, bệ thờ chính giữa thờ Phật Di Đà, hai pho tượng nhỏ đứng hai bên là đồ đệ của Phật Di Đà, phía trước là Phật Đản Sanh. Trên bệ thờ



còn có một số vật thờ cúng và đồ hành lễ đơn giản như: mõ, một bộ chân đèn, chuông và bình cắm bông. Cách 3m bên trái của bệ thờ Di Đà là bệ thờ Thích Ca Mâu Ni, bên phải là bệ thờ Phật Quan Âm và Bà Mẫu. Đi sâu vào phía trong là khu hậu tổ, bàn thờ được trang trí cầu kỳ hơn những bàn thờ ở gian chính điện. Trên bàn thờ có thờ bốn vị, ngồi chính giữa trên toà sen là Phật Tổ kế bên Phật Tổ phía tay phải là vị Bồ Tát, bên trái là Phật Chuẩn Đề, phía trước là thờ Hòa thượng Bửu Trí. Bên phải bàn thờ Phật Tổ là bệ thờ cốt của một số gia đình đã giải tỏa không tiện mang theo, bên trái là tủ thờ cha mẹ bà Tư, phía trước là nơi thờ Bác Hồ.

Trong chùa, ngoài những đồ thờ cúng đơn giản như bộ đèn cây, lư hương... còn có một chuông đồng. Chuông có chiều cao khoảng 70cm, nặng khoảng 80kg, trang trí hoa văn xung quanh đơn giản. Phía trên chuông có quai treo hình đầu hai con rồng. Giống như những chùa khác, vào ngày Rằm lớn, ngày Phật Đản, chùa Linh Sơn đều tổ chức lễ cúng long trọng.

Trong vài năm gần đây người dân xung quanh dời đi nơi khác khá nhiều, vì vậy số lượng Phật tử đến viếng chùa giảm đi. Chùa trở nên vắng vẻ vì ít người lui tới. Đây là ngôi chùa mang tính chất dòng tộc, phát triển từ việc sùng đạo của một gia đình Phật tử. Vấn đề giữ lại hay di dời phụ thuộc vào chính sách của Nhà nước. Hàng ngày bà Tư vẫn trong nom, hương khói cho chùa và mong ước gìn giữ lại những gì của bố mẹ bà đã gây dựng và trao lại.



Một số hình ảnh về chùa Linh Sơn



Hình 30a. Sân chùa Linh Sơn



Hình 30b. Bà Tư và bàn thờ Phật tổ  
nơi chính điện



Hình 30c. Gian thờ Tổ



Hình 30d. Bàn thờ bố mẹ bà Tư,  
những người khởi lập chùa



Hình 30e. Khu để tro cốt các Phật tử



Hình 30f.  
Chuông đồng



## 2.7. Chùa Giác Chơn

Chùa được hình thành từ năm 1956 do một Phật tử lập nên. Năm 1956 ông nội của người coi chùa hiện nay (là Nguyễn Tấn Phát) từ Quảng Trị đến vùng này khai hoang và lập nên ngôi chùa nhỏ. Khu vực này trước đây toàn lau sậy, người dân tự đến khai hoang rồi xây dựng lên. Khởi đầu chùa được cất bằng cây và lá. Những năm 1960 chùa được xây lại với hình dạng như hiện nay. Sau khi xây lại, chùa không được trùng tu thêm lần nào nữa. Lúc bắt đầu xây dựng, diện tích chùa khoảng trên 100m<sup>2</sup>, sau đó dần dần bị thu hẹp lại một phần do bị lấn, một phần do bị bán đi. Hiện tại diện tích chùa chỉ còn khoảng 70m<sup>2</sup>.

Chùa nằm trên đường Cây Bàng, dọc bờ sông, cổng chùa sát với mặt đường. Chùa cũng là nơi sinh sống của gia đình người coi chùa hiện nay. Kiến trúc chùa không đặc sắc, giống như một gian nhà bình thường. Mái xây theo kiểu bánh ú, mái trên xoè xuống 4 góc. Vật liệu xây dựng và nội thất có từ lúc bắt đầu thành lập chùa. Ngay cả mái ngói, gạch ... vẫn còn được giữ nguyên.

Trước đây, chỉ có ông nội của ông Phát là có quy y theo Phật, ông coi chùa đến năm 1965. Sau khi ông mất, bà nội của ông Phát coi chùa một thời gian. Trước lúc bà mất, bà mới giao lại cho ông Phát trông coi. Chùa không có người làm công quả, mọi công việc từ quét dọn, sửa chữa đến chuẩn bị cúng lễ đều do người giữ chùa làm.

Chùa chỉ có một gian thờ duy nhất, giữa là điện thờ chính thờ Ngọc Hoàng, Phật Thích Ca, Phật Dược Sư. Ngoài ra, bên trái điện thờ là bệ thờ Năm Mẹ và Mẹ Diêu Trì. Bên phải điện thờ chính là bệ thờ Quan Thánh đế quân. Trong chùa còn thờ rất nhiều các vị khác như Tả Thần Quan, Hữu Thần Quan (vị thần coi chùa), Hộ Pháp, Địa Tạng, Bồ Đề Đạt Ma. Bên ngoài là miếu nhỏ thờ Thánh quan giữ chùa và bệ thờ chiến sỹ trận vong. Ngoài ra chùa



còn thờ nhiều vong, cốt do bá tánh thỉnh về từ ngày xưa như thờ cô Hai, cậu Trạng, thầy Thím.

Đồ thờ cúng trong chùa khá sơ sài (lư, chân đèn, mõ, chuông...), được mua mới khá nhiều. Chỉ có tượng trong chùa là hầu như còn nguyên. Hàng năm, các tượng bằng gỗ vẫn được sơn phết, vẽ mặt lại. Riêng tượng Ngũ hành (5 Mẹ) vốn là của miếu ông Ớn. Nguyên trước đây, khi miếu ông Ớn bị cháy, tượng không còn nguyên. Người dân xung quanh đem về vẽ mặt lại và thờ tại chùa.

Chùa không có Phật tử. Đến những ngày cúng chính, là Rằm tháng giêng, tháng 7, tháng 10, bà con hàng xóm gom góp mỗi người một chút để cúng. Còn ngày lễ Phật Đản cũng cúng nhưng chỉ có hoa và trái cây.

Giác Chơn tự là một ngôi chùa nhỏ, chùa gần giống như một nơi thờ tự riêng của gia đình. Vì vậy, chùa cũng chưa chính thức gia nhập vào Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Kiến trúc chùa không có nhiều đặc sắc. Người coi chùa hiện nay cũng chỉ có nguyện vọng khi giải tỏa có một nơi khác để thờ tự.



## Một số hình ảnh về Giác Chơn Tự



Hình 31a. Toàn cảnh Giác Chơn Tự



Hình 31b. Gian thờ chính



Hình 31c. Khu thờ Ngũ Hành nương nương, mẹ Diệu Trì và ông hổ



Hình 31d. Khu thờ Địa Tạng



Hình 31e. Khu thờ Quan Công



Hình 31f.  
Tượng Bồ Đề Đạt Ma



## 2.8. Tịnh thất Phước Quang

Qua phà Thủ Thiêm, tiếp tục đi trên con đường Lương Định Của khoảng chừng 200m chúng ta sẽ nhìn thấy ngôi tịnh thất nhỏ nằm bên tay phải, trước cổng tịnh thất được gắn tấm bảng màu xanh ghi hàng chữ lớn Tịnh thất Phước Quang. Hai bên trụ cổng được treo hai lá cờ, bên phải là cờ Phật giáo, bên trái là cờ Tổ quốc. Tịnh thất được thành lập trước Giải phóng. Năm 1968, gia đình Thích Nữ Như Thanh đến mua khoảnh đất này của một người dân để ở. Sau một thời gian gia đình lập lên am nhỏ để thờ cúng. Đến năm 1975, sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, mặc dù điều kiện lúc đó còn khó khăn nhưng gia đình của bà cũng đã gom góp tiền xây dựng tịnh thất. Chi phí xây dựng tịnh thất mất khoảng 5 cây vàng. Tham gia xây cất có khoảng mười người, chủ yếu là những người thợ ở Thủ Đức. Ngoài ra, tịnh thất còn nhận được sự giúp đỡ của bà con xung quanh. Tịnh thất xây trong vòng một tháng thì hoàn thành, với diện tích xây dựng là 70m<sup>2</sup>. Năm 1982, tịnh thất được xây nối dài thêm phía sau và xây cất kiên cố hơn. Hiện nay, tịnh thất có tổng diện tích gần 200m<sup>2</sup>, chia làm 4 khu vực: phía trước tịnh thất là khuôn viên, kế đến là chánh điện, khu hậu tổ và khu nhà chay đường. Trong tịnh thất thờ đầy đủ chư vị Phật như: Tam Thế Phật, Bốn Sư Di Đà, Quan Âm Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát, Tổ Đề Đạt Ma, Hộ Pháp... Mỗi vị đều có bàn thờ riêng.

Tịnh thất Phước Quang mỗi một năm có 4 ngày cúng chính: Rằm tháng Giêng – lễ Thượng Nguyên, Rằm tháng Tư – lễ Phật Đản, Rằm tháng Bảy – lễ Vu Lan, Rằm tháng Mười – lễ Hạ Nguyên. Trong dân gian có câu “Tam nguyên tứ quý”, nghĩa là có bốn mùa thì có 3 ngày lễ lớn. Đại lễ Phật Đản vào Rằm tháng Tư là lễ lớn nhất, sau đó là lễ Thượng Nguyên, cầu bá tánh được an lạc, lễ Rằm tháng bảy cầu cho những vong linh, những oan hồn được siêu thoát. Trong những ngày lễ lớn Phật tử ở trong vùng đến dự đông hơn mọi ngày, kể cả dân ở vùng khác cũng đến viếng. Qua nhiều năm, tịnh thất Phước Quang đã trở thành một trong những nơi thực hành Phật pháp trên vùng đất Thủ Thiêm được nhiều người biết đến.



## Một số hình ảnh về tịnh thất Phước Quang



Hình 32a. Tịnh thất Phước Quang



Hình 32b. Tượng Bồ Tát  
trong khuôn viên tịnh thất



Hình 32c. Bàn thờ ở gian chính điện



Hình 32d. Các ni sư đang tu hành  
tại tịnh thất



Hình 32e. Gian hậu Tổ



Hình 32f. Bàn thờ bằng gỗ  
cần xà cừ



## 2.9. Tịnh xá Ngọc Thanh

Tịnh xá Ngọc Thanh được thành lập vào năm 1978. Đầu tiên, tịnh xá được đặt ở gần xí nghiệp đông lạnh An Lợi Đông. Tuy nhiên, ở đó mùi tôm cá làm ảnh hưởng đến việc thờ cúng nên vào năm 1986 tịnh xá được chuyển về khu vực hiện nay, hẻm 619A, đường Bờ Sông, phường An Lợi Đông. Tịnh xá thuộc hệ phái Khất sĩ Nam Tông. Tên Ngọc Thanh của tịnh xá có nghĩa là viên ngọc quý của đạo.

Tịnh xá do Hòa thượng Giác Huệ thành lập. Hòa thượng Giác Huệ sau khi đi các nơi, ông về vùng Thủ Thiêm lập tịnh xá. Lúc đó đất lập chùa là của lối xóm. Còn nơi tịnh xá tọa lạc hiện nay là đất của cô Ngọc Bình, một Phật tử quy y tại tịnh xá.

Khuôn viên của tịnh xá rộng 850m<sup>2</sup>. Lúc mới xây dựng, tịnh xá có diện tích nhỏ hơn hiện nay và xây bằng gỗ, ván, do Hòa thượng Giác Huệ và các Phật tử xây cất. Từ ngày thành lập đến nay, tịnh xá đã qua một lần trùng tu lớn. Khi xây dựng lại các thầy cũng phải thuê thợ đến làm, Phật tử thì chở cát đá đến phụ. Hòa thượng Giác Huệ là người đứng ra lo việc xây dựng lại tịnh xá. Ông mất năm 1994, sau đó sư Thích Minh Tấn lên trụ trì, là đời trụ trì thứ hai.

Do thời gian thành lập cũng chưa lâu nên tượng và các đồ thờ, nội thất đều mới. Những đồ đặc cũ, phần lớn là bằng gỗ, có từ năm 1976 hiện đã không sử dụng nữa vì đã bị hư mục. Gian chính thờ Phật Thích Ca, Di Đà, Quan Âm Bồ Tát, gọi là Tam thánh. Phía trước sân thờ Quan Âm, Di Lặc. Nhà cốt phía sau thờ Địa Tạng và vong cốt. Những bức tượng ở chùa cũng khá lớn. Tượng được thỉnh về từ chùa Giác Hải, quận 6, là nơi chuyên đúc tượng Phật.

Trong một tháng, tịnh xá cúng chính là ngày Rằm, vào ngày mùng 1 thì cúng nhỏ hơn. Mỗi tháng đều cúng sát bát (cúng dường) 8 lần vào mùng 1, 8, 14, 15, 18, 23, 28, 30. Lễ cúng này do một nhóm Phật tử làm. Họ làm cơm chay và dâng lên chính điện cúng dường Phật chư tăng. Vào hai ngày lễ Rằm tháng giêng và Rằm tháng 7 được tổ chức lớn nhất. Những ngày lễ này bà con, Phật tử đến rất đông. Lễ lớn nhất là lễ Phật Đản, vào ngày 8.4, tịnh xá làm lễ cho bá tánh đến tắm Phật. Lễ được tổ chức từ ngày 8.4 cho đến tận ngày Rằm.



## Một số hình ảnh về tịnh xá Ngọc Thanh



Hình 33a. Cổng vào tịnh xá



Hình 33b. Chuông đồng



Hình 33c. Gian thờ Thích Ca



Hình 33d. Gian thờ chính và sân tịnh xá



Hình 33e.  
Khu thờ  
cốt các  
Phật tử



Hình 33f. Gian hậu tổ



### 2.10. Tịnh xá Như Lai

Như Lai là một tịnh xá, nằm sâu trong một con hẻm nhỏ trên đường Cây Bàng, phường An Lợi Đông.

Tịnh xá do Trần Ngọc Quốc, pháp danh sư Huệ Minh quê ở Bình Thuận xây dựng vào năm 1962. Ông mất năm 2000. Sau khi ông mất người em của ông là Thích nữ Diệu Minh trông coi. Cô là đời thứ hai ở tịnh xá này.

Tịnh xá Như Lai không có kiến trúc đặc biệt, không mang dáng dấp của một ngôi chùa mà nói đúng hơn là ngôi nhà được dùng làm tịnh xá, nơi ở của sư Huệ Minh. Tịnh xá được xây bằng xi măng, mái lợp ngói, cột bằng gỗ, nền được tráng xi măng.

Tịnh xá được xây dựng trên diện tích khoảng 100m<sup>2</sup>, chia đều làm hai gian chính. Gian ngoài rộng gần 50m<sup>2</sup>, bên phải bố trí một bộ bàn ghế cạnh bộ salon dùng để tiếp khách đã ngả màu. Bên trái, một chiếc võng đan bằng vỏ của cây chuối được mắc sẵn. Gian trong cùng và cũng là phần chính của tịnh xá tương đối thông thoáng, nền lát gạch men trắng sạch sẽ. Trong cùng gian thờ chính là một bệ thờ được xây bằng xi măng, ốp gạch men. Tượng Thích Ca là tượng lớn nhất được đặt ở giữa, tượng Quan Thế Âm và phía dưới đặt tượng Phật Dược Sư. Góc bên phải là bàn thờ sư Huệ Minh viên tịch, bên trái là nơi thờ bài vị, bàn thờ vong của những người đã chết.

Trước tịnh xá là một cái sân nhỏ có trồng hai cây dừa hơn 10 năm tuổi và một cái hồ nhỏ, giữa hồ là hòn non bộ và một bức tượng Phật Quan Thế Âm Bồ Tát. Bên trái của sân nhìn từ trong tịnh xá là một nhà cốt nhỏ nhưng bờ tường đã rạn nứt mà sư Diệu Minh chưa có điều kiện cho xây lại.

Tịnh xá cúng thường lệ vào ngày Rằm tháng giêng, trước đây khi sư Huệ Minh còn sống thì có đông bá tánh lui tới. Nhưng khi sư mất rồi thì bá tánh không còn lui tới nhiều như trước nữa. Sư



Thích Diệu Minh năm nay cũng đã 53 tuổi không còn khỏe nữa. Hằng ngày, sư ở trong tịnh xá ít có ra ngoài trừ khi đi viếng cúng ở những chùa khác hay đi về quê nhà ở tận Bình Thuận.

Gần 45 năm tồn tại, tịnh xá Như Lai đã xuống cấp. Phần ván la phong dùng để chống nóng cũng đã đổ xuống. Phần mái tôn, khuôn viên, nhà cốt hầu như đã xuống cấp, mục và bị nứt khá nhiều. Tịnh xá không có kinh phí và khả năng sửa chữa. Mong muốn của sư trụ trì là nhận được sự giúp đỡ của Phật tử và hội Phật giáo ở phường hoặc quận.



Một số hình ảnh về tịnh xá Như Lai



Hình 34a. Tịnh xá Như Lai



Hình 34b. Gian thờ chính trong Tịnh xá



Hình 34c. Nơi thờ cốt các Phật tử



### 3. Nhà thờ, nhà nguyện

#### 3.1. Nhà thờ Thủ Thiêm

Nhà thờ Thủ Thiêm là một trong những cơ sở tôn giáo tín ngưỡng tồn tại lâu đời nhất trên vùng đất Thủ Thiêm. Từ đại lộ Nguyễn Huệ phía quận 1 nếu không cản tầm nhìn của hăng tàu Caric chúng ta dễ dàng nhìn thấy tháp chuông và ngôi giáo đường sừng sững, bề thế vươn cao bên kia sông Sài Gòn.

Trước khi thực dân Pháp nổ súng tấn công và chiếm đóng Sài Gòn thì Đạo Kitô đã đến với người dân của vùng đất Thủ Thiêm. Có thời gian tín đồ nơi đây phải bỏ nhà cửa, lưu lạc nơi khác vì chính sách cấm đạo và lùng bắt những người theo đạo Kitô của triều Nguyễn. Tháng 2 năm 1859, vùng Sài Gòn tạm yên, bốn đạo rải rác khắp nơi mới quy tụ trở về Thủ Thiêm, lập lại làng xóm và tổ chức lại hội. Tháng 4 năm 1859, Cha sở đầu tiên Gabriel Nguyễn Khắc Thành được Đức Cha địa phận bổ nhiệm làm Cha sở đầu tiên của giáo phận Thủ Thiêm.

Kể từ ngày giáo xứ có cha sở, Ngài lo xây cất nhà thờ, trường học và lo dạy bốn đạo để thông biết giáo lý. Ngài còn mua thêm đất cát, ruộng vườn để tạo công ăn việc làm cho bốn đạo.

Năm 1865, nhà thờ đầu tiên được khánh thành theo hình mẫu thánh giá, ở giữa có hai hàng cột gỗ quý, đường kính 30cm, tường gạch, lợp ngói, khá đẹp và khang trang vào thời điểm đó. Cha Thành là người tiên phong gây dựng giáo xứ Thủ Thiêm. Tương truyền rằng, ngôi thánh đường đầu tiên được xây cất trên phần đất của một ngôi đình bị bỏ hoang do chiến tranh, giặc giã. Ngày nay, dấu tích của ngôi đình xưa vẫn còn trong khuôn viên của nhà thờ Thủ Thiêm, đặc biệt là các viên đá tròn để kê cột đình và một mõ gỗ vẫn còn được nhà thờ lưu giữ và đặt trang trọng trên lầu chuông.

Ngôi thánh đường do cha Gabriel Thành cất năm 1865 bị xuống cấp và hư đột nhiều nên đến năm 1885, cha Minh (Montmayer),



cha xứ địa hạt Thủ Thiêm từ tháng 3.1874 đến tháng 12.1917, cho xây lại trên nền cũ ngôi thánh đường theo mô hình chữ nhật đẹp hơn, kiên cố hơn. Ông vẫn dùng lại hai hàng cột gỗ tròn của nhà thờ cũ. Thời gian cha Minh làm cha sở, Ngài có xây cất một cô nhi viện và hai trường học nam nữ, giao các cơ sở này cho các Dì phước Thủ Thiêm trông nom. Sau giải phóng nhà Dòng và nhà thờ trao ngôi trường lại cho nhà nước quản lý. Ngày nay địa điểm này là trường tiểu học Thủ Thiêm.

Cha Minh và Cha Phước (Piguet) sau khi qua đời đã được an táng ngay trong thánh đường nhà thờ Thủ Thiêm.

Sau 80 năm sử dụng, nhà thờ mà cha Minh xây dựng vào năm 1885 cũng xuống cấp và hư hỏng dù được kết cấu bằng xi măng và đá. Nhà thờ được xây cất lại lần thứ ba, đời cha sở thứ 8 Phaolô Huỳnh Ngọc Tiên. Nhà thờ mới cũng được xây cất trên nền cũ, theo mô hình thánh giá nhưng mái ở mặt trước cách điệu và mô phỏng theo mái đình chùa truyền thống Việt Nam. Nhà thờ mới khánh thành vào 28.10.1956. Đến nay, nhà thờ này đã gần 50 năm tuổi và đã được các cha xứ về sau nhiều lần cải tạo, trùng tu.

Trong giáo xứ Thủ Thiêm đáng chú ý là 2 cặp chuông lớn có niên đại trên 100 năm. Hai quả chuông đại được đúc vào năm 1889 tại Pháp, trên có ghi *Thủ Thiêm hội*. Hai quả chuông nhỏ hơn do Dòng Mến Thánh Giá dâng tặng vào năm 1892 cũng được đúc tại Pháp. Ngoài ra, nhà Xứ cũng là một ngôi nhà có niên đại lâu đời, xây dựng theo lối kiến trúc Pháp kết hợp với kiến trúc thuộc địa đến nay vẫn còn giữ nguyên dáng vẻ ban đầu.

Như vậy, tính từ ngày thành lập, giáo xứ Thủ Thiêm đến nay đã được 147 năm. Trong thời gian ấy đã hàm chứa một sức sống mãnh liệt của bao đời cha ông, qua sự dìu dắt của các cha xứ tài đức.



## Một số hình ảnh về nhà thờ Thủ Thiêm



Hình 35a. Nhà thờ Thủ Thiêm năm 1886. Ảnh do phía nhà thờ cung cấp



Hình 35b. Giáo xứ Thủ Thiêm ngày nay



Hình 35c. Nơi được xem là nền điện của Đình làng Thủ Thiêm xưa



Hình 35d. Nhà xứ vẫn còn giữ lại nét kiến trúc Pháp cổ xưa



Hình 35e. Chuông đồng được đúc tại Pháp. Trên có ghi Thủ Thiêm Hội 1889

Hình 35f. Mổ gỗ treo trên lấu chuông. Đây có thể là tài sản của ngôi đình ngày trước





### 3.2. Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm

Dòng Mến Thánh Giá được linh mục Lambert de la Motte thành lập vào ngày 19.2.1670<sup>(1)</sup> ở miền Bắc. Đây là dòng nữ tu cho người Việt theo Công giáo. Gọi là Mến Thánh Giá vì việc tu hành chính của các nữ tu là suy gẫm về sự thương khó chúa Giêsu. Ba Hội Dòng Mến Thánh Giá đầu tiên được thành lập ở Trung Lao, Giao Thủ và Bùi Chu. Đến năm 1672, một Hội dòng Mến Thánh Giá nữa được lập ở An Chi (Quảng Ngãi). Đến khoảng thập niên 1840, tại địa phận Qui Nhơn có thêm một Hội dòng Mến Thánh Giá [nhà phước] nữa hình thành.

Theo tài liệu của Hội dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm thì trước đó, vào cuối thập niên 1820, đầu thập niên 1830, đã có hai dòng Mến Thánh Giá được thành lập ở Tân Triều (Biên Hòa) và Lái Thiêu. Sau cuộc nổi dậy của Lê Văn Khôi chống triều đình (1830-1833), trong đó có sự tham gia của cổ đạo, việc cấm đạo Thiên chúa trở nên gắt gao hơn. Trong tình hình đó, các nữ tu ở Tân Triều và Lái Thiêu phải chạy về Thủ Thiêm. Tại đây, trên một khu đất còn hoang vu, họ dựng chòi bên cạnh gốc một cây me để làm nơi ở và tu hành (Cây me này vẫn còn, nằm trong khuôn viên Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm ngày nay). Một thời gian sau, do thú dữ hoành hành nên các nữ tu phải dời sang chợ Vải (đường Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Tuy nhiên sau đó, các nữ tu này lại quay về Thủ Thiêm. Năm 1840, họ đã cất một ngôi nhà làm trụ sở cho Hội dòng. Đó chỉ là một ngôi nhà lá đơn sơ. Dần dần các nữ tu khác trước đây tản lạc các nơi qui tụ về và Hội dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm

---

(1) Yu-Ma, “335 năm Hội Dòng Mến Thánh Giá Việt Nam”, *Bản tin Vui mừng và Hy Vọng*, Giáo xứ Chính tòa Đà Lạt, 10.2005.



được chính thức thành lập với sự phê chuẩn của vị cha cố phụ trách Đàng Trong là Jean Louis Taberd (cha Từ)<sup>(1)</sup>.

Năm 1844, giáo phận Sài Gòn được thành lập và Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm thuộc giáo phận này<sup>(2)</sup>. Trong thời gian đầu sau khi thành lập (1840-1859), người đứng đầu Hội dòng Thủ Thiêm là Bà Nhất Tiên Khởi Maria Phước. Vào năm 1840, Hội dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm có 23 nữ tu với 10 khăn sinh, 5 tập sinh và 8 thỉnh sinh.

Trong khoảng thời gian từ 1859 đến 1869, cơ sở Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm dần mở rộng thêm. Một dãy nhà được xây cất thêm. Nhà bằng vật liệu đơn sơ, được ngăn làm nhiều phòng, là nơi ở cho các nữ tu. Khu đất bao quanh rộng khoảng 3,4 ha vẫn còn cây cối um tùm và nhiều ao vũng lầy lội.

Đến năm 1874, cơ sở của Hội Dòng được khang trang hơn với việc xây dựng hai ngôi nhà nền gạch, lợp ngói, vách ván có gác dùng làm nhà nguyện. Nơi này đủ chỗ ở cho 40 đến 50 nữ tu. Đến năm 1918, các ngôi nhà được xây lại bằng gạch, lợp ngói mới khang trang hơn.

Năm 1927, một dãy nhà một trệt một lầu kiên cố được xây cất có thể đủ cho số lượng nữ tu lên đến 200 người (Nhà Tập). Năm 1933, một dãy lầu nữa (dài 53m, rộng 14m) được xây dựng song

---

(1) Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm, Kỷ niệm 150 năm thành lập dòng 1840-1990, tr.19-20.

Theo quyển *Việt Nam giáo sử* (Phan Phát Huồn, Cứu Thế Tùng Thư, Sài Gòn, 1962, t. 455) Năm 1841, các nữ tu ở Qui Nhơn đã vào Nam để thành lập nhà dòng Mến Thánh Giá ở Tân Triều (Biên Hòa). Các nữ tu ở Hội dòng Tân Triều và Lái Thiêu tìm phương ẩn náu, một số về ẩn náu ở Chợ Quán. Lúc quân Pháp đánh chiếm Sài Gòn, vùng Chợ Quán là chiến trường, các nữ tu ở đây cũng chạy tứ tán. Khoảng 15 người kéo nhau về cất nhà trú ngụ ở Chợ Vải (tức đường Nguyễn Huệ hiện nay) để được an toàn. Tuy nhiên, cố đạo Lefèbvre thấy ở đây có điều bất tiện nên đưa các nữ tu này sang lập Hội dòng ở Thủ Thiêm.

(2) Dần dần, dòng Mến Thánh Giá được lập ở nhiều địa phận công giáo khác ở Việt Nam. Ở miền Nam, có các nhà dòng Mến Thánh Giá tại Chợ Quán, Cái Mơn, Cái Nhum tại Vĩnh Long.



song và với kiến trúc giống với dãy nhà trên (Nhà Khấn). Nhiều ngôi nhà khác trong khuôn viên Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm tiếp tục được xây dựng trong những năm sau đó:

- Năm 1952, nhà dưỡng lão được xây dựng cho các nữ tu lớn tuổi của Hội dòng về trú ngụ.

- Năm 1957, một nhà nguyện mới được xây dựng.

- Năm 1961, xây nhà ăn mới có lầu.

Ngoài ra ở khu đất phía sau, có đất thánh dành cho những nữ tu thuộc Hội dòng.

Hoạt động chính của các nữ tu Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm là giúp các linh mục làm công tác tôn giáo ngay cả ở các nơi xa xôi hẻo lánh, dạy giáo lý cho trẻ em và cho những người mới theo đạo, phụ trách ca đoàn và các đoàn thể trong xứ đạo, lo việc tông đồ ở các trường thuộc họ đạo và lo việc bác ái, từ thiện ở các bệnh viện, trạm xá<sup>(1)</sup>...

Lúc đầu, trình độ của các nữ tu chỉ biết đọc biết viết. Năm 1875, Hội dòng cho một số nữ tu đi học và lấy bằng Sơ học, nhờ đó họ có thể đảm trách việc dạy học tại một số trường sơ cấp ở Tha La, Đất Đỏ, Bó Mua và Trường cam điếc Lái Thiêu. Năm 1915, việc học chương trình phổ thông trong Hội dòng được mở rộng hơn. Các giáo viên được mời đến mở lớp tại Hội dòng giảng dạy cũng như nhiều nữ tu theo học tại trường do Giáo hội Sài Gòn thành lập. Đến năm 1940, đã có khoảng 60 nữ tu lấy được bằng Tiểu học và họ có thể đảm trách các nhà thương và trường học tại các đồn điền Pháp. Trong những năm sau đó, trình độ học vấn của các nữ tu được nâng cao hơn. Một số nữ tu tiếp tục học Đại học ở các trường Đại học Sài Gòn, Đà Lạt và một số đi học ở nước ngoài về các ngành giáo lý, y khoa và nhà trẻ<sup>(2)</sup>...

---

(1) Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm, *sđd*, tr. 26.

(2) Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm, *sđd*, tr. 27.



Năm 1953, Hội dòng thành lập một trường Sơ học (từ lớp 3 trở xuống) với ký túc xá dành cho các học sinh ở xa chứa được khoảng 40 học sinh.

Đến năm 1955, trường Thánh Anna dạy bậc Trung học đệ nhất cấp do dì Elisabeth Nguyễn Thị Đông làm hiệu trưởng được thành lập và được Bộ Giáo dục lúc bấy giờ cấp phép hoạt động. Trường nằm trong khuôn viên của Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm. Năm 1956, Hội dòng mua lại ngôi nhà trẻ mồ côi cũ và mượn trường Nam Nữ của họ đạo công giáo Thủ Thiêm để mở rộng thêm cơ sở. Năm 1958, Hội dòng quyết định xây dựng cơ sở mới cho trường Thánh Anna (tiểu học) với dãy nhà 2 tầng dài 40m, rộng 10m trên một khuôn viên rộng trên 1.100m<sup>2</sup>. Trường có thể chứa được 150 học sinh nội trú. Trong thời gian từ 1963 đến 1965, Hội dòng mua thêm khoảng 1.000m<sup>2</sup> đất để mở rộng trường, xây thêm dãy nhà làm Trường nữ tiểu học, mở rộng sân chơi. Ngôi trường cũ thành Trường nam tiểu học

Vào năm 1966, nhân sự trong Hội dòng có đủ khả năng để mở trường đệ nhị cấp (cấp 3) nên Hội dòng xây dãy nhà hai tầng dài 96m, rộng 10m với 10 phòng học và chỗ nội trú cho 120 học sinh để mở trường. Trường do dì Anna Nguyễn Thị Bảy làm hiệu trưởng. Các giáo viên giảng dạy đều là các nữ tu của Hội dòng.

Năm 1978, Hội dòng đã hiến trường cho nhà nước. Sau năm 1975, các nữ tu nhận thấy việc dạy học ở các trường không còn thích hợp nữa nên chuyển sang một số hoạt động thủ công như đan, móc, thêu, may, sản xuất than phục vụ (than dùng đốt cho khói trong các buổi lễ ở nhà thờ) hoặc sản xuất một số hoa kiếng, chăn nuôi...

Số nữ tu Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm lúc đầu chỉ có 23 người (1840), đã tăng lên 170 người vào năm 1933<sup>(1)</sup>. Vào

---

(1) Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm, *sđd*, tr. 23.



những năm 1960, Hội dòng có 340 nữ tu. Các nữ tu ở đây cũng phục vụ tại 5 bệnh viện và giảng dạy cho trên 8.500 học sinh<sup>(1)</sup>. Hội dòng có 280 nữ tu (1989) và đã có mặt phục vụ hoạt động tôn giáo ở 8 giáo phận như giáo phận TP. Hồ Chí Minh, Xuân Lộc, Phú Cường, Đà Lạt, Phan Thiết, Long Xuyên, Mỹ Tho và Vĩnh Long.

Hiện tại (2006), Hội Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm đang nuôi dưỡng khoảng 50 nữ tu đã xuất thân từ đây để đi phục vụ tại các giáo phận, nay già yếu trở về. Trong khuôn viên Hội dòng, còn có một nhà trẻ thu nhận trẻ của các gia đình lân cận và một Tổ châm cứu hoạt động.

---

(1) Phan Phát Huồn, *Việt Nam giáo sử*, Cứu Thế Tùng Thư, Sài Gòn, 1962, tr. 456.



## Một số hình ảnh về Dòng Mến Thánh Giá



Hình 36a. Lối vào nhà dòng



Hình 36b. Nhà nguyện chính



Hình 36c. Khuôn viên xanh trước nhà nguyện



Hình 36d. Tượng đức mẹ Maria và khu nhà Khấn



Hình 36e. Nhà dưỡng lão cho các nữ tu lớn tuổi

Hình 36f. Sản xuất than phục vụ cho việc cúng tế





### 3.3. Nhà nguyện Thánh Tâm

Nhà nguyện Thánh Tâm tọa lạc tại số 464/4, tổ 26 ấp 3, phường An Lợi Đông, quận 2, đặt dưới sự quản lý của giáo xứ Thủ Thiêm. Nhà nguyện được lập vào năm 1972. Khi đó giáo dân của vùng này cũng chưa nhiều nhưng Đức cha Nguyễn Văn Lục, Cha xứ Thủ Thiêm từ năm 1968 đến năm 1991, muốn lập ra một nơi để người dân xung quanh cho chỗ cầu nguyện và lễ bái nên ông mua một ngôi nhà của một người dân trong vùng và cho sửa sang lại. Ngôi nhà nguyện lúc đầu khá nhỏ, lợp mái tole, cột gỗ, nền rất thấp. Phía trước nhà nguyện khi đó là một ao rau muống. Đến năm 1999, ngôi nhà nguyện xuống cấp nên cha Nguyễn Ngọc Thu, Cha sở Thủ Thiêm đứng ra xây cất mới. Ao rau muống phía trước được lấp đi và nền nhà nguyện được nâng lên cao nhiều lần so với trước.

Ngôi nhà nguyện ngày nay của giáo dân phường An Lợi Đông khá khang trang và rộng rãi. Trước nhà nguyện là một khoản sân nhỏ có nhiều cây kiểng quý do giáo dân dâng tặng. Nhà nguyện được chia làm hai khu: khu vực lễ bái và khu ở của các dì chúng. Bên trong tòa nhà chính có cửa sắt ngăn khu trang nghiêm lễ bái và khu sinh hoạt chung. Khung nhà kết cấu gọn nhẹ bằng sắt, mái lợp tôn màu, nền lát gạch men sạch sẽ. Bục hành lễ bày trí đơn giản, trên tường đắp nhiều bức tranh nổi hình chúa Jesus, lấy tích từ trong kinh Thánh và treo di ảnh của Đức cha Nguyễn Văn Lục, người có công kiến tạo ngôi nhà nguyện.

Vào dịp lễ Noël hay các dịp lễ trọng khác, giáo dân xung quanh về trang trí, tập hát, tập kịch tại nhà nguyện. Đêm canh thức được tổ chức với nhiều hoạt cảnh mô tả từ thời Cựu Ước đến thời Tân Ước thu hút nhiều trẻ em và bà con xung quanh đến xem, mang lại không khí Giáng sinh vui tươi và an lành cho mọi người.

Các dì chúng trong nhà nguyện Thánh Tâm còn tổ chức một lớp học tình thương tại miếu Thủy Long cho các em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Các em được quy tụ vào 3 lớp học, từ lớp 1



đến lớp 3. Các lớp tình thương này được mở ra từ năm 1999 và do các dì chúng thay nhau đứng lớp. Các em được học 6 buổi/tuần và được học tất cả các môn cơ bản do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định. Sau lớp 3 các dì sẽ lập hồ sơ để gửi đến các trường tiểu học để các em được tiếp tục học hành. Những em nào có hoàn cảnh khó khăn thì được tiếp tục hỗ trợ sách vở, quần áo và các dụng cụ học tập khác.

Có thể nói đây là hoạt động xã hội mang nhiều ý nghĩa mà nhà nguyện Thánh Tâm đã và đang thực hiện, với mong muốn mang lại một ít kiến thức và cái chữ cho những trẻ em nghèo, không có cơ hội đến trường trên vùng đất An Lợi Đông.



Một số hình ảnh về nhà nguyện Thánh Tâm



Hình 37a. Gian chính nhà nguyện



Hình 37b. Khu tổ chức thánh lễ



Hình 37c. Khu dành cho các sinh hoạt chung



Hình 37d. Tượng chúa Jesus đắp nổi trang trí trên tường



Hình 37e. Cha Nguyễn Văn Lục, cha sở Thủ Thiêm từ năm 1968 – 1991. Ông là người khởi xướng xây ngôi nhà nguyện cho giáo dân vùng An Lợi Đông



## 4. Thánh thất, ngọc điện

### 4.1. Thánh thất Thủ Thiêm

Thánh thất Thủ Thiêm nằm trên con đường ven sông, khu vực tập trung dày đặc các cơ sở tôn giáo tín ngưỡng trên địa bàn Thủ Thiêm. Thánh thất tọa lạc tại số 110 ấp Cây Bàng, phường Thủ Thiêm, quận 2. Khuôn viên thánh thất khá hẹp. Chiều ngang rộng 9,80 m, chiều dài 22,9 m. Tổng diện tích khuôn viên là 220 m<sup>2</sup>.

Thánh thất Thủ Thiêm thuộc hệ phái Cao Đài Tây Ninh, xây dựng đầu tiên vào năm 1930 tại ấp Lò Gạch xã An Khánh, quận Thủ Đức cũ, trên một khu đất do ông Đỗ Văn Dự, là người cai quản đầu tiên, hiến tặng. Đến năm 1951, theo lệnh của quận trưởng Thủ Đức, thánh thất dời về gần chợ Thủ Thiêm, chỗ trường trung học Trần Văn Cam hiện nay. Năm 1957, thánh thất tiếp tục phải di dời về số 55/2A đường Cây Bàng, Thủ Thiêm, nay là số 110 ấp Cây Bàng, phường Thủ Thiêm. Khu đất này nguyên là của bà Nguyễn Thị Hương, người trong họ đạo, hiến tặng (sau này có làm giấy ủy quyền cho họ đạo). Đến năm 1971, thánh thất xuống cấp nên ông Ngô Văn Đỏ, người cai quản thánh thất khi đó đứng ra viết đơn xin Đô trưởng Sài Gòn cho trùng tu lại. Thánh thất được thay tôn cũ, lợp tôn mới, thay vách gỗ bằng gạch xi măng. Sau Giải phóng, thánh thất tiếp tục được sửa sang và xây cất lại khang trang hơn, cổng trước và tường rào bao quanh được xây mới.

Kiến trúc của thánh thất Thủ Thiêm khá giống nhiều thánh thất khác thuộc hệ phái Cao Đài Tây Ninh. Tuy nhiên, do diện tích không gian khá hẹp nên không có nhà Đông lan và Tây lan. Phòng trù được ghép chung trong phòng hậu điện.

Ngay lối vào chánh điện là một bức tường vẽ tam vị chư thánh: Tôn Dật Diên, Trạng Trình và Đại văn hào người Pháp Victor Hugo cùng viết lên chữ yêu thương, bác ái và công lý.

Trong nội điện phần lớn không gian dành cho các giáo hữu và chức sắc quý hành đạo. Bàn thờ chính bên trong chánh điện gồm 5



cấp. Hàng thứ nhất thờ Không tử, Lão tử và Phật Thích Ca, tượng trưng cho triết lý tam giáo đồng nguyên. Hàng thứ hai thờ Quan Thế Âm, Đức lý Tiên trưởng của đạo Cao Đài và quan Thánh đế Quân. Hàng thứ ba thờ Đức chúa Giêsu. Hàng thứ tư thờ Khương thượng Tử Nha. Hàng thứ năm thờ đức Huyền Giáo tông. Và trên cùng thờ Thiên nhân, luôn soi sáng xuống trần thế. Hai bên là hai cột đắp nổi hình rồng và tượng của các vị chư thánh được thờ bên dưới. Phía trước đặt một bàn nội nghi dùng để đặt đạo phẩm hương đăng, hoa, trà, quả, tửu khi làm lễ dâng cúng.

Hiện nay, tín hữu họ đạo do thánh thất Thủ Thiêm quản lý là 355 vị (số liệu tháng 12.2005), phần lớn là người địa phương. Vào ngày đầu tháng và ngày Rằm, tín hữu xung quanh tụ họp về thánh thất để làm thánh lễ. Các lễ cúng cầu siêu cho những người quy tiên trong họ đạo cũng được tổ chức thường xuyên tại thánh thất.

Mỗi khi có người trong họ đạo qua đời, Ban cai quản đều huy động các tín hữu đến cầu kinh và cùng với gia đình tổ chức tang lễ chu đáo. Hiện nay, họ đạo Thủ Thiêm có trại hòm Phước Thiện, chủ yếu là để hỗ trợ những gia đình khó khăn. Ngoài ra, họ đạo cũng có lập đội âm công để mai táng miễn phí cho người trong họ đạo và một xe thuyền bát nhã để đưa linh. Tuy nhiên, hiện nay, xe thuyền bát nhã này không còn hoạt động vì đã hết niên hạn sử dụng.

Hàng năm, vào các ngày cúng lớn của đạo Cao Đài, Ban cai quản họ đạo Thủ Thiêm đều tổ chức xe đưa tín hữu về Tòa thánh Tây Ninh hành lễ.



## Một số hình ảnh về thánh thất Thủ Thiêm



Hình 38a. Thánh thất Thủ Thiêm nhìn từ bờ sông Sài Gòn



Hình 38b. Cổng chính thánh thất



Hình 38d. Cổng chính Thánh Thất

◀ Hình 38c. Ngôi chính điện



Hình 38e. Nội thất bên trong chính điện



Hình 38f. Xe thuyền Bát nhã



## 4.2. Thánh tịnh Ngọc điện Huỳnh Hà

Ngọc điện Huỳnh Hà thuộc hệ phái Cao Đài Tiên Thiên, được xây cất vào năm 1935, do một số tín đồ theo đạo Cao Đài làm việc trên chiếc tàu của Pháp lập đàn cơ và khởi dựng. Ngọc điện đầu tiên xây dựng trên phần đất của Bà Võ Thị Hiến (còn gọi là Bà Xã Hành), một tín đồ của đạo, gần chùa Diệu Giác ở đường Trần Nỗ ngày nay. Giai đoạn tạo tác gian lao ban đầu để có được một Ngọc điện bề thế trên vùng đất Thủ Thiêm ngày ấy (gồm 7 gian nhà có đủ Đông Lang, tây Lang, Thiên Phong Đường, Ngũ Châu Linh Môn, sông Huỳnh Hà, Long Mã) là mồ hôi, công sức và cả tiền bạc của những người theo đạo. Có lúc mọi người muốn bỏ cuộc giữa chừng vì kiệt sức nhưng rồi với sự giúp đỡ của các tịnh thất bạn từ các tỉnh miền Tây mà ngôi Ngọc điện cũng lần lượt được tạo tác nên hình theo họa đồ của Đàn Cơ giáng xuống.

Ngọc điện bề thế dựng lên, quy tụ và thu hút ngày càng đông tín đồ đến hành đạo. Thực dân Pháp bắt đầu chú ý và nghi ngờ hoạt động của các tín đồ đạo Cao Đài. Năm được thông tin có những người truyền bá tư tưởng chống Pháp tại Ngọc Điện, ngày 29 tết năm 1947, Pháp cho lính đóng ở nhà thờ Thủ Thiêm lên bao vây và ra lệnh đổ dầu thiêu đốt Ngọc điện. Ngôi chùa làm bằng cây lá nên cháy rất nhanh, bao nhiêu công sức và tâm huyết của toàn đạo chỉ còn là đồng tro tàn ngùn đổ.

Sau khi Ngọc điện bị phá hủy, một số đạo hữu tha phương cầu thực, một số bám trụ ở lại, tập trung tại nhà của Trưởng Ban cai quản Trần Văn Phuông để tiếp tục hành đạo. Mãi đến tháng giêng năm 1956, Ngọc điện Huỳnh Hà mới được khởi công tạo tác lại trên phần đất hiến của Ông Trần Văn Phuông. Lúc đó bốn đạo còn rất nghèo, kẻ công, người của góp nhặt lại chỉ xây được phần Cửu Trùng Đài nhờ vào một số cây của Tịnh xá Bồng Lai cho. Ngày 28 tháng 6 năm 1956, Ngọc điện được khánh thành trong niềm vui và hân hoan của bốn đạo. Sau đó, Bát Quái Đài và Hiệp Thiên



Đài lần lượt được xây dựng và hoàn chỉnh như hôm nay. Thánh tịnh được phục dựng lại tuy không bằng như xưa nhưng cũng nói lên tinh thần và ý chí tâm đạo của những thế hệ đi sau mong muốn khôi phục và phát triển cơ đạo mãi mãi trên vùng đất có lịch sử này.

Khuôn viên của tịnh thất Huỳnh Hà ngày nay khá rộng rãi. Ngoài chánh điện có thể chứa gần 100 người còn có hậu điện, nhà tiếp khách, các gian phòng phụ, nhà bếp. Khoảng sân khá rộng phía trước được trồng nhiều cây xanh và hoa. Đặc biệt là sân ở chính điện được thiết kế và trồng các vòng hoa theo Hà đồ bát quái. Bên trong chánh điện, phân bày trí thờ cúng khá đơn giản. Bàn thờ chính đặt ở giữa thờ Thiên nhân. Bên trái đặt bàn thờ Quan Thế Âm Bồ Tát, bên phải đặt bàn thờ Quan Công. Các cột tròn bên trong chánh điện có vẽ hình rồng uốn lượn nhưng không chạm nổi như ở thánh thất Thủ Thiêm, thuộc phái Cao Đài Tây Ninh. Gian phía sau chánh điện là khu nhà dành để giảng đạo và báo cáo việc đạo sự hàng tháng. Trên cùng có bức giảng đạo và hình các vị Đạo huynh, Đạo Tỷ đã có nhiều công lao trong việc kiến tạo thánh tịnh Huỳnh Hà qua các thời kỳ.

Vào những buổi cúng Sóc Vọng, ngày Rằm, ngày đầu tháng luôn thu hút rất đông các tín đồ đến Thánh Tịnh. Ngoài ra, hàng năm, vào ngày vía Chí Tôn, Ban cai quản đều tổ chức xe đưa các tín đồ trong họ đạo hành hương về Tịnh thất trung ương của hệ phái này ở Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Hàng tuần vào thứ 7 và chủ nhật, tại Ngọc điện, Ban cai quản còn tổ chức lớp học tiếng Anh, lớp ứng xử, bổ túc kiến thức và ôn tập cho các cháu thiếu nhi gồm cả người trong và ngoài họ đạo.

Ngoài ra, Ban cai quản họ đạo cũng thường xuyên quyên góp trong họ đạo ủng hộ các phong trào xã hội, góp phần thực hiện phương châm “tốt đạo, đẹp đời” của nhà nước và bốn đạo.



Một số hình ảnh về Ngọc điện Huỳnh Hà



Hình 39a. Ngôi chánh điện  
Ngọc điện Huỳnh Hà



Hình 39b. Các tính đồ về hành đạo  
hàng tháng



Hình 39c. Kiến trúc bên  
trong ngôi chánh điện



Hình 39d. Giờ hành đạo



Hình 39e. Các tín hữu nghe  
báo cáo đạo sự

Hình 39f. Bát quái đồ trên lưng con  
long mã. Hiện vật của Ngọc điện do  
Pháp đốt năm 1947





## 5. Đèn, miếu

Đặc biệt, tại Thủ Thiêm có rất nhiều cơ sở tín ngưỡng dân gian. Là vùng đất nằm cạnh bờ sông, nằm cạnh một đô thị lớn, đã trải qua nhiều biến cuộc, là nơi mà những thân người chết trôi về (vì chiến tranh, vì tai nạn...), phát sinh tại đây một vùng thờ cúng dọc bờ sông, dọc bờ rạch, gồm nhiều đền, miếu thờ nhiều loại thần thánh, truyền thuyết có, hoang đường có. Tín ngưỡng dân gian trên địa bàn Thủ Thiêm còn bị chi phối bởi ba tôn giáo lớn là Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo. Ba tôn giáo này hòa quyện cùng tín ngưỡng dân gian tạo nên một vùng tâm linh khá đặc biệt. Từ Sài Gòn qua phà Thủ Thiêm rồi rẽ phải theo đường Cây Bàng chúng ta bắt gặp rất nhiều đền miếu. Đầu tiên là Đền Quan Bơ, Đền Cô Bơ, Thánh Thất Thủ Thiêm, Tịnh xá Như Lai, miếu An Lợi Vạn, miếu Bà Thủy Long, miếu Bà Thiên Hậu, Quan Thánh Đế Quân, thờ thần Tài trong cư dân người Hoa...

### ***5.1. Đền Quan Bơ (Đền Đằng Giang Vọng Từ, Đền ông Cỗn)***

Đền Quan Bơ thuộc phường Thủ Thiêm, nằm ở ven bờ ven sông Sài Gòn. Đền Quan Bơ gắn với lịch sử di cư của người Bắc vào vùng đất Thủ Thiêm. Đền do ông Phạm Văn Vui lập ra vào năm 1957. Ông là người gốc huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam hiện nay. Khoảng thập niên 40, ông vào Nam buôn bán, đến năm 1954 do chiến tranh phân ly, ông không về được nên lập ra đền thờ này như một biểu tượng cho tín ngưỡng tâm linh của người Bắc bộ. Vào thời này người miền Bắc vào buôn bán ở khu chợ Bến Thành khá nhiều, những ngày nghỉ họ không có nơi đi lễ. Đền thờ này mô phỏng theo ngôi đền Lãnh Giang Linh từ ở Hà Nam (di tích lịch sử văn hóa). Ở miền Bắc, ngôi đền này thờ Tam Vương Quan được đặt ở ngay ngã ba sông. Vì vậy, khi đi thuyền đến đây ông đã chọn ngã ba sông để làm nơi đặt đền. Đền Quan Bơ còn được gọi là đền thờ Vọng, dành cho những người đi xa vọng về quê hương mình.



Tên gọi chính thức của đền là Đền Giang Vọng Từ, mô phỏng theo tên của đền gốc (Lãnh Giang Linh từ, ngôi đền Lãnh Giang nằm ở ngã ba sông Bạch Hạc). Ngoài ra, đền còn được gọi bằng những tên khác như đền Quan Bơ, đền ông Cồn. Quan Bơ là vị thần thứ ba, mặc áo trắng, được thờ chính trong đền. Còn ông Cồn là tên riêng của ông Phạm Văn Vui, tên do cha mẹ ông đặt khi ông còn nhỏ, người dân vẫn quen miệng gọi là đền ông Cồn.

Đền được xây theo kiến trúc đền miếu miền Bắc có chính điện, nhà khách, bếp, sân. Đền nhìn về hướng Tây, hướng ra bờ sông. Lúc đầu đền được xây bằng gạch, cột đúc bê tông. Cột đúc theo kiểu các đền ngoài Bắc có bệ đá phía dưới, cột bê tông bắc lên bệ đá, nhưng vì nền nhà phải nâng dần lên do nước ngập nên dần dần những bệ đá bị che khuất. Đền có tất cả là 10 cột tròn, 3 gian thờ chính và một gian nhỏ thờ Mẫu phía sau được ngăn cách bởi một tấm bình phong bằng gỗ chạm trổ rất tinh vi. Đền xây dạng 8 mái, lợp ngói. Mái ngói chưa thay lần nào và hiện nay cũng đã xuống cấp khá nhiều. Lúc bắt đầu xây dựng, đền chỉ có 3 gian chính điện như hiện nay. Sau đó vào năm 1960, đền được xây thêm gian nhà khách và nhà bếp. Phần xây sau này có kiến trúc theo lối hiện đại. Còn lại những lần trùng tu thì chỉ là sửa chữa nhỏ như nâng nền, thay cửa....

Tổng diện tích của đền là 490m<sup>2</sup>, đất xây dựng đền do ông Vui mua. Ban đầu ông chỉ mua đủ đất để xây gian chính điện, sau này người hàng xóm chiêm bao thấy thần về báo mộng bảo phải bán đất cho đền nên họ sang bán rẻ cho để xây nhà khách.

Thợ xây gian chính điện cũng là những nghệ nhân ở miền Bắc vào đây sinh sống. Họ là những người thợ ở làng mộc Bắc Bộ, do vậy họ thiết kế đền theo lối kiến trúc đền miếu Bắc bộ, từ kiến trúc, nội thất cho đến những chạm trổ trong đền.... Thời gian xây dựng và trang trí hoàn chỉnh cũng mất khoảng 2 đến 3 năm.

Đền Quan Bơ khá sang trọng với nhiều đồ thờ cúng đẹp và có giá trị. Trong đền có rất nhiều bình gốm sứ Giang Tây, cao lớn



hơn đầu người, đây là những đồ mới được mua khoảng 5, 7 năm gần đây. Dọc theo bờ tường là những kệ để rất nhiều bát nhang nhỏ, là bát nhang bốn mạng của các đệ tử của đền. Bát nhang này là của những người còn sống. Mỗi người xin nhận sang đây lễ, gọi là đệ tử, đều có bát nhang bốn mạng. Người ta gọi đây là tục đội bát nhang để cầu an (đối với chùa thì quy y còn với đền là tục đội bát nhang). Đền cũng còn giữ rất nhiều bát nhang của bá tánh từ những năm 50 đến giờ, nhưng đền không thờ cốt.

Hầu hết những đồ vật trên điện thờ đã có từ lúc thành lập đền. Bộ chắc kích gồm 16 món nguyên khí, lỗ bộ bằng đồng, tiết mao, tàn tán, câu đối, hoành phi. Câu đối cũng được xin từ khi bắt đầu làm đền. Tượng được tạc trong Nam khi mới lập đền, cũng là do những nghệ nhân miền Bắc. Bàn ghế thì đã được mua mới do nhiều cái đã hư hỏng.

Những đồ quý còn lại của đền được đặt ở gian thờ Mẫu, nằm phía trong như bát hương, chân đèn, hũ sứ thời Minh, chuông đồng nhỏ. Những đồ có từ xưa thường được bày ở gian trong và trên võ ca. Chuông đồng cũng được đúc ở miền Nam.

Gian nhà khách khá rộng được đặt bàn thờ bác Hồ và ông Cồn. Hầu hết đồ đạc trong gian này là mới, chỉ có tủ trà là đồ từ ngày xưa. Trên bàn tiếp khách luôn đặt trầu cau để phục vụ cho khách hành hương.

Đối tượng thờ chính trong đền là Tam Vương Quan, Quan Bơ. Theo truyền thuyết thì có ba ông quan nhất phẩm - áo đỏ, nhị phẩm - áo xanh, tam phẩm - áo trắng. Quan Bơ là người mặc áo trắng, có công giúp dân. Ông chuyên lo về hải quân. Ông đánh trận ở ngã ba sông và chết trận ở đó. Lễ vía chính của ông vào ngày 24 tháng 6 âm lịch. Theo thông lệ, phải có rước kiệu trên sông, nhưng do sông và đường sá hẹp nên tới ngày này chỉ có bày kiệu ra thờ. Ngoài ra, đền còn thờ thánh mẫu Liễu Hạnh công chúa, Tam tòa Cung Mẫu, đức Vua Lê Lợi, Thủy Cung, Sơn Lâm,



Mẫu Oán Thiên, ngay từ lúc thành lập đền đã thờ những vị này. Sau giải phóng có thờ thêm Bác Hồ.

Đến ngày lễ, đền cấm cờ thần (trong Nam gọi là cờ Ngũ Hành), bà con hàng xóm xung quanh thấy cấm cờ là đến phụ giúp sửa soạn lễ. Lễ chính của đền chỉ diễn ra trong một ngày, bắt đầu từ 9 giờ sáng, làm heo với xôi gà, sau đó ban cúng tế làm lễ. Tục lệ của đền là cúng heo luộc. Ngày xưa khi ông Vui còn sống, đền có hát bóng, giờ không còn nữa.

Hiện tại chỉ có ông Hoàng Minh Chất và cô Hảo (con ông Vui) trông coi đền là chính, ngoài ra cũng phải mượn thêm một vài người để lau chùi đền thường xuyên. Còn đệ tử chỉ đến vào ngày lễ.

Ban tế là người ở Thủ Thiêm, là những đệ tử ở đây. Có chánh tế, hai chục người giai tế, học trò lễ. Lúc tế, có đọc bản chúc, đọc văn, năm nào đến tế cũng phải đọc. Khi làm lễ ban tế mặc áo gấm dài, khăn đóng kiểu truyền thống Việt Nam. Những người đi dự cũng mặc áo dài lịch sự. Trang phục từ xưa đến giờ vẫn vậy, chỉ có nữ trang thì được làm đẹp hơn.

Vào ngày lễ chính, kiệu được đưa ra sân để hình dung cho lễ rước kiệu. Lễ được tổ chức trong chính điện, có dàn nhạc cổ truyền, có người hát xướng cho lễ. Khách thập phương đến rất đông, người dân dâng mâm cúng rất lớn. Buổi sáng là lễ chính, sau lễ là đãi khách (mỗi năm vào ngày này đền cũng phải làm vài chục mâm để đãi khách). Ngoài sân đền có người viết chữ nho cho bá tánh dâng sớ cầu an. Lễ cầu an tiếp tục tới buổi chiều.

Khách thường viếng vào ngày Rằm, mừng một, mừng 10 tháng giêng, lễ vía chính là ngày 24 tháng 6. Bình thường thì chỉ có người miền Bắc đi lễ. Hiện tại Thủ Thiêm có nhiều người Bắc lập nghiệp nên khách lễ cũng đông hơn. Khách đến thường cúng trái cây hoa quả, đèn, nước, dầu đèn... Ngày vía chính là ngày bá tánh đến đông nhất vì ngày đó có tế lễ, có hội.



Trong thời gian chiến tranh, ở đền không có hoạt động đấu tranh cách mạng vì khu vực này khó tụ họp nhưng đền là cơ sở đóng góp tài chính cho cách mạng. Thời kỳ này việc đóng góp tiền bạc vào chùa chiền của bá tánh cũng nhiều. Sau giải phóng, đền được chứng nhận là cơ sở tài chính giúp đỡ cách mạng.

Ở ngoài sân đền có thờ Mẫu Oán Thiên, thờ trời đất. Cửa chính phía trước điện thờ chính được làm bằng sắt, cửa cũng đã được thay mới, hiện tại cửa chính bên ngoài là cửa sắt, phía trong là cửa gỗ. Cửa chính ít khi mở vì sợ không quản lý được.

Gian phía trong cùng là cung Mẫu, thờ chúa Liễu Hạnh. Phía trên bệ thờ có dòng đại tự “Mẫu Nghi Thiên hạ” bằng chữ Hán, bậc thấp hơn là tùy tùng. Chuông nhỏ được đặt trong gian này. Chuông này chỉ được đánh khi nào lễ Bà Liễu Hạnh. Chuông lớn được đánh hàng ngày vào lúc 5h30 sáng và 6h00 chiều là chuông chiêu mộ và cũng được đánh khi có khách đến lễ.

Trên các xà phía trên bệ thờ có hình hai con rắn cuộn là Thanh xà, Bạch xà, gọi là lính, tương tự như thờ khuyến (chó) giữ nhà. Hai bên chính điện ở gian thứ hai là thờ bà chúa Sơn Lâm và bà chúa Thủy Cung. Trên tường treo nhiều khánh để trang trí, khánh được mua vào thời gian gần đây. Gian thứ hai thờ vua Lê Lợi. Tượng đức vua đặt phía trên sát bên là quan, quan đệ nhất, đệ nhị. Gian thờ thứ ba thờ Đệ Tam Vương Quan, là Quan Bơ. Phía trên bệ thờ có dòng đại tự “Vạn cổ Linh Thanh” là tiếng lưu truyền muôn đời. Còn hai bên bệ thờ là hai câu đối để vịnh các quan. Hai bên tường có đặt tượng Quan Công và Phật do yêu cầu của những người đi lễ.

Hai bên góc phía ngoài là bệ thờ những cô cậu nhỏ, bên phải là cậu, bên trái là cô. Gian ngoài cùng thờ vong công đồng, là thờ chung những ông vong. Đây là theo tục lệ từ Huế đưa vào, thờ công đồng tứ phủ.



Các gian đều có những câu đối vịnh viết bằng chữ Hán theo các đền ngoài Bắc. Câu đối trong cung Mẫu thì vịnh về Mẫu, ở gian thờ Quan Bơ cũng có hai câu thơ vịnh về Quan Bơ, nơi thờ Bác Hồ thì có hai câu vịnh về Bác, về đất nước.

Đền Quan Bơ không những là địa điểm tín ngưỡng tâm linh mà còn là một trong những điểm du lịch của khách miền Bắc. Có khi cả mấy đoàn xe ô tô đến tham quan và cúng lễ tại đền.

Với chủ trương giải tỏa, ý nguyện của những người trông coi đền chỉ muốn giữ được đền ở đây để được thờ ngay ngã ba sông như truyền thống đã có từ hàng trăm năm nay lưu truyền từ đất Bắc. Đền là mái nhà chung của nhiều người dân Bắc không chỉ ở Thủ Thiêm mà còn nhiều địa phương khác để hướng về quê hương, cội nguồn của mình.



## Một số hình ảnh về đền Quan Bơ



Hình 40a. Đền Quan Bơ  
nhìn từ sông Sài Gòn



Hình 40b. Gian chính điện



Hình 40c. Bộ Thờ Quan Bơ



Hình 40d. Bàn thờ Lê Lợi



Hình 40e. Bát nhang bốn mạng  
của đệ tử



Hình 40f. Đông đảo  
người Bắc về đền tế lễ





Hình 40g. Lễ tế của phái nữ



Hình 40h. Lễ vật dâng cúng



Hình 40i. Nhạc lễ



Hình 40j. Đồ gốm Giang - Tây



## 5.2. Đền Cô Bơ

Đền Cô Bơ nằm trên đường Cây Bàng, cạnh đền Quan Bơ với diện tích khoảng 100m<sup>2</sup>. Mặt cửa đền quay hướng ra sông Sài Gòn. Sân đền không rộng lắm, trong sân có một bộ hòn non bộ nhỏ và trồng nhiều bonsai trên đó, nền được lát bằng gạch tàu. Từ ngoài đi vào phía bên phải có một cây sung lớn. Khung cảnh xung quanh rất thoáng mát.

Ngôi đền có tường bằng gạch - xi măng, cột làm bằng gỗ quý, mái ngói, chia làm hai gian là chính phía trước và phần phụ phía sau. Gian chính là nơi thờ cúng các vị thánh thần và những người có công với nước. Gian phụ là phần sau không thờ cúng và là nhà bếp, nơi để vật dụng sinh hoạt cần thiết của gia đình người trông giữ đền.

Đền được xây dựng vào năm 1960. Người có công xây dựng đền này là bà Lê Thị Diễm, năm nay 87 tuổi và cũng là người trông coi đền. Sau một thời gian định cư ở đây từ năm 1945 bà cùng chồng, các con và một số người đồng hương miền Bắc lập đền thờ này.

Kiến trúc ngôi đền không có gì đặc biệt, cổng đền được thiết kế theo hình chữ U, sơn màu vàng, cửa bằng sắt. Nhân công xây dựng ngôi đền được thuê chủ yếu là những người ở trong vùng. Từ lúc xây dựng đến nay đền chỉ một lần được trùng tu vào năm 2000, phần sửa sang chủ yếu là nền. Trước đây nền làm bằng gạch vuông tàu nay được thay bằng gạch men.

Tên Cô Bơ có nguồn gốc từ miền Bắc, những người trông coi đền hiện nay cũng là người miền Bắc. Theo giai thoại Cô Bơ là người ở dưới sông và mặc trang phục trắng.

Đền không có cổng phụ, vào cửa chúng ta thấy bên phải có một bàn thờ nhỏ được xây trên tường thờ Cậu Bé và bên trái thờ Cô Bé. Cô Bé và Cậu Bé được đặt tương xứng hai bên, tượng



trung trong đền lúc nào cũng có con trẻ, và có ý là cô cậu trông giữ đền. Bước vào cổng chính chúng ta đi thẳng vào chính điện của đền. Đầu tiên là Vua cha Bắc Hải và Tứ phủ ông Hoàng (ông Đôi, ông Bơ, ông Bảy, ông Mười). Phần bên trái từ ngoài nhìn vào là bàn thờ Hồ Chủ tịch trang nghiêm. Hai câu đối được bày trí hai bên với hai hàng chữ ca ngợi Bác:

*“Bác Hồ dũng cảm xây mái tạo  
Trí cả cao siêu dũng toàn dân”*

Gian bên trong, phía sau tượng Vua cha Bắc Hải là tượng thờ Cô Bơ. Hai bên là hai chiếc lộng trắng lớn có thêu nhiều hoa văn. Phần trong cùng của gian chính, phía trên của hai cửa bên trái và phải xuống nhà phụ tương ứng thờ Bà Chúa Sơn Lâm và Đức Thánh Trần - Trần Hưng Đạo.

Ngoài ra, trên tầng của đền còn có những chùm nón được kết lại với nhau sơn nhiều màu, nhiều nhất là xanh, đỏ, trắng và màu đồng... Những chiếc nón này tượng trưng cho các vị được thờ trong đền.

Trên tầng đền có hai con rắn dài quấn trên cột nhà chạy song song với nhau. Hai con rắn được thờ trong đền tượng trưng cho Thanh xà và Bạch xà, là những binh lính bảo vệ bà.

Ngày cúng chính của đền hàng năm là ngày 12.6 âm lịch, các nghi lễ cúng gần giống như các miếu. Ngoài ngày 12 tháng 6 hàng năm còn có những ngày cúng khác như ngày Rằm, mồng Một... Ngày thường nếu ai muốn cầu nguyện điều gì thì cũng có thể đến viếng đền.

Đền Cô Bơ và đền Quan Bơ là hai cơ sở tín ngưỡng của người miền Bắc di cư vào vùng đất Thủ Thiêm thuở trước. Tuy nhiên, người đến viếng, cúng bái không phân biệt Bắc hay Nam vì tất cả họ đến đây để cầu cho việc làm ăn thịnh đạt và cuộc sống an lành.



## Một số hình ảnh về đền Cô Bơ



Hình 41a. Cổng đền



Hình 41b. Bàn thờ chính



Hình 41c. Đệ tử đội bát nhang cúng



Hình 41d. Nón thờ



Hình 41e. Chuông trong đền



Hình 41f. Bà Lê Thị Diệm, người đứng ra lập đền



### 5.3. Miếu Chiến sỹ

Miếu Chiến sỹ nằm trên con đường nhỏ ven sông Sài Gòn, thuộc phường An Lợi Đông, quận 2. Đây là một ngôi miếu nhỏ được lập để thờ các chiến sỹ cách mạng hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên địa bàn Thủ Thiêm. Ngôi miếu trên là do ông Tám Thê, em ruột ông Sáu Hoán, một người tham gia và có đóng góp nhiều cho cách mạng lập nên vào khoảng năm 1965.

Khu vực xây dựng miếu trước có nhiều cây cối rậm rạp, ít người qua lại. Trước ngày giải phóng, địa bàn sau miếu là nơi hoạt động của nhiều chiến sỹ cách mạng. Cảm thương các chiến sỹ, những đồng đội của mình đã anh dũng chiến đấu và hi sinh vì nước, ông Tám Thê đã phát quang khu đất, xây một cái miếu nhỏ rồi quy tập xác các anh em hy sinh về thiêu, sau đó bỏ tro cốt vào từng hũ sành và để trước miếu thờ. Ngày còn sống, ông thường xuyên đến miếu, lo hương đèn để vong hồn các chiến sỹ đỡ hoang lạnh. Sau khi ông Tám mất đi, người dân xung quanh tiếp tục truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc, chăm lo cho ngôi miếu ngày một khang trang hơn.

Năm 2002, một số người trong Hội miếu đứng ra quyên góp tiền xây lại miếu và khu nhà khách phía trước để có nơi tổ chức ngày lễ cúng được tươm tất. Khi trùng tu lại miếu, thấy khu vực thường xuyên bị nước ngập khi triều cường, rác từ sông Sài Gòn trôi lên và mắc lại ở chỗ thờ các hũ cốt nên người dân nơi đây đã đào một huyệt mộ ngay trước miếu và hạ hết tất cả các hũ đựng tro cốt các chiến sỹ xuống. Sau đó xây dựng một bàn thờ ngay phía trên ngôi mộ chung ấy. Đáng tiếc lúc đó, Hội miếu lại không có người nào ghi lại số lượng các hũ sành, cũng như một số tên tuổi mà ông Tám Thê lưu lại trên hũ cốt.

Kiến trúc miếu được làm đơn giản. Cổng chào hướng ra sông Sài Gòn luôn lộng gió. Hai bên cổng ghi câu đối bày tỏ lòng biết ơn của nhân dân đối với các chiến sỹ.



*“Tổ Quốc ghi công ơn chiến sỹ  
Trăm năm hương khói thêm xanh tốt”.*

Bên trong miếu có khánh thờ các chiến sỹ trận vong đặt ngay giữa miếu và một bàn thờ Bác Hồ phía trên trái ngay lối vào.

Hàng năm, vào ngày 16.3 âm lịch, người dân địa phương dù đi đâu cũng quay về mua sắm lễ vật, nhang đèn dâng cúng lên các chiến sỹ để bày tỏ lòng biết ơn những người đã có công vì nước. Đây là ngày cúng chính trong năm của miếu. Ngoài ra, hàng tháng những người trong Hội miếu cũng tổ chức cúng hai lần, vào ngày mùng 2 và ngày 16 âm lịch. Nhang khói hàng ngày cho miếu cũng có người trong Hội lo chu đáo.

Miếu Chiến sỹ tuy nhỏ nhưng thể hiện tấm lòng tri ân của người dân An Lợi Đông với những người đã ngã xuống vì độc lập của đất nước. Nguyên vọng của người dân là nếu giải tỏa ngôi miếu thì chính quyền nên cấp một khu đất khác để người dân di dời tro cốt các chiến sỹ đi và xây lại ngôi miếu mới, tiếp tục truyền thống uống nước nhớ nguồn từ các thế hệ trước truyền lại.



Một số hình ảnh về miếu Chiến Sĩ



Hình 42a. Cổng miếu



Hình 42b. Toàn cảnh ngoài miếu



Hình 42c. Chỗ đặt hài cốt các chiến sỹ



Hình 42d. Tụng kinh cầu an  
trong ngày cúng miếu



Hình 42e. Đồng đạo người dân đến  
cúng miếu vào ngày 16.03 âm lịch

Hình 42f. Lễ vật dâng cúng của  
người dân địa phương





#### 5.4. Miếu Ông Địa (An Tân Thần miếu)

Miếu Ông Địa tọa lạc tại ấp Cây Bàng 1, phường Thủ Thiêm, quận 2. Nằm giữa đồng, cách xa đường chính nhưng miếu Ông Địa lại được rất nhiều bá tánh thập phương biết đến, không chỉ người dân Thủ Thiêm, quận 2 mà cả người dân phía bên Sài Gòn, Chợ Lớn.

Miếu Ông Địa có tên gọi chính thức là An Tân Thần miếu. Thời gian thành lập miếu không rõ, nhưng theo nhiều vị cao niên thì miếu được lập khoảng đầu thế kỷ XX. Lúc đầu là một ngôi miếu nhỏ, xây dựng trên một gò cao thờ Thổ Địa và thần Nông. Đây là tín ngưỡng của những người nông dân làm ruộng xung quanh miếu ngày trước cầu mong cho mùa màng tươi tốt. Xung quanh miếu ngày nay có nhiều mồ mả của người dân địa phương và những bậc tiền hiền đã có công tạo lập ngôi miếu. Đáng chú ý là có nhiều bia mộ khắc chữ Hán và ghi ngày lập mộ từ rất lâu. Trong số này có hai tấm mộ bia còn sót lại ghi năm lập mộ là 1921 và 1938. Nếu căn cứ vào năm tháng ghi trên những mộ bia ấy thì ngôi miếu An Tân Thần có lẽ được lập nên từ khoảng thời gian này hoặc trước đó.

Trước năm 1954, do chiến tranh loạn lạc nên người dân xung quanh bỏ đi và không có điều kiện chăm sóc ngôi miếu. Đến năm 1956, ông Nguyễn Văn Ty đứng ra tái lập lại ngôi miếu tại vị trí cũ. Năm 1991, sau nhiều năm, ngôi miếu xuống cấp nên đã được bà con xung quanh góp tiền tái thiết lại. Tuy nhiên, mãi đến năm 2004, miếu mới được xây dựng lại mới và khang trang như ngày nay. Nền nhà được nâng cao lên để không ngập nước mỗi khi triều cường, nhà việc xung quanh được xây cất mở rộng để có chỗ tiếp khách vào ngày cúng chính.

Cổng miếu được làm khá đơn giản, hai trụ bê tông và tấm bảng ghi Miếu An Tân Thần kèm theo hai câu đối:



*“Thổ anh linh vạn cổ anh linh bất diệt,  
Thần linh ứng thiên thu cảm ứng vô biên.”*

Bên trong chánh điện, một bàn thờ Bác Hồ với tượng đồng được đặt trang trọng ngay lối vào. Phía sau là bàn thờ ông Địa và thần Tài. Hai bên gian chính có thờ tả ban, hữu ban, tiền hiền và hậu hiền. Xung quanh miếu có thờ Thần Nông và bàn thờ chiến sỹ trận vong. Vào ngày cúng chính, hàng ngàn bá tánh khắp nơi đổ về cúng bái và dâng lễ, trong số này có nhiều tiểu thương ở chợ Tôn Thất Đạm, Chợ Lớn sang. Có thể nói, miếu ông Địa là nơi thu hút bá tánh vào hàng đông nhất trong số các đình miếu trên địa bàn Thủ Thiêm. Chương trình hành lễ của miếu Ông Địa được tổ chức vào hai ngày, mùng 9 và mùng 10 tháng 2 âm lịch. Trong những ngày cúng có tổ chức tụng kinh cầu an, hát bóng rối rước các vị thần, các anh hùng liệt sỹ và hát Địa Nàng.

Có thể nói An Tân Thần miếu hay gọi với tên dân gian là miếu ông Địa đã gắn chặt với sinh hoạt tín ngưỡng của không chỉ người dân trên vùng đất Thủ Thiêm mà còn đối với cư dân ở nhiều nơi khác. Đối với người dân Thủ Thiêm, ngôi miếu còn là nơi rất gần gũi, là chỗ nghỉ chân, trú mưa nắng, là chỗ chơi đùa của tuổi nhỏ khi được theo cha mẹ ra đồng. Hình ảnh về một ngôi miếu nhỏ thân thương có cây đa cổ thụ che mát, có ao sen và con rạch nhỏ uốn quanh vẫn còn in đậm trong ký ức của nhiều người.

Ban Quý tế và người dân rất mong muốn ngôi miếu được giữ lại ở vị trí cũ để mỗi dịp đầu xuân người dân Thủ Thiêm và người dân thành phố được náo nức theo tiếng trống hội tìm về ngôi miếu gửi gắm ước vọng đầu xuân của mình, vừa cầu cho quốc thái dân an vừa cầu cho chuyện làm ăn của mình được thịnh đạt, sung túc. Và dù có đi đâu, họ cũng nguyện sẽ về chăm sóc ngôi miếu, tiếp nối truyền thống xưa, giáo dục con cháu mai sau luôn tỏ lòng biết ơn với Ông Thổ, mảnh đất đã chở che và nuôi sống nhiều thế hệ người dân Thủ Thiêm.



*Ban Quý tế miếu Ông Địa thời kỳ dựng miếu:*

Ông Trần Văn Như, sinh năm 1892, Chánh hồi

Ông Nguyễn Văn Ty, sinh năm 1902, Phó hồi

Ông Nguyễn Văn Hòa, sinh năm 1904, Chánh chủ

Ông Trần Văn Nguyên, sinh năm 1917, Phó chủ

Ông Nguyễn Văn Giới, sinh năm 1925, Thông tín

Ông Nguyễn Văn Hoàng, sinh năm 1930, Thư ký

*Ban Quý tế miếu Ông Địa hiện nay (2006):*

Ông Trần Văn Kinh, sinh năm 1939, Chánh hồi

Ông Trần Văn Tước, sinh năm 1928, Phó hồi

Ông Trịnh Văn Sáu, sinh năm 1959, Phó hồi

Ông Ngô Văn Còn, sinh năm 1943, Chánh chủ

Ông Nguyễn Văn Lâm, sinh năm 1957, Chánh chủ dự khuyết

Ông Nguyễn Văn Lượm, sinh năm 1950, Phó chủ

Ông Nguyễn Hùng Sơn, sinh năm 1961, Thư ký



Một số hình ảnh về miếu Ông Địa



Hình 43a. Miếu Ông Địa vào năm 1993



Hình 43b. Toàn cảnh ngôi miếu Ông Địa ngày nay



Hình 43c. Bên trong miếu



Hình 43d. Gian thờ thổ địa



Hình 43e. Mộ bia được lập vào năm 1921 trên phần đất Miếu



Hình 43f. Bàn thờ Thần nông đặt hương ra đồng ruộng



### 5.5. Miếu An Lợi Vạn

Miếu An Lợi Vạn được xây dựng từ năm 1900, thờ Bà Thiên Hậu nên thường được người dân vùng này gọi là Miếu Vạn, do những người làm nghề đưa đò lập nên. Danh sách những người có công sáng lập Miếu Vạn gồm có: Thái Văn Hùng (1855-1930), Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Văn Long, Lê Văn Tấn, Võ Văn Cu, Hồ Văn Giàu, Huỳnh Văn Thính, Hồ Văn Sỏi, Võ Văn Thuận, Huỳnh Thị Lạng, Huỳnh Thị Ngu, Huỳnh Thị Lợi, Đỗ Thị Dư. (13 cụ ông, cụ bà này nếu thọ đến nay khoảng 140 năm), Nguyễn Văn Nhứt, Nguyễn Văn Nhị, Lương Văn Cải (1879 - 1950), Nguyễn Văn Gòong, Võ Văn Hậu, Phạm Văn Cửa (1875-1950), Hồ Văn Lượng, Đỗ Văn Viên, Hồ Văn Tùng, Nguyễn Văn Lơn, Hồ Thị Đậu (1875-1935), Thái Thị Thị, Thái Thị Cân, Võ Thị Hạp, Võ Thị Sang, Võ Thị Lúa, Nguyễn Văn Trước, Đỗ Văn Minh, Đỗ Văn Cự, Nguyễn Văn Tuôi, Nguyễn Văn Cam, Đỗ Văn Lăng, Nguyễn Văn Hai, Trần Văn Ta.

Miếu An Lợi Vạn là dấu tích tâm linh của người dân sống nghề sông nước trên vùng đất Thủ Thiêm. Miếu tọa lạc tại số 106/2 đường Cây Bàng, phường An Lợi Đông, quận 2. Miếu nằm trong dãy đền miếu, thánh thất của đường Bờ Sông, có một vị trí khá thuận lợi về giao thông đường bộ lẫn đường thủy. Miếu có lối đi riêng từ đường chính đi vào, lối đi rộng từ 6 đến 7 m được trải nhựa bằng phẳng, vào trong là một khuôn viên nhỏ gọi là sân miếu, khá rộng và trong cùng là phần chính của miếu. Miếu có tổng diện tích là 1.309m<sup>2</sup> được chia thành nhiều khu vực gồm chính điện, võ ca và một số khu vực phụ sau của miếu.

Bà Thiên Hậu (còn gọi là Bà Mã Châu) tên là Lâm Mặc (có nghĩa là yên tĩnh). Xuất xứ bà là người Trung Hoa, sinh vào năm 960 trước Công nguyên. Bà là người hiền lành và hiểu biết về sông nước. Tương truyền Bà Thiên Hậu có thể cưỡi mây qua biển lớn, cứu thuyền gặp nạn, bà cũng biết xem thiên văn và dự báo



thời tiết cho những người đi biển không nên ra khơi khi sắp có sóng to, gió lớn. Những người đi trên sông, biển rất sợ thuyền của mình gặp nạn nên thường van vái khẩn nguyện Bà cứu giúp được tai qua nạn khỏi.

Tên gọi An Lợi Vạn xuất phát từ vị trí của miếu và từ cuộc sống sông nước của cư dân nơi đây. Từ Cầu Cống chạy dài đến Cầu Phao 5, gọi là An Lợi Xã, tiếp theo, từ Cầu Phao 5 chạy dài đến Cầu Phao 9 gọi là An Lợi Đông. Vì vậy, các cụ xưa lấy hai chữ “An Lợi” đặt tên cho miếu, còn chữ “Vạn” là do gốc vạn đồ, cộng đồng của những người làm nghề sông nước. Từ đó có câu:

*“Chùa Bà Thiên Hậu  
An Lợi Vạn Hội”*

Có 57 vị có công sáng lập miếu được gọi là Tiền Hiền, 44 vị có công đóng góp vào việc tái thiết trùng tu lại Miếu An Lợi Vạn (hiện nay đã mất phần) được gọi là “Hậu Hiền” theo như truyền thống của câu:

*“Tiền hiền khai khẩn  
Hậu hiền khai cơ”*

Miếu An Lợi Vạn trải qua nhiều biến động. Người có công lớn lập miếu là ông Lê Văn Châu vốn là người sinh ra và lớn lên tại mảnh đất này. Miếu được lập xong vào năm 1900. Năm Giáp Thân (1944), vào đêm 14 tháng 4 âm lịch lúc 21h00, máy bay Đồng minh ném bom xuống Khánh Hội quận 4. Trong tình hình đó, vào sáng hôm sau ngày 15, quân đội Nhật đóng tại Sài Gòn ra lệnh phải di dời miếu An Lợi Vạn và những ngôi nhà lân cận đi nơi khác vì trong chiến tranh vùng này là vùng quân sự. Các cụ ông trong Ban quản trị miếu phải dời hình, tượng cốt thờ Bà Thiên Hậu, cốt Quan Thánh, cốt chạm hình rồng làm bằng gỗ đem gửi trong đình An Khánh. Vì ngôi lợp lâu đời và quá cũ, hơn nữa Nhật ra lệnh trong thời hạn 3 ngày phải hoàn tất việc di dời, bà con



xung quanh miếu vì phải lo cho nhà mình nên công việc di dời gặp nhiều khó khăn, phần vì Ban quản miếu cũng không muốn di dời đi nơi khác nên quân đội Nhật đã cho xe camion cột dây vào cột chính của miếu và kéo đi. Miếu bị kéo sập và quân đội Nhật dùng mặt bằng của miếu làm trại cho lính Nhật.

Đến năm 1945, Nhật đầu hàng Đồng minh và rút khỏi Thủ Thiêm, quân đội Nhật tháo trại lính đi chỉ còn lại nền miếu. Ông Lê Văn Châu đã bỏ tiền của mình và vận động những người trong vùng góp tiền xây dựng lại ngôi miếu<sup>(1)</sup>. Năm 1956, các cụ lập ra một hội xây dựng lại miếu và ông Lê Văn Châu được bầu làm Trưởng hội.

Miếu An Lợi Vạn được tu sửa qua nhiều lần, mỗi lần sửa chữa một phần tùy vào số kinh phí có được. Năm 1989, ông Nguyễn Văn Châu đại diện hội miếu An Lợi Vạn đã xin Ủy ban Nhân dân xã Thủ Thiêm cho sửa chữa dặm vá một phần vách tường và xây nối tiếp nhằm củng cố những nơi bị hư hỏng. Năm 1990 nóc ngôi miếu được thay bằng ngói mới vì phần ngói cũ đã bị bể. Năm 1992 miếu được tiếp tục sửa sang lại phần mái tôn của sân khấu do bị rỉ sét mục và một số cây kèo, đòn tay bị hư hỏng. Mặc dù qua nhiều lần tu sửa kể cả xây dựng lại nhưng nhìn chung kiến trúc và không gian của miếu không có nhiều thay đổi.

Ban đầu, miếu không có người trụ trì, chỉ có ông từ đốt nhang mà người dân thường gọi ông là ông Hai Sang, trú tại miếu. Ông mất khoảng năm 1930. Sau khi ông Hai Sang qua đời lần lượt các ông Hai Ký, Mã Kỳ thay phiên nhau trông coi Miếu Vạn. Hiện nay trưởng hội miếu là ông Lương Cảnh Đức.

Cơ sở vật chất của miếu Vạn gồm có gian chính diện ngang 9m dài 12m, ở giữa thờ cốt Bà Thiên Hậu bằng gỗ có tám cột nhỏ.

---

(1) Ông Lê Văn Châu đã mời các ông H.V Mẫn, N.V.Út, N.V Thành, N.V.Thường, Lê V. Hấp, Đỗ Văn Không, Đỗ Văn Hào, Hồ Thạch Châu, Lê Thị Ba, Lưu Thị Mùi, Võ Thị Dành, Trần Thị Xì, Lê Thị Nhựt, Lê Thị Kim... tham gia xây lại miếu.



Bàn bên trái thờ Quan Thánh có 7 cột và 2 cột ngựa gỗ sơn đỏ và trắng. Bàn bên phải thờ cột Linh Thần chạm hình rồng và 1 cột ông Tướng bằng gỗ. Ngoài ra còn có 8 lư và 10 chân đèn đồng trên bàn thờ và một cỗ bằng đồng 8 chiếc, 2 trống châu và 4 chuông trong chính điện. Phần trong chính điện còn có một gian khánh đường 10m x 7m nóc lợp tôn, vách gạch và nền bằng xi măng.

Phần chính điện và hậu điện có nóc lợp tôn, tường gạch, nền tráng xi măng. Phần võ ca nằm ở phía trước chính điện có diện tích là 22m x 14m, hậu điện có diện tích 8m x 4m.

Nghi lễ hát cúng ở miếu An Lợi Vạn giống như một số đình khác, đều có hát lễ xây châu. Các cụ quản miếu cho biết hát lễ xây châu phải cho đúng, nếu có chầm chế chẳng cũng chỉ được bỏ qua một vài chi tiết nhỏ nhất thôi. Hát châu là phải trang nghiêm và thành kính. Một lễ xây châu hoàn chỉnh phải do tiết mục nói chuyện trời đất vũ trụ. Muốn tiến hành lễ xây châu thì phải có một vị có uy tín trong làng trên 45 tuổi, có đủ vợ chồng, dày công đức. Điều kiện về đạo đức rất quan trọng cho lễ cầu an, vì người có đức mới tròn nhân nghĩa mà hòa với Đạo Trời, Đạo Đất để Tam Tài vững chãi, mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, nhân sự an vui.

Thường trong lễ xây châu có nhân vật ác nhân ra xây châu, tức là làm một việc khinh dễ thánh thần, thách đố trời đất, để cho thấy rằng không một thần thánh nào chứng giám cho ác thần an vui, không trời đất nào phù trợ cho ma hưởng phúc.

Trước ngày cúng Thần, Ban hội miếu cho sơn mới trống châu, vẽ lại mặt thái cực âm dương và sắm một khăn vuông đỏ đầy mặt trống. Tiếp theo đó là cử hành lễ. Ban hội miếu ăn chay ngày trước đó, dọn mình cho tinh khiết, mặc áo xanh, bịt khăn đen, đến trước bàn thần, có học trò lễ xướng để dâng trà rượu.

Tạ thần xong, chấp sự thỉnh roi châu để trên bàn thần, theo học trò lễ lên sân khấu, đứng trước châu, quay mặt về bàn thần. Sau khi nghe xướng “phế cân” thì dỡ cái khăn đỏ trên mặt trống, dùng



khăn cứng lau mặt trống, rồi xếp lại và quấn vào giữa roi châu. Người hành lễ cầm roi châu tay mặt, tay trái nắm tay áo rộng bên phải, dùng roi châu làm bút viết lên mặt trống lá bùa: “Tứ tung ngũ hành” (ngang bốn đường, xuống năm đường). Theo lệ, ba hồi trống được cất lên để thực hiện nghi lễ trên. Hồi trống đầu tiên là 36 roi, hồi thứ hai là 72 roi, hồi sau cùng là 108 roi. Trước đánh ít sau đánh nhiều gọi là “Tiền Bần hậu Phú”.

Ngoài lễ xây châu, còn có lễ Đại bội do Ban hát hành lễ và một số lễ khác nhưng những lễ này ngày nay được đơn giản hóa cho gọn.

Ngày nay, để tưởng nhớ những người có công sáng lập và trùng tu lại miếu qua các thời kỳ, con cháu của các cụ thường xuyên lui tới thăm và cúng viếng. Hàng năm, đến ngày Sóc Vọng Rằm hay mùng một Âm lịch hoặc ngày 23 tháng 3 Âm lịch thường tổ chức hát cúng Bà Thiên Hậu Thánh Mẫu, làm lễ Túc Yết, đến tế lễ Tiên Hiền, Hậu Hiền để tưởng nhớ các cụ đã dày công xây dựng An Lợi Vạn cũ.

Hàng năm vào ngày 23 tháng 3 âm lịch, ngày truyền thống cúng bà Thiên Hậu, bà con trong khu vực và khách thập phương cùng chăm lo nghi lễ bằng cách góp công, tiền để sửa chữa, trùng tu khang trang như hôm nay. Vào ngày cúng miếu, các hội miếu khác trong vùng cũng đến dự rất đông đủ.

Thủ Thiêm hiện nay đang tiến hành giải tỏa. Hội chủ miếu và những người dân sống ở đây cho rằng dù có đi nơi khác tái định cư cũng mong ngôi miếu được giữ lại vì đó là nơi mà các ông bà có công lập nên để cầu cho cuộc sống của mọi người được an lành.



Một số hình ảnh về miếu An Lợi Vạn



Hình 44a. Cổng miếu An Lợi Vạn



Hình 44b. Gian thờ chính



Hình 44c. Học trò lễ dâng hương đèn  
ngày cúng miếu



Hình 44d. Người dân cầu nguyện  
trong ngày cúng



Hình 44e. Cúng thổ thần



Hình 44f. Lễ vật dâng cúng



### 5.6. Miếu Bà Thủy Long

Miếu Bà Thủy Long nằm trên đường Cây Bàng, phường An Lợi Đông. Miếu cách con đường chính khoảng 20m. Cổng miếu được sơn màu đỏ, chữ màu vàng và có vẽ hình rồng.

Miếu rộng khoảng 70m<sup>2</sup>, kiến trúc khá đơn giản. Miếu được xây từ thời Pháp, vào thời điểm khoảng năm 1945. Ngày xưa, ở bến Cây Bàng có rất nhiều thuyền ghe lui tới, trong số đó có những người đi sông thường cầu mong sự bình an nên thờ Bà Thủy Long. Những người buôn bán trên sông và những cư dân địa phương đã cùng nhau xây dựng ngôi miếu này. Bà Thủy Long được xem là thần phù hộ cho những người làm nghề trên sông nước. Đây cũng là một nét đặc thù trong tín ngưỡng tâm linh trong cuộc sống sông nước của cư dân Thủ Thiêm.

Lúc đầu, miếu được xây bằng xi măng, cột gỗ nhưng sau đó nhiều phần làm bằng gỗ đã mục nát nên Ban quản miếu mới vận động người trong vùng và bá tánh ủng hộ xây cất lại miếu. Phần vách miếu được xây lại tường gạch, phần mái lợp tôn. Diện tích dùng để thờ trong miếu rất nhỏ, phần còn lại chủ yếu là phần trước của miếu được làm bằng mái che di động nhưng khá chắc chắn. Phần không gian rộng phía trước được bố trí hơn 10 cái bàn học sinh vừa là nơi sinh hoạt cộng đồng vừa là lớp học tình thương của trẻ không có điều kiện đến trường của những hộ dân khó khăn trong vùng. Lớp học này có khoảng gần 40 em theo học được chia làm hai lớp, học vào buổi sáng từ thứ hai đến thứ sáu. Lớp học có nội quy rõ ràng: phải đi học đúng giờ, học bài và làm bài đầy đủ... Những người đảm trách lớp học này là xơ ở nhà nguyện Thánh Tâm và dòng Mến Thánh Giá. Tất cả làm việc với tinh thần tự nguyện vì lớp học này.

Cách bày trí và thờ tự trong miếu cũng khá đơn giản, cửa vào gian thờ được ngăn cách bằng bộ cửa xếp bằng sắt. Trong là bệ thờ



chính Bà Thủy Long, trên tường được trang trí bằng một nền xanh thẫm và rồng cuộn mây trắng.

Hàng năm, miếu cúng chính vào ngày 21.2 âm lịch. Lễ cúng chỉ diễn ra trong vòng một ngày. Từ sáng sớm bái tánh đến thắp nhang cầu nguyện, sau đó là hát bóng rồi đến trưa rồi các hội miếu, miếu giao lưu với nhau. Khi đến, Hội miếu bạn thường mang theo một mâm trái cây, nhang, bánh... hoặc lớn hơn thì có thể cúng heo quay. Đặc biệt, vào buổi tối từ 7 giờ 30 đến 11 giờ thường có chương trình biểu diễn hát bội do đoàn Huỳnh Long - Sài Gòn 1 biểu diễn phục vụ bà con. Nói chung, chương trình biểu diễn và nghi thức cúng ở miếu gần giống như một số miếu và đình khác.

Miếu Bà Thủy Long ngoài chức năng là nơi thờ Bà Thủy Long, nơi cầu nguyện cho cuộc sống an lành của cư dân nơi đây, miếu còn là nơi sinh hoạt cộng đồng của cư dân trong xóm, là nơi tổ chức lớp học tình thương cho những con em có hoàn cảnh khó khăn không được đến trường. Một điều đáng trân trọng là ở đây có sự hòa hợp giữa các tôn giáo – tín ngưỡng khác, là sự hòa đồng giữa đạo Công giáo và tín ngưỡng dân gian. Miếu Bà Thủy Long thực sự mang một ý nghĩa xã hội rất lớn.



## Một số hình ảnh về miếu Bà Thủy Long



Hình 45a. Cổng miếu



Hình 45b. Gian thờ chính trong miếu



Hình 45c. Lớp học tình thương trong miếu



Hình 45d. Hình rồng trang trí trên tường



### 5.7. Giai Quới miếu (Miếu Cây Me)

Giai Quới miếu hay còn gọi là miếu Cây Me (do trước đây trong sân miếu có một cây me lớn) nằm sát đường Bờ Sông thuộc ấp Cây Bàng 2, phường Thủ Thiêm.

Miếu được xây dựng khá kiên cố, tương đối kín cổng cao tường, không có gì đặc biệt về mặt kiến trúc.

Miếu Cây Me do những người trong thân tộc họ Nguyễn xây dựng cách đây nhiều năm, không nhớ rõ là thời gian nào. Theo lời kể của ông Nguyễn Văn Đủ (81 tuổi), một người trong dòng tộc Nguyễn, thì khi còn nhỏ, ông đã thấy có ngôi miếu này rồi. Đến nay, đã có ba đời trong dòng tộc Nguyễn trông coi ngôi miếu. Đời cha và chú của ông, đời ông và hiện nay là con cháu ông tiếp tục trông nom ngôi miếu.

Ban đầu diện tích miếu nhỏ và vật liệu xây dựng cũng đơn giản, xung quanh xây tường, mái lợp bằng lá. Trải qua nhiều năm, ngôi miếu được các thế hệ sau trùng tu và mở rộng thêm. Lần thay đổi lớn nhất vào năm 1990. Mặc dù qua nhiều lần trùng tu nhưng những vật thờ cúng trong miếu đều được giữ lại nguyên hiện trạng, chỉ có những đồ thờ làm bằng gỗ lâu ngày bị mục nát thì sửa lại.

Gian chính thờ năm Bà Ngũ Hành tượng trưng cho Kim – Mộc – Thủy – Hỏa – Thổ. Gian kế bên trái đặt bàn thờ bác Hồ và những người trong gia tộc họ Nguyễn. Phía trước miếu, ngay lối cổng vào bên phải là sân khấu, bên trái là nơi thờ thần tài, thổ địa.

Miếu thờ chính là Bà Ngọc Hoa. Nhiều người dân xung quanh cho rằng bà là người có công ra tay cứu vớt những người gặp hoạn nạn. Bàn thờ của năm Bà được đặt chính giữa, hai bên thờ các quan như Lưu Bị, Quan Công... Tượng Bà Ngọc Hoa làm bằng gỗ đặt chính giữa được coi là tượng chính. Bà Ngọc Hoa khoác trên mình chiếc áo choàng màu đỏ, đầu đội mũ kết nhiều hạt cườm lóng lánh, trên khuôn mặt được trang điểm rất đẹp.



Những vật thờ cúng trong miếu khá đơn giản. Phía trên có cuốn hoành phi kiêu cuốn thư được treo trên gian chính điện, phía dưới có ba bộ đỉnh. Một bộ được đặt vào vị trí các bàn thờ khác nhau như bàn thờ năm Bà, Lưu Bị và Quan Công và những người trong gia tộc Nguyễn có công xây dựng, trông coi miếu. Ngoài ra còn có chuông, trống, hai con ngựa làm bằng gỗ, đồng la ...

Ngày lễ cúng chính của miếu Cây Me là ngày 21, 22 và 23 tháng 2 âm lịch hàng năm, bá tánh thập phương cũng thường xuyên về đây để viếng Bà, cầu khẩn sự linh thiêng của Bà để bà phò trợ. Trong ngày cúng chính có hát bóng rối và hát xây châu vào buổi tối.

Không giống như những ngôi miếu khác, có Hội miếu lo việc tế lễ, ở miếu Cây Me, người đứng ra tổ chức là người cháu của ông Đủ, đảm nhiệm việc thuê gánh hát về biểu diễn từ hai đến ba đêm. Gánh hát chuyên nghiệp khoảng hơn chục người về biểu diễn trên sân khấu ở trước miếu. Buổi biểu diễn có kèn trống linh đình thu hút nhiều người tới xem và nhất là trẻ con trong xóm.

Giai Quới miếu được dòng tộc họ Nguyễn trông coi cẩn thận từ bao năm nay. Đây không những là ngôi miếu dòng tộc mà còn được rất nhiều bá tánh khắp nơi biết đến. Nguyện vọng của gia tộc Nguyễn và người dân xung quanh là nếu như không thể giữ lại được ngôi miếu thì chính quyền cấp một khu đất rộng rãi như ngôi miếu hiện có hiện nay để họ tái lập lại nơi thờ cúng đã được ông bà tổ tiên dày công gây dựng và theo suốt các thế hệ con cháu xưa nay.



## Một số hình ảnh về Giai Quới miếu (miếu Cây Me)



Hình 46a. Ông Nguyễn Văn Đủ,  
người giữ ngôi miếu



Hình 46b. Toàn cảnh ngôi miếu  
nhìn từ sân khấu



Hình 46c: Bàn thờ tộc Nguyễn



Hình 46d: Bàn thờ  
và tượng bà Ngọc Hoa



Hình 46e: Một bức hoành phi  
trong miếu Cây Me



Hình 46f: Một góc thờ ông Địa,  
Thần Tài, Phước - Lộc - Thọ  
do người dân gửi vào



### 5.8. Miếu Cây Dương

Miếu Cây Dương nằm sát bờ sông Sài Gòn, thuộc phường An Khánh, đối diện bên kia bờ sông xưởng đóng tàu Ba Son. Khu này vào đầu thế kỷ XX gọi là xóm Than (vì ở đây ngày xưa có kho than đá của Pháp). Thời điểm này người dân sinh sống bằng nghề sơn, trao đổi, mua bán hàng hóa với các tàu buôn và khuân vác than.

Miếu Cây Dương được lập vào năm 1909. Theo tín ngưỡng dân gian, các vị có uy tín trong vùng lúc bấy giờ là ông Cả Quởn, ông Cả Thìn, ông Sáu Phụng, Hai Du, Tư Hội, Năm Khai, Hai Tạ đã chủ trương lập ra am nhỏ thờ Ngũ Hành Nương Nương để mong được phù trợ cho cuộc sống yên lành.

Trước đây, khi mới hình thành, miếu được gọi là miếu các Bà Thánh. Sau này người ta còn gọi bằng các tên khác là miếu Ngũ Hành Nương Nương và Cây Dương. Gọi là miếu Cây Dương vì ngày xưa ở đây có hai cây dương rất to.

Ban đầu miếu xây bằng tranh, lá, rất nhỏ, chừng vài mét vuông. Khu vực này lúc đó toàn lau sậy, người dân phát hoang đất để xây miếu. Về sau người dân có dùng gỗ, sắt để xây dựng, lợp ngói âm dương trong lần sửa sang lại vào năm 1957. Vào năm 1988, miếu được xây dựng lại với vật liệu chủ yếu là bê tông. Từ đó cho tới hiện nay miếu chưa được trùng tu, sửa sang lại. Mỗi lần xây dựng đều do tiền của bá tánh đóng góp vào. Lần xây năm 1957 thì do bá tánh đứng ra xây dựng không tốn tiền, còn lần xây thứ hai năm 1988 thì phải thuê thợ đến làm.

Khuôn viên miếu rộng trên 1000m<sup>2</sup>. Trong sân có hai cây trôm ở hai bên điện thờ chính và cây đa cổ thụ rất lớn ở sân trước.

Giữa sân thờ Quan Âm Nam Hải, hai bên là Kim Đồng Ngọc Nữ và Hồng Hải Nhi, bên trái là am thờ mẹ Diêu Trì Địa Mẫu, dưới gốc cây đa là am thờ chư vị, binh gia của Bà, miếu ông Bạch



Hồ. Dưới gốc cây da còn có am thờ ba ông Quan Thánh Đế Quân, Già Lam, Am thờ Bà Cố, Thần Tài Ông Địa. Sân khấu được đặt ở giữa. Phía sau có bệ thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế. Bên phải chính điện là thờ thầy trò Tam Tạng. Gian nhà túc bên trái có bệ thờ chiến sỹ trận vong, tiền hiền hậu hiền (thờ những người sáng lập ra miếu), thờ vong.

Chính điện bệ thờ phía trước thờ Tam Thế Phật (tất cả các chư vị Phật). Phía sau là gian chính thờ năm Bà, dưới là tượng soái của Bà. Bên trái điện thờ là khánh thờ Cậu, bên phải là khánh thờ Cô để hầu Bà. Phía bên phải điện thờ chính có gian thờ Bà Chúa Xứ.

Hiện tại vật dụng trong miếu cũng thay đổi khá nhiều. Đồ cổ nhất trong miếu là bộ lư, bộ kích (bình khí), chiêng, ấn soái. Tượng cũng được thay mới. Lúc đầu người ta làm tượng bằng đất sét, tượng được nặn theo óc tưởng tượng của người dân. Sau này thay tượng mới với chất liệu hiện đại. Tượng và những bức bao lam là do thầy Diệu Giác ở Phú Nhuận và đệ tử của thầy qua làm vào năm 1988.

Ban hội miếu được hình thành từ sớm. Đến năm 1957, miếu thành lập một bốn hội lớn. Bốn hội có nhiệm vụ quyên góp tu sửa miếu gồm có Chánh hội, Phó hội, Thư ký và một số thành viên. Thường thì khoảng 15, 20 ngày họ tới miếu một lần. Hiện nay, số người trong hội đã giảm bớt đi vì nhiều người di dời sang sinh sống ở nơi khác. Hiện tại trông coi miếu là ông Huỳnh Thanh Mẫn, ông đã coi miếu được khoảng 18 năm.

Một năm miếu có hai ngày lễ lớn, lễ hội chính được tổ chức vào ngày 21 tháng 2 âm lịch, còn ngày 24 tháng 4 là lễ vía Bà Chúa Xứ. Ngoài ra, miếu cũng cúng mỗi tháng hai lần, Mùng 1 và ngày Rằm. Còn ngày thường thỉnh thoảng dân cũng đến lễ.

Trước năm 1992, miếu không thờ Bà Chúa Xứ, nhưng do bà con thường rủ nhau đi lễ Bà ở tận Châu Đốc nên có ý nguyện là thỉnh Bà về thờ để tiện việc lễ bái. Vía Bà Chúa Xứ thì chỉ tổ chức



từ 6 giờ sáng đến 4 giờ chiều ngày 24.4, có hát bóng rồi nhưng làm đơn giản hơn ngày cúng chính 21 tháng 2 âm lịch.

Trong lễ hội chính, bốn hội có đọc lại lịch sử miếu qua các đời. Khoảng 6 giờ chiều ngày 20 tháng 2 thì tụng kinh cầu an, qua ngày 21, khoảng 6 giờ sáng làm lễ nghinh Bà dưới sông về. Các ban hội bè bạn cũng đến cúng lễ vào ngày này. Mỗi lần cúng, hội miếu mời khoảng 40 ban hội từ nhiều vùng đến tham dự. Trong ngày cúng có hát bóng rồi cho năm mẹ, các chiến sỹ trận vong, tối thì hát cải lương, hát bội. Lễ vật cúng chính là heo sống, cúng xong sau đó lấy xuống làm cỗ.

Đến những ngày lễ chính, bà con xung quanh tụ tập lại cùng với bốn hội tổ chức. Khách thập phương đến vào dịp này rất đông, lên đến hơn ngàn người.



Một số hình ảnh về miếu Cây Dương



Hình 47a. Miếu Cây Dương nhìn từ bến sông



Hình 47b. Sân điện



Hình 47c. Cây đa cổ thụ trước miếu

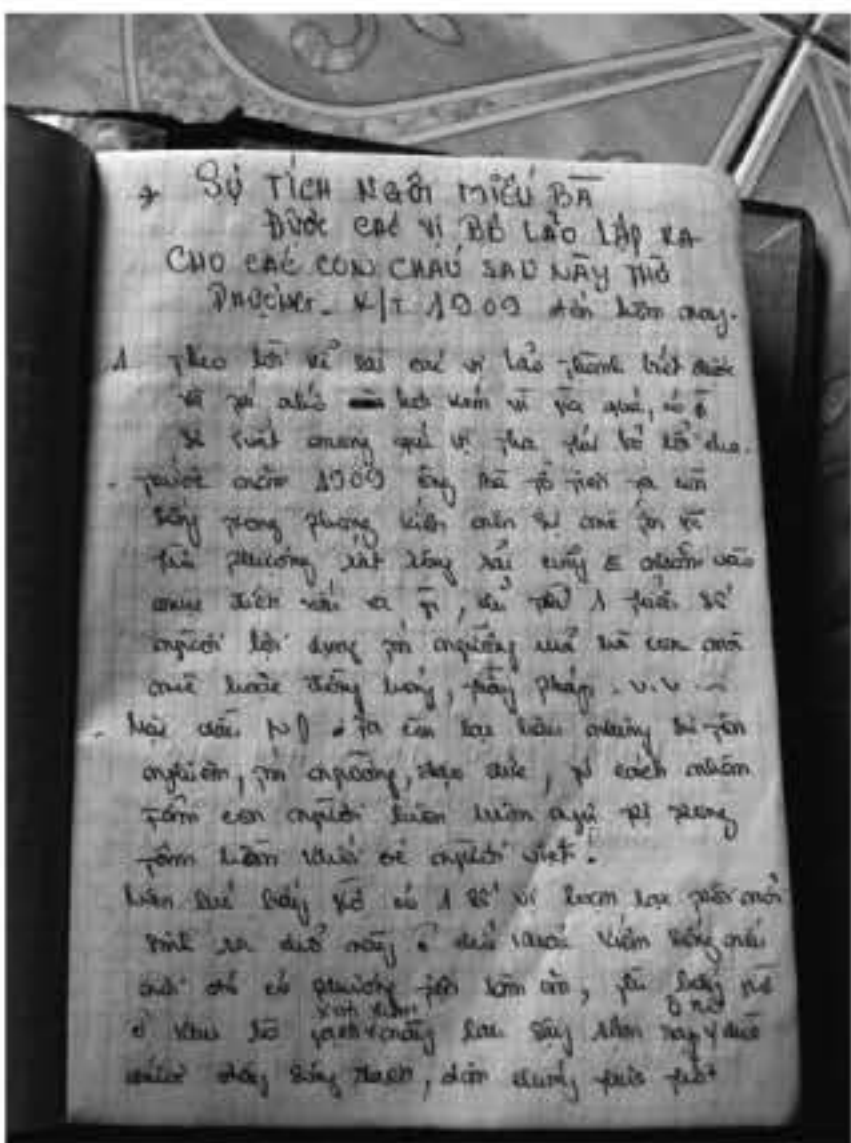


Hình 47d. Gian thờ Ngũ Hành Nương Nương



Hình 47e. Gian thờ Phật

Hình 47f. Một trang tài liệu ghi lại lịch sử xây dựng miếu và các bước tiến hành lễ lưu truyền lại cho con cháu đời sau





### 5.9. Miếu cây Trôm

Miếu nằm trong vùng rạch và dừa nước, đi qua một cây cầu nhỏ từ chùa Thiên Tịnh. Miếu có diện tích xây dựng là 640m<sup>2</sup>. Kiến trúc của miếu rất tạp nham, không có phong cách. Mái bằng tôn và ngói, tường được dựng lên bằng gạch. Miếu không có vế cổ kính, mà chỉ là sự lắp ghép, chắp vá từng căn nhà lại với nhau. Miếu cũng có chánh điện, sân khấu và những phần phụ khác nhưng đều làm bằng vật liệu không chất lượng như tường vôi, gỗ tạp, không có chạm trổ hay hoa văn nào. Miếu có cây đa rất lớn, nhưng bị nhà bao vây chung quanh, chỉ thấy được gốc cây to lớn. Chung quanh miếu trước đây rất hoang dã, cây cối, chim chóc um tùm, nhưng về sau, nhiều người đến ở đông đúc nên chim chóc không còn.

Miếu có cổng được xây bằng xi măng chắc chắn và tên của miếu được ghi bằng hàng chữ màu đỏ rõ ràng. Bước qua cổng chính chúng ta bắt gặp tám biển treo ghi thờ Mẫu năm Mẹ, nhưng thật ra thờ đủ loại từ Phật, Phật bà Quan Âm đến Bà Ngũ Hành, Tam Tạng, Quan Công, Cửu Thiên Huyền nữ, Bà Chúa Xứ Tây Ninh, Lục cung Thánh mẫu. Phần chính của miếu thờ Mẹ Châu Đốc, Lục Cung Thánh Mẫu và Phật. Đối diện với chánh điện là sân khấu và phía sân sau của miếu, phía sau có một miếu nhỏ thờ bà Thủy Long và một dinh nhỏ thờ người con trai chết sớm của trưởng miếu được đặt tên là Dinh Cậu Nghĩa.

Miếu được thành lập chính xác từ năm nào người dân và người cai quản miếu không được rõ. Chỉ biết nó được thành lập từ lâu lắm, tính đến nay đã qua 3 đời trụ trì. Ban Quản trị hiện nay chỉ có hai người, là xui gia với nhau.

Trận hỏa hoạn năm 1986 đã thiêu rụi tất cả những phần chính của ngôi miếu, sau đó Ban quản trị vận động bá tánh cho xây dựng lại. Những giấy tờ liên quan đến miếu từ kiến trúc xây dựng, thời



gian xây dựng và những lần sửa chữa di dời của ngôi miếu cũng bị thiêu rụi trong trận hỏa hoạn năm đó.

Miếu được thành lập do nhà sư Bửu Trí, người trong xóm gọi ông bằng tên thân mật - ông Cố và ông cũng là người sáng lập ra chùa Đông Hưng và chùa Thiên Tịnh. Nhà sư Bửu Trí qua đời năm 1979. Tháp của vị sư này nằm sát gần miếu, bên trong khuôn viên chùa Thiên Tịnh.

Tuy là miếu, nhưng những người lui tới gọi miếu là chùa. Hiện nay người trụ trì không phải là nhà sư mà là một người thường, đem cả gia đình vào ở trong miếu.

Tục truyền rằng nhà sư Bửu Trí nằm mộng thấy Mẹ giảng xuống cây Trôm<sup>(1)</sup>, ông cúng vái, cầu xin nếu làm ăn được khấm khá thì sẽ lập miếu thờ Mẹ. Về sau, ông lập miếu ngay tại cây Trôm. Vị trí ngôi miếu đầu tiên mà nhà sư Bửu Trí cho xây cách ngôi miếu hiện nay vài chục mét nằm ẩn mình dưới gốc cây trôm cổ kính. Nhưng sau đó cây trôm chết và ngôi miếu cũng bị hư cũ dần. Vì thế miếu được dời vào chỗ vị trí của ngôi miếu hiện nay.

Ngũ hành Miếu Cây Trôm cúng năm Mẹ hàng năm vào ngày 21 tháng 2 âm lịch. Trong năm, ngoài ngày cúng chính còn có những lễ cúng nhỏ hơn trong tháng vào các ngày 8, 18 và 28. Trong các ngày cúng này thì ngày cúng năm mẹ hàng năm là long trọng nhất và đông bá tánh đến dự nhất, có khi lên đến 500 người. Trong số đó có những người chung quanh và một số ở nơi xa đến để cúng vái và xem lên đồng. Ngoài ra các hội đình, miếu trên địa bàn Thủ Thiêm và các hội đền miếu khác trong thành phố cũng đến tham dự đông đủ.

Vào ngày ấy bá tánh thập phương về dâng hương cho năm Mẹ. Lễ này được tổ chức long trọng. Ngay tối hôm trước ngày lễ, Ban

---

(1) Một loại cây giống như cây gòn.



quản trị đã được bá tánh đến giúp bày lễ cầu siêu. Sáng hôm sau, miếu mời bóng về hát rồi. Bóng là người trong Hội bóng, sống ở quận 8. Trong lễ này, một lễ vật dâng Mẹ không thể thiếu được là chiếc thuyền giấy. Thuyền dài 2m, được dán bằng giấy màu rất công phu, có hình dáng giống chiếc tàu thủy của Pháp trước đây, có cả hai ống khói tàu, có cả lính và cờ xí. Lễ cúng gồm có mâm vàng, mâm bạc, gạo, muối, trái cây. Tuy gọi là cúng chay, nhưng vẫn có đầu heo nhằm cho binh tướng hưởng. Lễ cúng được để vào lòng thuyền, và thuyền được thả xuống rạch, theo dòng nước chảy ra sông.

Nhìn chung, Ngũ hành miếu cây Trôm không có gì đặc biệt. Hiện nay, Ban quản trị đã cho sửa chữa lại những hạng mục đã xuống cấp như bệ thờ Bà Thủy Long ở sân sau. Tuy nhiên, tính trang nghiêm của ngôi miếu đã mất dần, không gian của ngôi miếu nhường chỗ cho những sinh hoạt hằng ngày của những người ở trong miếu.



Một số hình ảnh về miếu Cây Trôm



Hình 48a. Cổng miếu Cây Trôm



Hình 48b. Sân miếu, nơi đặt tượng Quan Âm và bộ tượng thầy trò Đường Tăng



Hình 48c. Gian thờ chính trong miếu



Hình 48d. Nơi thờ Tam Phật, cửu huyền và Quan Thánh



Hình 48e. Gian thờ Bà Cố



Hình 48f. Gian thờ Bà Chúa Xứ



### 5.10. Miếu Cây Da

Miếu Cây Da nằm bên cạnh một con rạch nhỏ, bao quanh là rừng dừa nước và cây cỏ um tùm. Miếu nằm trên đường Lương Định Của nhưng phải theo một con đường mòn nhỏ ngoằn ngoèo vào sâu bên trong, trên cùng một con đường vào chùa Thiên Tịnh và miếu cây Trôm.

Miếu được xây dựng khá lâu nhưng không có cứ liệu xác định thời điểm ra đời chính xác. Theo lời kể của bà Đào Thị Hồng, người đang trông coi miếu hiện nay thì bà của bà tên là Đào Thị Dần là người có công xây dựng ngôi miếu này. Vùng đất Thủ Thiêm trước đây nói chung và phường An Khánh nói riêng là vùng đồng ruộng mênh mông, hoang vu, cây cỏ um tùm, cư dân thưa thớt. Nghề của người dân chủ yếu là làm nông nghiệp. Thời bấy giờ, phân thuốc cho hoạt động nông nghiệp không tìm mua dễ dàng được như bây giờ. Người dân gặp nhiều khó khăn, trong đó gia đình bà Đào Thị Dần là một trong những trường hợp đó. Cây lúa liên tục trong nhiều năm liền bị sâu bệnh, chim chóc phá hoại... Người làm vất vả nhưng không có ăn. Bà con ở đây làm nông có năm, khi lúa sắp trở bông thì bị sâu bệnh, cào cào ăn hết hoặc ngọn lúa bị hư không thể ra bông. Do không làm ăn được nên nhà bà mới cầu xin trời cho được mùa, không bị sâu bệnh... Không biết vì sự trùng hợp hay lời cầu nguyện của gia đình bà Dần ứng nghiệm, năm sau đó cả khu này được mùa và từ đó bà con ở xóm này làm ăn được và có hộ còn khá hơn trước. Vì thế, gia đình bà Dần mới cho lập một cái miếu trên mảnh đất nhà của mình để thờ cúng. Nói về việc chọn dưới gốc cây da để lập miếu là vì bà Dần nằm mơ thấy thần báo mộng rằng phải lập miếu dưới gốc cây da ngoài vườn. Hồi đó, trên mảnh đất nhà của bà có một cây da lớn, bà cho lập miếu dưới gốc cây da đó và bà đặt tên



miếu là miếu Cây Da. Cây da ngày càng xum xuê, um tùm che bóng mát cho miếu<sup>(1)</sup>.

Tuy nằm trên khu đất rộng nhưng miếu không xây cầu kỳ và rộng lớn như miếu Cây Trôm. Diện tích xây dựng ngôi miếu này khoảng 50m<sup>2</sup>. Miếu làm bằng xi măng, mái lợp bằng tôn. Lúc đầu miếu không có phần mái và phần nền phía trước, phần mái và phần nền được làm thêm cách đây 3 năm do một người không rõ tên tuổi và sinh quán đến tự nguyện xin xây thêm cho ngôi miếu để không bị ngập nước khi triều cường lên<sup>(2)</sup>.

Miếu Cây Da thờ chính là năm Mẹ Ngũ Hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ). Đây là đối tượng thờ đầu tiên tại miếu. Sau này có thờ thêm Ông Quan đế và Phật - Địa Mẫu. Cách bày trí thờ tự trong miếu hiện nay vẫn còn giữ như ngày đầu lập miếu. Đầu tiên là tượng Năm mẹ được đặt chính ở giữa, bên trái là tượng Quan

---

(1) Cây da hiện nay không phải là cây da ngày đầu khi xây dựng miếu. Có giai thoại kể rằng: Cây da hồi trước rất to, một người ôm không hết. Người trong xóm rất tin sự linh thiêng của cây da và ngôi miếu này. Một hôm, có ông Ba trong xóm không tin sự linh thiêng của cây và ông tìm cách chứng minh điều đó. Ông âm thầm đốn cây da lúc nào mà người trong xóm không hề hay biết. Sau việc đó xảy ra, cũng không ai trong xóm phát hiện ra ông là người chặt cây da đó. Riêng về bản thân ông vài ngày sau là ngã bệnh, đi bác sĩ thì bảo ông không có bệnh gì. Sáu tháng sau ông qua đời. Trước lúc nhắm mắt, ông có trăng trối lại với người trong gia đình rằng: “chính ông đã cho đốn cây da và ông đã ngã bệnh vì lí do đó” và khuyên mọi người trong xóm không nên làm những điều như ông đã làm. Câu chuyện đó được mọi người trong xóm truyền tai nhau và theo dết nên nhiều giai thoại về sự linh thiêng của cây da và ngôi miếu này. Sau khi cây da bị đốn đi, Ban quản miếu mới cho trồng lại cây da khác gần cây da cũ. Giống như cây da trước, cây da ngày nay ngày càng um tùm xanh tươi lá làm bóng mát cho ngôi miếu.

(2) Xung quanh chuyện người xin xây thêm phần trước của ngôi miếu cũng là một câu chuyện thú vị. Họ nói với nhau rằng, có một người đàn ông trạc tuổi khoảng 40 – 50, đã cầu xin một điều gì đấy từ ngôi miếu này và ông đã được toại nguyện. Thế là ông quay trở lại xin cho được bỏ tiền ra xây dựng thêm phần trước của miếu. Lúc đầu, bà Hồng từ chối vì đây là miếu của bá tánh bà không thể quyết định được nhưng sau đó bà bảo: “Nếu cậu có lòng thì hãy vào trong miếu thắp 5 cây nhang và thầy keo bằng hai đồng xu, nếu là hai mặt hình của đồng xu khác nhau tức là được”. Người đàn ông ấy làm đúng như lời bà Hồng thì lập tức lời được như cầu nguyện. Ông cho nâng nền và xây thêm phần trước của miếu.



Thánh đế và bên phải là Địa Mẫu. Hai bên của gian thờ chính là hai con bạch mã. Bên ngoài miếu là Phật Bà Nam Hải cứu độ sinh linh.

Thường ngày có ai cầu mong điều gì thì có thể đến, ngày 20 tháng 4 âm lịch hàng năm là ngày cúng chính. Ở miếu Cây Da chỉ cúng hơn nửa ngày, tối hôm trước chỉ thắp nhang, sáng hôm sau thì chuẩn bị trái cây, nhang khói và những món quà của bá tánh mang đến để cúng. Miếu cúng mặn, thường thì phải có heo quay. Nghi lễ trong ngày cúng trước hết là cầu nguyện các chiến sỹ trận vong, đồng bào tử nạn và tiếp theo là cầu cho quốc thái dân an, nhà nhà an cư lạc nghiệp. Vào ngày này bá tánh đến dâng hương cho năm Mẹ. Trong buổi lễ có mời bóng rỗi về hát. Sau khi cầu an và hát bóng xong, một nghi lễ không thể thiếu đó là thả thuyền xuống sông. Đó là một chiếc thuyền dài khoảng 1m, làm bằng giấy để có thể tan ra sau ít giờ xuống nước. Chiếc thuyền này do tự người xung quanh hay ban quản miếu làm lấy, không phải thuê. Thân thuyền được làm bằng trúc, trúc được vuốt mỏng và dán giấy màu xung quanh thường thì đỏ hoặc vàng. Thuyền này sẽ chở tượng trưng gồm cả mâm vàng, mâm bạc, gạo, muối, chai nước nhỏ nhỏ và dầu đốt. Do miếu nằm gần rạch nên không cần đi đâu xa, tuy nhiên, nếu trường hợp trong ngày cúng mà nước rạch cạn không thả thuyền được thì phải đi ra sông lớn và theo nghi lễ có ít nhất bốn người đi theo được chia thành hai hàng ngang hai bên.

Ngày xưa, miếu Cây Da được người dân trong vùng lập nên cầu cho mùa màng tốt tươi, đời sống no ấm. Ngày nay, dù người dân ở đây không còn làm nông nghiệp nữa nhưng miếu là nơi họ có thể gửi gắm niềm tin và cầu nguyện cho cuộc sống tốt đẹp hơn.



Một số hình ảnh về miếu Cây Da, phường An Khánh



Hình 49a. Cầu qua miếu



Hình 49b. Toàn cảnh ngôi miếu



Hình 49c. Gian thờ Ngũ Hành



Hình 49d. Gian thờ Quan  
Thánh Đế Quân



Hình 49e. Ngày cúng miếu



Hình 49f. Gốc da trước miếu



### 5.11. Miếu Ngũ hành Bảng Đỏ

Miếu Ngũ hành Bảng Đỏ phường An Lợi Đông, quận 2 là một ngôi miếu nhỏ nằm sâu giữa đồng. Trên con đường làng nhỏ dẫn vào miếu từ đường Trần Nãi vào khoảng 1km, hai bên là ao, đìa, đồng trống, chỉ có vài ba ngôi nhà của người dân. Ngôi miếu được lập sau ngày đất nước được giải phóng. Miếu có tên Bảng Đỏ là do lấy tên của khu vực.

Năm 1975, ngay sau giải phóng bà Lê Thị Nguyên cùng chồng là công nhân của hãng đóng tàu Caric, vì đời sống khó khăn đã về khai phá đầu tiên khu đất này để làm rẫy nuôi sống gia đình. Bà xây dựng một chòi nhỏ ở phía sau địa điểm hiện nay của miếu để trông nom rẫy của mình. Theo lời bà Nguyên, khoảng một thời gian sau, có nhiều người xung quanh bị bệnh nhưng chữa không hết. Người dân rước một thầy Pháp ở An Khánh lên để chữa bệnh nhưng cũng không khỏi hẳn. Ông khuyên bà con nên dựng một ngôi miếu để thờ cúng những vong hồn khuất mặt mới mong chữa khỏi. Lúc đầu miếu được lập đơn sơ và nhỏ, chỉ có vài tượng và một tấm ván gỗ ghi mấy chữ Hán để thờ. Đến năm 1993, ngôi miếu xuống cấp nên ông Phan Văn Hoàng, anh của bà Nguyên, người An Khánh xuống làm ruộng tại khu vực này mới làm đơn xin chính quyền cho xây lại ngôi miếu khang trang hơn. Cho đến nay, hàng năm cứ vào dịp cúng lễ Bà đều có sửa sang lại ngôi miếu.

Miếu có sân bên ngoài khá rộng rãi, được tráng xi măng sạch sẽ. Chính giữa sân đặt tượng Quan Thế Âm Bồ Tát, do một bà tánh dăng cúng. Hai bên là hai miếu nhỏ thờ Tổ Cô và Bạch Hổ Chơn Thần. Phía trong điện chính của miếu khá hẹp được chia làm ba khu vực thờ. Ngay giữa miếu thờ Ngũ hành nương nương. Bên phải là một bức tranh bằng kiếng vẽ năm vị tướng có nguồn gốc bên Tàu. Bên trái thờ tượng bà Chúa Xứ. Theo lời bà Nguyên kể lại thì vào khoảng năm 1995, 1996, nhiều người dân ở quận 2 đi hành hương về chùa Bà Chúa Xứ ở núi Sam (Châu Đốc, An Giang) thường hay bị tai nạn giao thông trên đường nên bà chủ



tiệm vàng Liên Châu ở An Khánh mới thỉnh tượng Bà Chúa Xứ về đặt ở miếu Bảng Đỏ thờ, cầu mong mọi người được thượng lộ bình an mỗi khi về Châu Đốc cúng bà.

Ngày cúng chính của miếu Bảng Đỏ là ngày 21 tháng 2 âm lịch. Ngoài ra, vào ngày 24 tháng 4 âm lịch, Hội miếu cũng tổ chức một lễ để cúng Bà Chúa Xứ. Vào ngày cúng, người dân từ nhiều nơi tụ họp về. Nhiều người dân đến bằng ghe xuống đậu trước cửa miếu. Hội miếu phải mang cò ra treo ở ngọn rạch để bà con biết đường đi ghe vào. Tối ngày 20 tháng 2, Hội miếu tổ chức cầu kinh, cầu an cho những người đã khuất, cho các chiến sỹ hi sinh vì nước. Ngày hôm sau, làm lễ cúng bà, có lễ nhạc, bóng rỗi, múa dâng mâm vàng, mâm bạc cho Bà để cầu cho bá tánh thái bình, an lạc.

Miếu Ngũ hành Bảng Đỏ là một ngôi miếu khá mới so với nhiều ngôi miếu khác trên địa bàn Thủ Thiêm, quận 2. Kiến trúc và lịch sử không có nhiều nét đặc sắc nhưng cũng cho thấy rằng tín ngưỡng dân gian thờ cúng và tin tưởng thần linh đã in sâu vào lòng của người dân xung quanh.

*Danh sách Ban quý tế hội miếu Bảng Đỏ hiện nay:*

1. Ông Lê Văn Hoàng, sinh năm 1929, Chủ hội miếu  
Địa chỉ: 16/5 Ấp 4, phường An Khánh
2. Bà Phạm Thị Ba, sinh năm 1924, thành viên  
Địa chỉ: 304/39 An Lợi Đông
3. Bà Lê Thị Thân, sinh năm 1930, thành viên  
Địa chỉ: 512/80 An Lợi Đông
4. Bà Trần Thị Bé, sinh năm 1930, thành viên  
Địa chỉ: 512/81 An Lợi Đông
5. Bà Lê Thị Nguyên, sinh năm 1940, thành viên  
Địa chỉ: 638 Tổ 22, An Lợi Đông
6. Ông Huỳnh Văn Ta, sinh năm 1953, thành viên  
Địa chỉ: 512/27Đ, tổ 44, ấp 4, phường An Lợi Đông



## Một số hình ảnh về miếu Bảng Đỏ



Hình 50a. Miếu Bảng Đỏ nhìn từ bên ngoài



Hình 50b. Gian thờ bên trong miếu



Hình 50c. Gian chính điện thờ Ngũ Hành Nương Nương



Hình 50d. Ông Phan Văn Hoàng, chủ tế Hội miếu



Hình 50e. Gian thờ Quan Công



Hình 50f. Gian thờ Bà Chúa Xứ, núi Sam (An Giang)



### 5.12. Miếu Ngũ hành Ông Én

Lối vào miếu Ngũ hành Ông Én quanh co và hẹp, băng qua nhiều đồng ruộng và ao hồ. Miếu nằm giữa một hồ nước lớn, rộng khoảng 300 m<sup>2</sup>. Khuôn viên gồm một gian thờ chính, phía bên phải chính điện là kho, bên trái chính điện là bệ thờ các chư vị thần linh. Phía trước chính điện là sân rộng, dùng để đãi khách khi có lễ, và cũng dùng làm sân hát bóng, địa nạng, hát bội.

Theo người coi miếu hiện nay, miếu được thành lập từ năm 1888 do người dân lập nên. Thời kỳ này ở Thủ Thiêm chỉ là rừng rú, cộp, beo, rần, vì vậy bà con nông dân mới cùng nhau lập nên miếu để cầu nguyện bình an. Từ lúc hình thành cho đến thời điểm hiện tại, miếu đã di chuyển địa điểm hai lần. Lúc bắt đầu hình thành miếu tọa lạc tại gò Cây Bàng, ngay Cầu Cá Trê 1. Trong thời kháng chiến chống Pháp, các nhân sĩ yêu nước có qua lại hoạt động ở đây. Khu vực này hầu hết bà con theo Việt Minh. Thời kỳ mặt trận Việt Minh, ông Hai Dương, ông Lê Văn Dương (Ba Dương), ông Lê Văn Môn (Bảy Môn) cũng qua lại miếu hoạt động. Vì vậy, Pháp đã cho đốt miếu nhưng miếu không cháy, sau đó họ đã cho người dỡ bỏ miếu thả xuống rạch Cá Trê. Phần lớn đồ thờ cúng cũ không còn, chỉ còn lại tượng của năm Mẹ. Những bức tượng này vẫn còn được lưu giữ ở Giác Chơn Tự.

Sau khi bị Pháp dỡ bỏ, miếu thờ chỉ còn lại nền trên gò Cây Bàng nhưng người dân vẫn thường xuyên đến cúng ở đây. Ít lâu sau, người dân về đó sinh sống, làm ruộng quanh khu vực này và dần dần nền miếu cũng bị che khuất. Từ lúc hình thành đến năm 1960 miếu vẫn có tên là miếu Cây Bàng. Sau đó khi chuyển sang gò Ông Én, người dân gọi quen dần thành miếu Ông Én, trong ngọn Ông Én. Có người lại cho rằng ở đó có ông tên là Én. Có người cho rằng tại hình dáng nhánh sông này giống như con én. Nhưng cũng có người khẳng định là tại ấy có nhiều chim én. Miếu được ông Trần Văn Sáu (sinh năm 1899), cũng là người dân sinh sống ở Thủ Thiêm dời về bên kia rạch Ông Én. Đất đó cũng là khu đất bỏ hoang.

Vào thời kỳ người dân bị gom vào ấp chiến lược thì ban ngày họ tranh thủ cày cấy và thấp nhanh tại miếu còn ban đêm không ai



ở lại. Đến năm 2003 khu vực rạch Ông Én bị giải tỏa, miếu được dời sang nơi tọa lạc hiện nay.

Nơi miếu mới tọa lạc đã được một người trong hội đề thơ vịnh như sau:

*“Địa danh ông Én miếu Ngũ hành  
 Chỗ mới quanh hồ nước trong xanh  
 Khang trang, rộng rãi nơi thờ mẹ  
 Tái lập nhiệt tình bất lợi danh  
 Công khai tài chính từng chi tiết  
 Tháng ba hai tám lễ khánh thành  
 An vị cầu an cho bá tánh  
 An cư, lạc nghiệp sống yên lành”*

Từ lúc hình thành, miếu đều có hát cúng thường xuyên, nhưng sau đó do bị Pháp theo dõi, bà con không dám tụ tập ở miếu nữa mà chỉ đến viếng vào ngày vía chính là ngày 16.2 âm lịch, mỗi người đem một cái chén, cái tô, góp đồ lại làm lễ, ăn uống xong rồi mạnh ai nấy về. Về sau, khi miếu bị đốt bà con không dám đến khu vực này nữa nhưng vào ngày 16.2 hàng năm họ vẫn đến nền miếu cũ thắp nhang. Người dân hầu như không còn nhớ chính xác thời gian miếu bị Pháp đốt, chỉ biết là ít lâu sau khi bắt đầu có phong trào Bình Xuyên. Khi chuyển miếu đến ngọn ông Én, người dân bắt đầu tổ chức lại các lễ hội như ngày xưa.

Ngoài lễ chính của miếu là ngày 16 tháng 2 âm lịch, mỗi tháng miếu cúng vào những ngày sóc vọng như mùng 1, 8, 15, 18, 28 và cúng vía Ngọc Hoàng vào mùng 9.2. Bồn hội và Ban Quý tế thường họp trước khi tổ chức lễ chính 2, 3 ngày để phân công công việc và chuẩn bị. Lễ chính thường là hai ngày, đêm 12 giờ rước Bà về rồi cúng, có hát bóng rỗi. Ngày Rằm tổ chức lễ chay, ngày 16 cúng mặn, đãi bà con và các Hội miếu khác trong vùng. Ngoài bóng rỗi, hàng năm Ban Quý tế cũng thuê hát địa nạng để góp vui cho lễ hội.



Một số hình ảnh về miếu Ông Ín



Hình 51a. Toàn cảnh ngoài miếu



Hình 51b. Chính điện



Hình 51c. Cổng miếu



Hình 51d. Gian thờ năm Mẹ trong chính điện



Hình 51e. Gian thờ các vị chư thần



Hình 51f. Gian thờ bên trái chính điện



## II. TRÒ CHƠI DÂN GIAN TRẺ EM VÀ VĂN HỌC, THƠ CA VIẾT VỀ THỦ THIÊM

### 1. Trò chơi dân gian trẻ em

Trò chơi dân gian trẻ em là một thành tố trong kho tàng văn hóa Việt Nam, góp phần tạo nên sự phong phú của văn hóa truyền thống dân tộc. Vùng đất nào cũng chứng kiến những tuổi thơ qua đi, và tuổi thơ nào cũng gắn bó với mảnh đất mà mình được sinh ra hay được lớn lên.

Các thú tiêu khiển có một vị trí quan trọng trong sự phát triển của trẻ. Sau những giờ học, trẻ em cần giải trí và những trò chơi dân gian đã đáp ứng được nhu cầu này. Những cuộc chơi đem lại cho các em những khoảng khắc thư giãn, giúp chúng lấy lại được sự quân bình, sự thư thái, do đó giúp cho chúng phát triển bình thường.

Những trò chơi dân gian trẻ em gắn liền với môi trường thiên nhiên và môi trường sống của trẻ, tác động không nhỏ đến trí tuệ và thể chất của trẻ em. Có những trò chơi rèn luyện sự khéo léo, chính xác như chơi vục, chơi bi, thả điều, tạt lon... Có những trò chơi lại giúp trẻ rèn luyện thể lực sức mạnh và dẻo dai như nhảy dây, đá cầu, đánh khăn. Có những trò chơi làm mở mang trí tuệ như cờ tướng, trốn tìm...

Những trò chơi dân gian ấy rất phù hợp với môi trường sống và điều kiện sinh hoạt của trẻ em. Những vật dùng để chơi rất dễ kiếm, dễ tìm hay do chính tay các em làm. Chỉ cần một quả bưởi rụng, một vài que tre nhỏ, một chiếc lá dừa, vài viên sỏi, một chiếc dây thừng, một vài miếng ngói bể là trẻ đã có đồ để chơi. Cái làm cho trẻ càng thích thú là có khi chính chúng sáng chế ra đồ chơi cho mình.

PGS.TS Nguyễn Văn Huy, Giám đốc Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam cho rằng: “Cuộc sống đối với trẻ em không thể thiếu những trò chơi. Trò chơi dân gian không đơn thuần là một trò chơi



của trẻ con mà nó chứa đựng cả một nền văn hóa dân tộc Việt Nam độc đáo và giàu bản sắc. Trò chơi dân gian không chỉ nâng cánh cho tâm hồn trẻ, giúp trẻ phát triển khả năng tư duy, sáng tạo, sự khéo léo mà còn giúp các em hiểu về tình bạn, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước. Trẻ em ở một xã hội công nghiệp, chỉ quen với máy móc và không có khoảng trống để chơi cũng là một thiệt thòi. Thiệt thòi hơn khi các em không được làm quen và chơi những trò chơi dân gian của thiếu nhi thuở trước - đang ngày càng bị mai một và quên lãng, không chỉ ở các thành phố mà còn ở cả các vùng nông thôn, nơi mà đang dần bị đô thị hóa mạnh mẽ. Vì thế giúp các em hiểu và tìm về cội nguồn với những trò chơi dân gian là một việc làm cần thiết”<sup>(1)</sup>.

Vùng Thủ Thiêm cũng thế, cũng có những trò chơi dân gian gắn liền với tuổi thơ ở đây. Trò chơi dân gian trẻ em của Thủ Thiêm được thừa hưởng từ kho tàng chung của văn hóa giải trí Việt Nam, của Nam Bộ và đồng thời cũng phản ánh nét độc đáo của riêng Thủ Thiêm. Có thể ghi lại một số trò chơi dân dã của trẻ em Thủ Thiêm như sau:



**Hình 52. Trẻ em chơi ném lon trước sân nhà**

(1) Website: <http://www.bacninh.gov.vn/Story/VanHoaDuLich/TinTucVan-Hoa/2006/2/2692.html>



- *Tạt lon*: Trò chơi này phổ biến đối với trẻ con, nhất là đối với con trai. Lon là lon sữa bò nhỏ được đặt vào trong một vòng tròn được vẽ trước và cách đó khoảng 3-4 thước, vạch một đường dài để phân cách ranh giới giữa những người ném lon và người canh giữ lon. Trò chơi này cần một sự nhanh nhẹn, một khi chiếc lon được ném ra khỏi vòng thì người canh giữ có nhiệm vụ chạy nhặt lon về và đặt vào vòng tròn, khi đặt vào vòng tròn xong mới được phép bắt người kia ném lon. Người ném lon nếu chạy chưa kịp về bên kia vạch ngang thì xem như bị bắt và phải làm người canh lon.

- *Chơi cò cò*: Hay còn gọi là nhảy lò cò. Trò chơi này được các em gái ưa thích. Bàn cò được vẽ trên mặt đất có hình chữ nhật rộng rãi, có từng ô. Mỗi người chơi có một quân cái, thường là gạch, miếng sành nhẵn. Người chơi sẽ ném quân cái vào một ô và lò cò một chân đến gần ô đấy để lượm. Lượm được quân cái rồi, người chơi đi tiếp cho hết vòng và thắng.

- *Chơi nhảy dây*: Trò chơi này phổ biến đối với con gái. Dây thường là dây thun được thắt lại thành một sợi dài. Có thể chơi nhảy một dây hay hai dây. Có thể chơi một mình hoặc nhảy tập thể, hai người quay, một người nhảy hoặc hai người nhảy.

- *Chơi con vù (con quay)*: Trò chơi này thường là của bé trai. Con vù làm bằng gỗ được đẽo giống hình trái ôi, đầu to đầu nhỏ; có núm ở phía trên. Bên dưới thân con vù có “chân” làm bằng gỗ hoặc bằng đinh. Khi chơi, các em quán dây quanh con vù từ đầu dần xuống thân. Trẻ kẹp đầu dây còn lại có nút thắt vào giữa hai ngón tay để giữ dây, sau đó vung tay liệng hoặc bỏ quay rơi xuống đất. Lúc này, theo quán tính con quay sẽ quay tít, gần như đứng yên. Một em khác cũng quay con vù của mình và cho bỏ vào con vù của đối thủ. Con nào ngã lăn ra thì chủ nhân của nó là người thua cuộc. Trò chơi này hấp dẫn ở chỗ đòi hỏi trẻ khéo léo điều khiển con vù. Một đứa trẻ “thiện nghệ” có thể cho vù quay rất lâu, gần như đứng yên một chỗ.



- *Đánh căng* (đánh khăng, đánh trống): Người tham gia vào trò chơi này chia làm hai phe. Hai bên đứng đối diện nhau. Một người cầm hai đoạn tre, một ngắn (cù) một dài (căng, trống). Dưới đất là một hố nhỏ, dài. Đoạn tre ngắn (cù) được đặt chéch miệng hố, người chơi lấy thanh tre dài (căng) hất chiếc cù lên cao rồi đánh thật mạnh vào cù cho văng ra xa. Nếu người đứng đối diện bắt được cù, người đó sẽ được vào chơi thay. Trò chơi này có gây nguy hiểm ít nhiều cho trẻ nếu bị chiếc cù trúng vào đầu, vào mắt. Người lớn không thích trẻ em chơi trò này vì sự nguy hiểm ấy. Từ đó có câu:

*“Căng cù u óc, thôi lỗ tai”*

- *Tắm sông, chơi sinh*: Đây là một trò chơi của vùng sông nước, rất phổ biến đối với trẻ con ở Thủ Thiêm. Khi nước lớn vào, trưa hè nóng bức trẻ thường xuống rạch tắm và cùng nhau chơi chơi sinh. Trò chơi này cũng đơn giản như trò chơi tạt nước khi tắm biển, tắm sông, hay trò chơi ném tuyết ở các xứ lạnh. Tuy đơn giản, nhưng trò chơi này cũng cần lanh lẹ, mưu trí, lừa thế nào cho đối thủ bất cẩn rồi chơi nguyên một nắm sinh vào mặt. Có nhiều em lãnh nguyên một nắm vào mắt cay xè.

- *Thả diều*: Trò chơi này không chỉ của trẻ em, mà người lớn cũng tham gia. Sau vụ lúa, đồng trống, gió thuận là trẻ rủ nhau đi thả diều. Diều của trẻ Thủ Thiêm thường rất đơn sơ, thỉnh thoảng có gắn ống sáo hay ống tiêu để khi gió thổi thì sẽ vang lên âm thanh cao vút. Không phải trẻ nào cũng chơi được diều, cũng bắt được gió. Phải biết lựa chiều gió, nhanh chân chạy mà nhắp diều lên. Diều lên được cao rồi, bay lượn trên không là lúc mà tâm hồn của trẻ cũng thanh thoát lên theo từng đường lượn của cánh diều.

- *Chơi năm mươi (trốn tìm)*: Đây là một trò chơi rất phổ biến, không chỉ ở Thủ Thiêm mà cả nước và quốc tế nữa. Trò chơi này thú vị ở việc cố gắng tìm được chỗ trú kín đáo và sự hồi hộp sợ bị tìm ra.



- *Đá cá lia thia*: Cá lia thia có các màu cơ bản là xanh, đỏ, vàng, trắng, đồng, đen... Các ruộng rẫy thường xuyên ngập nước ở Thủ Thiêm là môi trường thuận lợi cho loài cá này sinh sôi, nảy nở. Cá thường được lũ trẻ bắt ngoài đồng ruộng mang về nhà nuôi trong những hũ bằng thủy tinh trong suốt, mỗi con mỗi hũ để đừng đá nhau. cá rất được trẻ cưng thường cho ăn những món khoái khẩu như loãng quăng, trùn chỉ, thỉnh thoảng trẻ lại cho chúng gặp nhau để luyện nghề. Khi cá đã cứng cáp và biết nghề thì trẻ đem chúng đi đá. Trò chơi này rất hấp dẫn các trẻ em trai.

Hiện nay những thú giải trí này đang có chiều hướng mai một dần do ảnh hưởng của đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng với nó là sự xuất hiện của những thú tiêu khiển hiện đại như trò chơi điện tử, mang đầy tính bạo lực và cô lập, sẽ ảnh hưởng đến đạo đức của lớp trẻ sau này.

Vì những giá trị của các trò chơi dân gian trẻ em, chúng tôi có một số đề xuất như sau:

- Chú trọng đến việc giáo dục truyền thống cho trẻ em, giúp trẻ em tiếp cận với sinh hoạt tinh thần của các thế hệ trước, tự giác tránh xa những thú tiêu khiển mang tính bạo lực.

- Chú trọng giáo dục tinh thần cộng đồng cho giới trẻ vì những thú tiêu khiển hiện đại trên máy tính sẽ đưa trẻ đến yếu tố cô lập. Chúng chỉ biết hoạt động một mình mà không nghĩ đến việc hợp tác với những người xung quanh.

- Củng cố mối quan hệ giữa các thế hệ với nhau, các thú tiêu khiển và trò chơi dân dã sẽ giúp ích rất nhiều cho việc đồng cảm với nhau giữa các thế hệ. Người cha, người mẹ có thể hiểu được con cái của mình muốn gì và thông cảm với chúng qua những thú vui lành mạnh mang tính truyền thống của dân tộc.

Hiện nay, trong bối cảnh của đô thị, sân chơi cho trò chơi dân gian trẻ em bị biến mất. Vì vậy, cần tạo ra những sân chơi bổ ích,



mang tính truyền thống của dân tộc mà lại không tổn kém cho người dân, góp phần vào việc giữ gìn và phát huy nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

## 2. Văn học, thơ ca viết về Thủ Thiêm

Vẻ đẹp yên bình của vùng đất và nét hiền hòa, bình dị của con người Thủ Thiêm từ lâu đã đi vào ca dao, thơ ca của nhiều thi sĩ.

*“Cá Trê, Giồng Tố, Nhà Bè  
Hai bên ruộng lúa ngó mê cả đồng”.<sup>(1)</sup>*

Hình ảnh được nhiều người nhắc đến nhất có lẽ là hình ảnh của con đò Thủ Thiêm dọc dang trên sông nước. Đò Thủ Thiêm đã gắn với bao mảnh đời, bao chuyện buồn vui của vùng đất này.

*“Ấu ơ... Bao giờ Chợ Quán hết vôi,  
Thủ Thiêm hết giặc em thôi đưa đò.  
Bấp non mà nướng lửa lò,  
Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm”.*

Đó là những câu ca dao được phổ truyền sâu rộng trong dân gian khi Pháp vừa chiếm Sài Gòn - sau hiệp ước năm Nhâm Tuất (5.6.1862) - nói lên tấm lòng yêu nước và lòng chung thủy của cô lái đò với quốc gia và người chồng sắp cưới. Cô lái đò Thủ Thiêm đã xây mô ở đáy sông Đồng Nai nhưng ngày sau vẫn còn khắc đậm hình ảnh và ghi sâu tấm lòng yêu nước của “con đò Thủ Thiêm” bằng mấy câu hát bình dân.

Hình ảnh cô lái đò với trái tim nồng cháy yêu thương, đã chấp nhận hy sinh cao cả tiễn người yêu lên đường chiến đấu chống quân xâm lược, còn mình ngày ngày đưa đò trên sông với lòng chung thủy sắc son đó đã là nguồn cảm hứng dạt dào cho các nhà thơ.

---

(1) Nguyễn Liên Phong, *Nam Kỳ phong tục nhân vật diễn ca*, SG, 1909.



Thừa ầy anh là trai Bến Nghé,  
 Chấn trâu cắt cỏ xứ quê hiền.  
 Em là cô lái đò quê mẹ,  
 Nói nhịp cầu đôi bến Thủ Thiêm.  
 Giữa đêm mưa gió, trời giông bão,  
 Em quạt lửa lò hơi áo anh.  
 Tình chớm nở trong khoang đò nhỏ,  
 Lửa lò nhen nhúm mối duyên lành.  
 Bên ánh lửa lò, em gửi tặng  
 Hột tình anh: Hột bắp Biên Hòa.  
 Em gieo bắp giống trong lòng đất  
 Khi bắp trở cờ, tình nở hoa.  
 Nước ròng trong ngọn chảy ra,  
 Tình ta như đất phù sa quện bờ.  
 Nhưng...  
 “Từ ngày quân Pháp kéo vô,  
 Nó giăng dây thép... họa địa đồ nước Nam”.  
 Sóng tàu đục nước trường giang  
 Chân trời Bến Nghé phủ giăng mây mờ.  
 Ai tham đồng bạc Con Cò  
 Bỏ cha bỏ mẹ theo phò Lang - sa».

Khi đàn cò trắng bay qua,  
 Đoàn người cắt cỏ đi xa tìm đồng.  
 Con cò nằm mỏi bên sông,  
 Trắng treo sào gậy, lặn trong khoang đò.  
 Bến sông đã tắt lửa lò,  
 Buồn thay là những chuyến đò tản cư.  
 Em còn nhớ đêm trăng vừa mọc,  
 Trăng mới朦胧 ba, bến lữ liêm.



Em tiễn anh qua đò cứu nước,  
 Hẹn ngày quang đãng mới xe duyên.  
 Từ đây em khép lòng thôn nữ  
 Neo đò cắm hạm bến Thủ Thiêm  
 Trong khi phùng cướp nước cuồng điên,  
 Vò nát muôn hoa hồng trinh nữ.  
 Khi nút rượu «sâm banh» vừa nổ  
 Là tan nát đời hoa... mới nở  
 Súng gầm xao động nước trường giang  
 Tóc xõa dài rũ rượi mảnh khăn tang  
 Rượu và máu chảy dài theo sợi tóc  
 Còn đâu nữa hơi dứa dầu thơm phức,  
 U tóc huyền cô gái quê hương.  
 Giặc vào... lở bến trường giang,  
 Con đò chở xác ngập khoang hạm thù.  
 Bắp non vẫn nướng lửa lò,  
 Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm.  
 Nhưng vì đất nước và quê mẹ  
 Vì quê chồng... bờ bến Thủ Thiêm  
 Em đành ưng tên giặc cuồng điên.  
 Nhưng áo cưới phát cao cờ lệnh,  
 Trái bắp non bỗng hóa trái Lưu Cầu  
 Dầu giặc rơi xây núi giữa cầu tàu  
 Lửa thủy công thay ngọn đèn hoa chúc.  
 Nhưng sau trận chiến... binh lửa tắt  
 Con đò cảm lạnh bến bờ xưa  
 Ai gọi đò?...nhưng cô lái thôi đưa  
 Bông gòn rơi trắng khăn xô,  
 Khóc cô lái đã xây mồ đáy sông.



Trên bến cũ, giặc xây phòng tuyến  
 Người qua đò đi giữa gai chông  
 Con đò đổi ván, thay cong  
 Thay tình bờ bến, đổi lòng đò đưa  
 Đò nay là gái giang hồ  
 Không đưa khách, chỉ mong chờ bướm ong.  
 Con đò chỉ đậu giữa sông,  
 Để cho ong bướm đậu trong khoang đò.  
 Bắp non thối nướng lửa lò,  
 Nhuốc nơ thay những chuyến đò truy hoan.  
 Rồi đêm trăng mỏng ba vừa mọc,  
 Anh trở về Bến Nghé, Thủ Thiêm,  
 Khoát nước sông giữ tà áo bụi  
 Bên sông cất tiếng gọi đò thêm:  
 «Hỡi cô lái đò bến Thủ Thiêm,  
 Có nhân nay đã về tìm cố nhân».  
 Thế rồi một giọng hò khoan  
 Từ trong đáy nước vang ngân lên trời:  
 «Đò xưa đã nát ván rồi  
 Mà cô gái vẫn khóc người chinh phu».  
 Lần thứ nhất chàng trai Bến Nghé  
 Nâng khăn lau giọt lệ đầu tiên  
 Nhưng vì khói súng còn nghi ngút,  
 Chàng phải lìa xa bến Thủ Thiêm.  
 Từ đây trong khói sương đêm,  
 Con đò ma vẫn cất lên giọng hò:  
 «Bắp non vẫn nướng lửa lò,  
 Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm».

(Con đò Thủ Thiêm của nhà thơ **Kiên Giang**,  
 Gia Định, 11.6.1958)



Nhà thơ Hà Phương Hoài cũng đã viết về con đò Thủ Thiêm:

*Chừng nào Chợ Lớn hết vôi,  
Nước Nam hết giặc em thôi đưa đò,  
Bấp non mà nướng lửa lò  
Đố ai ve được con đò Thủ Thiêm.*

*Sông Sài Gòn quanh năm nước đục,  
Khách chợ chiều thúc giục nhau nhanh.  
Mái chèo khỏa sóng long lanh,  
Rán chiều chuốc rượu, khách hành ngất ngây.*

*Cô gái nhỏ miền Tây đương độ,  
Cuộc đời đời làm lỡ duyên loan,  
Bao năm nước xiết xuyên ngàn,  
Bể Đông cát cuộn, đã tròng mộng trôi!*

*Thôi đã mất một trời chiến thắng,  
Bến Thủ Thiêm đẹp nắng an bình.  
Đò ngang chỉ có chúng mình,  
Vui say hương lửa, xây tình trăm năm.*

*Vì gió bụi trời Nam xoay chuyển,  
Muôn oan hồn ẩn hiện Sông Hàn.  
Chàng từ chiến tuyến Ải Quan,  
Áo sơn bom đạn, hoang mang lệnh rông!*

*Hương lửa nặng thể non hẹn biển,  
Phận thân trai trách nhiệm chưa tròn,  
Làm sao giữ trọn tình chung,  
Làm sao quên chữ anh hùng lúc nguy!*



*Đầu hàng giấc tình tuy được trọn,  
Phận thất phu sao trốn lương tâm?  
Thôi đành từ giã tình thâm,  
Trường Sơn một dải quyết làm chí trai!*

*Vì có sự thế đời đưa đẩy,  
Lũ giấc Hồ nhiều quấy dân đen,  
Tiên Rồng gánh vạ đảo điên,  
Thương luân, bại lý, triền miên khó bền!*

*Lòng em chấp nhận đa truân.  
Trường giang sóng loạn hồng quân lửa tôi!  
“Chừng nào Chợ Lớn hết voi  
Nước Nam hết giấc em thôi đưa đò.”  
Chờ người đi dựng cơ đồ,  
Liều thân vị nước hững hờ tình chung!*

Nhà thơ Bùi Giáng cũng có bài ca ngợi vẻ đẹp của sông nước Thủ Thiêm:

*“Dừng chân trên bến sông này  
Nhìn qua bên ấy mây trời Thủ Thiêm  
Phà đò tới, tôi bước lên  
Ngồi phà mà tưởng lênh đênh mây trời  
Tưởng trôi giạt góc biển khơi  
Biển nào Bột Hải mây trời Bồng Doanh  
Phà cập bến tôi xuống nhanh  
Mừng thay thấy lại đất lành Thủ Thiêm”.*

(Trích bài thơ “Trời đất – Đất trời”)

Năm 1974, Trương Chí Tâm, một nhà thơ tham gia trong phong trào đấu tranh của học sinh sinh viên Sài Gòn - Gia Định,



một lần qua bến đò Thủ Thiêm, bắt gặp một em bé dắt mẹ già đi ăn xin trên bến đò Thủ Thiêm. Xúc động trước hình ảnh ấy, nhà thơ đã viết bài “*Gặp em trên bến phà Thủ Thiêm*” như một lời cảm thông với hoàn cảnh của em, vừa mơ đến ngày giải phóng để không còn những cảnh đời cơ cực, lầm than.

*“Em ngó sao chùng lâu thế em?  
Ngực tôi run theo sóng vỗ dưới chân mình  
Từ chỗ đứng giữa khoan đò buổi sáng,  
Em dắt mẹ già ăn xin trên dòng Thủ Thiêm.*

*Xòe tay xin cho má mười đồng,  
Sóng mắt em thơ chọc thẳng,  
Rọi chiếu vào tim anh – em bé ơi!  
Réo ngàn câu vang gọi chưa thành lời.*

*Em áo rách, mặt đầy con nước lớn,  
Gợi nước buồn xanh xao bến trong.  
Đưa chuyển qua người lại,  
Sâu thăm lòng em vùng trời trẻ dại,  
Tắm bóng sông dừa buông tóc xanh.*

*Buổi ấy tung tăng học chữ ở trường,  
Cá đầy sông, gạo khoai đầy ruộng rẫy.  
Cuộc sống no đầy nuôi em lớn dậy,  
Hôn khắp mặt người rạng rỡ ánh bình minh,  
Ở đó em ơi! Phải có hòa bình.*

*Em bé ơi!  
Đò Thủ Thiêm thả ngang sông Sài Gòn,  
Chia hận nước: Đồng Nai, Bến Nghé.*



Từ xưa các mẹ, các chị của em, từng dẻo dai mái dâm,  
Đưa khảm đoàn quân không nghỉ,  
Ra đi! Ra đi, tiếng hát dựng cờ.

Hồ ơ...  
Bấp non mà nướng lửa lò,  
Đố ai “de” được con đồ Thủ Thiêm.

Nước xoáy chân cầu bịn rịn  
Bạch Đằng ơi! Đâu rồi gỗ liêm vạt nhọn  
Cột sắt cắm sâu chờ con nước ròng,  
Trận bình Nguyên này em đã học chưa?  
Quyển sử của em đâu?  
Sao chưa viết được nửa dòng?

Em ngó tôi chừng lâu thế em?  
Uớt màu mắt sâu, van xin mười đồng.  
Xúc động ghen ngào em ơi rất lớn  
Em chờ tôi và bà mẹ mù đứng trông.

Em ơi! Đồng tiền bỏ vào tay em không thể nào hết khổ  
Không thể suốt đời kéo lê thân gầy đi khắp bến phà,  
góc chợ  
Mà phải thấy mắt em sáng đẹp yêu đời.  
Phải thấy môi em hé nụ hoa cười,  
Cuộc sống no đầy nuôi em lớn dậy,  
Em bước ra đời vẫy chào phố thị  
Hôn khắp mặt người rạng rỡ ánh bình minh,  
Ở đó em ơi! Phải có hòa bình”.



## THỦ THIÊM XƯA QUA HÌNH ẢNH

### Cuộc sống sông nước



Vật dụng để trét chai ghe: Dùng để xăm chai vào các kẽ hở của ván ghe. (Vật dụng của nhà số 392, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



Dao: Dao được làm bằng sắt và thép, dùng để cạo chai ghe. (Vật dụng của nhà số 392, đường Bờ sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



Người thợ dùng búa và đục đang sửa ghe. (Vật dụng của nhà số 392, đường Bờ sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



Người thợ dùng máy bào bào nhẵn miếng gỗ trước khi đóng ghe. (Vật dụng của nhà số 392, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



Đò ngang: Đò (có mui), là phương tiện đi lại của người dân Thủ Thiêm khi qua quận 1, 4.



Ghe không mui: Ghe dùng làm phương tiện chở khách và hàng hóa qua lại trên sông Sài Gòn





**Ghe chở hàng:** Ghe dùng để chở hàng buôn bán từ Thủ Thiêm đi Thủ Đức Một và ngược lại.



**Lập loàng:** Lập loàng được đóng ghép các thanh gỗ lại với nhau thành từng tấm, đặt dưới đáy ghe chở hàng, dùng để kê hàng, tránh nước thấm vào.



**Xuồng:** Xuồng dùng chở nước ngọt.



**Bánh xe:** Bánh xe bằng cao su, dùng để cặp mạn ghe, phòng tránh khi tàu thuyền va chạm.



**Sàn nước:** Sàn nước được làm bằng gỗ, bắc trong ao, dùng làm nơi rửa đồ. (Vật dụng của nhà số 392, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



**Cầu:** Cầu làm bằng các thân cây bắc qua con rạch, để lối đi.





**Vợt dùng để bắt cá:** Vòng miệng vợt làm bằng sắt, phần dưới được đan bằng sợi dù, phần tay cầm được làm bằng gỗ, vòng miệng rộng khoảng 40cm. (Vật dụng của nhà số 338/1A Trần Nãi, P. An Lợi Đông, Q.2).



**Chuẩn bị câu cá bằng cần tre:** Cần câu làm bằng tre hoặc trúc, dùng để câu cá ở ao vườn.



**Cần câu cá 2:** Đây là cần câu hiện đại có chiều dài khoảng 3,5m. (Vật dụng của nhà 41/3 đường Lương Định Của, P. An Khánh, Q.2).



**Chài:** Chài nhỏ dùng để bắt cá ở vàm sông



## Sinh hoạt đời thường



Bắp non mà nướng lửa lò,  
Đố ai ve được con đồ Thủ Thiêm.



Tủ áo: Tủ gỗ hai cửa, dùng để treo quần áo, được đặt trong phòng ngủ. Tủ có chiều cao khoảng 2,2m, ngang khoảng 1,2m. (Vật dụng của nhà số 63 đường Nhà Thờ, P. Thủ Thiêm, Q.2).



Bàn ăn bằng gỗ tạp, hình tròn, cao khoảng 90cm, đường kính 1m. Bàn ăn được đặt trong nhà bếp. Bàn đã được sử dụng hàng chục năm trong gia đình. (Vật dụng của nhà số 63 đường Nhà Thờ, P. Thủ Thiêm, Q.2).



Bàn bán nguyệt: Bàn bằng gỗ, cao khoảng 1,2m, bán kính khoảng 90cm. Đây là bàn cổ, có khoảng 70 năm, chỉ có trong những gia đình xưa khá giả ở Thủ Thiêm. (Vật dụng của nhà số 80A, đường Nhà Thờ, P. Thủ Thiêm, Q. 2).



Bàn gỗ, được đặt ở phòng khách. (Vật dụng của nhà số 63 đường Nhà Thờ, P. Thủ Thiêm, Q. 2).





**Ghế 1:** Ghế gỗ, được đặt bên hiên nhà, dưới giàn cây leo, thường để ngồi hóng mát, ngắm cảnh sông nước. Ghế có chiều cao 1m, bề rộng 60cm. (Vật dụng thuộc số nhà 198, đường Bờ Sông, P. Thủ Thiêm, Q.2).



**Nhạo rượu:** Nhạo rượu làm bằng gốm, dùng để đựng rượu vào những dịp cúng lễ (đã mất nắp), có chiều cao khoảng 15cm, rộng khoảng 50cm. (Vật dụng của nhà 37/1J, đường Nhà Thờ, P. Thủ Thiêm, Q. 2).



**Ghế 2:** Ghế được làm bằng gỗ, có chiều cao khoảng 1m, rộng khoảng 2m. Bề mặt để ngồi được bào nhẵn, có chạm trổ hoa văn đơn giản ở phần tựa. Ghế được đặt trong phòng khách. (Vật dụng của nhà số 63/9 đường Nhà Thờ, P. Thủ Thiêm, Q.2).



**Cối giã:** Đây là cối làm bằng đá thường dùng để giã cua. Có trong gia đình người gốc Bắc, đã được sử dụng hàng chục năm. (Vật dụng của nhà số 63 đường Nhà Thờ, P. Thủ Thiêm, Q.2).





**Kiêu chứa nước:** Kiệu được làm bằng đất nung, có chiều cao khoảng 1,2m, ngang khoảng 60cm. Nó được đặt sau bếp, dùng để chứa nước mưa. (Vật dụng của nhà số 80A đường Nhà thờ, P. Thủ Thiêm, Q.2).



**Thạp:** Thạp dùng đựng gạo, bằng đất nung. Có chiều cao khoảng 60cm, đường kính khoảng 1m, đặt trong gian bếp, để tiện lấy gạo nấu cơm hàng ngày. (Vật dụng của nhà số 63/9 đường Nhà Thờ, P. Thủ Thiêm, Q.2).



**Thố:** Thố bằng sứ, có chiều cao khoảng 22cm, ngang 20cm, dùng để đựng cơm. Thố được dùng khoảng 30 năm. (Vật dụng của nhà số 63 đường Nhà Thờ, P. Thủ Thiêm, Q.2).



**Tô:** Tô bằng sứ, thường dùng đựng canh trong bữa ăn. (Vật dụng của nhà số 33/1J, đường Lương Định Của, P. An Khánh, Q.2).





**Máy may gia đình,  
đã sử dụng gần 30 năm.**



**Đèn dầu: Đèn sử dụng dầu hôi để  
đốt. Ngày nay, đèn ít được dùng.**



**Quạt: Quạt làm bằng lá buông,  
được treo trên tường, khi nào mất  
điện thì dùng thay thế quạt điện.**



**Đồng hồ: Đồng hồ có mặt hình tròn,  
được sử dụng hơn 50 năm trong gia  
đình nhà số 63, đường Nhà Thờ,  
P. Thủ Thiêm.**



**Võng trước hàng hiên để nghỉ ngơi**





**Nhà kiến trúc cũ:** Dọc đường Bờ sông có rất nhiều dãy nhà được xây dựng từ những năm đầu thế kỷ 20.



**Nhà tường mái ngói:** Nhà tường từ những năm 70 trở về sau.



**Nhà gỗ thập niên 80:** Một nét đặc biệt vẫn còn thấy ở Thủ Thiêm là những căn nhà được làm hoàn toàn bằng gỗ. Những căn nhà này được xây dựng vào khoảng những năm 80.



**Nhà trên rạch:** Được xây bằng nhiều dạng vật liệu tạp như sắt, tôn, gỗ, gạch. Nhà này xuất hiện nhiều ven kênh rạch ở Thủ Thiêm.



## ĐỜI SỐNG TÂM LINH

Thờ cúng tại gia

### ĐẠO PHẬT



**Bàn thờ Phật:** Bàn thờ Phật Thích ca được đặt ngay trong gian giữa nhà. (Đồ thờ của nhà số 436/27, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



**Thờ Bà Quan Âm:** Thờ phật Bà Quan Âm trong khuôn viên gia đình. (Tượng thờ của nhà 512/20B, P. An Lợi Đông, Q.2).



**Bàn than 1:** Đây là bàn than có đế hình hai con rồng, dùng để đựng trái cây thờ cúng. (Đồ thờ của nhà số 436/27, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



**Cái đầu:** Đầu làm bằng đồng dùng để đánh chuông khi cầu kinh. (Đồ cúng của nhà số 436/27, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q.2).





**Chân đèn:** Chân đèn, có bóng hình búp sen, bên trong gắn bóng điện nhỏ, dùng để thắp sáng cho bàn thờ. (Đồ thờ của nhà số 436/27, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



**Chuông 2:** Chuông làm bằng đồng, nặng khoảng 100kg, được treo trong nhà, trước bàn thờ Địa Mẫu. (Đồ thờ của nhà số 436/27, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



**Mõ:** Mõ được làm bằng gỗ, dùng để gõ khi cầu kinh. (Đồ cúng của nhà số 436/27, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q. 2).



**Sách kinh:** Đây là kinh báo hiếu đọc vào ngày lễ Vu Lan. (Nhà số 436/27, đường Bờ sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



# ĐẠO CAO ĐÀI



Bát nhang 1: Bát nhang được đặt trên bàn thờ thiên nhân, có chiều cao khoảng 10cm, ngang 20cm. (Đồ thờ của nhà 33/1J đường Lương Định Của, P. An Khánh, Q. 2).



Chuông 1: Chuông bằng đồng, có chiều cao khoảng 15cm, bề ngang khoảng 15cm, được đặt trên bàn thờ thiên nhân của một gia đình theo đạo Cao Đài. (Đồ thờ của nhà số 33/1J, đường Lương Định Của, P.An Khánh, Q. 2).



Bàn than: Bàn than có miệng rộng khoảng 30 cm, dùng để đựng trái cây cúng. (Đồ thờ của nhà số 436/27, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



Bàn thờ của người theo đạo Cao Đài: Đây là bàn thờ của một gia đình theo đạo Cao Đài, được đặt ở bên phải phòng khách. Giữa bàn thờ có thờ thiên nhân, phía sau thiên nhân là kiếng thờ, có vẽ hình hai con rồng. Ngoài ra, trên bàn thờ còn thờ Di lặc và Phật Bà. (Đồ thờ của nhà 33/1J, đường Lương Định Của, P. An Khánh, Q. 2).



Xe thuyền Bát Nhã: Đây là xe để đưa linh của thánh thất Cao Đài Thủ Thiêm.



## TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN



**Bàn thờ gia tiên:** Đây là bàn thờ gia tiên của một gia đình theo đạo Cao Đài. (Nhà số 37/1J, đường Lương Định Của, P. An Khánh, Q. 2).



**Bố trí gian thờ trong một gia đình:** Trong phòng khách có hai bàn thờ, bên phải là bàn thờ phật, bên trái là bàn thờ gia tiên. (Nhà số 23/27 tổ 42 KP3, P. An Khánh, Q. 2).



**Bàn thờ ông Táo:** Bàn thờ ông Táo có khám thờ, được đặt trên một cái kệ ở gian bếp. (Đồ thờ của nhà số 33/1J đường Lương Định Của, P. An Khánh, Q. 2).



**Bàn thờ ông Địa:** Bàn thờ ông Địa được đặt ở dưới đất trong phòng khách, sát lối đi giữa phòng khách và các phòng phía sau. (Số nhà 37/1J, đường Lương Định Của, P. An Khánh, Q. 2).



**Bàn thiên và bàn thờ thổ địa:** Bàn thiên được xây bằng gạch và xi măng, xung quanh có ốp gạch men, đặt trước sân nhà. Có chiều cao khoảng 1,2m. Số nhà 23/27, đường Lương Định Của, P. An Khánh, Q. 2).





**Bát nhang thờ cây bồ đề:** Bát nhang được đặt dưới gốc cây bồ đề. Hai bên bát nhang là hai con hổ châu. (Đồ thờ của nhà số 436/27, đường Bờ Sông, P. An Lợi Đông, Q.2).



**Trang thờ Quan Công:** Trang thờ được đặt cửa chính, phía trên kệ. Bên phải thờ Phật, bên trái thờ Quan Công.



**Lư hương :** Lư hương bằng đồng, có chiều cao khoảng 40cm. Được đặt giữa bàn thờ, lư hương thường đi cặp bộ chân đèn.



**Trang thờ Quan Công:** Trang thờ được đặt cửa chính, phía trên kệ. Bên phải thờ Phật, bên trái thờ Quan Công.



## HIỆN VẬT THỜ CÚNG TẠI CÁC CƠ SỞ TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG

### Chùa - Nhà Thờ



Bàn thờ: Bàn thờ bằng gỗ quý, cẩn xà cừ của chùa Đông Hưng, P. An Khánh, Q.2.



Bộ tượng Ngọc Hoàng: Bộ tượng được tạc bằng gỗ mít từ những năm 1920. Nay được thờ trong chùa Đông Thạnh, P. An Lợi Đông, Q.2.



Chuông đồng: Chuông đồng chùa Liên Trì



Chuông đồng: Chuông đồng chùa Đông Hưng





**Chuông đồng:** Chuông đồng của Nhà thờ Thủ Thiêm, được đúc tại Pháp vào năm 1889. Hiện nay, nhà thờ còn giữ lại được 4 cái chuông cổ như thế này.



**Mõ gỗ:** Mõ gỗ treo trên lầu chuông của nhà thờ Thủ Thiêm. Theo nhiều người, đây là tài sản của đình Thủ Thiêm ngày trước, tọa lạc trên diện tích của nhà thờ ngày nay.



**Tranh đúc nổi:** Tranh tượng nổi, làm bằng thạch cao, mô tả các tích trong Kinh thánh ở nhà nguyện Thánh Tâm, P. An Lợi Đông, Quận 2.

**Chuông đồng:** Chuông đồng chùa Linh Sơn, được đúc với kiểu đặc biệt, không giống như chuông của các chùa khác trong vùng.





## Đình - Đền - Miếu



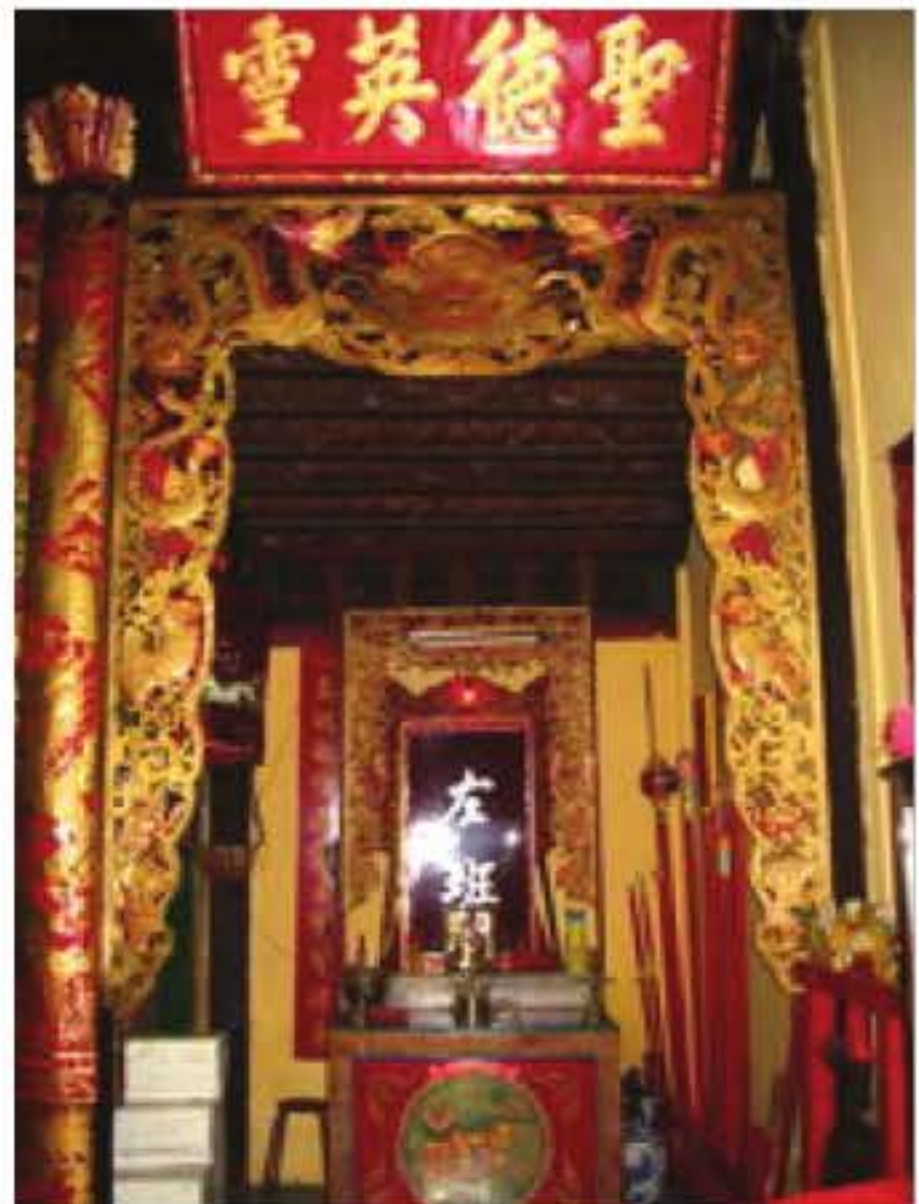
**Bạch Mã:** Bạch mã được đúc bằng xi măng, thờ trong gian chính điện của đền Quan Bơ, phường Thủ Thiêm, Quận 2.



**Bộ tượng Ngũ Hành:** Đây là bộ tượng của miếu Ngũ Hành Ông Ứn ngày trước. Hiện vật còn lại của miếu sau khi bị Pháp đốt.



**Bàn cúng xin xăm:** Bàn làm lễ xin xăm, được làm bằng gỗ, đặt trong đền Quan Bơ, P. Thủ Thiêm, Q.2. Hàng năm có rất nhiều người đến đây cầu khẩn và xin xăm



**Bao lam:** Bao lam ở miếu Cây Dương





**Bức hoành:** Bức hoành “Bảo an chính trực” bằng gỗ, treo trong điện thờ của Đình An Lợi Đông, do ông Đỗ Công Thúy và bà Phạm Thị Bi cúng cho đình vào năm Tân Dậu (1921).



**Bình gốm :** Bình gốm ở đền Quan Bơ



**Bình gốm 1:** Bình gốm, đồ sứ Giang Tây, Trung Quốc được bá tánh dâng cúng trong đền Quan Bơ, P. Thủ Thiêm, Quận 2.



**Cuốn thư:** Cuốn thư ở miếu Cây Dương





**Chiêng:** Chiêng làm bằng đồng, dùng để tế lễ của miếu Cây Dương.



**Chuông đồng 5:** Chuông đồng của đền Cô Bơ.



**Đĩa xôi:** Đĩa xôi được bày trong ngày cúng đình.



**Đĩa trầu cau:** Đĩa trầu cau được cúng trong đình Bình Khánh.



**Chân đèn cây:** Đồ thờ của đình Bình Khánh



**Mâm ngũ quả:** Mâm ngũ quả trong lễ Kỳ Yên – đình Bình Khánh





Hạc 2: Hai con hạc được thờ trong đình An Khánh



Kiệu rước: Kiệu làm bằng gỗ, chạm trổ rất cầu kỳ, dùng để rước Quan Bơ - Hiện vật của đền Quan Bơ, P. Thủ Thiêm, Quận 2.



Khánh thờ: Chiếc khám thờ được làm bằng gỗ do gia đình ông Hồ Văn Nhi phụng cúng cho đền Quan Thánh Đế Quân, phường An Khánh vào năm 1859.



Lư hương đồng 1: Lư hương đồng của miếu Ngũ Hành Cây Đa, P. An Lợi Đông. Lư hương được đúc rất công phu. Quai hai bên là hai con rồng uốn lượn. Đây là hiện vật quý của miếu.





Nón thờ: Nón làm bằng giấy, tượng trưng cho mào của thần. Hiện vật thờ tại đền Cô Bơ, P. Thủ Thiêm, Quận 2.



Tượng Thần nông: Tượng làm bằng gỗ hình một vị thần ngồi trên lưng trâu. Vị thần nông nghiệp rất quan trọng đối với người dân Thủ Thiêm thuở trước. Hiện vật thờ cúng của đình An Lợi Đông, Quận 2.



Tấm phướn: Tấm phướn trong lễ Kỳ Yên - đình Bình Khánh



Tấm trần điều: Tấm trần điều ghi tên thần Thành Hoàng họ Trần thờ trong đình An Khánh. Vào dịp Kỳ Yên, tấm trần được lấy ra trưng bày trước bái tánh.



Phần II

**THỦ THIÊM - TƯƠNG LAI**



Nội dung của phần này là sự chia sẻ, trải nghiệm của các nhà chuyên môn về một Thủ Thiêm trong tương lai.

**TS. Huỳnh Quốc Thắng**

**PGS.TS. Nguyễn Trọng Hòa**

**TS. KTS. Lê Quang Ninh**

**ThS. KTS. Đoàn Ngọc Hiệp**

**KTS. Trần Khang**

**ThS. KTS. Nguyễn Thị Bích Ngọc**

**NCVCC Nguyễn Quang Vinh**

**TS. KTS. Lê Văn Năm**

**PGS. TS. Mạc Đường**

**LS. Trương Thị Hòa**

**KTS. Lưu Trọng Hải**

**TS. Võ Kim Cương**

**TS. KTS. Trần Văn Khải**

**TS. KTS. Nguyễn Khởi**

**KTS. Nguyễn Hữu Thái**

**TS. Phạm Hữu Mỹ**



**T**hành phố Hồ Chí Minh sẽ có đô thị mới Thủ Thiêm và chúng ta băn khoăn không biết Thủ Thiêm mới sẽ ra sao. Thủ Thiêm mới, một vùng nằm kề cạnh khu Trung tâm thành phố, chỉ cách một dòng sông có chiều ngang chừng 300m mà các phương tiện hiện đại sẽ giúp con người vượt qua rất dễ dàng, sẽ như thế nào? Làm thế nào chuyển tải những giá trị văn hóa tiêu biểu của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh hòa quyện vào không gian cảnh quan, quy hoạch, kiến trúc, dân cư của đô thị mới Thủ Thiêm? Làm thế nào xây dựng một “văn hóa sông” vừa thích hợp với một cư dân Thủ Thiêm rất mới, vừa có khả năng giao lưu, hòa hợp nhuần nhuyễn với Sài Gòn cũ mà không gây ra những xa cách hay xung khắc?... Một đô thị mới, nằm cạnh, hay đúng hơn, nằm trong lòng một đô thị cũ có lịch sử 300 năm phát triển và đã có phong cách, sẽ như thế nào? Làm thế nào tạo nên điểm nhấn của lịch sử - văn hóa của thành phố đã có phong cách ấy vào đời sống của đô thị mới?

Có nhiều câu hỏi lớn đặt ra cho vấn đề nêu trên, trong đó ít nhất là hai câu hỏi sau đây: *1/ Giải quyết vấn đề hòa hợp giữa hiện đại và truyền thống như thế nào?* và *2/ Chuyển tải các giá trị văn hóa - lịch sử của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh vào các lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc xây dựng và tổ chức sinh hoạt của dân cư ra sao?*

Về câu hỏi thứ nhất: *Giải quyết vấn đề hòa hợp giữa hiện đại và truyền thống*, chúng tôi xin đưa ra ba phạm trù là sự hòa hợp trong kiến trúc, trong lối sống và việc đi tìm một bản sắc cho đô thị mới Thủ Thiêm. Các đặc sắc của kiến trúc phương Nam nhiệt đới ven sông của Sài Gòn 300 năm được sống lại trong sự hòa hợp với kiến trúc mới của Thủ Thiêm theo hướng nào? Làm thế nào tạo được sự hòa hợp giữa cư dân Thủ Thiêm mới (dự báo có một kiểu sống khép kín) với cư dân往昔 lai? Ký ức văn hóa Sài Gòn sẽ được bám rễ như thế nào vào cơ cấu dân cư của Thủ Thiêm mới mà dự báo sẽ có tỷ lệ cao là người tứ xứ, kể cả người ngoại quốc? Tính khả thi trong việc gắn kết đô thị mới Thủ Thiêm với thành



phổ hiện có về không gian văn hóa. Tạo nên bản sắc rất riêng của Thủ Thiêm qua các công trình có tính biểu tượng, gắn liền với một không gian thiên nhiên được giữ gìn và khai thác một cách khôn khéo (bờ sông, hồ, vùng nước ngập thấp...).

Về câu hỏi thứ hai: ***Chuyển tải các giá trị văn hóa - lịch sử của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh vào các lĩnh vực quy hoạch, kiến trúc xây dựng và tổ chức sinh hoạt của dân cư***

- Làm thế nào chuyển tải các giá trị văn hóa lịch sử của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh vào khu đô thị mới Thủ Thiêm trong lĩnh vực quy hoạch.

- Làm thế nào chuyển tải các giá trị văn hóa lịch sử của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh (tính mở, tính dung nạp) vào khu đô thị mới Thủ Thiêm trong lĩnh vực kiến trúc và không gian cảnh quan đô thị với ba chiều kích: 1/vật thể, 2/không gian sống văn hóa, lễ hội, 3/không gian các dịch vụ đô thị (chợ đêm, phố chuyên doanh, cà phê, du lịch, nghỉ dưỡng...).

- Định hướng xây dựng các thiết chế văn hóa và hệ thống các dịch vụ phục vụ cho ba nhóm dân cư ở Khu đô thị mới Thủ Thiêm (cư dân thường trú tại khu đô thị, người đến làm việc hàng ngày và khách vắng lai).

Vấn đề chuyển tải những giá trị văn hóa truyền thống vật thể và phi vật thể từ đô thị mẹ đến những đô thị con hay đô thị vệ tinh luôn là một bài toán gây nhiều lúng túng cho các nhà hoạt động đô thị. Hầu như các đô thị mới trên thế giới đều vướng vấn đề này (ví dụ như Phố Đông - Thượng Hải). Nếu ai đã từng đến đó thì sẽ không thấy được văn hóa Trung Quốc, một nền văn hóa đa dạng, sâu sắc, có sức chi phối cả khu vực và cả thế giới. Tại Phố Đông, ta chỉ thấy một rừng bê tông vô cảm, giống bất kỳ một đô thị hiện đại nào đó hiện nay. Bên cạnh việc thiếu vắng cái hồn văn hóa Trung Quốc, ở Phố Đông còn có sự tương phản giữa các khu tái định cư với Phố Đông mới, sự tương phản rất khó chịu giữa một bên là phố phường



hào hoa, hoành tráng với một bên là các dãy nhà 5 tầng đơn điệu, không có phong cách gì. Hay là đến Paris đứng ở La Défense chúng ta cũng chưa cảm nhận hết được nền văn hóa mà người dân Pháp tự hào và thế giới ngưỡng mộ, mặc dù một số cái cũ cũng được giữ lại, nhưng không đủ sức nói lên được đặc trưng văn hóa Pháp.

Là một bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển của TP. Hồ Chí Minh, đô thị mới Thủ Thiêm cũng đang đứng trước vấn đề như thế. Vấn đề chuyển tiếp không gian đô thị cần được đặt ra nghiêm túc, vì đô thị mới Thủ Thiêm không thể đứng biệt lập hoàn toàn. Xây dựng một đô thị mới hiện đại, tách rời về mặt không gian văn hóa với đô thị cũ là một việc tương đối dễ thực hiện. Đưa vào đó những kỹ thuật, những công trình hiện đại, là nằm trong tầm tay của thành phố vì tiếp thu cái mới, cái hiện đại vốn là một trong những thế mạnh của thành phố này như phần trước đã phân tích. Song, quan điểm của nhóm nghiên cứu là đô thị mới phải là một “vết văn hóa” của khu đô thị cũ. Định hướng xây dựng Thủ Thiêm gắn kết liên tục về không gian với Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh, một trung tâm hiện hữu đối diện qua sông Sài Gòn là một trong những quan điểm chủ đạo trong thiết kế quy hoạch của khu đô thị mới này.

Vấn đề chuyển tải những nét đặc trưng của văn hóa thành phố cũ vào công tác xây dựng, quy hoạch khu đô thị mới Thủ Thiêm, một đô thị hiện đại trong môi trường sinh thái bền vững, một nơi sẽ là một trung tâm thương mại dịch vụ, tài chính và văn hóa với những cao ốc văn phòng, ngân hàng, trung tâm giao dịch chứng khoán, trung tâm hội nghị, triển lãm... đòi hỏi một trình độ nghệ thuật tương thích.

Ta không thể bê nguyên những cảnh quan, những công trình kiến trúc của đô thị cũ sang đô thị mới. Không thể lập lại tại đô thị mới một trục đường Đồng Khởi khác, hay xây dựng tại đó những công trình kiến trúc y hệt trụ sở Ủy ban Nhân dân Thành phố hay Nhà hát Thành phố mà cần chắt lọc, tìm kiếm để thể hiện cái hồn của đô thị cũ.



Ta cũng không thể chuyển tải toàn thể các đặc trưng văn hóa của đô thị Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh vào đô thị mới vì Thủ Thiêm mới cũng sẽ là một phần, một mảnh ghép trong toàn cảnh bức khảm đô thị của thành phố. Vì thế, cần cảm nhận được văn hóa thành phố, tập trung vào những lĩnh vực khả thi, nghiêng về văn hóa vật thể với nét chấm phá của các đặc trưng văn hóa phi vật thể, chọn lựa để cho tiến trình thiết kế quy hoạch chi tiết khu Trung tâm Đô thị mới Thủ Thiêm thấm thâu và biểu trưng được lịch sử, văn hóa và môi trường của thành phố.

Các nét văn hóa phi vật thể qua các lễ hội, qua lối sống, các nét văn hóa vật thể với các phong cách kiến trúc, các không gian mở... cần được đưa sang đô thị mới, tạo bản sắc đặc trưng có một không hai của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh để đô thị mới không cách biệt với đô thị cũ, mà trái lại là một sự hòa hợp điệu nghệ, là một điểm nhấn ý nghĩa.

Những ý tưởng về bài toán trên đã được các nhà khoa học đưa ra tại cuộc hội thảo khoa học “Xây dựng Thủ Thiêm như một điểm nhấn của văn hóa Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh”, do Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển tổ chức vào ngày 25 tháng 8 năm 2007. Các nhà khoa học, vốn là những chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, đã chia sẻ cùng nhau quan điểm về định hướng xây dựng Thủ Thiêm mới. Thủ Thiêm mới sẽ không phải là thành phố cô đơn lạnh lẽo bên cạnh một thành phố cũ, mà sẽ mang linh hồn, dáng dấp Sài Gòn.

Những ý kiến tư vấn từ cuộc hội thảo đã góp phần “CHUYỂN TẢI CÁC ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA CỦA SÀI GÒN – TP. HỒ CHÍ MINH VÀO KHU ĐÔ THỊ MỚI THỦ THIÊM” nhằm làm cho Thủ Thiêm vừa hội tụ được những nét văn hóa kiên cường, sáng tạo, năng động, cởi mở, thân thiện với tự nhiên... của người dân Nam Bộ và Sài Gòn, *vừa nâng nó lên như một điểm nhấn đặc sắc, “vừa lạ, vừa quen”*.



# Chương I

## Chuyển tải các đặc trưng văn hóa của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh vào khu đô thị mới Thủ Thiêm

### 1. Chuyển tải các giá trị không gian văn hóa lễ hội của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh vào khu đô thị mới Thủ Thiêm<sup>(1)</sup>

*1.1. Phác thảo ý tưởng về mô hình văn hóa lễ hội của khu đô thị mới Thủ Thiêm trên cơ sở “chuyển tải” (kế thừa) những vốn kinh nghiệm tổ chức, hoạt động lễ hội Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh thời gian qua*

Đối với Khu đô thị mới (ĐTM) Thủ Thiêm, một “mô hình” văn hóa lễ hội trong tương lai có thể bước đầu xác định như sau:

1.1.1. Khai thác các “mô típ” lễ hội cổ truyền phát triển theo hướng có sự chi phối chủ đạo bởi các yếu tố lễ hội hiện đại. Thực

---

(1) Trích từ tham luận “Chuyển tải các giá trị không gian văn hóa lễ hội của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh vào khu Đô thị mới Thủ Thiêm” của TS Huỳnh Quốc Thắng, tại Hội thảo đã dẫn.



chất đây là xu hướng “hiện đại hóa” các lễ hội cổ truyền, một xu hướng tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay và trước hết nó có ý nghĩa tích cực đối với việc nâng cao tính tự giác nhằm phát huy vai trò và tạo hiệu quả văn hóa - xã hội cao hơn cho các sinh hoạt lễ hội cổ truyền nói riêng, cho toàn bộ hệ thống lễ hội nói chung. Chúng ta có thể lấy kinh nghiệm tổ chức Tết Nguyên Đán làm một ví dụ. Đây là lễ hội dân gian lâu đời nhất, có phạm vi phổ biến rộng và sâu nhất trong đời sống nhân dân nhưng ngày nay đã thực sự trở thành là một lễ hội có tính chất chính thống nhà nước và đã có sự chi phối sâu sắc bởi các yếu tố lễ hội mới. Ngoài các sinh hoạt với gia đình, dòng họ, bạn bè hoặc đi đình, chùa, lăng, đền... người dân Thành phố còn có thể đi du xuân và vui xuân tại các Trung tâm văn hóa, công viên văn hóa - du lịch... để vừa ngắm cảnh thiên nhiên, vừa xem các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, vừa tham gia các trò chơi dân gian và hiện đại được tổ chức một cách chu đáo, có chất lượng...

1.1.2. Ngược lại với xu hướng trên, xây dựng các lễ hội mới phải trên cơ sở dựa vào và khai thác các mô típ văn hóa cổ truyền nhằm đạt hiệu quả vừa dân tộc vừa hiện đại. Xu hướng này có thể gọi là “truyền thống hóa”, một cách thức “về nguồn” thông qua các sinh hoạt Lễ hội mới nhằm kế thừa, phát huy tốt vốn văn hóa truyền thống của dân tộc, làm cho bản thân các sinh hoạt lễ hội dù mang hình thức, nội dung gì vẫn phải luôn là một bộ phận không thể tách rời khỏi nguồn mạch văn hóa dân tộc. Ví dụ, Lễ hội Quang Trung - Đống Đa vào ngày mùng 5 tháng Giêng ban đầu chỉ là một chương trình sân khấu hóa lễ hội nhân dịp Tết Nguyên đán tại Nhà văn hóa lao động Thành phố (nay là Cung văn hóa lao động Thành phố) sau đó trở thành nếp sinh hoạt định kỳ hàng năm do Ban tổ chức lễ Thành phố hỗ trợ tổ chức và Thành ủy, Ủy ban Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Thành phố trực tiếp chủ trì với những màu sắc rất đặc trưng. Tương tự, Lễ hội Hai Bà Trưng diễn ra ở cấp Thành phố và khắp các quận, huyện, phường, xã do Hội liên



hiệp phụ nữ và Ban tổ chức lễ các cấp phối hợp tổ chức, có tên gọi là Lễ hội chào mừng kỷ niệm Ngày Quốc tế phụ nữ và ngày Khởi nghĩa Hai Bà Trưng, lấy ngày 8.3 dương lịch hàng năm làm thời điểm mở lễ hội như là một sinh hoạt văn hóa truyền thống cả về nội dung lẫn hình thức... Rất cần nêu ra những lễ hội hiện có trong cộng đồng dân cư của Thủ Thiêm. Trong tương lai, có thể các cộng đồng Thủ Thiêm di chuyển ra các khu tái định cư ở ven trung tâm Thủ Thiêm nhưng các lễ hội truyền thống nên được duy trì. Trong thực tế không dễ gì tạo ra lễ hội mới. Nên học tập Nhật Bản, Thái Lan về việc duy trì các công trình văn hóa truyền thống trong quá trình chỉnh trang quy hoạch.

1.1.3. Kết hợp cả hai xu hướng “hiện đại hóa” và “truyền thống hóa” như vừa nói trên để tạo hiệu quả cao cho một lễ hội. Có thể nêu một bài học điển hình đó là Lễ hội giỗ Tổ Hùng Vương tại Thảo Cầm viên Thành phố. Đây là nơi chính thức diễn ra Lễ giỗ Tổ Hùng Vương vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm do Ban tổ chức lễ Thành phố chủ trì với chương trình, nội dung được dàn dựng theo một kịch bản nghiêm túc, có năm tổ chức cả lễ rước long trọng trên đường phố với hàng ngàn người tham gia và tất cả đều có ý thức tổ chức theo phong cách đậm đà màu sắc văn hóa dân tộc. Lễ hội Đèn Bền Dực - Củ Chi (vào ngày 19 – 12 hàng năm) hiện nay cũng có thể xem là loại lễ hội đang phát triển theo xu hướng tương tự như vậy... Các lễ hội của Thủ Thiêm hiện nay là dấu ấn văn hóa truyền thống được duy trì để gây sức sống cho Thủ Thiêm mới.

1.1.4. Các lễ hội mới đặc biệt là các lễ hội truyền thống cách mạng vốn mang nặng màu sắc chính trị ngày càng phát triển theo cách thức tích hợp nhiều nội dung và hình thức tổ chức văn hóa - xã hội sinh động khác nhau để có thể tạo nên hiệu quả tư tưởng, tình cảm rộng rãi nhất. Ví dụ, Lễ hội kỷ niệm ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước thời gian qua vốn là lễ hội truyền



thống cách mạng lớn nhất, là dịp kỷ niệm ngày thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ (năm 1975) diễn ra hàng năm vào ngày 30 tháng 4 dương lịch đã ngày càng mang thêm nhiều ý nghĩa và trở nên trọng thể hơn. Không phải chỉ vì lễ hội này được gắn liền trực tiếp với nội dung chào mừng ngày Quốc tế lao động (1.5) và kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19.5) để thành một đợt hoạt động lớn kéo dài trong nhiều ngày, bao gồm luôn cả các hoạt động kỷ niệm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ (7.5), ngày chiến thắng phát xít Đức (9.5)... mà còn là do nó đã bao gồm được nhiều dạng hoạt động văn hóa - xã hội khác nhau được xác lập khá chặt chẽ và từng bước trở thành truyền thống thực sự.

1.1.5. Với đặc điểm của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm, các lễ hội quốc tế (giới thiệu và giao lưu văn hóa các nước trên thế giới) chắc chắn là một nội dung, bộ phận quan trọng. Kinh nghiệm thực tế từ Những ngày hội (giao lưu) văn hóa... các nước do ngành Du lịch cùng ngành Văn hóa Thông tin tổ chức trong thời gian qua là những bài học quý...

1.1.6. Ở cấp cơ sở (các cơ quan, đơn vị, địa bàn hành chính cơ sở), bên cạnh các sinh hoạt lễ hội cổ truyền theo phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo, chúng ta cần chú ý tổ chức các lễ hội hiện đại góp phần trực tiếp phục vụ đời sống văn hóa - xã hội tại chỗ, đặc biệt là ở tầng vi mô. Có thể lấy Những ngày hội gia đình mà Khu Đô thị Phú Mỹ Hưng đã tổ chức thời gian qua làm một mẫu hình gợi ý...

## ***1.2. Định hướng nội dung, giải pháp chuyển tải các giá trị không gian văn hóa lễ hội của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh vào khu đô thị mới Thủ Thiêm***

Như đã nêu, xây dựng hệ thống lễ hội ở Khu ĐTM Thủ Thiêm thực chất là xây dựng một “không gian văn hóa lễ hội” riêng nhưng không biệt lập, mà ngược lại nó là một bộ phận phát triển mới dựa trên cơ sở có kế thừa những thành tựu vốn có của “không



gian văn hóa lễ hội” Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh nói chung. Công việc ấy đòi hỏi cần phải có những nội dung, giải pháp khoa học, đồng bộ và toàn diện.

*1.2.1. Quy hoạch không gian – thời gian và các điều kiện tạo sự gắn kết hợp lý giữa “không gian văn hóa lễ hội” Khu ĐTM Thủ Thiêm với Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh*

Xét về nguyên lý, mỗi lễ hội luôn là một sinh hoạt cộng đồng tồn tại bằng những hình thức tổng hợp các giá trị văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần cụ thể trên một không gian (địa điểm) và trong một khoảng thời gian nhất định. Do đó, việc xây dựng hệ thống lễ hội cho Khu ĐTM Thủ Thiêm theo hướng như đã nói đòi hỏi việc đầu tiên là phải xác định tọa độ không gian – thời gian của từng lễ hội trọng điểm có nhiều mối quan hệ và tác động rộng rãi tại địa phương. Thực chất đây là việc xác lập các quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển văn hóa và văn hóa lễ hội của Khu ĐTM Thủ Thiêm như là một bộ phận không thể tách rời sự phát triển của văn hóa nói chung và “không gian văn hóa lễ hội” nói riêng của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh. Tất nhiên việc gắn kết ấy đòi hỏi phải có sự tính toán hợp lý về đặc điểm, tính chất, giá trị văn hóa trong từng lễ hội, điều kiện tổ chức, vật chất..., đặc biệt là về tâm lý công chúng với tư cách vừa là chủ thể vừa là đối tượng chịu sự tác động nhất định của các lễ hội...

*1.2.2. Quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật cho “không gian văn hóa lễ hội” Khu đô thị mới Thủ Thiêm*

Đây là điều kiện quan trọng hàng đầu để duy trì, phát triển các lễ hội với tư cách là những sinh hoạt đại chúng ngày càng đòi hỏi cao hơn về tính công nghiệp – hiện đại trong mọi khâu phục vụ tổ chức hoạt động của nó. Trước hết, Khu ĐTM Thủ Thiêm nhất thiết cần phải có một quảng trường trung tâm được thiết kế, xây dựng vừa hợp lý như “môi trường sống” hàng ngày thường xuyên của một công viên vừa tạo thuận tiện cho việc tổ chức lễ



hội trong mọi điều kiện ở mọi thời điểm (ngày, đêm, mùa nắng, mùa mưa...). Nơi đây chắc chắn cần phải có những công trình xây dựng, những cụm tượng đài công viên, tượng đài trang trí vừa tạo cảnh quan công cộng vừa tạo không gian cho sinh hoạt lễ hội mang tính chất như những “biểu tượng” (symbol) có ý nghĩa khái quát cao về lịch sử – văn hóa, có ý tưởng rộng mở về tầm nhìn tương lai và tất cả đều toát lên tinh thần Dân tộc – Hiện đại một cách nhuần nhuyễn.... Ngoài ra, Khu ĐTM Thủ Thiêm cũng rất cần có những quảng trường khu vực và các hội trường tại các cơ sở (cộng đồng dân cư, cơ quan đơn vị) để phục vụ các sinh hoạt cộng đồng, trong đó có các sinh hoạt lễ hội. Lẽ đương nhiên, việc thiết kế kỹ thuật và trang thiết bị về âm thanh, ánh sáng ở những nơi ấy cần phải hết sức chuẩn mực...

*1.2.3. Phương thức tổ chức quản lý và phương pháp tác nghiệp về lễ hội mang tính công nghiệp cao và luôn bám theo định hướng Dân tộc – Hiện đại*

Do đặc điểm “môi trường sống” của Khu ĐTM Thủ Thiêm với các thành tố của nó sẽ tồn tại và vận hành như những bộ phận gắn bó hữu cơ trong một “guồng máy” công nghiệp khép kín, cho nên mọi sinh hoạt lễ hội nơi đây chắc chắn sẽ vận hành theo phong cách Lễ hội hiện đại là chủ yếu. Có nghĩa rằng, “không gian văn hóa lễ hội” nơi đây không thể chấp nhận phong cách “theo thói quen, tự phát” của lễ hội dân gian cổ truyền mà ngược lại, tất cả phải theo phong cách “có tổ chức, tự giác” theo kế hoạch chặt chẽ và có tính “bài bản” rất cao! Trên cả ba mặt: pháp chế, nghiệp vụ chuyên môn, kinh tế của mọi khâu quản lý văn hóa lễ hội ở đây đều đòi hỏi tính công nghiệp hết sức cao. Do yêu cầu khách quan này, Khu ĐTM Thủ Thiêm nhất thiết cần xây dựng một “Trung tâm lễ hội” với tư cách là một thiết chế quản lý văn hóa lễ hội mang tính chuyên nghiệp, hoạt động theo phương thức xã hội hóa và bằng cách “vận dụng tốt quy luật kinh tế thị trường” để tồn tại,



phát triển. Tất nhiên bộ máy vận hành của “Trung tâm lễ hội” ấy phải bao gồm một đội ngũ cán bộ tinh, gọn nhưng bản lĩnh tay nghề thật thông thạo, nền tảng trình độ văn hóa thật vững chắc, đặc biệt là khả năng đeo bám để thực hiện thật tốt định hướng Dân tộc – Hiện đại trong mọi tổ chức hoạt động lễ hội.

Tất cả những vấn đề nêu trên chỉ là sự khái quát bước đầu về tính tất yếu của quá trình xây dựng Khu ĐTM Thủ Thiêm nhất thiết phải chú ý việc kế thừa và phát triển những vốn thành tựu, truyền thống đã tích lũy trong tiến trình vận động, phát triển của văn hóa nói chung và văn hóa lễ hội nói riêng ở TP. Hồ Chí Minh. Nói “Chuyển tải các giá trị không gian văn hóa lễ hội của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh vào Khu ĐTM Thủ Thiêm” thực chất chính là sự khẳng định những nhận thức, quan điểm và định hướng vấn đề theo tinh thần như vậy. Tuy nhiên, ở đây vấn đề đặt ra còn có những yêu cầu cao hơn nữa: Văn hóa lễ hội Khu ĐTM Thủ Thiêm là một nội dung quan trọng tạo nên bản sắc, hơn nữa còn là cái “hồn” góp phần tạo ra “điểm nhấn” cho khu đô thị này trong tương quan với toàn Thành phố. Vì thế tiến trình xây dựng, phát triển Khu ĐTM Thủ Thiêm về văn hóa nói chung và văn hóa lễ hội nói riêng có thể có yếu tố tự phát nhưng yếu tố tự giác vẫn là nhân tố ngày càng đóng vai trò quyết định đối với toàn bộ tiến trình phát triển ấy.

## **2. Chuyển tải các đặc trưng văn hóa của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh trong lĩnh vực quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm<sup>(1)</sup>**

Bán đảo Thủ Thiêm là một vùng đất đặc biệt, nằm cách trung tâm thành phố chỉ một dòng sông, nhưng đã từ bao năm nay nó vẫn như là mảnh đất bị bỏ quên, vẫn còn những vùng hoang sơ, hệ thống kênh rạch chằng chịt. Năm 1972, tập đoàn Doxiadis đã phác họa một đồ án quy hoạch xây dựng Thủ Thiêm nhưng dự án này

(1) Tham luận của PGS. TS. Nguyễn Trọng Hòa trong hội thảo đã dẫn.



không được thực hiện do nhiều biến cố của cuộc chiến tranh. Năm 1983, TEO (Luận chứng kinh tế kỹ thuật cải tạo và xây dựng) Thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành nghiên cứu, cho thấy quá trình đô thị hóa của thành phố, trung tâm chính hiện hữu của thành phố sẽ không còn đáp ứng được nhu cầu phát triển của đô thị và thời điểm đó Thủ Thiêm được xác định là khu vực phát triển trung tâm mới của Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 1995, trên cơ sở quy hoạch chung tổng thể mặt bằng thành phố được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đồ án quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết cho Thủ Thiêm được hình thành. Tuy nhiên do việc định hướng phát triển Thủ Thiêm thời kỳ này có nhiều biến động nên dự án không thu hút được đầu tư.

Đến năm 2003, do quá trình đô thị hóa diễn ra hết sức mạnh mẽ ở Thành phố nên hơn lúc nào hết Thủ Thiêm có vai trò đặc biệt quan trọng đối với việc mở rộng trung tâm Thành phố. UBND Thành phố đã tiến hành cuộc thi ý tưởng Quy hoạch chung và Quy hoạch chi tiết Đô thị Trung tâm mới Thủ Thiêm với sự tham gia của các nhà tư vấn hàng đầu của Việt Nam và quốc tế. Một trong những mối quan tâm sâu sắc của thành phố đó là làm sao chuyển tải được những nét đặc trưng của văn hóa Thành phố vào công tác quy hoạch.

Mối quan tâm đó được thể hiện rất rõ trong nhiệm vụ quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết Khu đô thị trung tâm mới Thủ Thiêm trong cuộc thi Quốc tế đặt ra đó là: ***ngoài việc tạo ra một trung tâm mới hiện đại tiếp thu tinh hoa của nền văn minh và khoa học thế giới, Thủ Thiêm còn là đô thị mang đậm bản sắc dân tộc và đặc trưng vùng sông nước đồng bằng Nam Bộ.*** SASAKI một công ty tư vấn hàng đầu của Hoa Kỳ đã đạt giải cao trong cuộc thi ý tưởng thiết kế và quy hoạch bán đảo Thủ Thiêm nêu trên, và được chọn làm nhà tư vấn chính thức cho việc triển khai đồ án Quy hoạch chung và Quy hoạch chi tiết Khu đô thị



trung tâm mới Thủ Thiêm. Một trong những lý do quan trọng của sự lựa chọn này là phương án quy hoạch đã lồng ghép được sự chuyển tải các đặc trưng văn hóa của Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh vào lĩnh vực quy hoạch. Phương án Quy hoạch chung và Quy hoạch chi tiết Khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm dựa trên ý tưởng đoạt giải do chính SASAKI kết hợp với Viện Quy hoạch Xây dựng thành phố lập đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (năm 2005).

Phương án Quy hoạch chung Thủ Thiêm được xuất phát từ 5 ý tưởng thiết kế và quy hoạch, các ý tưởng này phản ánh rất rõ nỗ lực chuyển tải đặc trưng văn hóa của Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh vào trong phương án Quy hoạch.

**Ý tưởng 1: Nối vùng đất Thủ Thiêm với dòng sông Sài Gòn** 8,5 km bờ sông Sài Gòn giờ đây đã có cơ hội được khai thác cả hai bên bờ, không như hiện nay chỉ có một phía. Dòng sông đã trở thành tài sản vô cùng quý giá góp phần cải thiện cảnh quan, phát triển giao thông thủy, nâng cao giá trị môi trường và một điều quan trọng nữa là dòng sông đưa đến cảm nhận mới mẻ nhưng không xa rời với giá trị văn hóa đặc trưng mang tính truyền thống vùng sông nước của Sài Gòn.

**Ý tưởng 2: Gắn kết đô thị Thủ Thiêm với trung tâm lịch sử của Thành phố.** Giá trị Văn hóa Lịch sử sẽ được tô đậm và phong phú thêm trong quá trình phát triển thành phố, quận 1, quận 4 đại diện cho sự phát triển của thành phố trong thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, Thủ Thiêm sẽ đại diện cho bước phát triển của thành phố trong thế kỷ XXI, điều này thể hiện tính liên tục của sự tăng trưởng về quy mô của đô thị Thành phố Hồ Chí Minh.

Đô thị mới Thủ Thiêm có vai trò kế thừa, duy trì, tôn tạo một cách sáng tạo những giá trị văn hóa của trung tâm cũ thành phố và bổ sung những giá trị mới kết tinh từ nền văn minh và khoa học kỹ thuật của nhân loại. Kích thước các ô phố, các điểm nhấn đô



thị, các điểm nhìn quan trọng được nghiên cứu từ hai trung tâm cũ và mới đảm bảo sự gắn kết giữa các giá trị các công trình đã được xây dựng và công trình sẽ được xây dựng.

Nội dung bố trí các công trình ưu tiên đầu tư có tính kế thừa và bổ sung thêm những giá trị văn hóa mới phù hợp với quá trình tăng trưởng của thành phố: Trung tâm hội nghị và triển lãm quốc tế, bảo tàng lịch sử, trung tâm tài chính thương mại, quảng trường văn hóa lịch sử, tháp truyền hình, nhà hát, rạp chiếu phim, sân vận động...

**Ý tưởng 3: Giữ gìn sự cân bằng giữa phát triển xây dựng và tôn tạo gìn giữ các không gian mở tự nhiên.** Bán đảo Thủ Thiêm được hình thành không đơn giản chỉ là nơi cung cấp các điều kiện về sống và làm việc cho nhiều thành phần dân cư đô thị Thành phố, mà ở đó còn là nơi cung cấp các loại hình giải trí đa dạng nhằm tái tạo cuộc sống tinh thần nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng cường sự hòa nhập với thiên nhiên. Một vùng châu thổ có quy mô diện tích 160 ha phía Nam của bán đảo được giữ lại gần như nguyên vẹn các đặc tính tự nhiên, đây là vùng đất màu mỡ cho các nhà sáng tác nhằm làm tăng đặc trưng giá trị văn hóa nhân văn của con người đồng bằng sông nước Nam bộ, giúp cho con cháu các đời sau có thể hình dung được các hoạt động đời sống của ông cha mình.

Phương án quy hoạch tổng mặt bằng xác định chọn lọc những khu vực được san lấp và khu vực không được san lấp, giữ gìn và tôn tạo các dòng kênh rạch hiện hữu, khai thông và mở mang thêm các hồ lớn nhằm cải tạo và duy trì lượng nước, tránh ngập lụt, tận dụng các cảnh quan thiên nhiên phát triển các không gian mở nhằm hình thành một đô thị gần gũi với thiên nhiên, là nét đặc trưng của các đô thị vùng đồng bằng Nam bộ. Đó là nét độc đáo của đô thị trung tâm mới của Thành phố.



**Ý tưởng 4: Tăng cường mật độ và cấu hình đô thị nén tại CBD<sup>(1)</sup>.** Giải pháp áp dụng lý thuyết đô thị nén, một xu hướng tương đối thịnh hành hiện nay tại các đô thị phát triển trên thế giới. Giải pháp này nhằm phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất của đô thị, đồng thời cũng mang lại diện mạo hiện đại cho thành phố.

**Ý tưởng 5: Phát triển đô thị bảo đảm tính linh hoạt đáp ứng các thay đổi và tăng trưởng của Thành phố.** Phương án quy hoạch có tính đến khả năng tăng trưởng và biến động, cung cấp bộ khung sử dụng đất, không gian mở và giao thông đáp ứng với sự phát triển theo thời gian. Các lô đất xây dựng đều được nghiên cứu để có vị trí, quy mô mục đích sử dụng thích ứng với sự phong phú về nhu cầu của người dân thành phố (một cộng đồng dân cư rất đa dạng về văn hóa).

Để chuyển tải sáng tạo các đặc trưng văn hóa của Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh vào công tác quy hoạch Khu đô thị mới Thủ Thiêm, các kiến trúc sư, các đô thị gia, các nhà kinh tế, các nhà xã hội học... còn rất nhiều việc phải làm trong quy hoạch chi tiết xây dựng, trong thiết kế đô thị, và trong xây dựng đô thị.

Trong quy hoạch chi tiết các tỷ lệ dự án (1/500), việc hình thành các khu dân cư mang nhiều phong tục tập quán khác nhau, mang nhiều ảnh hưởng của các vùng văn hóa khác nhau cần được nghiên cứu một cách sâu sắc, bên cạnh đó việc phân chia không gian khu ở theo nguyên tắc phản ánh văn hóa đa dạng thích ứng nhiều đối tượng phục vụ sẽ góp phần làm tăng sức hút đầu tư và tăng sự hấp dẫn đối với người sử dụng.

Không gian mở có tính chất phục vụ các sinh hoạt cộng đồng dân cư cũng cần được đề cập đến nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, thụ hưởng văn hóa và sinh hoạt lễ hội truyền thống. Trong không gian mở việc sử dụng các loại cây thích hợp mang tính đặc

---

(1) Central business district, là vùng trung tâm của một đô thị.



trung của miền sông nước Nam Bộ cũng cần phải được nghiên cứu thỏa đáng, hình thái tổ chức không gian cảnh quan có tác động rất lớn đến cảm nhận của con người.

Đối với thiết kế đô thị, đặc trưng văn hóa được thể hiện trong việc tạo ra không gian nhà ở, đây là công việc khó khăn, tuy nhiên nếu biết vận dụng và tổ chức không gian ở phù hợp với tập quán sinh hoạt của người Việt: Gia đình nhiều thế hệ, không gian thờ cúng, không gian sinh hoạt chung, khai thác những hình thức kiến trúc truyền thống... cũng góp phần phát huy những đặc trưng của văn hóa truyền thống.

Đối với công tác xây dựng, việc sử dụng linh hoạt các vật liệu địa phương: gạch nung, gốm, đá, gỗ, lá, tre,... trong các chi tiết kiến trúc công trình là yếu tố quan trọng trong việc tôn tạo và gìn giữ những giá trị truyền thống.

Hầu hết người dân Sài Gòn là người tứ xứ, lưu dân từ khắp mọi miền đất nước. Do địa lý, quan hệ tồn vong, và lịch sử phát triển, “người Sài Gòn mang đặc trưng của người dân Nam Bộ: Hào phóng, ưa giao lưu, kết bạn, thích hành động, không thích nói suông, giữ chữ tín, khẳng khái, không câu nệ lễ nghĩa, nhưng trọng đạo làm người”<sup>(1)</sup>; ngoài ra, người Sài Gòn còn có đức tính khả năng thích nghi cao và khao khát vươn lên cái mới. Văn hóa của Sài Gòn do con người Sài Gòn tạo nên, hiểu biết sâu sắc về con người Sài Gòn là yếu tố quan trọng để thực hiện tốt việc chuyển tải văn hóa Sài Gòn vào công tác quy hoạch nói chung và quy hoạch Đô thị mới Thủ Thiêm nói riêng

Văn hóa là tiêu chí quan trọng đối với công tác quy hoạch, chuyển tải tốt những giá trị văn hóa đặc trưng vào lĩnh vực quy hoạch là nhiệm vụ cần thiết của những người làm công tác quy hoạch. Đô thị Thủ Thiêm trong tương lai có thật sự trở thành một

---

(1) Trích từ Wikipedia tiếng Việt.



phần không thể tách rời của đô thị Thành phố Hồ Chí Minh hay không phụ thuộc rất nhiều vào việc chuyển tải văn hóa đặc trưng của thành phố. Phương án quy hoạch có thành công hay không ngoài việc tiếp thu những tinh hoa của khoa học, của nền văn minh thời đại còn phải phản ánh văn hóa đặc trưng của khu vực nghiên cứu, cái hay cái dở của phương án quy hoạch đô thị là sự phân biệt khác nhau giữa đô thị này với đô thị khác, đô thị cần thiết phải có tính đặc trưng riêng biệt của nó, có như vậy mới góp phần làm gia tăng giá trị của đô thị và làm phong phú thêm cho nền văn minh thời đại.

### **3. Chuyển tải các đặc sắc kiến trúc của Sài Gòn 300 năm với kiến trúc mới của Thủ Thiêm<sup>(1)</sup>**

#### ***3.1. Có hay không các đặc sắc kiến trúc của Sài Gòn qua hơn 300 năm tồn tại của đô thị này?***

Đặc sắc kiến trúc của thành phố là đặc trưng, là cái riêng về mặt kiến trúc. Đặc trưng kiến trúc của Sài Gòn 300 năm rất dễ nhận biết bởi chúng ta có một chùm kiến trúc bản địa, tiêu biểu là các đình, chùa và nhà ở dân gian, một chuỗi kiến trúc Pháp - Việt thể hiện tại các công trình công cộng và dinh thự, biệt thự và sau cùng là mảng kiến trúc đương đại, hiện đại mang phong cách kiến trúc nhiệt đới mở. Những công trình kiến trúc Pháp – Việt được xây dựng từ cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX là những đặc trưng kiến trúc đáng được trân trọng và xứng đáng được khai thác cho kiến trúc Thủ Thiêm.

---

(1) Đoạn này được trình bày dựa trên ý tưởng của TS. KTS Lê Quang Ninh và Ths. KTS. Đoàn Ngọc Hiệp trong tham luận “Chuyển tải hòa hợp các đặc sắc kiến trúc của Sài Gòn 300 năm với kiến trúc mới của Thủ Thiêm” tại Hội thảo “Xây dựng Thủ Thiêm như một điểm nhấn của văn hóa Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh”, do Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển tổ chức vào ngày 25 tháng 8 năm 2007 tại Hội trường Sở Khoa học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh.



### ***3.2. Thành phố cũ và đô thị mới Thủ Thiêm***

Kiến trúc thuộc phạm trù của văn hóa vật thể, chưa mấy ai nói về tính văn hóa phi vật thể của cái nhà hay ngôi chùa hoặc cây đa mái đình. Trên thực tế thì chính tính vật hoặc chất hữu hình của kiến trúc đã chế ngự giá trị của nó còn phần vô hình thì phai nhạt thậm chí còn bị lãng quên ngay trong khi sáng tạo nên tác phẩm. Chính vì lẽ đó mà sự chuyển tải được đặt ra trong chủ đề này nên được hiểu theo nghĩa văn hóa thật sự của kiến trúc.

Đô thị mới Thủ Thiêm trước tiên và trên hết phải là một tập hợp của nhiều yếu tố hiện đại từ một hạ tầng kinh tế kỹ thuật tiên tiến phù hợp với từng thời đại của khu đô thị mới. Chúng ta không khó hình dung ra vóc dáng của một đô thị mới đã có của thế giới như là Chùm đô thị vệ tinh của London, khu mới của Paris, Phố Đông của Thượng Hải, Trung tâm hành chính của Malaysia... Các đô thị nêu trên có sự khác biệt giữa cũ và mới thật ấn tượng, sự tương phản thật mạnh mẽ. Phần cũ thì được bảo tồn nghiêm ngặt còn phần mới thì đúng nghĩa là “khai phá” như kiểu nói của người Trung Quốc. Thế giới là vậy, còn chúng ta thì đã và đang nỗ lực tìm cho Thủ Thiêm mới mang hồn của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh. Đây phải chăng là sự “khác người” đáng yêu và ý tưởng này như là một luồng gió văn nghệ cho thành phố mới Thủ Thiêm vậy!

### ***3.3. Chuyển tải hòa hợp cái gì và ở đâu cái bóng dáng của Sài Gòn 300 năm vào Thủ Thiêm mới***

Đứng về mặt kiến trúc thì cũng đã có những thử nghiệm không mấy thành công trên công trình thông qua sự kết hợp những mô típ kiến trúc cổ vào kiến trúc mới. Đó là một thời nỗ lực của các kiến trúc sư Pháp khi ở Đông Dương, đó là kiến trúc đại công trình của Trung Quốc ở thập kỷ 60, đó là một số kiến trúc ngay trong đô thị hiện đại của Singapore... Có thể nói là cả thế giới đều tìm tòi để địa phương hóa kiến trúc quốc tế theo tinh thần của hiến chương



UIA Bắc Kinh. Thủ Thiêm của chúng ta chắc là cũng phải tìm tòi theo hướng đó để có bản sắc, để tiếp nối xưa và nay, để nối kết hai bờ sông Sài Gòn giữa cũ và mới.

Dưới đây xin gợi ý một vài hướng đi để gọi là chuyển tải hòa hợp để cùng suy nghĩ:

- Một là kiến trúc sinh thái nhiệt đới gió mùa đã hình thành nên dòng kiến trúc hành lang hoa tường rất đáng được nghiên cứu sáng tạo nâng cao. Kiến trúc che bớt nắng, lấy được gió, sinh động như hoa trên vải và mềm mại thư thái như tổ ong, tơ tằm tượng hình như tre trúc. Hình thái này vừa có công năng vừa tạo dáng tốt cho công trình.

- Hai là tìm kiếm không gian mở cho đô thị qua những dòng sông, con rạch và cả những kênh đào có tác dụng giảm bớt mật độ kiến trúc theo đường giao thông. Đô thị sông nước trên bến dưới thuyền cần được chuyển hóa sang khai thác không gian để nghỉ ngơi thư giãn ven sông cùng mặt nước, cây xanh. Tổ chức kiến trúc theo tuyến sông là rất thường thấy của Sài Gòn – Chợ Lớn xưa.

- Ba là tạo mảng xanh giữa lòng đô thị, thậm chí ngay trung tâm như một trục không gian xanh từ Thảo cầm viên cho đến vườn Tao Đàn. Trục các công trình hành chính bám lấy vườn cây rất ấn tượng như đường Lê Duẩn mà khá nhiều đô thị hiện đại vẫn khai thác. Sự thành công của thành phố Thẩm Quyến là một bài học quý giá đối với qui hoạch đô thị theo kiểu này.

- Bốn là cây dầu, cây sao và gốc đa bóng mát với những hàng me đã đi vào thơ ca... là cả một tập hợp lớn cây xanh đô thị rất có giá trị đặc thù của Sài Gòn mà Thủ Thiêm có lẽ còn đậm nét hơn. Thủ Thiêm còn là mảng xanh tiếp nối của rừng ngập mặn Cần Giờ, cho nên cây cỏ của rừng đước, tràm, vẹt, sù... luôn là điểm hẹn tự nhiên thu hút mọi người. Một vài ý tưởng như đô thị xanh



hay thành phố mặt trời mọc gợi mở cho một Thủ Thiêm những ý tưởng rất đẹp và nên thơ đã từng được nêu ra một cách đáng trân trọng.

- Năm là mảng kiến trúc thấp tầng là một đặc trưng đáng kể của Sài Gòn, bao gồm cả công trình công cộng như chợ và phố chợ, nhà biệt thự trong cây xanh bóng mát, nhà liên kế mang phong cách Hoa – Ân cùng với kiến trúc tín ngưỡng mang tính đặc thù văn hóa các dân tộc của Sài Gòn – Chợ Lớn, tất cả đều hiện hữu để nói lên một phong thái của tính đa văn hóa của địa danh này. Phần kiến trúc thấp tầng cùng các không gian văn hóa của Thủ Thiêm mới sẽ được qui hoạch với một ý tưởng tạo dựng một bộ mặt kiến trúc không xa lạ quá với phần bên này sông cũng đáng là một sự chuyển tải cần thiết vậy.

Ước mơ bao giờ cũng là ước mơ nhưng ý tưởng thì còn hy vọng sẽ thực hiện được cho nên con người chúng ta phấn đấu cho một tương lai rạng rỡ của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh của mình.

#### **4. Chuyển tải các đặc trưng văn hóa về không gian cảnh quan đô thị tiêu biểu của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh vào khu đô thị mới Thủ Thiêm<sup>(1)</sup>**

Khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm nằm ở vị trí “đối diện” với khu vực quận 1 – khu Trung tâm TP. Hồ Chí Minh hiện hữu. Nếu trước đây chúng ta vẫn xem quận 1 là bộ mặt kiến trúc cảnh quan đặc trưng của TP. Hồ Chí Minh, vậy nay có thể nói Thủ Thiêm sắp tới sẽ là một tấm gương nâng tầm cho trung tâm hiện hữu, đồng thời cũng đem lại diện mạo mới hiện đại, trẻ trung cho một thành phố phát triển đầy sức sống trong thế kỷ XXI. Tuy cảnh quan đô thị TP. Hồ Chí Minh hiện thời chưa phải là hoàn hảo, nhưng cũng đã hình thành một số đặc trưng nhất định và ắt hẳn

---

(1) Tham luận của Th.S. Nguyễn Thị Bích Ngọc, trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh trong Hội thảo đã dẫn.



chúng ta không thể chấp nhận một hình ảnh phản chiếu hoàn toàn xa lạ hay sao chép rập khuôn những gì chưa hoàn hảo. Đô thị mới Thủ Thiêm vì thế cần chuyển tải được các đặc trưng văn hóa tiêu biểu, loại bớt những hạn chế, tôn vinh thêm cái đẹp cho không gian cảnh quan đô thị TP. Hồ Chí Minh.

Vậy thế nào là một không gian cảnh quan mang đặc trưng về văn hóa cho TP. Hồ Chí Minh, nét đặc trưng và những mặt hạn chế của không gian này là gì? Chúng ta cần chuyển tải những giá trị văn hóa nào của cảnh quan kiến trúc và chuyển tải ra sao vào đô thị mới Thủ Thiêm? Theo kết quả điều tra xã hội mà chúng tôi có được từ đề tài nghiên cứu “Đặc trưng và khả năng phát triển của các tuyến phố thương mại TP. Hồ Chí Minh” (Hợp tác nghiên cứu với trường Đại học Showa - Nhật Bản) cho thấy những khu vực được đánh giá là có tính đặc trưng và thu hút nhất là các trục đường Đồng Khởi (đoạn từ Nhà hát lớn đến bến Bạch Đằng), khu vực chung quanh chợ Bến Thành, chung quanh hồ Con Rùa... Đó là những khu vực mang phong cách kết hợp Á - Âu, có sự đan xen giữa tính truyền thống và hiện đại, mang dáng dấp của đô thị sông nước cũng như mang sức sống của một thành phố năng động đang phát triển mạnh mẽ và đổi thay từng ngày.

#### ***4.1. Đặc trưng văn hóa trong không gian cảnh quan đô thị tiêu biểu của TP. Hồ Chí Minh và những tác động tương hỗ đối với đô thị mới Thủ Thiêm***

##### ***4.1.1. Sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố nhân tạo và tự nhiên trong cảnh quan đô thị***

##### **+ Ảnh hưởng của nền văn hóa nông nghiệp đến quan niệm về cảnh quan**

- Cảnh quan nông thôn: Từ nền kinh tế thuần nông với phương cách canh tác định cư định canh, con người coi trọng thiên nhiên, sống hòa hợp thiên nhiên và khi có quyết định gì liên quan đến



quy hoạch hay kiến trúc đều chú trọng đến các điều kiện địa hình, mặt nước, cây xanh, khí hậu. Tiêu biểu cho quan điểm này là hình tượng về cảnh quan nông thôn với “cây đa - bến nước - sân đình”, kết hợp các yếu tố cây xanh, mặt nước, không gian công cộng. Trong dân gian cũng có câu “trước nhà trồng cau, sau nhà trồng chuối” tiêu biểu cho một cảnh quan nông thôn Nam Bộ.

- Cảnh quan đô thị: Các đô thị cổ hình thành từ lâu đời như thành Cổ Loa, thành Thăng Long, thành Huế cho đến thành Gia Định đều có sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố tự nhiên và kiến trúc. Từ vị trí xây thành được chọn dựa trên thế núi thế sông theo phong thủy (tả thanh long, hữu bạch hổ, tiền án, hậu chẩm, minh đường...) cho đến việc tổ chức cảnh quan các khu vực bên trong cũng đều chú trọng đến yếu tố tự nhiên như cây xanh, mặt nước...

#### **+ Yếu tố của cảnh quan sông nước**

Nền văn minh sông nước đưa đến quan niệm “nhất cận thị, nhì cận giang” đến nay cũng chưa hề lỗi thời mặc dù giao thông thủy không còn đóng vai trò độc tôn như trước. Các đô thị Việt Nam từ trước đến nay đa phần đều được xây dựng ở những vị trí ven sông, trong đó có TP. Hồ Chí Minh.

Hai yếu tố trên khiến cho các đô thị Việt Nam có được sự ổn định về mặt sinh thái cũng như có sự thuận lợi trong khai thác cảnh quan tự nhiên.

Tuy nhiên, ngày nay ngay tại trung tâm TP. Hồ Chí Minh sự cân bằng giữa tự nhiên và kiến trúc này đang mất dần đi do ý thức con người hoặc do lợi nhuận kinh tế. Đô thị mới Thủ Thiêm là nơi rất thuận tiện cho việc khai thác các yếu tố cảnh quan tự nhiên, giúp cân bằng lại môi trường sinh thái đô thị. Việc xác định một mật độ xây dựng hợp lý, chú trọng đến các điểm nhấn cảnh quan tự nhiên quan trọng là hết sức cần thiết. Bên cạnh đó, các giải pháp về thiết kế cảnh quan đô thị cũng như xử lý hạ tầng cũng cần được



cân nhắc sao cho vừa đảm bảo tính thẩm mỹ vừa không gây tác dụng xấu đến môi trường đô thị.

#### 4.1.2. Sự pha trộn Đông – Tây

Do quá trình tiếp xúc và tiếp thu nhiều nền văn hóa khác nhau của thế giới, cảnh quan kiến trúc Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh kết hợp tính truyền thống với hiện đại, mang tính sinh động giữa các yếu tố sau:

- Yếu tố phương Đông (Trung Quốc, Ấn Độ): Kiến trúc nhiều màu sắc, đường phố nhỏ hẹp, đông đúc với những dãy phố buôn bán hàng đặc trưng (Hà Nội với 36 phố phường, Hội An với khu phố cổ, TP. Hồ Chí Minh với khu Chợ Lớn và hiện nay là các phố chuyên doanh...). Hình thành nên các khu vực mang đặc trưng riêng khác nhau trong đô thị. Nhiều sông ngòi, kênh rạch phục vụ giao thông thủy. Cấu trúc chung của toàn đô thị dựa trên địa hình và điều kiện tự nhiên. Công trình kiến trúc trọng sự dung dị, hài hòa, tỉ lệ tương thích giữa con người và các công trình kiến trúc.

- Yếu tố phương Tây: (Pháp, Mỹ) Một số khu vực trung tâm quy hoạch theo trục với các công trình công cộng làm tiêu điểm, đặt trên các trục chính. Đường phố rộng lớn, thẳng tắp chia theo dạng hình học. Có nhiều không gian sinh hoạt công cộng (quảng trường), nhiều cây xanh công cộng chịu ảnh hưởng kiến trúc Pháp.

TP. Hồ Chí Minh kết hợp cả hai yếu tố trên trong cảnh quan kiến trúc của mình. Điều đó tạo nên sự sinh động lạ mắt cho TP. Hồ Chí Minh tuy đôi chỗ có sự khiên cưỡng tùy tiện, tạo nên một không gian cảnh quan lộn xộn, mất thẩm mỹ.

Phương pháp quy hoạch của phương Tây thiên về hướng tiếp cận tổng thể, với việc phân chia theo dạng hình học cho chúng ta một không gian cảnh quan đô thị chẵn chu, có định hướng rõ ràng và cơ cấu phân khu rạch ròi. Tuy nhiên, để giải quyết tốt các vấn đề về môi trường và xã hội thì các đô thị Châu Á với lối tiếp cận



từng phần, áp dụng từng phương thức riêng cho mỗi khu vực có vẻ gần gũi với đô thị Việt Nam, nhất là những đô thị đang trên đà phát triển, cần chỉnh trang, thêm bớt nhiều thứ như TP. Hồ Chí Minh hiện nay. Khu đô thị mới Thủ Thiêm cần kết hợp hài hòa cả hai xu hướng Đông - Tây một cách có chọn lọc để tôn thêm thể mạnh cho TP. Hồ Chí Minh và khắc phục những nhược điểm mà khu đô thị cũ đang gặp phải.

*4.1.3. Sự đa dạng sắc thái trong cảnh quan sinh hoạt đô thị bắt nguồn từ nền văn hóa mang tính mở, dễ dung hòa và đón nhận cái mới*

- Cư dân TP. Hồ Chí Minh có xuất xứ từ nhiều miền, nhiều dân tộc khác nhau. Trong quá trình cùng chung sống thường xuyên có sự cọ xát, giao thoa giữa các nền văn hóa đã hình thành nên tính cách người dân TP. Hồ Chí Minh cởi mở, dễ dàng dung hòa và đón nhận cái mới.

- Nền kinh tế phát triển mạnh mẽ tạo nên sự năng động, hiện đại.

- Ưu chuộng các sinh hoạt văn hóa, lễ hội, sinh hoạt công cộng ngoài trời. Hiện nay tại trung tâm cũ TP. Hồ Chí Minh rất thiếu không gian dành cho tổ chức lễ hội và sinh hoạt công cộng, nhất là sinh hoạt công cộng ngoài trời. Khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm được xây dựng sẽ giúp giải quyết được một phần nhu cầu này, không chỉ cho cư dân Thủ Thiêm mà cho cả cư dân toàn thành phố.

***4.2. Một số đề xuất cho không gian kiến trúc cảnh quan đô thị mới Thủ Thiêm***

Đô thị mới Thủ Thiêm là vùng đất rất thuận tiện cho việc khai thác các yếu tố cảnh quan tự nhiên, giúp cân bằng lại môi trường sinh thái đô thị, khắc phục những nhược điểm của trung tâm TP. Hồ Chí Minh hiện nay. Tuy các phương án thiết kế cho Đô thị mới Thủ Thiêm cho đến thời điểm này đã khá chú trọng đến vấn đề



môi trường với việc dành nhiều quỹ đất cho cây xanh hay như việc giữ lại các khu vực ngập nước, nhưng một số vấn đề khác về cảnh quan cũng cần được xem xét thêm.

#### *4.2.1. Thiết kế cảnh quan mang tính vật chất*

a. Như phân tích ở trên, do các đặc thù về văn hóa, các hoạt động sinh hoạt công cộng, đặc biệt sinh hoạt ngoài trời sẽ thu hút phần lớn du khách. Vì vậy, quỹ đất dành cho các hoạt động này cần được tính toán hợp lý. Trong phương án quy hoạch hiện nay của Sasaki, Quảng trường trung tâm Thủ Thiêm là nơi diễn ra các lễ hội, mít tinh quan trọng, với diện tích khoảng 10 ha, trừ đi diện tích giao thông và kiến trúc cần thiết thì khả năng chỉ chứa được khoảng 300.000 người lúc cao điểm nhất. Nếu kết hợp thêm các công viên và không gian mở lân cận ở khu vực lõi trung tâm và khu đa chức năng (là 2 khu chính trong 5 khu chức năng đô thị mới Thủ Thiêm) thì khả năng để giải quyết cho 1 triệu du khách như dự kiến là có thể được. Tuy nhiên, cần có phương án kết nối hợp lý giữa các khu vực này với quảng trường, kể cả về mặt giao thông và về không gian kiến trúc cảnh quan.

b. Không gian cảnh quan ở khu vực lõi trung tâm và khu đa chức năng, đặc biệt khu vực xung quanh quảng trường trung tâm nên có tầng cao trung bình vừa phải và mật độ xây dựng không quá dày đặc, có thể định hướng tăng dần độ cao từ Quảng trường trung tâm ra bên ngoài. Bên cạnh đó, cần tổ chức nhiều không gian mở trước các công trình công cộng hai bên nhằm tăng thêm cảm giác rộng, thoáng cho Quảng trường. Hiện nay, với định hướng tầng cao khu lõi trung tâm từ 10 - 40 tầng và cao nhất là hai bên đại lộ vòng cung có thể sẽ gây cảm giác “đóng khung” cho Quảng trường trung tâm nếu không tổ chức tốt không gian kiến trúc hai bên.

c. Thiết kế cảnh quan đô thị mới cần chú trọng đến tính đặc thù đô thị sông nước sẵn có của Thủ Thiêm và tính đặc trưng của đô thị phương Đông.



Cách quy hoạch theo dạng hình học áp dụng cho khu lõi trung tâm - bộ mặt của Thủ Thiêm hiện nay (phương án Sasaki) dường như hơi cứng nhắc. Những trục đường, đại lộ lớn mặc dù đạt được sự thuận tiện về giao thông nhưng cắt xẻ đô thị thành những ô vuông đều đặn gần giống nhau và chia nhỏ quảng trường trung tâm thành nhiều mảnh sẽ gây không ít khó khăn cho việc tổ chức cảnh quan tại khu vực lõi trung tâm. Bên cạnh đó, cần cân nhắc giữa tính thẩm mỹ theo quan điểm hiện đại hóa và những tác động về môi trường do các giải pháp thiết kế đô thị mang lại.

*VD: Các đô thị Nhật Bản thường chọn lối tiếp cận từng phần và không quá lạm dụng việc xây dựng như hạn chế sử dụng đá ốp lát mặt đường, sử dụng thoát nước tự nhiên sau khi xử lý cục bộ ra sông rạch thay vì dùng cống ngầm trong đô thị (theo “Mỹ học đô thị Tokyo”-Yoshinobu Ashihara)... Đôi khi, họ thà hy sinh tính thẩm mỹ (hay quan niệm khác đi về nó) hơn là làm ảnh hưởng đến môi trường.*

d. Các kiến trúc cũ độc đáo hoặc những địa điểm mang tính văn hóa lịch sử cần được chú trọng. Thậm chí là những khu vực hết sức bình thường nhưng mang tính đặc trưng như bến phà Thủ Thiêm cũng nên được giữ lại vì trong tương lai đây chính là những bảo tàng sống về sinh hoạt của cộng đồng cư dân trước đây và là những điểm khai thác du lịch. Mấy ai quên được cái thuở mà câu ca “... Đố ai bắc được cây cầu Thủ Thiêm” từng là câu đố chưa có lời giải...

e. Cần có nhiều những kiến trúc mới, độc đáo và đặc trưng tạo dấu ấn riêng cho đô thị. Những thiết kế này cần mang tính hiện đại nhưng phải nói lên được đặc trưng của địa phương.

#### 4.2.2. Thiết kế cảnh quan hoạt động

- Các công trình phức hợp xung quanh Quảng trường trung tâm nếu là những cao ốc văn phòng, thương mại cao tầng khép



kín thì mặc dù phù hợp với đời sống tương đối cao cấp của cư dân tại đây nhưng có lẽ vẫn còn khá xa lạ với đa số dân vắng lai có lối sống bình dân. Cần tạo thêm những không gian dịch vụ đô thị mang tính truyền thống trong khu lõi trung tâm và khu đa chức năng như chợ đêm, phố buôn bán... để thu hút du lịch, tạo sinh khí cho khu vực, nhất là về ban đêm.

- Cần tạo các không gian dịch vụ công cộng mang tính phức hợp trong cùng một khu vực chức năng để phù hợp tính năng động của cư dân thành phố và yêu cầu của cuộc sống hiện đại.

- Cần tổ chức nhiều không gian dành cho hoạt động văn hóa, lễ hội theo hai tiêu chí: vừa mang tính truyền thống vừa mang tính quốc tế. (VD: Tổ chức lễ hội giới thiệu văn hóa các nước, trong đó có Việt Nam mà tâm điểm là TP. Hồ Chí Minh, khuyến khích người nước ngoài sinh sống tại Việt Nam trực tiếp tham gia tạo dựng lễ hội...)

## **5. Chuyển tải các đặc trưng văn hóa của Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh qua việc xây dựng các không gian công cộng ở khu đô thị mới Thủ Thiêm**

Trong quá trình phát triển trên 300 năm đầy biến cố lịch sử, Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh đã tạo dựng được một kho tàng di sản văn hóa to lớn và phong phú. Những không gian sông rạch, không gian đường phố, không gian cây xanh là những di sản cơ bản và nổi bật, đã một thời làm cho thành phố trở thành “Hòn Ngọc Viễn Đông” và cũng là những không gian đặc trưng nhất của thành phố hiện hữu có thể đóng góp cho sự gắn kết liên tục về không gian với khu đô thị mới Thủ Thiêm bằng sự sáng tạo những không gian công cộng mới và phù hợp.

### **5.1. Không gian sông rạch**

Nhờ hệ thống sông rạch thuận lợi cho giao thông đường thủy, địa điểm Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh đã phát triển từ thế kỷ XVII



và đã là một trung tâm buôn bán sầm uất của khu vực phía nam đất nước. Đầu thế kỷ XIX nhà Nguyễn đã thống nhất đất nước sau nhiều năm nội chiến tàn khốc. Việt Nam trở lại thanh bình và phát triển. Thành phố Bến Nghé - Sài Gòn đã nhanh chóng trở thành một thương cảng nổi tiếng trong vùng Đông Nam Á. Cảnh trên bến dưới thuyền tấp nập, náo nhiệt đã được Trịnh Hoài Đức ghi lại trong tập sách *Gia Định thành thông chí* (được viết vào những năm 20 của thế kỷ XIX) như sau: “Sông An Thông (kênh Tàu Hũ ngày nay) sâu, rộng, ghe thuyền đậu dài 10 dặm, theo con nước lên, con nước ròng, thuyền bè qua lại chèo chống cả ngày đêm tấp nập, làm cho đô hội, lưu thông khắp ngả, rất tiện lợi”<sup>(1)</sup> hay “ở Gia Định chỗ nào cũng có ghe thuyền, hoặc dùng thuyền làm nhà ở, hoặc để buôn bán rất tiện lợi, mà ghe thuyền đậu kín sông, đêm ngày qua lại” và “đất Gia Định nhiều sông ngòi, bãi biển, 10 người thì 9 người giỏi lội nước, quen chèo thuyền, thích ăn mắm. Mỗi ngày ăn ba bữa, đều ăn cơm, ít ăn cháo”<sup>(2)</sup>.

Năm 1819, John White, một sĩ quan của Hải quân Hoa Kỳ đã mô tả quang cảnh trên sông Bến Nghé (sông Sài Gòn ngày nay) như sau: “...những con thuyền lướt trên mặt nước phần lớn đều do phụ nữ cầm chèo, họ ăn mặc duyên dáng và lạ mắt... các con thuyền có đủ cỡ lớn nhỏ, đi lại dọc ngang trong một quang cảnh náo nhiệt và sinh động”.

Ngay từ những năm đầu chiếm đóng Sài Gòn, thực dân Pháp đã quan tâm tới hệ thống sông rạch của thành phố. Năm 1862 theo bản thiết kế quy hoạch cho thành phố Sài Gòn với 500.000 dân, đại tá Coffyn đã thiết kế những đường phố dọc theo sông Sài Gòn cũng như dọc theo kênh Tàu Hũ và kênh Nhiêu Lộc Thị Nghè có chiều rộng 40m và được coi như những đường phố chính với vỉa

---

(1) Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, bản dịch của Viện Sử học, NXB Giáo dục, TP HCM, 1999, tr. 34.

(2) Trịnh Hoài Đức, sđd, tr.147.



hè rộng 6m và có 2 hàng cây bên phía có nhà... để người dân có thể dạo chơi (trích từ *Ký ức lịch sử về Sài Gòn và vùng phụ cận* của Trương Vĩnh Ký - năm 1885).

Hệ thống sông rạch của thành phố đã gắn chặt từ lâu đời với giao thông, với những hoạt động kinh tế, đời sống của người dân thành phố và là những đặc trưng hàng đầu được du khách và những nhà khảo cứu quan tâm trước tiên. Những bưu ảnh, những bản đồ và những tài liệu xưa về thành phố trước chiến tranh cho thấy không gian sông rạch đã được quản lý tốt. Nhưng trong thời gian chiến tranh 30 năm vừa qua việc quản lý sông rạch đã bị buông lỏng. Những người dân tị nạn chiến tranh đã chiếm bờ sông, bờ kênh làm nơi tạm trú. Sông rạch trở thành nơi thoát nước thải sinh hoạt và nơi chứa rác. Không gian và nước sông rạch bị ô nhiễm nặng nề. Những năm gần đây nhờ quyết tâm của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, những đoạn kênh chảy qua trung tâm thành phố đã được giải tỏa và đang được hồi sinh.

Sự thành công của công tác giải tỏa này đã đang từng bước trả lại những cảnh quan đặc trưng hàng đầu cho thành phố. Rất tiếc hiện nay tình trạng lấn chiếm sông rạch trong thành phố vẫn còn đang tiếp diễn. Báo *Tuổi Trẻ* ngày 10.6.2007 cho biết: “Toàn thành phố năm 2004 có tới 500 cây số sông rạch bị san lấp tùy tiện và trái phép dưới nhiều hình thức. Và tháng 9 năm 2004 trong một đợt kiểm tra tình trạng lấn chiếm kênh rạch, Sở Giao thông Công chính phát hiện 30.000 hộ dân xây nhà lấn chiếm sông rạch, nên việc nạo vét gặp nhiều khó khăn”.

Cũng vì kênh rạch bị san lấp nên tình trạng ngập nước tại thành phố ngày càng nghiêm trọng khiến cuộc sống của hàng triệu người dân thành phố bị ảnh hưởng nặng nề. Sơ kết tình hình xã hội 6 tháng đầu năm 2007, UBND Thành phố cho biết hiện còn 85 điểm ngập lụt trong nội thành<sup>(1)</sup>.

(1) Báo *Thanh Niên* ngày 21.7.2007



Không gian mở của những sông rạch chảy ngang dọc trong thành phố tạo điều kiện cho người dân tiếp cận dễ dàng với thiên nhiên và được coi như những hành lang thiên nhiên dẫn đưa gió mát và không khí trong lành vào tới tận những khu nhà ở. Trong tương lai hệ thống kênh rạch sẽ được khai thác sử dụng cho những lợi ích kinh tế, giao thông và du lịch. Du khách tham quan ngắm cảnh thành phố bằng những canô taxi chạy dọc sông Sài Gòn, kênh Tàu Hũ hay kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè tương tự như đi tham quan bằng canô taxi trên những con kênh của thành phố Amsterdam (Hà Lan), của thành phố Venise (Ý) hay trên sông Seine của Paris (Pháp). Hơn nữa nếu mực nước kênh rạch được điều chỉnh tốt, canô-taxi có thể giảm bớt áp lực cho giao thông đường bộ trong một số khu vực nội thành.

Sông rạch của thành phố thể hiện rõ nét đặc trưng của đô thị Nam Bộ là luôn luôn gắn với sông nước cùng với lễ hội đua ghe ngo và những phiên chợ nổi.

## **5.2. Không gian đường phố**

Với mạng lưới ô phố bàn cờ truyền thống, đường phố trong khu trung tâm Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh đã được xây dựng ngay sau khi thực dân Pháp chiếm thành Gia Định. Do ảnh hưởng tư tưởng quy hoạch của Haussmann, đường phố Sài Gòn mang đậm nét hình ảnh đường phố Paris. Charles Mayer, nhà báo Pháp viết về Sài Gòn như sau: “Năm 1887, người ta ca ngợi đường phố Catinat (đường Đồng Khởi ngày nay) với những vòm cửa là đường phố Rivoli (Paris), bên cảng Thương Mại (bến Bạch Đằng) là ke Orsay (Paris), nhà hát nhỏ bé xinh xắn của chúng ta là Nhà Hát Folies Marigny (Paris)... đi qua trước những quán cà phê Sài Gòn vào buổi tối, các hàng hiên đông khách như ở đại lộ của Paris... đường phố Catinat, những hàng cây cần cỗi và những ngôi nhà kiểu Châu Âu với những quầy hàng ánh sáng rực rỡ... với một dãy cửa hàng bán nước gội đầu Hoa Kỳ, quần áo vét Crémieux hay cảm giác



tuyệt vời của nước hoa Coty... Đó là nơi gặp gỡ của cả Sài Gòn để buôn bán, làm áp phe và chuyện trò liên miên trước giờ ăn”.

Ngày nay những đại lộ và đường phố của khu trung tâm TP. Hồ Chí Minh với những cửa hàng bán những hàng hóa xa xỉ và những cửa hàng dịch vụ cao cấp cùng với hàng chục cao ốc văn phòng, khách sạn... đã làm cho bộ mặt trung tâm thành phố hiện đại hơn, tấp nập náo nhiệt hơn và là những nơi giao tiếp, trao đổi, bàn luận cũng như thư giãn của người dân thành phố và của du khách.

Quy hoạch theo mạng lưới ô bàn cờ với những đường phố pha trộn nhiều công năng đô thị là những đặc trưng của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh. Chính những đặc trưng này đã làm cho thành phố luôn luôn sống động. Trái lại những thành phố quy hoạch theo chủ nghĩa hiện đại không còn có đường phố, đã chết cả ban ngày lẫn chiều tối. Khu nhà ở Thanh Đa, quận Bình Thạnh là một mô hình của chủ nghĩa hiện đại. Trong những năm gần đây, khu nhà ở này đã được nhân dân tự phát sửa chữa lại thành gần như khu nhà ở được quy hoạch theo đường phố. Những đặc trưng này là những gợi ý có giá trị đặc biệt cho việc thiết kế khu trung tâm của khu đô thị mới Thủ Thiêm.

### ***5.3. Không gian cây xanh***

Không gian cây xanh của thành phố cơ bản bao gồm: công viên, vườn hoa và dải cây xanh dọc theo đường phố. Cả ba mảng cây xanh trên đều là những đặc trưng của thành phố. Vườn hoa và dải cây xanh dọc theo đường phố là những đặc trưng nổi bật có thể khai thác đưa vào thiết kế và sáng tạo những đặc trưng mới cho khu đô thị mới Thủ Thiêm.

#### ***- Vườn hoa***

Vườn hoa là không gian cây xanh nhỏ được bố trí xen kẽ trong trung tâm, trong khu nhà ở... là nơi thư giãn, nghỉ ngơi chốc lát



của người dân hay của du khách và cũng là nơi chơi đùa của trẻ em. Hiện nay, không gian công cộng này chưa được những nhà quy hoạch quan tâm đúng mức. Trong thực tế không gian vườn hoa rất được nhân dân và du khách ưa thích. Vào giờ nghỉ trưa, vườn hoa Chi Lăng thường đông vui, nhộn nhịp. Những cô gái bán hàng trong siêu thị, những người làm việc ở quanh khu vực, những bác xe ôm... đều tìm đến đây để nghỉ ngơi, để ăn cơm hộp hay để chuyện trò. Vườn hoa Lam Sơn trước Nhà Hát thành phố với những hàng cây sao cổ thụ là nơi thu hút du khách ngoại quốc nhất. Họ tạm dừng chân nơi đây để ngồi ngắm nhìn kiến trúc Nhà hát, để quan sát sự sôi động của cuộc sống tại trung tâm thành phố. Nhưng rất tiếc một công ty nào đó đã dựng hành lang để treo quảng cáo ngay giữa vườn hoa, phá vỡ hoàn toàn cảnh quan nơi đây và cắt đứt không gian nối liền Nhà Hát với đại lộ Lê Lợi. Đây là một sự xâm lấn không gian công cộng không thể chấp nhận được.

Qua thực tế của những vườn hoa hiếm hoi trong trung tâm mới thấy được hết những giá trị tiềm ẩn của những mảng xanh này giữa những khối tường gạch, bê tông, kính khô khan lạnh lùng. Ngoài những chức năng nghỉ ngơi thư giãn của người dân hay của du khách, vườn hoa còn là những không gian văn hóa để ghi lại những ký ức của địa phương bằng những tượng, phù điêu hay những tấm bia... Không gian vườn hoa có thể là không gian bảo tồn những di tích nhỏ, những khai quật hay những di vật tình cờ tìm thấy ở địa phương. Tại Bangkok và tại Kyoto những am thờ, miếu nhỏ được bảo tồn ngay trước cao ốc văn phòng hiện đại. Việc bảo tồn như vậy tạo được vẻ đẹp rất độc đáo cho công trình và cho cảnh quan. Thủ Thiêm hiện nay có rất nhiều công trình tôn giáo đẹp. Để tránh sự phá hủy san bằng (tabula rasa) những công trình tôn giáo có giá trị về văn hóa trong quá trình thực hiện quy hoạch mới, sự sáng tạo những không gian vườn hoa là rất cần thiết để có thể bảo tồn được những công trình văn hóa có giá trị



đó. Không gian vườn hoa với công trình văn hóa được bảo tồn sẽ là những đặc trưng rất độc đáo của đô thị mới Thủ Thiêm. Những kinh nghiệm của Bangkok và Kyoto nên được nghiên cứu áp dụng cho Thủ Thiêm.

Không gian vườn hoa là những không gian mở tuy nhỏ bé nằm lọt trong những khu phố nhưng rất cần thiết cho cuộc sống thường ngày của người dân và hơn nữa là những không gian thể hiện văn hóa địa phương không thể thiếu trong những thành phố lớn. Đây cũng là một đặc trưng không thể bỏ qua trong quá trình thiết kế khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Không gian dải cây xanh dọc theo đường phố.

Những hàng cây xanh cổ thụ dọc theo hè phố của quận 1, quận 3 luôn luôn gây ấn tượng tốt đẹp cho du khách ngoại quốc và cho cả người dân thành phố. Đó là những hàng cây sao, cây dầu cao vút, che chắn cái nắng nóng của miền nhiệt đới cho cả dãy phố Pasteur, Nguyễn Đình Chiểu... Vào cuối tháng tư khi mùa mưa chuyển dần sang mùa khô thì cũng là lúc những quả sao, quả dầu xòe hai cánh bay từng đàn, lấp lánh trong không gian đường phố.... Đó cũng là những hàng cây me xanh tươi trong nắng bên Nhà thờ Đức Bà tôn nghiêm đã làm cho bao du khách ngẩn ngơ trước vẻ đẹp tự nhiên của con đường Hàn Thuyên bình dị, yên tĩnh đậm chất thơ. Trong những tháng mùa khô nắng gắt suốt ngày, tán lá của những cây me, cây sao, cây dầu trở thành những mái che nắng cho những bà bán hàng rong, những bác xe ôm, những bác taxi, những chú bé đánh giày... và cả những khách qua đường. Không gian của những hàng cây dọc theo đường phố không mấy ai quan tâm, nhưng lại là những không gian công cộng hữu ích cho biết bao người dân thành phố và chắc chắn ở khu đô thị mới Thủ Thiêm chúng sẽ tiếp tục hữu ích.

Đưa không gian cây xanh đặc trưng của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh vào Khu đô thị mới Thủ Thiêm không phải là vấn đề khó



khăn, nan giải gì. Tất cả nằm trong việc nhận diện ra đặc trưng không gian cây xanh của Sài Gòn và thực hiện một cách sáng tạo vào Khu đô thị mới.

Những đặc trưng của Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh về không gian công cộng vừa nêu trên đây chỉ là những gợi ý ban đầu cho việc thiết kế khu đô thị mới Thủ Thiêm thể hiện được sự gắn kết liên tục về không gian với Thành phố hiện hữu. Ý tưởng thiết kế của công ty Sasaki với khu trung tâm lịch sử hiện hữu Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh là đại diện cho sự phát triển của thành phố vào thế kỷ XIX và XX, và khu đô thị mới Thủ Thiêm sẽ là đại diện cho sự đổi mới của thành phố khi bước vào thế kỷ XXI. Ý tưởng thiết kế của công ty Sasaki là bảo tồn di sản lịch sử và văn hóa đối với khu trung tâm lịch sử hiện hữu và thể hiện tính hiện đại của thế kỷ XXI cho khu đô thị mới. Vì vậy sự chuyển tải những đặc trưng của thành phố lịch sử được xây dựng từ thế kỷ XIX và XX sang một thành phố sẽ xây dựng trong thế kỷ XXI là một yêu cầu khó khăn đòi hỏi nhiều sự sáng tạo.

## **6. Định hướng không gian xây dựng tượng đài và những công trình điêu khắc cho khu đô thị mới Thủ Thiêm - Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh**

### ***6.1. Ý tưởng quy hoạch chủ đạo Khu Đô thị Thủ Thiêm***

Theo nhiệm vụ thiết kế và phương án quy hoạch của Công ty SASAKI, ý tưởng quy hoạch chủ đạo Khu Đô thị Thủ Thiêm là “khai thác tối đa cảnh quan sông nước thiên nhiên và địa hình của bán đảo Thủ Thiêm nhằm tạo ra một sắc thái đặc trưng của đô thị Nam Bộ trong xu thế phát triển tiến bộ của nhân loại, hướng tới hoàn thiện mô hình đô thị sinh thái trong tương lai. Việc tổ chức xanh hóa bộ mặt đô thị kết hợp với cảnh quan sông nước tạo ra đặc thù hấp dẫn và sự tiến bộ của tri thức quy hoạch hiện đại được xem là tiêu chuẩn, là yêu cầu tất yếu có tính bắt buộc đối với giải



pháp nghiên cứu, thiết kế quy hoạch Khu Đô thị mới này” (trích dẫn trong bản nhiệm vụ thiết kế Khu Đô thị mới Thủ Thiêm).

Ý tưởng quy hoạch này đã được thể hiện trong bản quy hoạch Đô thị Thủ Thiêm của công ty SASAKI bằng những công viên dọc theo bờ sông Sài Gòn, dọc các bờ kênh, những công viên nhỏ trong các khu đô thị và đặc biệt một dải không gian mở với những mảng cây xanh kéo dài từ Hồ Trung Tâm tới bờ sông Sài Gòn, nơi đối diện với quảng trường Mê Linh và tượng đài Trần Hưng Đạo của khu trung tâm lịch sử hiện hữu Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh.

Những quảng trường, những công viên hay những dải cây xanh là những không gian thuận lợi cho việc bố trí tượng đài hay những công trình điêu khắc (tượng tròn hay phù điêu) cho Khu Đô thị Thủ Thiêm.

Đặc biệt, ý tưởng quy hoạch của SASAKI còn thể hiện rõ phương hướng cho quy hoạch, kiến trúc và có thể cho cả những lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, trong đó có nghệ thuật điêu khắc. Đó là ý tưởng: “Trung tâm lịch sử hiện hữu của Thành phố Hồ Chí Minh đại diện cho sự phát triển của thành phố vào thế kỷ XIX và thế kỷ XX, và Khu Đô thị Thủ Thiêm sẽ đại diện cho sự phát triển của thành phố vào thế kỷ XXI. Ý tưởng của SASAKI vẽ ra cho thành phố một bức tranh tuyệt đẹp thể hiện được sự phong phú và đa dạng nhiều màu sắc về lịch sử, văn hóa và nghệ thuật của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh trải qua quá trình phát triển trên 300 năm.

## ***6.2. Hiện trạng tượng đài và những công trình điêu khắc tại Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh***

**Tượng đài:** Tượng đài là thể loại nghệ thuật điêu khắc chiếm tỷ lệ lớn nhất trong các công trình nghệ thuật điêu khắc của thành phố. Toàn thành phố có 16 công trình tượng đài mà chủ yếu được bố trí trong những quận trung tâm của thành phố.



Những tượng đài được xây dựng trước năm 1975 như tượng Đức Bà Maria trước Nhà thờ Đức Bà trên quảng trường Công xã Paris, quận 1; tượng Trần Hưng Đạo tại quảng trường Mê Linh, quận 1; tượng đài Phù Đồng Thiên Vương tại ngã 6, quận 1; tượng đài Trần Nguyên Hãn trên quảng trường Quách Thị Trang trước chợ Bến Thành, quận 1; tượng đài Hoa Sen Hồ Con Rùa tại quảng trường Quốc Tế, quận 3; tượng đài An Dương Vương tại ngã 6 Nguyễn Tri Phương, quận 10; tượng đài Phan Đình Phùng trước Bưu điện quận 5; và tượng đài Không Tử trước chợ Kim Biên, quận 5.

**Những tượng đài xây dựng sau năm 1975:** tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh trên quảng trường Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quận 1; tượng Mẹ - Con trên quảng trường Lam Sơn, trước Nhà Hát Thành phố, quận 1; 2 khối tượng Chiến sĩ Thông tin trước Nhà Bưu điện Thành phố trên quảng trường Công xã Paris, quận 1; tượng Lê Văn Tám trong công viên Lê Văn Tám, quận 1; tượng Bà Má Miền Nam trước Bảo tàng Phụ nữ Thành phố, quận 3; tượng Bà Mẹ Tổ quốc tại Nghĩa trang Thành phố, quận Thủ Đức; tượng “Biểu tượng Không Tên” trên đường Trường Sơn dẫn tới Nhà ga Hàng không Tân Sơn Nhất, quận Tân Bình.

**Tượng tròn và tượng bán thân:** tượng tròn chủ yếu là những tượng thờ của các tôn giáo tại các chùa, đền, nhà thờ như tượng Phật, tượng Thần. Rất tiếc cho tới nay, vẫn chưa có công trình nghiên cứu tổng quát về tượng thờ trong các công trình tôn giáo tại thành phố và đánh giá về những giá trị nghệ thuật của loại tượng thờ này.

**Phù điêu:** Thể loại nghệ thuật điêu khắc giàu tính trang trí này chưa được quan tâm khai thác tại thành phố: hai tấm phù điêu của công Công viên Lê Văn Tám là những bức phù điêu hiếm hoi tại thành phố này.



**Vườn tượng:** đây là một từ ghép mới để đặt tên cho một khu vườn trong đó một số tượng với nhiều phong cách hiện đại được tập trung tại một góc của Công viên Tao Đàn. Vườn tượng là một không gian trang trí cho công viên hay chỉ là một cái kho ngoài trời cho các tác phẩm điêu khắc kém may mắn? Nếu vườn tượng được coi là không gian trang trí cho công viên thì kiểu vườn tượng này chắc chắn cần được đầu tư thêm những suy nghĩ sáng tạo mới.

**Không gian tượng đài hiện hữu:** Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh được xây dựng trên mạng lưới giao thông của cuối thế kỷ XIX và của đầu thế kỷ XX, phù hợp với những phương tiện vận chuyển giao thông có tốc độ thấp. Với tốc độ thấp của các phương tiện vận chuyển giao thông cho phép người dân dễ dàng tiếp cận với các đảo giao thông, tiếp cận với tượng đài hay bể phun nước được xây dựng trên đó. Nhưng ngày nay, tốc độ xe máy, xe ô tô là mối nguy hiểm cho người dân, du khách muốn tiếp cận với đảo giao thông hay tượng đài. Ở các nước Châu Âu, phần lớn các đảo giao thông có tượng đài xây dựng từ thế kỷ XIX đã được chuyển thành những quảng trường đi bộ, như quảng trường Trafalgar với tượng đài Đô đốc Hải quân Nelson, người Anh, tại Luân Đôn đã trở thành quảng trường đi bộ... hay quảng trường “Khu phố Cổ” với tượng Jan Hus, nhà khai sáng nền giáo dục của Châu Âu, tại thành phố Praha, Tiệp Khắc cũng được chuyển thành quảng trường đi bộ... Toàn Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh có 16 tượng đài thì 9 tượng đài xây dựng trên các quảng trường giao thông hay chính xác hơn là trên các đảo giao thông.

Từ “quảng trường” thường không được dùng chính xác với ý nghĩa của nó. “Quảng trường” chỉ không gian rộng, thoáng trong đô thị với mục đích để nhiều người có thể tập hợp để họp chợ, làm lễ, diễu binh, mít tinh, giải trí hay phục vụ cho những hoạt động dân sự khác như quảng trường Ủy ban Nhân dân Thành phố, quảng trường Lam Sơn trước Nhà hát Thành phố... Những quảng



trường ngã 6, ngã 7 hay ngã 5 với mục đích chỉ để phục vụ giao thông, thì chỉ nên gọi là nút giao thông hay đảo giao thông ngã 6, ngã 7 hay ngã 5... và trên những nút hay đảo giao thông như vậy thì việc bố trí tượng đài cần được cân nhắc kỹ lưỡng. Vì nhiều khối tượng đài làm cản trở tầm nhìn của những phương tiện vận chuyển giao thông và có thể là nguyên nhân gây sự ùn tắc giao thông.

### ***6.3. Những phương hướng xây dựng tượng đài và những công trình điêu khắc cho Khu Đô thị Thủ Thiêm***

#### ***6.3.1. Không gian bố trí tượng đài và những công trình điêu khắc***

Trong bản Nhiệm vụ Thiết kế Quy hoạch Khu Đô thị Thủ Thiêm của Ban Quản lý Thủ Thiêm cũng như ý tưởng chủ đạo của phương án quy hoạch của Công ty SASAKI, tuy không đề cập cụ thể tới những không gian cho tượng đài hay những công trình điêu khắc, nhưng đã thể hiện đầy đủ và rõ ràng những không gian phù hợp với việc bố trí tượng đài và những công trình điêu khắc như quảng trường trung tâm, công viên, vườn hoa hay các không gian xanh kết hợp với mặt nước, sông, hồ. Đất công viên cây xanh và mặt nước theo phương án của SASAKI chiếm tới 34% toàn bộ quỹ đất của khu đô thị mới này.

#### ***6.3.2. Quảng trường trung tâm***

Không gian quảng trường trung tâm kết hợp với công viên trung tâm kéo dài từ hồ trung tâm tới bờ sông Sài Gòn, đối diện với quảng trường Mê Linh, với tượng Trần Hưng Đạo, không gian trung tâm này còn mang ý nghĩa là không gian “cổng” cho toàn khu đô thị mới này. Với ý nghĩa “cổng”, người ta nhớ ngay tới biểu tượng “cổng” do Kiến trúc sư nổi tiếng EERO SAARINEN thiết kế cho thành phố Saint Louis của tiểu bang Missouri, Hoa Kỳ năm 1965. Một cánh cung trắng (không biết vật liệu gì) hiên



ngang vượt lên khỏi những công trình cao tầng, cây xanh xung quanh, với chiều cao 192m, tượng trưng cho vai trò mậu dịch và văn hóa của thành phố giữa miền Đông với những miền đất rộng thoáng của miền Tây Hoa Kỳ. Đây là một công trình biểu tượng “công” có giá trị nghệ thuật cao, cần được tham khảo cho không gian “công” của đô thị Thủ Thiêm.

Theo gợi ý của nhiệm vụ thiết kế, công trình tượng đài “Độc lập” sẽ được dựng trong không gian quảng trường trung tâm này. Tượng đài này có vai trò chủ đạo và sẽ là công trình nghệ thuật điêu khắc gây ấn tượng mạnh nhất không những cho Khu Đô thị Thủ Thiêm mà cho cả không gian của khu trung tâm lịch sử hiện hữu. Vì tượng đài này phải thể hiện được sự nối tiếp thành một thể thống nhất giữa khu đô thị mới và khu trung tâm lịch sử hiện hữu. Những ví dụ sau đây có thể dùng để tham khảo cho công trình tượng đài chủ đạo của khu đô thị mới này.

Tượng đài Thánh Wenceslas tại quảng trường trung tâm thành phố Praha, thủ đô Tiệp Khắc(cũ). Chiều dài quảng trường khoảng 1 cây số và chiều ngang khoảng trên dưới 60 mét. Khối tượng đài là một tập thể tượng và nền phía sau của khối tượng đài là mặt đứng của công trình Bảo tàng Tự nhiên trong phong cách kiến trúc Tân Cổ Điển. Khối tượng đài được bố trí khá cao so với mặt đường và chế ngự toàn bộ không gian kéo dài của quảng trường trước mặt tượng đài.

Tượng đài Washington tại thành phố Washington D.C, thủ đô Hoa Kỳ.

Tượng đài trên đồi Bunker, kỷ niệm biến cố lịch sử 1843 tại thành phố Boston, tiểu bang New England Hoa Kỳ...

Tượng đài Chiến thắng trong chiến tranh Phổ - Đan Mạch năm 1864, đồng thời cũng kỷ niệm chiến thắng Áo năm 1866 và chiến thắng Pháp năm 1871 tại Công viên Tiergarten, Berlin, Đức.



**Quảng trường:** đây là những quảng trường bố trí gắn với trung tâm của các khu đô thị như khu hành chính hay khu nhà ở. Quảng trường luôn luôn là nơi lý tưởng để bố trí tượng đài hay những công trình điêu khắc mang tính tưởng niệm, tôn giáo hay để thể hiện những sắc thái đặc trưng của địa phương. Những quảng trường có mái che đang được một số nước Châu Âu triển khai xây dựng. Vì quảng trường có mái che rất thích hợp với những điều kiện thời tiết bất thường. Đây là một không gian lý tưởng cho những công trình điêu khắc nhỏ và phù điêu. Quảng trường có mái che “Sony Center” tại quảng trường Postdam, Berlin, Đức được người dân rất ưa thích. Đối với khu đô thị mới Thủ Thiêm quảng trường có mái che rất phù hợp với việc che mưa trong mùa mưa. Trong không gian có mái che mưa, che nắng, các công trình tượng gỗ hay bằng các chất liệu không chịu được nắng mưa có thể được triển khai bố trí. Đây cũng là cơ hội để các điêu khắc gia có thể trình bày những tác phẩm theo những xu hướng nghệ thuật điêu khắc Hậu Hiện Đại...

### 6.3.3. Công viên

Theo quy hoạch của SASAKI, những không gian cây xanh của Khu Đô thị mới này bao gồm: công viên trung tâm, những dải công viên chạy dọc theo bờ sông Sài Gòn, bờ kênh, công viên phía nam, công viên sinh thái và cùng nhiều công viên nhỏ, vườn hoa là những không gian rất thích hợp cho tượng đài và các công trình điêu khắc. Vì đất Thủ Thiêm thấp, công viên ngập nước có nhiều điều kiện để tạo dựng. Đồng thời, điêu khắc gia có thể triển khai nghệ thuật Điêu Khắc Địa Hình (Land Art) kết hợp với cải tạo cảnh trí thiên nhiên... Đây cũng có thể sẽ là một sắc thái đặc trưng của điêu khắc Thủ Thiêm.

### 6.3.4. Vườn hoa

Vườn hoa là không gian cây xanh nhỏ, dễ dàng tạo dựng, thường được bố trí rải rác trong những khu đô thị, có thể kết hợp



với công trình công cộng, tôn giáo hay giáo dục. Nó còn có vai trò chuyển tiếp không gian giữa những khu có chức năng khác nhau để làm giảm bớt những áp lực của những khối tường gạch, bê tông hay những mảng kính khô khan, vô hồn; ngoài ra nó còn có chức năng giúp thông gió và làm sạch phần nào không khí của khu vực. Nó cũng là nơi nghỉ ngơi, chơi đùa của trẻ em cũng như của người lớn tuổi. Và sau hết không gian vườn hoa là không gian có thể bố trí những tượng tròn, tượng bán thân hay phù điêu để tưởng niệm danh nhân đã từng làm việc hay sống ở địa phương cũng như để ghi dấu ấn những di tích của địa phương...

Đối với Thủ Thiêm, không gian vườn hoa còn có khả năng bảo tồn những di tích văn hóa, tôn giáo của địa phương có nguy cơ bị giải tỏa trong quá trình chuẩn bị mặt bằng cho quy hoạch mới của Khu Đô thị Thủ Thiêm.

Việc tạo ra những vườn hoa để duy trì, bảo tồn chi tiết hay cả công trình của di sản văn hóa, tôn giáo bị bắt buộc giải tỏa là phương thức mới về bảo tồn những giá trị nghệ thuật, tôn giáo, văn hóa của địa phương. Những chi tiết kiến trúc hay những di vật của công trình bị giải tỏa sẽ tiếp tục cùng tồn tại với môi trường xây dựng mới và đặc biệt sẽ đóng góp cho môi trường xây dựng mới những sắc thái đặc thù truyền thống của địa phương. Phương thức bảo tồn rất cơ động và hữu hiệu này đã được các thành phố Tokyo, Kyoto, Bangkok áp dụng một cách khéo léo. Do việc duy trì bảo tồn di sản văn hóa vật thể nên di sản văn hóa phi vật thể cũng được bảo tồn. Những lễ hội gắn với những công trình hay những chi tiết di sản được bảo tồn sẽ cũng tiếp tục được tổ chức theo những định kỳ truyền thống. Trong môi trường kiến trúc hiện đại vẫn diễn ra những lễ hội cổ truyền. Đây là một bức tranh tương phản tuyệt đẹp giữa văn hóa cổ truyền và văn hóa hiện đại. Chúng ta đều biết rõ di sản văn hóa vật thể có thể xây dựng lại, nhưng những di sản văn hóa phi vật thể bị mất đi thì khó có thể gây dựng lại được.



Với Thủ Thiêm hiện hữu, nhờ công trình nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển về xây dựng Thủ Thiêm như một điểm nhấn của truyền thống văn hóa lịch sử của thành phố Hồ Chí Minh, những giá trị văn hóa của những công trình văn hóa, nghệ thuật và tôn giáo của Thủ Thiêm hiện hữu đã được trình bày giới thiệu và đánh giá một cách khoa học, khách quan và trung thực. Nhiều công trình tôn giáo, văn hóa đã được xây dựng từ thế kỷ XIX cũng như nhiều công trình điêu khắc tượng tròn, chủ yếu là tượng thờ là những tác phẩm có giá trị về mặt lịch sử cũng như về mặt nghệ thuật điêu khắc như:

Đình An Khánh, xây dựng từ cuối thế kỷ XVII và đầu thế kỷ XVIII, với một số đồ thờ cổ xưa. Lễ Hội, lễ Giao thừa, lễ Tết của đình đã gắn bó với người dân Thủ Thiêm từ bao đời. Ngôi đình này đã trở thành biểu tượng của miền đất Thủ Thiêm.

Chùa Thiên Tịnh, xây dựng từ cuối thế kỷ XIX với bộ tượng Phật Di Đà Tam Tôn có nhiều giá trị về mặt lịch sử.

Chùa Liên Trì thành lập khoảng năm 1925, pho tượng Thích Ca có giá trị nghệ thuật.

Chùa Đông Hưng thành lập năm 1947, các bao lam của chùa có giá trị mỹ thuật.

Chùa Đông Thạnh, xây dựng năm 1928 với bộ tượng gỗ Ngọc Hoàng Thượng Đế, gồm 18 pho tượng có giá trị cao về mặt nghệ thuật điêu khắc.

Nhà thờ Thủ Thiêm, xây dựng từ năm 1958 với 4 quả chuông đúc tại Pháp từ năm 1889 và 1892. Đây là những di sản hiếm và quý.

Tu viện Dòng Mến Thánh Giá Thủ Thiêm, thành lập từ năm 1840, được coi là cơ sở đầu tiên của Thiên Chúa giáo trên đất Thủ Thiêm, rất có giá trị về mặt kiến trúc.



Những di sản kiến trúc và nghệ thuật trên đây xứng đáng được duy trì và bảo tồn tại địa điểm gốc hiện nay, và xứng đáng được tạo ra những khuôn viên vườn hoa hay những công viên nhỏ bao quanh công trình, hay được duy trì và xây dựng ghép vào những công trình mới hiện đại như những thí dụ từ Tokyo hay Bangkok được giới thiệu ở trên. Những tượng thờ, những bức bao lam được chạm lộng, những quả chuông đúc ở Pháp ... đều là những di vật quý hiếm có thể làm tăng thêm đặc trưng của Khu Đô thị Thủ Thiêm.

#### ***6.4. Không gian trước công trình kiến trúc***

Sau hết, không gian có thể bố trí tượng đài hay công trình điêu khắc là không gian trước công trình kiến trúc (có thể là mặt đứng chính hay mặt đứng phụ của công trình kiến trúc). Bố cục công trình kiến trúc trong một khuôn viên cây xanh, kiểu bố cục của các lâu đài là bố cục của thế kỷ XIX.

Trong thế kỷ XX, quỹ đất thành phố, đặc biệt là đất khu trung tâm, ngày càng khan hiếm và hệ thống kỹ thuật hạ tầng cơ sở ngày càng phức tạp, công trình kiến trúc luôn luôn được bố trí tiếp cận ngay với không gian vỉa hè. Trong thực tế, để thay đổi không gian đường phố và đồng thời cũng để nhấn mạnh hình ảnh của công trình trong rừng công trình, một công trình nào đó được xây dựng có khoảng lùi so với vỉa hè để tạo một không gian trước công trình.

Việc tạo ra những khoảng lùi trước công trình kiến trúc là một kinh nghiệm tốt để phá vỡ những bức tường bê tông, kính kéo dài, đơn điệu, tạo cho không gian đường phố có sự thay đổi sinh động hơn. Khoảng không gian lùi này cũng thường là không gian dành cho một tác phẩm điêu khắc tô điểm cảnh quan của công trình kiến trúc.

#### ***6.5. Kết luận***

Những không gian xây dựng tượng đài và những công trình điêu khắc hiện hữu của Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh và



những kinh nghiệm từ những không gian tượng đài ngoại quốc đã được dẫn chứng là những kinh nghiệm vô cùng quý báu cho khu đô thị Thủ Thiêm. Đặc biệt bài học bảo tồn những chi tiết di sản văn hóa, đồng thời cũng là những công trình điêu khắc đã được áp dụng tại thành phố Tokyo, Kyoto, Bangkok cũng nên được áp dụng cho Thủ Thiêm. Vì đô thị Thủ Thiêm được xây dựng không phải trên một nền đất trống, mà trên một nền đất đã từng có truyền thống văn hóa thì việc thể hiện được nền văn hóa cổ truyền trong môi trường quy hoạch và kiến trúc mới hiện đại là một sự thể hiện văn hóa trong xây dựng.

Vì vậy, tuy rằng trong tương lai quy hoạch, kiến trúc cũng như nghệ thuật điêu khắc tượng đài của Thủ Thiêm chủ yếu sẽ là đại diện cho sự phát triển vào thế kỷ XXI của Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng những bài học bảo tồn những giá trị văn hóa, tôn giáo của Tokyo, Kyoto và Bangkok sẽ luôn luôn là những kinh nghiệm quý báu để duy trì bản sắc văn hóa cho Thủ Thiêm trước những nguy cơ đồng hóa văn hóa trong tiến trình toàn cầu hóa.



## Chương II

# Dự báo tổng quát về dân cư của Đô thị Thủ Thiêm tương lai

### 1. Dẫn nhập

*1.1. Việc ra đời khu đô thị mới Thủ Thiêm đã được đặt vào vị trí quan trọng trong chương trình nghị sự của sự phát triển TP. Hồ Chí Minh* trong 2, 3 thập niên đầu của thế kỉ XXI. Những thành tựu đầu tiên của khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, và cùng với nó là những hoạt động quy hoạch nhận nhịp cho các khu đô thị mới Thủ Thiêm, Tây Bắc Sài Gòn, Hiệp Phước... cho thấy nhu cầu cấp bách về sự hình thành các kết cấu đô thị hiện đại gắn bó với các quần cư mạnh mẽ, nhằm nối liền và bổ sung cho khu vực nội thành truyền thống hiện hữu, đang được đáp ứng tích cực. Trong số những khu đô thị mới được đặt trong tầm ngắm của chiến lược phát triển TP. Hồ Chí Minh, có lẽ khu đô thị mới Thủ Thiêm đã và đang được gửi gắm nhiều tham vọng nhất.

Chưa có một viên gạch hồng nào được trang trọng đặt trên đất Thủ Thiêm để xây khu đô thị mới mà đã bàn đến cộng đồng con người sẽ sống và hoạt động tại đây có phải là việc quá sớm, thậm chí phù phiếm? Thưa không! Sự nhạy cảm với những cơ hội và



những “thắt buộc” của thời đại đòi hỏi chúng ta, bên cạnh các quy hoạch về sử dụng đất, về kiến trúc, xây dựng... cần phải sớm có, ít nhất là những ý tưởng ban đầu, cho một dạng “*quy hoạch xã hội*” cho khu đô thị mới mà chúng ta gửi gắm biết bao kỳ vọng vào đó. Thậm chí, cuộc sống còn đòi hỏi chúng ta phải xác lập các quan điểm *triết lý* xác đáng nhằm dẫn đường cho sự ra đời khu đô thị mới, trong sự hòa quyện và bổ sung cho nhau giữa hai nhóm *thành tố vật thể* và *thành tố xã hội* của đô thị, theo hướng vươn tới một không gian có hiệu suất kinh tế cao, có kết cấu xã hội của dân cư tương đối cân bằng, ở đó đang sống các giá trị văn hóa đượm chất Sài Gòn, mà vẫn cởi mở, sáng tạo và sẵn sàng đón nhận các giá trị đương đại.

Đặt vấn đề như thế, một mặt xuất phát từ nhu cầu nội tại của bước phát triển mới TP. Hồ Chí Minh, mặt khác là cố ý phòng tránh từ xa để khỏi rơi vào cái bẫy mà không ít quốc gia đi trước đã bị vướng vào, không ra nổi. Chỉ có thể hiểu sâu được những vấn đề của phát triển Thủ Thiêm khi ta đặt nó trên *phông nền* rộng rãi của cơn kịch phát xây cất các khu đô thị mới ở châu Á với biết bao thành tựu và cả khuyết tật chết người. Cơn kịch phát này diễn ra dưới sức xô đẩy dữ dội của diễn trình kinh tế toàn cầu, trong đó, dòng vận chuyển của tư bản (vốn) trên khắp thế giới dưới sự tác động của học thuyết Tân - Tự do có một sức chi phối không dễ cưỡng lại.

Vậy thì, “Người ta sẽ xây cất lên ở đây những công trình vật thể như thế nào để đáp ứng được kỳ vọng về một khu đô thị văn minh, hiện đại, có tầm vóc quốc tế?”.

“Những ai sẽ là cư dân tương lai của khu đô thị mới Thủ Thiêm? Quá trình định cư sẽ diễn ra bình thường và cân bằng, hay sẽ mang tính đặc quyền và tính chia cách về không gian và về xã hội?”.

Hai câu hỏi tự nhiên nói trên của tất cả những ai quan tâm đến dự án Thủ Thiêm - dù đó là nhà chính trị, nhà kỹ thuật, nhà kiến



trúc hay người dân thường - thực sự đã chạm vào một nguyên lý rất cơ bản của mọi kết cấu đô thị. Mọi kết cấu đô thị đều được tạo thành từ hai nhóm thành tố cơ bản:

Nhóm thành tố vật thể (bao gồm các yếu tố vật thể thiên nhiên như sông, núi, vùng đất thấp ngập nước..., và các yếu tố vật thể do con người xây cất lên như nhà ở, trung tâm tài chính, bảo tàng, quảng trường, đường sá...);

Nhóm thành tố tổ chức xã hội (bao gồm các nhóm dân cư, các hình thái cộng đồng đô thị, các thiết chế để vận hành đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của đô thị).

Điều đặc biệt cần phải nhấn mạnh là trong thực tiễn cuộc sống, hai nhóm thành tố cơ bản này của đô thị gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động qua lại với nhau, hòa quyện, thâm nhập vào nhau, để quyết định diện mạo, sức sống và lối sống của đô thị.

Chỉ cần lấy một thí dụ nhỏ để thấy rõ điều này. Quan sát các khu đô thị mới được xây dựng ở châu Á, có thể thấy khu đô thị nào được xây cất với giả thuyết đem lại tiện nghi và an ninh trình độ cực cao cho cư dân tương lai, thì từ kiểu dáng, chất lượng, cho đến giá thành, các vành đai bảo vệ... đều được thiết lập để mời gọi một vài nhóm xã hội hạng sang. Dù không hề có cái mệnh lệnh hay quy chế nào ngăn cản người dân thu nhập trung bình và thấp đến định cư tại đây, nhưng chính các thành tố vật thể và cái giá bán, giá cho thuê cao ngất ngưỡng của nó đã là “bộ lọc tự nhiên và khắc nghiệt”, gạt bỏ từ vòng ngoài những người thuộc nhóm không có vị thế xã hội thuận lợi. Và đó sẽ là điều tốt nhất cho việc tạo ra những sự phân cách về xã hội của các khu đô thị mới trong lòng các thành phố lớn. Rõ ràng là trong trường hợp này thì các kết cấu vật thể đã đẩy mạnh thêm động lực định cư của các nhóm xã hội khá giả; hai nhóm thành tố quyện chặt lấy nhau để tạo ra các cộng đồng “tự nguyện phân cách không gian” - như cách nói



có âm hưởng phê phán của một số giới nghiên cứu phương Tây chuyên tâm khảo sát đô thị châu Á đương đại.

Xem như thế thì một số dự báo về quá trình quần cư ở một khu đô thị mới (như Thủ Thiêm) phải đặt trong một bối cảnh quốc tế rộng rãi, đặc biệt là bối cảnh châu Á - nơi đang xảy ra *cơn kịch phát* xây dựng các khu đô thị mới, trong đó các điểm hay cũng nhiều, mà các khuyết tật cũng đầy dẫy. Có một cái nhìn toàn cảnh như vậy, thì ta mới không biến việc dự báo về dân cư cho Thủ Thiêm trở thành một công việc... bói toán vô dụng.

Bên cạnh đó, việc trở lại với các quá trình di chuyển dân cư ở thành phố hiện hữu, cũng như các đặc điểm vừa qua ở các khu đô thị mới tại TP. Hồ Chí Minh, cũng là một đòi hỏi phương pháp luận cần phải đáp ứng.

Người Trung Quốc đã có một câu nói rất hay về việc dự báo và quy hoạch khu đô thị mới Phố Đông (Thượng Hải) nổi tiếng của họ, đó là câu: “*Ra khỏi Phố Đông để nhìn Phố Đông*”. Câu nói giản dị nhưng có nội dung phương pháp luận thú vị này xuất phát từ những thể nghiệm táo bạo và đa dạng mà người Trung Quốc đã thực hiện. Trong cuốn sách *Đi qua mười năm* dày cả ngàn trang viết về tiến trình xây dựng Phố Đông, người Trung Quốc đã nhiều lần nhắc đến việc phải “nhìn xa trông rộng”. Mà thực sự họ đã làm được như vậy. Chẳng phải ngẫu nhiên mà họ đã nhìn Phố Đông như một *mối nối* rất cơ động với những phần còn lại của đất nước và thế giới: “Khai thác Phố Đông, chấn hưng Thượng Hải, phục vụ toàn quốc, đối diện thế giới”.

Trên một ý nghĩa nào đó mà nói, việc dự báo tổng quát về dân cư của khu đô thị mới Thủ Thiêm trong tương lai, có lẽ cũng cần có một tầm nhìn đủ rộng, với tinh thần “Ra khỏi Thủ Thiêm để nhìn Thủ Thiêm” mới giảm bớt được những quan điểm phân tích thiên cận, chủ quan. Và đó cũng là lý do tại sao trong chuyên khảo này, chúng tôi đã dành hẳn một chương về bối cảnh châu Á và toàn cầu của việc xây dựng các khu đô thị mới.



**1.2. Các hoạt động khảo sát, thu thập và phân tích thông tin để tạo cơ sở lý thuyết và thực tiễn cho chuyên đề dự báo tổng quát về dân cư Thủ Thiêm đã được chúng tôi tiến hành như sau:**

1.2.1. Tập hợp và phân tích tất cả các tài liệu quy hoạch liên quan đến dự án khu đô thị mới Thủ Thiêm; các phát biểu có liên quan đến chủ đề này. Đặc biệt ghi nhận những định hướng có liên quan đến khía cạnh quy mô dân cư và lộ trình hình thành các khu ở tại địa bàn dự án Thủ Thiêm đã được công bố trong các văn kiện quy hoạch.

1.2.2. Thu thập, phân tích 40 cuốn sách, chương sách, bài báo bằng tiếng Anh, tiếng Hoa, tiếng Việt đề cập đến việc xây dựng các khu đô thị mới ở châu Á và trên thế giới (bao gồm cả những đoạn nói về các khu đô thị mới ở Việt Nam).

1.2.3. Tìm hiểu sâu về trường hợp khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng thông qua làm việc với ban Tổng Giám Đốc công ty Phú Mỹ Hưng; phân tích các chương sách và bài báo có liên quan đến quá trình quần cư và phương thức quản lý các khu dân cư ở Phú Mỹ Hưng. Việc phân tích này được xem như nghiên cứu một trường hợp đi trước về lĩnh vực xây dựng khu đô thị mới trên thực tiễn Việt Nam và các đặc điểm ở Phương Nam của đất nước.

1.2.4. Tiếp xúc và thăm dò ý kiến nhanh của một số nhà khoa học, nhà quản lý, kiến trúc sư, giảng viên đại học và doanh nhân (khoảng 50 người) về nhận định của họ đối với 4 nội dung sau:

- Ảnh hưởng và sức hấp dẫn của dự án Thủ Thiêm;
- Ý muốn của từng người về vấn đề làm ăn, cư trú hoặc đơn giản chỉ tới thăm thú Thủ Thiêm, khi khu đô thị mới này đã hoàn thành xây dựng một số khu vực quan trọng;
- Các trở ngại khiến ý muốn đến làm ăn, cư trú ở Thủ Thiêm tương lai có thể gặp phải khó khăn;



- Ý kiến đóng góp với nhà nước về việc xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm nhằm làm cho địa bàn này đáp ứng tốt hơn nguyện vọng của người dân.

Mặc dù đây chỉ là một số cuộc tiếp xúc thăm dò định tính nhỏ, song nó cũng có sức gợi mở nhất định về phản ứng nhiều chiều của những người đang sống ở nội thành hiện hữu đối với việc xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm đang được khởi động.

## **2. Từ bài học đắt giá của các khu đô thị mới ở châu Á, nghĩ về câu hỏi “ai sẽ là cư dân Thủ Thiêm nay mai?”**

### ***2.1. Ra khỏi Thủ Thiêm để quy hoạch Thủ Thiêm***

Thực vậy, nhu cầu về một tầm nhìn sâu rộng đối với động thái xây dựng các khu đô thị mới ở châu Á và trên thế giới để làm tiền đề xử lý các vấn đề quy hoạch vật lý và xã hội với Thủ Thiêm của chúng ta, là một nhu cầu khách quan, bức xúc.

2.1.1. Sức mạnh của quá trình toàn cầu hóa đang tác động ngày càng sâu sắc tới nền kinh tế của chúng ta, trong điều kiện ta chủ động và tích cực hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Có thể kể ra ở đây một vài chỉ báo điển hình cho những tác động qua lại của quá trình toàn cầu hóa trên đời sống kinh tế, xã hội ở Việt Nam:

Dòng vốn và các dự án FDI (đầu tư trực tiếp của nước ngoài) vào Việt Nam đã đạt tới một quy mô to lớn. Theo *Niên giám thống kê* của Việt Nam 2005 thì trong thời gian từ 1988 đến 2005, có 7279 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã được Việt Nam tiếp nhận, với vốn đăng ký là 66,2 tỷ USD, và vốn pháp định là 30,2 tỷ USD (trong đó Việt Nam góp 4,9 tỷ USD vốn pháp định). Riêng TP. Hồ Chí Minh đã tiếp nhận 2.265 dự án FDI, chiếm 31% tổng dự án loại này trong cả nước.

Các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đón nhận ngày càng đông các công ty, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đã bắt đầu xuất hiện những doanh nghiệp Việt Nam đem



vốn và công nghệ ra đầu tư ở nước ngoài. Dòng lao động và chuyên gia ra vào Việt Nam cũng không ngừng tăng lên.

Một hiện tượng đặc biệt cần đi sâu nghiên cứu là sự xuất hiện của một số khu đô thị mới ở TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội mở ra khả năng phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn như tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin, dịch vụ cao cấp, nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước và tham gia với các mức độ khác nhau vào mạng lưới “các thành phố toàn cầu”. Có thể kể ra ở đây các khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng (Nam Sài Gòn), Thủ Thiêm, Hiệp Phước, Tây Bắc Sài Gòn, thuộc TP. Hồ Chí Minh, và khu đô thị mới Tây Hà Nội, thuộc thành phố Hà Nội.

Rõ ràng là, những chỉ báo vừa nói trên, đặc biệt là các khu đô thị mới ở Việt Nam, không phải chỉ là kết quả của các sáng kiến địa phương, mà nhìn rộng hơn, nó còn là kết quả của những diễn trình kinh tế toàn cầu, trong đó dòng vận chuyển của tư bản (vốn) có một tác động rất to lớn, đôi khi vượt qua cả các chiến lược và quy tắc chỉ đạo kinh tế, xã hội của chính quyền địa phương.

Để hiểu rõ được tác động không dễ nắm bắt của toàn cầu hóa tới hiện tượng xây dựng các khu đô thị mới, và xem những ai đã và sẽ sống trong đó, thiết tưởng nên khảo sát và phân tích các bài học của các khu đô thị mới châu Á trong vài thập niên trở lại đây.

2.1.2. Ngay từ khi khởi động nghiên cứu dự án tổng quát về dân cư khu đô thị mới Thủ Thiêm tương lai, nhóm nghiên cứu chúng tôi đã hợp tác với các nhà khoa học đô thị và chuyên gia về định cư con người tại thành phố Vancouver (Canada) để tìm hiểu về các khu đô thị mới ở châu Á và trên thế giới. Điều chúng tôi tâm đắc nhất là thông qua các cuộc phân tích này mà rút ra những bài học thiết thực cho Việt Nam, cụ thể là cung cấp những dữ kiện cần thiết để đề nghị các nhà lãnh đạo thành phố và Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm *sớm hình thành Quy hoạch xã hội cho khu đô thị mới Thủ Thiêm*. Cần phải nói ngay



rằng cho đến cuối năm 2006, các nỗ lực của lãnh đạo thành phố và của Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm chỉ mới chủ yếu tập trung rất có hiệu quả vào việc thiết kế bản quy hoạch xây dựng vật thể đối với Thủ Thiêm. Đây đó, thỉnh thoảng có nêu lên một vài số liệu dự kiến về dân số tương lai của Thủ Thiêm, song sự thực không có một cơ sở phân tích đến nơi đến chốn nào đứng phía sau những số liệu ấy. Cái còn thiếu đối với Thủ Thiêm là một *quy hoạch xã hội* dành cho khu đô thị mới này. Quy hoạch này sâu rộng hơn rất nhiều so với dự báo tổng quát về dân cư, và lẽ ra phải làm song song với quy hoạch xây dựng vật thể.

Trở lại với nguồn văn liệu quốc tế về khu đô thị mới. Đây là một nguồn thông tin khoa học khá phong phú. Nếu chúng được đọc và tiếp nhận với một sự cân nhắc cẩn trọng thì có thể đem lại cho ta rất nhiều thu hoạch bổ ích. Sở dĩ nói như vậy vì đây là một nguồn tư liệu mà nội dung của chúng bị chia rẽ một cách ghê gớm. Một bên là những văn liệu “ca tụng” không tiếc lời các khu đô thị mới; còn một bên kia là có quan điểm phê phán mạnh mẽ các khu đô thị mới đó về các mặt đặc quyền xã hội, sự quá câu nệ vào các quyết định của một thứ “thị trường” trù tượng, và cuối cùng là sự “lơ là” cố ý đối với các sắc thái văn hóa địa phương cũng như sự tham dự của dân chúng trong quá trình xây dựng khu đô thị mới. Tác giả của nhóm các văn bản “ca tụng” thường thuộc về các chính phủ và các công ty đầu tư phát triển đô thị; còn tác giả của nhóm các văn bản “phê phán” thường là các nhà nghiên cứu đô thị học, kinh tế học và xã hội học. (Trích bài phỏng vấn giáo sư Michael Leaf do nhóm nghiên cứu thực hiện).

2.1.3. Muốn đi sâu vào bản chất của các đô thị mới thời hiện đại, người ta cần thấy rõ sức mạnh của quá trình toàn cầu hóa tác động tới công cuộc đô thị hóa trên thế giới và các châu lục. Nói cách khác, *toàn cầu hóa và đô thị hóa đang bện chặt vào nhau*, tác động qua lại với nhau làm cho sức mạnh của hai quá trình đều tăng thêm. Sự ra đời các khu đô thị mới hiện đại, đặc biệt từ thập



kỉ 70 của thế kỉ XX trở lại nay, cho thấy *mối liên hệ của chúng với vòng quay toàn cầu của tư bản*. Việc mở rộng vòng quay toàn cầu của tư bản, đến lượt nó, lại đòi hỏi phải tạo *một môi trường xây cất mới*, nhằm tạo ra những mạng lưới đô thị của quốc gia và quốc tế cần thiết cho việc ra những quyết định thời nay ở quy mô toàn cầu (Theo S.Sassen. *Các thành phố trong nền kinh tế thế giới*, 1994).

Nhiều tác giả đã tỏ ra có lý khi gắn việc xây dựng các khu đô thị mới với sự chi phối của học thuyết kinh tế - chính trị học Tân - Tự do (Neoliberalism)<sup>(1)</sup>. Họ cho rằng các khu đô thị mới này, với hàng trăm ngàn cư dân sinh sống trong đó (chưa kể hàng trăm ngàn khách vắng lai và người từ bên ngoài tới làm việc), không phải chỉ là hậu quả đơn giản của việc gia tăng đô thị hóa, tăng trưởng và tập trung dân cư, mà còn là hiệu quả của *tham vọng* của các thành phố hữu quan muốn trở thành một bộ phận của mạng lưới toàn cầu “các thành phố thế giới” đang sinh lợi nhanh chóng.

Dưới tác động của học thuyết Tân - Tự do, cách tiếp cận phát triển các khu đô thị mới thường hướng vào việc từ bỏ nắm giữ khu vực công, tư nhân hóa công tác quy hoạch và hành chính, vận dụng hoạt động của các tập đoàn xây cất xuyên quốc gia. Nói một cách tổng hợp, dường như đã xuất hiện một *mối nối* giữa *chủ nghĩa Tân - Tự do* với *cảnh quan đô thị mới* tại các châu lục. Riêng ở châu Á, một số nhà nghiên cứu quốc tế cho rằng “sức mạnh dẫn đạo để xây dựng các khu đô thị mới ở châu Á dường như là sự phát triển kinh tế và ý muốn trở thành một bộ phận toàn vẹn của các làn sóng kinh tế toàn cầu... Các khu đô thị mới thể hiện loại sức mạnh dẫn đạo này có thể tìm thấy tại các thành thị như Đô thị mới Hà Nội, khu Nam Sài Gòn, hoặc các dự án ở Thượng Hải

---

(1) Thuyết Tân - Tự do phản ánh quá trình tự do hóa kinh tế ngày càng trở nên quan trọng hơn trong các cuộc tranh cãi về chính sách kinh tế quốc tế từ những thập niên 70 trở lại nay. Nói thật gọn, học thuyết này chủ trương giảm thiểu hoặc bỏ hẳn sự can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế quốc gia. Nó tập trung vào việc vận dụng các phương pháp của thị trường tự do, giảm bớt các hạn chế đối với kinh doanh và quyền sở hữu. Đẩy mạnh tự do thương mại và phân công lao động quốc tế.



(bao gồm Phố Đông và 11 đô thị vệ tinh được quy hoạch)” (Peter Gotsch và Michael Peterrek). Cũng theo các tác giả này, dưới tác động của quan điểm kinh tế - chính trị học Tân - Tự do nói trên, thì kết quả nhìn thấy được thường là một nền kiến trúc đập khuôn theo cái gọi là “các chuẩn mực quốc tế”, tập trung hoàn toàn vào mục tiêu nền kinh tế quốc tế, và hướng mạnh vào người tiêu dùng là các nhóm thu nhập cao.

Đứng ở góc độ dự báo tổng quát về dân cư của khu đô thị mới Thủ Thiêm, một câu hỏi lập tức được đặt ra: liệu các trường hợp đô thị mới của Việt Nam có thể thoát ra khỏi sự chi phối của quan điểm kinh tế - chính trị học Tân - Tự do đến mức nào? Trả lời câu hỏi này sẽ giúp hình dung tốt hơn khả năng các đô thị mới ở Việt Nam vượt thoát khỏi phần nào các hậu quả tất yếu như sẽ nói đến dưới đây - những hậu quả mà nhiều khu đô thị mới ở châu Á đã từng nhận lãnh. Theo kết quả khảo sát của các học giả về đô thị học, thì các khu đô thị mới ở các quốc gia phía Nam (đang phát triển) đã phải nhận lãnh “một quá trình tăng lên của sự *phân cách* về không gian, về chức năng [đô thị] và về xã hội, cũng như sự *phân cực hóa* giữa các khu đô thị mới và các thành phố [cũ] hiện hữu”.

## ***2.2. Các loại hình khu đô thị mới trên thế giới - trường hợp Thủ Thiêm***

Đặc tính của từng loại hình khu đô thị mới có tầm quan trọng lớn trong việc xem xét cơ cấu dân cư và kịch bản quần cư. Theo sự phân loại tương đối phổ biến hiện nay trên thế giới thì có 4 loại hình cơ bản của các khu đô thị mới, dựa theo chức năng và khoảng cách của chúng với một trung tâm thành phố cũ.

2.2.1. Được xây dựng ở khoảng cách thật xa so với một trung tâm thành phố hiện hữu là kiểu đô thị mới được gán cho cái tên “***vùng tăng trưởng thay thế***”. Mục đích cơ bản của việc xây dựng loại đô thị mới này là nhằm *đổi hướng các làn sóng dân cư*. Chúng bị phụ thuộc vào các sáng kiến đáp ứng nhu cầu chính trị (như xây



dựng một thủ đô mới) hoặc nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa (khai thác các nguồn nguyên liệu, năng lượng tiềm tàng, phát triển du lịch...). Thủ Thiêm không thuộc loại hình này.

2.2.2. **“Khu đô thị mới độc lập về chức năng”** là tên gọi chung loại hình các khu đô thị mới thứ hai. Đó là sự thể hiện của chiến lược phá bỏ tình trạng tập trung quá đông dân cư vào các vùng đại đô thị. Loại hình khu đô thị mới này thường được xây dựng cách xa các đại đô thị khoảng từ 60 đến 100 km. Người ta có thể tìm thấy chúng trong trường hợp của thành phố Paris, London sau đại chiến thế giới lần thứ hai, hoặc trong trường hợp vài ba thập niên gần đây là khu đô thị mới ở bán kính vài chục dặm xung quanh Jakarta (Indonesia), Thượng Hải, Bắc Kinh (Trung Quốc), Cairo (Ai Cập)... Điều đáng lưu ý về loại hình khu đô thị mới này là mặc dầu giữa quần cư loại này với các đại đô thị có liên quan có một khoảng cách địa lý đáng kể, không dễ dàng qua lại hàng ngày, song “thành phố mẹ” (ta tạm gọi như vậy) vẫn giữ một số chức năng kiểm soát đáng kể về mặt văn hóa và hành chính. Loại hình này chắc chắn không có liên hệ gì với khu đô thị mới Thủ Thiêm mà ta đang xem xét.

2.2.3. Nhằm giảm bớt sức ép về dân số, các thành phố lớn ở châu Á, châu Phi thường xây dựng **“các đô thị vệ tinh”** ở gần bên. Đó là trường hợp ta có thể gặp tại Hong Kong, Thượng Hải, Cairo. Riêng đối với Thượng Hải, bên cạnh khu đô thị mới rất hiện đại Phố Đông (hoàn toàn không có liên hệ gì với khái niệm đô thị vệ tinh), người ta còn xây dựng 11 đô thị vệ tinh xung quanh Thượng Hải, với chức năng chủ yếu là san sẻ áp lực dân số quá lớn của thành phố 17 triệu dân bên sông Hoàng Phố này. Dĩ nhiên, các đô thị vệ tinh đều có mối liên hệ về chức năng và tổ chức với “thành phố mẹ”. Nếu ta đi sâu vào chức năng dẫn dân của các đô thị vệ tinh của Hong Kong chẳng hạn, ta sẽ thấy (theo các cuộc điều tra địa phương) khoảng 80% dân số được thu hút vào các quần cư mới (vệ tinh) này được thúc đẩy bởi các chính sách nhà ở cởi mở



hơn so với thành phố mẹ. Dĩ nhiên, với tầm quan trọng chiến lược về kinh tế, Thủ Thiêm không thể nào được liệt vào loại vệ tinh dân dân này.

2.2.4. Ở loại hình thứ tư, chúng ta đang trực tiếp chạm tới loại hình khu đô thị mới gần gũi với Thủ Thiêm của chúng ta. Trong văn liệu quốc tế, người ta gọi loại hình khu đô thị mới có tầm quan trọng trong mạng lưới các thành phố thế giới (world cities) này là ***các thành phố song song*** hay ***“các thành phố song sinh”***. Một số tác giả nước ngoài (như Peter Gotsch và Michael Peterrek) thì cho rằng khu đô thị mới Hà Nội, Nam Sài Gòn của Việt Nam, thành phố Mumbai mới (Navi Mumbai) của Ấn Độ là thuộc loại hình thành phố song sinh. Đặc trưng của các thành phố song sinh này là chúng tọa lạc gần các thành phố lớn lâu đời hơn và có quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau. Quan trọng hơn, ***chúng phát triển một mối quan hệ cộng sinh với thành phố hiện hữu bằng cách tập trung vào các hoạt động kinh doanh và dịch vụ định hướng quốc tế***. Nếu chúng ta trở lại với mục tiêu xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm như một trung tâm tài chính, thương mại và dịch vụ cao cấp đạt chuẩn quốc tế, giúp thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tốc độ phát triển và nâng cấp TP. Hồ Chí Minh ngang tầm các đô thị hiện đại của các khu vực trong thế kỷ XXI, thì ta sẽ thấy Thủ Thiêm chính là *loại hình đô thị song sinh và cộng sinh với thành phố hiện hữu (loại hình 4)*.

Chính đặc điểm *kinh tế* cơ bản này của khu đô thị mới Thủ Thiêm sẽ định hướng một cách căn bản cơ cấu dân cư của đô thị này trong tương lai. Tuy nhiên, các yếu tố *xã hội* và *văn hóa* cũng sẽ góp phần định hướng cho cuộc quần cư của đô thị mới này, nếu như chúng ta *lựa chọn tiếp cận vấn đề phát triển của kết cấu đô thị và vấn đề định cư con người một cách toàn diện*.

Không phải là ngẫu nhiên mà nhóm nghiên cứu chúng tôi đã cố gắng tiếp thu và phát triển những ý tưởng đúng đắn và sáng tạo của Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm,



triển khai dự án nghiên cứu “*Xây dựng Thủ Thiêm như một điểm nhấn của truyền thống lịch sử - văn hóa TP. Hồ Chí Minh*”. Đây chính là một đóng góp vào việc thúc đẩy sự ra đời có chất lượng cao của đô thị song sinh, thực hiện cuộc cộng sinh biện chứng giữa khu đô thị mới rất hiện đại với thành phố hiện hữu.

Những bài học kinh nghiệm tích cực, cũng như những bài học phản diện của hàng loạt khu đô thị mới trong vùng châu Á - Thái Bình Dương buộc chúng ta phải có cách nhìn rất tinh táo và độc lập khi triển khai xây dựng Thủ Thiêm và giám sát quá trình định cư dân số thường trú cơ hữu của Thủ Thiêm.

Bài học phản diện về các khu đô thị khép kín có tính chất đặc quyền quá đáng ở Indonesia; bài học về khu đô thị mới đầy tham vọng Muang Thong Thani ở Thái Lan đầu tư cực lớn nhưng trở thành “thành phố ma” gần như không có người ở, hay bài học “về nguồn” văn hóa Hồi giáo ở Malaysia đã tạo nên một thành phố Putrajaya thật đẹp nhưng quá tĩnh lặng và buồn bã... chẳng phải đáng cho chúng ta tham khảo hay sao?

Rõ ràng là có những lý do xuất phát từ sự thực khách quan thúc đẩy một số nhà nghiên cứu khu đô thị mới bày tỏ sự “dị ứng” với cơn kịch phát xây dựng các công trình đô thị loại này. Thậm chí, có tác giả còn đặt câu hỏi: phải chăng cơn kịch phát này với quá nhiều hậu quả tiêu cực, đáng được gọi là “cơn thờ hắt cuối cùng của chủ nghĩa hiện đại hoá?”.

### ***2.3. “Phân cách không gian” và “phân cực xã hội” những cảnh báo nghiêm khắc từ việc tổ chức dân cư một số khu đô thị mới ở châu Á***

2.3.1. Trước khi đi vào bài học kinh nghiệm về quần cư các đô thị mới ở châu Á, chúng tôi muốn nhắc lại hai ý kiến phát biểu rất đáng chú ý của hai chuyên gia tại TP. Hồ Chí Minh. Họ linh cảm thấy dường như ở Phú Mỹ Hưng và Thủ Thiêm đang âm thầm hiện hữu những vấn đề về phân cực xã hội và phân cách không



gian, dù họ không sử dụng đích danh hai khái niệm này và cách nói của họ cũng khá dè dặt, tế nhị. Tuy nhiên, nó cũng đủ để làm “đề dẫn” cho một vấn đề xã hội và văn hóa bức xúc khi xây dựng các khu đô thị mới.

Sau khi đánh giá rất cao những thành tựu xây dựng khu Nam Sài Gòn, nguyên chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Nguyễn Vĩnh Nghiệp đề xuất: “Riêng khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, theo tôi nên xây dựng thêm chung cư và nhà phù hợp với cán bộ, công nhân, viên chức. Hiện nay chủ trương của Đảng và Nhà nước, của chính quyền TP. Hồ Chí Minh là làm sao giải quyết nhu cầu bức xúc về nhà ở cho cán bộ, công nhân viên có thu nhập thấp. Theo tôi, có thể làm nhiều tầng nấc. Làm nhà nhếch nhác thì mình không làm. Bên cạnh các khu nhà cao cấp mình cũng tính toán làm nhà văn minh, lịch sự nhưng vừa túi tiền với người dân mà vẫn đảm bảo hiệu quả kinh doanh *để cho nhiều giới có khả năng vào đây* (chúng tôi nhấn mạnh - NQV) để thụ hưởng môi trường sống và làm cho nơi này sung túc hơn, toàn diện hơn.” (*Thành phố hướng ra biển Đông*, 2003, tr.72).

Khi bàn đến cơ cấu dân cư của khu Thủ Thiêm tương lai, kiến trúc sư Võ Thành Lâm, công ty TNHH tư vấn kiến trúc - xây dựng VTL, có nhận xét đáng lưu ý như sau: “Có nhà quy hoạch nước ngoài hỏi tôi *tại sao không thấy yếu tố người dân tại chỗ trong các thông số để tính toán quy hoạch Thủ Thiêm?* (chúng tôi nhấn mạnh - NQV). Thời gian qua, nhiều dự án quy hoạch tiếng là vì nhu cầu cải thiện đời sống người dân tại chỗ, nhưng thực tế chỉ dồn đẩy họ đến chỗ khó khăn. Nhà nước muốn quy hoạch thế nào cũng không được bỏ quên quyền lợi người dân.” (*Báo Tuổi trẻ cuối tuần*, số 20, năm 2006).

Một điều cũng đáng lưu ý là trong số 50 nhà khoa học và doanh nhân mà chúng tôi sơ bộ tiếp xúc để thu thập ý kiến về việc xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm, ít nhất có 3 vị đã lưu ý nhóm



ngiên cứu về vấn đề đưa một bộ phận người thu nhập thấp và cư dân vốn sống lâu đời trên địa bàn này vào cơ cấu cư dân Thủ Thiêm hiện đại:

Thủ Thiêm tương lai nên “xây dựng nhà giá rẻ cho tầng lớp dân nghèo” (một giảng viên Đại học 50 tuổi);

“Làm sao người dân Thủ Thiêm hiện nay có điều kiện làm việc và sống trên khu đô thị mới Thủ Thiêm nhiều nhất” (một nhà kinh tế học của thành phố, 55 tuổi);

Nếu xây dựng nhiều khu dân cư (nhà ở) mới thì nên dành một phần bán lại cho dân cư tại chỗ (cho dù giá có cao) thì mới “bền vững” (một nhà nghiên cứu 45 tuổi);

2.3.2. Vậy thì những gợi ý riêng lẻ vừa dẫn ở trên có phải là những gợi ý dễ thực hiện trong điều kiện các áp lực của toàn cầu hóa? Hoàn toàn không dễ dàng! Nhiều toan tính xây dựng một cơ cấu dân cư tương đối “cân bằng” tại các khu đô thị mới ở châu Á đã từng bị phá sản, dù cho lúc đầu, các chủ thể của việc xây dựng khu đô thị mới tỏ ra khá kiên quyết và khá cấp tiến. Điều này nhắc nhở chúng ta phải có một hệ thống giải pháp mạnh mẽ và đồng bộ thì mới mong có được một cơ cấu dân cư cân bằng và giàu sức sống cho khu đô thị mới Thủ Thiêm, Phú Mỹ Hưng... của TP. Hồ Chí Minh mở rộng.

Lấy một thí dụ cụ thể về việc xây dựng khu đô thị Mumbai mới của Ấn Độ hồi đầu những năm 70 của thế kỷ XX. Các nhà quy hoạch đã rất chu đáo nêu lên 5 mục tiêu phát triển Mumbai mới, trong đó có 2 mục tiêu gắn với dự báo dân cư khu đô thị mới:

- Một là cung ứng các dịch vụ xã hội và dịch vụ đô thị để nâng cao mức sống và khắc phục khoảng cách giữa các nhóm dân cư.

- Hai là đào tạo và tạo điều kiện cho dân địa phương để họ thích nghi với cơ sở đô thị mới và tham gia đầy đủ, tích cực vào đời sống kinh tế - xã hội của khu đô thị mới.



Sau nhiều năm thực hiện quy hoạch phát triển, người ta rút ra hai việc không đạt của đô thị Mumbai mới như sau:

Tất cả các kế hoạch phục hồi kinh tế xã hội và hội nhập cho người dân làng cũ vào đô thị mới đều... chỉ nằm trên giấy. Mục tiêu xây dựng “một thành phố cho mọi người” đã bị rút hết nội dung: cuộc điều tra cơ cấu dân cư hiện hữu của khu Mumbai mới cho thấy 4/5 số hộ có mặt trong khu đô thị mới là các gia đình có thu nhập cao. Các địa bàn nhà ở dành cho người thu nhập thấp và các lô đất có hạ tầng dịch vụ dành cho những người nghèo nhất cũng đều *đã đổi chủ* cả.

Người ta chỉ có thể lý giải sự thất bại này bằng việc làm rõ sức điều tiết rất dữ dội của khuynh hướng “phân cách không gian” trong cơn kịch phát xây dựng các khu đô thị mới thời toàn cầu hóa. Và khuynh hướng này gắn liền với sự “phân cực xã hội” thể hiện rõ nét trong *cuộc đua tranh giành không gian sống giữa các nhóm xã hội đô thị*. Từ đặc điểm quan trọng này, một thái độ buông lơi “để cho thị trường tự điều tiết”, sẽ chỉ mang đến một cơ cấu dân cư giàu sang, khép kín trong đặc quyền thống trị cuộc sống các khu đô thị mới.

Nhà nghiên cứu đô thị, tiến sĩ Micheal Leaf từ Canada cảnh báo “toàn bộ cái xu thế - giờ đây đã lan tỏa ra khắp châu Á - là ở chỗ nó có xu hướng giành đặc quyền về mặt xã hội bằng cách tạo ra những khu đô thị có chất lượng cao đặc biệt, đồng thời tạo ra những giới hạn ngặt nghèo, mà chỉ ngoại trừ cho những ai có đủ sức để mua nhà đất mà vào đó ở.” (trả lời phỏng vấn nhóm nghiên cứu, tháng 1.2005).

2.3.3. Đặc điểm phân cách không gian trong tổ chức khu đô thị mới có một ảnh hưởng rất lớn đến cơ cấu dân chúng tới định cư, theo đó, chỉ nhóm người có một đặc quyền nào đó mới có thể tiếp cận được. Theo các định nghĩa lưu hành trong giới nghiên cứu quốc tế thì “phân cách không gian” được thể hiện trong sự tách



biệt về cư trú của một tiểu nhóm ra khỏi cư dân đông đảo. Sự phân cách này thường gắn với các nhóm thu nhập hoặc các nhóm sắc tộc, dân tộc, tôn giáo khác nhau.

Các khảo sát khoa học ở vùng đại đô thị Jakarta của Indonesia (gọi tắt là JMR) cho thấy trên địa bàn 7500km<sup>2</sup> bao gồm thành phố Jakarta và vùng phụ cận gồm Bogor, Tangerang và Bekasi, nhiều khu đô thị mới đã được xây dựng lên như các địa bàn dân cư tách biệt. Nhiều khu trong đó còn được bao quanh bằng các bức tường, tạo ra một thứ “cộng đồng bị nhốt kín”, giống như ở vùng Nam California của Hoa Kỳ. Các cộng đồng của những người giàu có “tự nguyện phân cách không gian” này đã làm xuất hiện tình trạng nhị nguyên về xã hội, làm nổi bật sự cách biệt giàu - nghèo giữa khu đô thị mới sang trọng cực kỳ với những cộng đồng sống trong các khu lụp xụp gần đó. Đây không phải là trường hợp cá biệt của Indonesia.

Người ta có thể thấy toàn cầu hóa đã làm tăng cường quá trình nhị nguyên hóa xã hội và chia cắt không gian lan rộng từ New York đến Rio de Janeiro, từ Calcutta đến Amsterdam.

Có ba điều đáng lưu ý trong xu hướng tạo cách biệt không gian ở Indonesia này. *Một là* các nhà kinh doanh xây dựng khu đô thị mới đã “chớp” lấy nhu cầu về tiện nghi và an ninh của các nhóm dân cư có thu nhập cao để đầu tư xây dựng. *Hai là*, chen vào cuộc kinh doanh đáp ứng nhu cầu có thật này là những mục tiêu đầu cơ. Theo Tommy Firman, “các nhà đầu cơ đã mua nhà với kỳ vọng giá sẽ lên khi họ đem ra bán lại. Nhiều nhà sang trọng mới xây trong các khu đô thị mới đã không có người ở vì chúng đã được mua (...) vì các mục đích đầu cơ. Điều này dẫn đến tình trạng thừa cung về nhà ở sang trọng tại JMR trong thập kỷ 90, và đó cũng là một trong những nguyên nhân tạo ra khủng hoảng kinh tế ở Indonesia”. Điều đáng lưu ý *thứ ba* về xu hướng tạo cách biệt không gian là các nhà xây dựng khu đô thị mới thường là các chuyên gia quy hoạch đô thị và bất động sản nước ngoài, rất ít



hiểu biết về đặc điểm địa phương nên các thiết kế vật thể cho các khu đô thị mới tại JMR chẳng khác nào các khu đô thị ở Hoa Kỳ. Nó tạo ra một cuộc *chối nhau về văn hóa và xã hội* giữa khu đô thị mới và phần còn lại của thành phố.

Tuy nhiên, cũng cần nói ngay ở đây rằng *không phải bất kỳ hiện tượng tách biệt không gian nào trong đô thị đều có tác động tiêu cực về xã hội và văn hóa*. Hiện tượng được coi là nổi cộm nhất về mặt tiêu cực có lẽ là hiện tượng tập trung các cư dân cực kỳ giàu có vào một khu vực địa lý trong đô thị, với những đặc quyền về nhiều mặt, tạo ra sự tương phản lộ liễu với phần còn lại của đô thị. Cũng cần lưu ý rằng, trong một số trường hợp, sự tách biệt không gian về mức sống lại đồng thời trùng khớp với một yếu tố tộc người nào đó (ví dụ những người gốc Hoa giàu có ở Indonesia đã tụ tập rất đông trong một lãnh địa thuộc khu đô thị mới Lippo Karawaci. Trong tình trạng loạn lạc hồi tháng 5 năm 1998, lãnh địa này đã bị đốt phá và cướp bóc. Tuy vậy, việc hình thành các khu vực cùng tộc người với mức sống khác nhau trong các khu đô thị mới (như phố Hàn Quốc, phố Đài Loan...) nên được coi là hiện tượng bình thường của tổ chức đô thị.

2.3.4. Một vấn nạn nữa của việc xây dựng các khu đô thị mới ở châu Á hiện nay là quá trình đó không những không làm giảm đi mà còn làm tăng thêm các vấn đề của thành phố cũ vốn đã lưu cữu từ nhiều thập niên (như nạn thiếu nhà ở, nghèo đô thị, thất nghiệp, khủng hoảng sinh thái, sự teo nhỏ lại của không gian công cộng...). Đó là sự *phân cực xã hội* nảy sinh ngay giữa thành phố hiện hữu với khu đô thị mới sang trọng và đầy uy thế. Một số nhà nghiên cứu quốc tế còn phát hiện ra rằng các thành phố hiện hữu đang phải đối diện với rủi ro là các khu đô thị mới ra đời sẽ nuốt hết các tổ chức có hiệu quả nhất, các định chế thương mại và văn hóa, các cơ hội việc làm, các cư dân có thu nhập cao, và “bỏ lại những phần cũ của thành phố bị cô lập cùng với những vấn đề hóc búa của nó”. Và các tác giả này than thở - lời than thở khiến người



Việt Nam chúng ta đang xây dựng một nền kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa phải suy nghĩ rất nhiều - “Hầu như không có một quốc gia hữu quan nào trong vấn đề này có được các nguồn lực cần thiết, có được ý chí chính trị và những công cụ quy hoạch cần thiết để ứng phó với những quá trình do sự phân cực và tàn tạ gây ra” (Peter Gotsch và Michael Peterek).

Những bài học đắt giá ở châu Á vừa nêu trên, ít nhất cũng cho ta thấy ***quá trình định cư ở các khu đô thị mới tại Việt Nam nói chung không thể phó mặc hoàn toàn cho thị trường tự điều chỉnh***. Bằng các công cụ quy hoạch (quy hoạch vật lý và quy hoạch xã hội), bằng các chính sách khuyến khích tính đa dạng trong đầu tư xây dựng các khu dân cư, chính sách thu hút nhân tài, chính sách tín dụng nhằm đa dạng hóa cơ cấu dân cư khu đô thị mới..., Nhà nước hoàn toàn có thể có những tác động tích cực trong việc trả lời câu hỏi: “Ai sẽ là cư dân tương lai của khu đô thị mới Thủ Thiêm?”

### **3. Về dân cư của đô thị mới Thủ Thiêm tương lai**

#### ***3.1. Về những dữ liệu xuất phát quan trọng cho các thao tác dự báo***

Dự báo tổng quát của chúng tôi về dân cư của đô thị mới Thủ Thiêm trong vòng 10 đến 20 năm sắp tới được đặt căn cứ trên những dữ liệu và quan điểm xuất phát quan trọng sau đây:

3.1.1. Chúng tôi dựa vào ***các số liệu về dân số đã được đề xuất để tính toán trong quy hoạch khu đô thị mới Thủ Thiêm***. Sau khi xây cất xong các cơ sở kinh tế, văn hóa, nhà ở và các cơ sở hạ tầng đô thị, Thủ Thiêm sẽ có:

130.000 dân cư trú thường xuyên lâu dài tại chỗ;

350.000 người/ngày lui tới làm việc tại các cơ sở thương mại, tài chính, dịch vụ, văn hóa, giải trí, quản lý hành chính đặt trên địa



bàn Thủ Thiêm. Chúng tôi dự báo rằng sẽ chỉ có khoảng 7% đến 10% của số lao động và chuyên gia này sẽ nằm trong diện cư trú tại chỗ ở Thủ Thiêm, đại đa số còn lại là từ thành phố hiện hữu di chuyển đi về trong ngày (theo giờ hành chính hoặc theo ca, kíp). Các công trình cầu, đường ngầm, đại lộ... khá đa dạng và phong phú sẽ tạo điều kiện dễ dàng, làm cho việc di chuyển con thoi ngày, đêm không thành vấn đề lớn với đối tượng này.

Ở giai đoạn hoàn thiện, hằng ngày sẽ có khoảng 300.000 đến 500.000 khách vãng lai (kể cả du khách lữ hành trong nước và quốc tế) sử dụng các cơ sở thương mại, tài chính, thông tin, hội chợ, bảo tàng, giải trí, nghỉ dưỡng; tham quan và tham gia các cuộc tụ họp chính trị, hoặc sinh hoạt cộng đồng. Cao điểm đột xuất trong một ngày có thể tới 1 triệu người tham gia các hoạt động lễ hội - quảng trường, nhưng hiện tượng đột xuất này sẽ hiếm gặp trong năm.

3.1.2. Khi bàn về lộ trình tổ chức quần cư, chúng tôi cũng dựa vào ***các giai đoạn phát triển*** đã được dự kiến trong quy hoạch. Giai đoạn 1 sẽ được đặc biệt chú trọng vì hầu như mọi logic và quy luật phát triển và quần cư sẽ bộc lộ ra ở giai đoạn này. Việc điều chỉnh các dự báo và các chính sách cũng phải dựa trên các chiều kích vật thể và xã hội được thể hiện trong thực tiễn xây dựng và quần cư ở từng giai đoạn.

3.1.3. Chúng tôi không tin rằng việc trả lời câu hỏi “Ai sẽ là chủ nhân các khu dân cư ở Thủ Thiêm tương lai?” có thể phó mặc cho thị trường quyết định. Điềm lại thực tiễn xây dựng và quản lý các khu đô thị mới ở châu Á và trên thế giới, chúng tôi ***rất khó tìm ra một trường hợp thành công nào mà chỉ chịu tác động điều chỉnh duy nhất từ thị trường***. Sự thực là ý chí chính trị của các Nhà nước, các yếu tố của quy hoạch xã hội và sự điều chỉnh quan hệ cung - cầu của nhiều tập đoàn xây dựng... đã “tham dự” ở những mức độ khác nhau trong việc quyết định một “chân dung” khu đô thị mới ít cực đoan hơn, cân bằng hơn, so với giả định



chỉ cậy nhờ vào sức công phạt của thị trường toàn cầu hóa. Chỉ có điều, các yếu tố vừa kể trên *thường không được đẩy đến cùng nhằm phát huy hết xung lực vốn có của nó*. Do đó, người ta sẽ thấy có một thứ tiếng kèn ngập ngừng nào đó, để rồi cái khuynh hướng “phò đại gia, triệt bình dân” lại sừng sững lên ngôi.

Trở lại với Thủ Thiêm, chúng tôi cho rằng: động lực di chuyển và định cư cũng như quy mô và cơ cấu dân cư Thủ Thiêm phụ thuộc một cách rất đáng kể vào quan điểm (hay triết lý) phát triển của Nhà nước đối với khu đô thị mới này; phụ thuộc vào quan điểm đầu tư và tổ chức nhà ở trong các khu dân cư; phụ thuộc vào định hướng văn hoá - xã hội của mối quan hệ về lối sống giữa Thủ Thiêm - nội thành cũ - Quận 2 (và các quận mới bên kia sông Sài Gòn).

Chính vì vậy mà *các mệnh đề dự báo* của chúng tôi sẽ được xây dựng phần lớn trong *thể giả định* (nếu xây dựng và tổ chức các công trình kinh tế và các khu dân cư theo định hướng này, thì có nhiều khả năng kịch bản quần cư và cơ cấu dân cư sẽ có đặc điểm theo hướng tương ứng).

Các thể giả định vừa nói trên sẽ gắn với các đặc điểm “mở” của văn hóa Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh và định hướng sinh thái của nền văn hóa sông nước vùng Nam Bộ. Theo đó, *ưu tiên số một* của Khu đô thị mới Thủ Thiêm là tạo khả năng thu hút và tạo điều kiện cư trú tiện nghi cho mọi luồng chuyên gia, doanh nhân, kỹ thuật viên trong, ngoài nước (và gia đình họ) đến khởi động đầu tư và vận hành các thiết chế thương mại, tài chính, thông tin, văn hóa, dịch vụ cao cấp... hiện đại bậc nhất Việt Nam tại đây. Đồng thời tìm cách né tránh các khuyết tật của một số khu đô thị mới châu Á chịu chi phối quá sâu của quan điểm kinh tế Tân – Tự do. Nói cụ thể hơn là: giảm thiểu tính phân cách về không gian và xã hội; thúc đẩy (trong chừng mực có thể) sự pha trộn giữa các tầng lớp xã hội trong cơ cấu dân cư; đưa trở lại một số dân cư trẻ gốc Thủ Thiêm cũ vào cơ cấu dân cư Thủ Thiêm mới (sau khi có sự chú ý đào tạo và nâng cấp trình độ)...



### ***3.2. Hướng tới một cộng đồng đô thị song sinh cởi mở, cân bằng về xã hội và có bản sắc***

Thủ Thiêm không thuộc trường hợp nâng cấp tại chỗ một cộng đồng cư dân nông nghiệp và chài lưới lên thành một khu đô thị hậu công nghiệp. Đây là trường hợp các cộng đồng cư dân lâu năm trên địa bàn bán đảo Thủ Thiêm được giải tỏa sang nơi khác để người ta *làm lại từ đầu* một tổ chức không gian khác, một cơ cấu dân cư khác. Cách làm này có vẻ đem lại nhiều thuận tiện cho việc thiết kế một đô thị mới, đồng bộ, không bị “vướng víu” vào những cộng đồng nghèo và chậm phát triển còn sót lại, hoặc vướng vào những địa vực có đường biên ngoằn ngoèo, xấu xí “do lịch sử để lại” (!). Tuy nhiên, cái sự thuận tiện của việc gọt hết cái cũ đi để làm lại từ đầu cũng hàm chứa những *rủi ro* không nhỏ. Rủi ro dễ xảy ra nhất là toàn bộ cuộc xây dựng đô thị mới và tổ chức thu hút dân cư có khuynh hướng nhân danh bảo toàn chất lượng đỉnh cao của một đô thị có hơi hướng mạng lưới toàn cầu, để nhấn mạnh tính chất khép kín, tự trị của đô thị mới và không chịu nhân nhượng với những gì không phải là “đỉnh cao”.

Chúng tôi cho rằng cách đặt vấn đề đúng đắn của TP. Hồ Chí Minh là mặc dầu các nhân tố vật thể và xã hội của đô thị mới Thủ Thiêm đều được làm lại từ đầu, nhưng đó sẽ không phải là một cộng đồng thuần khiết “đỉnh cao” về vị thế xã hội và khép kín. Trái lại, **điều mà chúng ta kiên quyết xây dựng ở Thủ Thiêm là hướng tới sự ra đời của một cộng đồng đô thị song sinh hiện đại, cộng sinh hòa hợp với thành phố hiện hữu, cởi mở, cân bằng về xã hội và có bản sắc**. Điều này cũng có nghĩa là một mặt phải nắm bắt logic xã hội khách quan của sự quần cư, mặt khác, có những quyết định quản lý thích hợp để tham gia *khơi dòng* hoặc *nắn dòng* các làn sóng định cư vào đô thị mới, chứ không phó mặc hoàn toàn cho sức mạnh của thị trường.



### 3.2.1. Dự báo dân cư thông qua logic Cung - Cầu

3.2.1.1. Mục tiêu của việc ra đời khu đô thị mới Thủ Thiêm là gây dựng trên địa bàn này một loạt các định chế tài chính, thương mại và dịch vụ cao cấp đủ mạnh để giúp chuyển đổi cơ cấu và nâng cấp kinh tế TP. Hồ Chí Minh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Việc thu hút đầu tư nước ngoài cho mục đích nói trên sẽ thúc đẩy một mức *cầu* mạnh về các *điều kiện làm việc và cư trú tại chỗ* cho một làn sóng các nhà doanh nghiệp và chuyên gia người nước ngoài, Việt kiều và người Việt Nam từ nhiều nơi trong nước tới (đặc biệt là từ TP. Hồ Chí Minh hiện hữu).

Theo khảo sát của chúng tôi từ mô hình định cư của các Khu đô thị mới Á châu và của Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, thì dòng người tới định cư gồm có 2 loại cơ bản:

Một dòng doanh nghiệp và chuyên gia tới cư trú và làm ăn trực tiếp ngay tại địa bàn;

Một dòng dân cư đến tìm nơi cư trú tiện nghi, nhưng không nhất thiết làm ăn, kinh doanh ngay trên địa bàn. Họ có thể sống ở đây nhưng làm việc nơi khác trong đô thị hiện hữu; và cũng có thể sau một thời gian thì họ mới tìm thấy được việc làm ngay tại khu đô thị mới.

Cả hai dòng dân cư này đều có mức cầu cao về nhà ở tiện nghi cho họ và gia đình họ, mức cầu cao về các dịch vụ xã hội (y tế, giáo dục, môi trường) và một điều kiện an ninh được bảo đảm.

Giả thuyết nghiên cứu của chúng tôi là cả Thủ Thiêm và Phú Mỹ Hưng đều đón hai dòng dân cư này. Nhưng trong khi Phú Mỹ Hưng đã thực tế tiếp nhận nhiều hơn dòng dân cư thứ hai, thì Thủ Thiêm có lẽ sẽ nghiêng nhiều về dòng dân cư thứ nhất, ít nhất là trong 10 năm đầu của sự quần cư.

3.2.1.2. Việc cung ứng các điều kiện để đáp ứng mức cầu của các nguồn dân cư tìm đến với Thủ Thiêm nói chung không phải là



một thách thức quá lớn đối với Ban quản lý và các tập đoàn xây cất đô thị. Tuy nhiên, vẫn có *năm điều cần quan tâm xử lý* để có thể thu hút dân cư đến nhanh, an toàn và tạo nên được một cộng đồng tương đối cân bằng và hòa hợp.

*Một là*, phải phát triển *đủ đa dạng* các loại nhà ở hoặc căn hộ để đáp ứng nhu cầu của nhiều loại vị thế xã hội khác nhau và các quy mô gia đình khác nhau.

Cần kết hợp sử dụng quy chế *bán* và quy chế *cho thuê* để đáp ứng các kiểu loại hoạt động hiện đại của dân cư, trong đó có nhóm các chuyên gia quốc tế có nhiều hộ chiếu cùng một lúc, tạm cư và di chuyển ở quy mô toàn cầu.

*Hai là*, cần có các quy chế cởi mở và rõ ràng về hộ khẩu và quyền sở hữu nhà ở cho các đối tượng tới định cư ở Thủ Thiêm là người các tỉnh khác trong nước hoặc Việt kiều.

*Ba là*, nhịp độ đến định cư phụ thuộc rất mạnh vào độ hoàn thiện của hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ kinh doanh và sinh hoạt đô thị. Người ta đã chứng kiến các giai đoạn ế ẩm của quỹ nhà khu đô thị mới tại nhiều nơi ở châu Á chỉ vì sự thiếu đồng bộ và không đi trước một bước của hệ thống cơ sở hạ tầng kinh doanh và sinh hoạt.

*Bốn là*, cần đề phòng sớm tình trạng nhà ở không ế ẩm nhưng cộng đồng thì vắng hoe. Đó là do yếu tố mua nhà rồi khóa cửa để đầy, nhằm mục đích đầu cơ. Tình trạng này có thể gây hại rất nhiều cho việc gây dựng một cộng đồng định cư năng động.

*Năm là*, rõ ràng có nhu cầu nhập cư đô thị của một nhóm dân cư tiềm năng của Thủ Thiêm, nhưng họ không vượt nổi cái giá quá đắt đỏ phải chi trả cho sự cư trú. Để hóa giải tình trạng này, người ta có thể nâng đỡ nhóm dân cư tiềm năng có thu nhập trung bình và thấp (nhưng lại có khả năng đáp ứng các vị trí việc làm trong khu đô thị mới) bằng cách chủ động tạo ra một nhánh quỹ nhà có giá cả mềm hơn để bán hoặc cho thuê đúng đối tượng. Ở



một số khu đô thị châu Á, người ta cũng đã áp dụng phương thức *trợ cấp chéo* giữa các nhóm nhà ở có giá thành khác nhau. Ở khu đô thị mới Burni Serpong Damai của Indonesia, người ta thấy có hàng loạt nhà ở với giá cao nhất gấp mười lần giá thấp nhất. Ở khu Lippo Cikarang (do tập đoàn Lippo xây dựng), người ta thấy có hàng loạt nhà ở với phong cách và kích cỡ khác nhau, từ nhà sang trọng đắt tiền đến nhà đơn giản hơn cho công nhân, nhân viên.

3.2.1.3. Dự báo rằng các cư dân gốc nước ngoài đến Thủ Thiêm cư trú có thể sẽ thực hiện một độ quần tụ nào đó theo quốc gia hoặc nhóm quốc gia dưới hình thức Phố Tây, Phố Hàn, hoặc vẫn cư trú rải rác nhưng liên kết với các lãnh sự quán để mở các trường học phổ thông theo nhóm ngôn ngữ (trường Anh - Mỹ, trường Đài Loan...). Chưa thấy rõ một dấu hiệu chủ động tham dự rõ rệt nào từ phía cộng đồng người Hoa ở Chợ Lớn.

### 3.2.2. Dự báo dân cư thông qua logic Kéo - Đẩy

3.2.2.1. Ở ngay TP. Hồ Chí Minh, người ta đã chứng kiến các vùng nội thành mật độ rất cao có sức đẩy, người ta chủ động đi giãn dân hoặc tách hộ để một số thành viên đi làm hộ khẩu KT2 ở các khu vực quận mới hoặc ở khu đô thị mới (như Phú Mỹ Hưng). Trong khi đó, khu đô thị mới đã phát huy một lực kéo đáng kể để hút về cho mình những dòng dân cư đến làm ăn và cải thiện chất lượng cư trú.

Dự báo rằng khu đô thị mới Thủ Thiêm cũng sẽ thu hút một số hộ gia đình từ nội thành hiện hữu sang cư trú, gắn với việc tìm ra chỗ làm mới. Số hộ gia đình nội thành chuyển sang sống ở Thủ Thiêm chỉ với mục đích cải thiện nơi cư trú sẽ không ồ ạt như có thể ghi nhận ở Phú Mỹ Hưng, trừ trường hợp tính đa dạng về mô thức nhà ở và giá cả nhà ở rồi đây sẽ được thực hiện như một định hướng rõ ràng ở Thủ Thiêm.

3.2.2.2. Nhóm nghiên cứu đã tiến hành một đợt gặp gỡ để thu thập thông tin định tính đối với khoảng 50 doanh nhân, trí thức và



viên chức ở TP. Hồ Chí Minh về việc phát triển Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Không thể gọi đây là một cuộc điều tra có tính đại diện, mà sự thực đó là một thăm dò rất sơ bộ, nhỏ bé, để gợi ý cho việc cân nhắc các dự báo.

Cuộc trao đổi ý kiến cho thấy, Thủ Thiêm có một số khía cạnh hấp dẫn nhất định, đồng thời vẫn còn tồn tại một số trở ngại lớn cho những ai muốn tiếp cận và khai thác các ưu thế từ khu đô thị mới đó. Tuyệt đại đa số các doanh nhân, trí thức và viên chức mà chúng tôi gặp gỡ cho thấy họ đã ít nhiều có được thông tin về dự án Thủ Thiêm. Điều hấp dẫn với họ nhất là Thủ Thiêm gần với nội thành hiện hữu, trong triển vọng sẽ cung ứng các khu ở hiện đại, và có cảnh quan đẹp. Khoảng 1/3 nhóm được phỏng vấn tìm thấy sức hấp dẫn của Thủ Thiêm là ở chỗ nó tạo ra “địa bàn lý tưởng cho đầu tư kinh tế hiện đại”.

Trở ngại lớn nhất đối với họ là nhà đất ở khu đô thị mới này “có thể sẽ rất đắt”. Song một số ít doanh nhân vẫn nghĩ đến việc chuyển cơ sở kinh doanh sang bên đó. Một số đông hơn tỏ ra “ngại di chuyển cơ sở kinh doanh” và “sợ mất bạn hàng truyền thống”. Nhân đây cũng xin nói ngay rằng: khi khởi động xây dựng khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng, không ít người đã dự báo ở đó sẽ xuất hiện “một Chợ Lớn mới của bà con người Hoa ở Nam Sài Gòn”. Song, thực tế cho thấy cho đến 2006, khi gần 10.000 dân đã đến định cư tại Phú Mỹ Hưng, vẫn không thể tìm thấy một gia đình nào từ Chợ Lớn dọn sang. Tuy vậy, trong các cuộc hỏi chuyện vừa nói trên, chúng tôi đã bắt gặp một số ít doanh nhân người Hoa ở thành phố hiện hữu đang nghĩ đến việc tiếp cận Thủ Thiêm như một địa bàn kinh doanh và / hoặc cư trú mới. Tuy vậy, đây đã phải là dấu hiệu của một xu hướng mới hay chưa thì còn cần tiếp tục khảo sát thêm.

*3.2.3. Để một nhóm cư dân Thủ Thiêm xưa quay trở lại trong thân phận mới*



Theo quan điểm của nhóm nghiên cứu, tính cân bằng về xã hội của cộng đồng dân cư Thủ Thiêm nên bao gồm cả việc một số cư dân Thủ Thiêm quay trở lại cư trú và làm việc tại khu đô thị mới. Người ta vẫn nói đến xây dựng một bảo tàng nhỏ về Thủ Thiêm xưa, nói đến việc tôn vinh cư dân 5 phường đã không quản thiệt thòi, đổi đất cho khu đô thị mới. Song, có lẽ không có gì tốt đẹp hơn về khía cạnh văn hoá - xã hội một khi có được những cư dân Thủ Thiêm đích thực trở lại tham gia vào cơ cấu dân cư mới, dù họ chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ.

Thực ra, nếu cứ để sự việc diễn ra một cách ngẫu nhiên, tự phát, thì rồi cũng có thể có một ít trung niên và thanh niên ở các phường bị giải toả tìm đến khu đô thị mới Thủ Thiêm và có được việc làm, như bảo vệ, hoặc phục vụ ở các khu thể thao, vui chơi... Nhưng chắc chắn số này không nhiều và phải trông đợi quá nhiều vào may rủi.

Đề xuất của chúng tôi là chính quyền thành phố phối hợp với quận 2, chủ động thu hút khoảng 600 trung niên và thanh niên tại 5 phường bị giải toả, đưa vào một dự án, gửi đi đào tạo về văn hóa và nghiệp vụ ở các tổ chức hay trường học khác nhau trong thành phố để trang bị cho mỗi người một nghề (gắn gũi với nhu cầu của Thủ Thiêm mới.) Từ đó, tạo cho họ được cơ may được tuyển chọn vào các hoạt động đa dạng trong cộng đồng đô thị Thủ Thiêm. Một bộ phận trong số này có thể thuê, mua nhà có giá trị hợp lý để sống thường trú trong khu đô thị. Một số khác thì đi - về con thoi với quận 2, nhưng thường xuyên phục vụ tại đây (như phục vụ bán hàng, bảo vệ công ty, lái taxi thủy, hướng dẫn viên bảo tàng, phục vụ các nơi nghỉ dưỡng...). Mặc dù, nếu thực hiện trọn vẹn dự án này, số dân gốc Thủ Thiêm trở lại với cộng đồng đô thị với thân phận mới chỉ chiếm khoảng 0,5% toàn bộ cư dân thường trú, song ý nghĩa văn hóa và ý nghĩa cân bằng xã hội của đô thị mới Thủ Thiêm sẽ được nâng cao một cách độc đáo, so với nhiều khu đô thị khác trong vùng châu Á.



### 3.2.4. Suy nghĩ về các thành phần trong cơ cấu dân cư Thủ Thiêm

Mọi sự chỉ mới khởi động. Khó mà nói một điều gì thật xác thực về các thành phần trong cơ cấu dân cư khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Tham khảo trường hợp mấy năm đầu phát triển khu dân cư ở Phú Mỹ Hưng, có thể thấy tỷ lệ người nước ngoài khá đông (chiếm đến 40% dân số) song lại chỉ tập trung vào cư dân người Hàn Quốc. Họ sống ở đây, nhưng nhiều người lại đi làm trong thành phố hiện hữu. Chắc chắn đây sẽ không phải là trường hợp của Thủ Thiêm ngày mai.

Nếu muốn đưa ra một phỏng đoán (còn rất ít cơ sở) thì có thể hình dung cơ cấu dân cư Thủ Thiêm vào lúc khu đô thị đó tương đối hoàn chỉnh, như sau:

Người nước ngoài khoảng 20% (trong đó 10% là người Phương Tây, 10% là người châu Á);

Việt kiều chiếm khoảng 5% dân cư;

Người từ Hà Nội và các thành phố khác trong nước đến cư trú chiếm 25% dân số;

Người Sài Gòn sang là 50% (trong đó khoảng 0,5% là người gốc Thủ Thiêm trước giải tỏa). Nếu tính bao gồm cả cư dân khu tái định cư đặt ngay trong khuôn khổ khu đô thị mới Thủ Thiêm, thì số người gốc Thủ Thiêm xưa có thể lên tới 1%-2% dân cư khu đô thị mới.

Các con số ước lượng này chỉ để gợi suy nghĩ. Chỉ sau giai đoạn I, khi các khu dân cư vùng lõi và khu dân cư phía Đông đã hình thành về cơ bản, thì hình ảnh dân cư Thủ Thiêm mới thật sự lộ dạng. Ở cuối giai đoạn I, Ban quản lý cần cho tiến hành một cuộc điều tra xã hội học các cư dân đến Thủ Thiêm trong làn sóng đầu tiên. Việc này sẽ giúp làm rõ các động lực quần cư; sức chi



phối của thị trường; thực lực các tác động quản lý của Nhà nước... từ đó, các dự báo về những làn sóng dân cư tiếp theo sẽ có thể đáng tin cậy hơn.

#### 4. Một số khuyến nghị về quan điểm và chính sách

Trong quá trình giới thiệu các tìm tòi bước đầu của nhóm nghiên cứu, chúng tôi đã nêu lên rải rác đó đây những ý tưởng khuyến nghị gửi đến Nhà nước, có liên quan đến quan điểm và chính sách tổ chức quần cư. Nay xin hệ thống gọn lại cho rõ ràng, mạch lạc.

**4.1. Có thể coi khu đô thị mới Thủ Thiêm** là một điểm mạnh trong tổ chức không gian, được chủ động hình thành lên với tham vọng lớn là tạo ra một sức mạnh kinh tế đủ sức làm chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Thành phố và đưa thành phố này tham gia sâu vào phân công lao động quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa. Cư dân đô thị Thủ Thiêm phải có một cơ cấu và chất lượng ngang tầm, đủ sức tham gia với cư dân thành phố hiện hữu trong việc làm chủ và vận hành một cỗ máy kinh tế, tài chính và văn hóa tinh thần vừa hiện đại vừa tinh tế. **Nhiệm vụ hàng đầu của việc quản lý quần cư Thủ Thiêm là tạo dễ dàng tối đa để cuốn hút, mời gọi về đây những doanh nhân, kỹ thuật gia, nhà hoạt động văn hoá..., và trao cho họ những kết cấu vật thể đa dạng để cư trú và tác nghiệp.** Cần có một phổ rộng các công trình xây dựng đa dạng, các loại nhà ở với giá cho thuê hoặc giá bán đa dạng, đủ để cung ứng cho một phổ nhu cầu rộng, không phải chỉ có VIP và đỉnh cao (mặc dù nhóm VIP và đỉnh cao sẽ được đáp ứng đầy đủ nhất, sớm nhất, vì thiếu vắng họ thì khu đô thị mới chỉ là một chuyện nói cho vui...).

**4.2.** Chúng ta muốn tạo ra ở Thủ Thiêm một cộng đồng cộng sinh với thành phố hiện hữu trong một phong cách cởi mở, với một cơ cấu dân cư ít nhiều cân bằng về xã hội và có bản sắc riêng. Để làm được điều này, việc quản lý phải đặt dưới khẩu hiệu: **cảnh**



*giác để né tránh tình trạng phân cách, khép kín và độc quyền, cả trên phương diện tổ chức vật thể cũng như trên phương diện tổ chức xã hội.* Trong một số lĩnh vực, cần có chính sách để nâng đỡ các nhóm dân cư thu nhập trung bình và thấp, để họ có thể hiện diện trong cơ cấu dân cư với một tỷ lệ hợp lý.

4.3. **Bảo đảm tính đồng bộ trong triển khai xây dựng** cơ sở kinh tế, nhà ở và cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, để ngừa trước trạng thái do dự khi tham gia quần cư, khiến tạo ra một tình trạng thừa ế giả tạo những gì đã xây cất.

4.4. Cảnh giác với tình trạng mua nhà ở để **đầu cơ**, khiến nhịp độ quần cư bị chững lại, trong khi một diện tích sản mênh mông còn khóa cửa để đó.

4.5. Chủ động tạo điều kiện cho một bộ phận nhỏ dân cư gốc Thủ Thiêm ở tuổi thanh niên và trung niên có khả năng trở lại làm việc và cư trú trên đô thị mới, trong thân phận mới, **góp phần tạo thêm tính cân bằng về xã hội** cho Thủ Thiêm.

4.6. Tạo nhiều cơ hội để giao lưu giữa cư dân thường trú ở Thủ Thiêm với cư dân Sài Gòn hiện hữu và cư dân vắng lai, **làm tăng tính cởi mở, giao lưu** của Thủ Thiêm - một điểm nhấn của truyền thống văn hóa Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh.

4.7. **Gắn việc phát triển Thủ Thiêm với việc phát triển vùng nông thôn kế cận** ở quận 2, quận 9, tạo ra một cảnh quan nối liền mạch với Thủ Thiêm mà không bị quá khập khểnh, hẫng hụt. Điều này sẽ làm tăng tính bền vững và an toàn cho sự phát triển toàn diện của khu đô thị mới Thủ Thiêm.

4.8. **Một cuộc điều tra xã hội cần được tổ chức chu đáo sau giai đoạn I** để làm căn cứ cho việc bổ sung, hiệu chỉnh các quan điểm, chính sách phát triển Thủ Thiêm nói chung và cộng đồng cư dân Thủ Thiêm nói riêng.



# THƯ MỤC

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Chuyên đề về văn hóa nông thôn ngoại thành”, Tạp chí *Khoa học Xã hội*, số 20, tháng 11/1994.
2. “Hệ sinh thái Thủ Thiêm vẫn còn cơ hội tồn tại”, [www.sgt.com.vn](http://www.sgt.com.vn), 10/08/2006.
3. “Quy hoạch Thủ Thiêm: Cân nhắc những phân vân”, [www.sgt.com.vn](http://www.sgt.com.vn), 26/05/2006.
4. “Tám cánh tay bắc qua Thủ Thiêm”, báo *Sài Gòn Giải phóng*, 08/04/2004).
5. “Thủ Thiêm 50 năm về trước”, [www.viet.com](http://www.viet.com), 31/07/2002.
6. “Thủ Thiêm, thành phố văn minh, hiện đại của thế kỷ XXI”, Tạp chí *Xưa và Nay*, số 232, tháng 3/2005.
7. Asian Urban Research Network, *Small Towns and Regional Development* (Các đô thị nhỏ và phát triển vùng), University of Vancouver, Canada, 1992.
8. Ban Quản lý khu Thủ Thiêm, *Nhiệm vụ thiết kế đồ án điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết khu trung tâm đô thị mới Thủ Thiêm*, TP. Hồ Chí Minh, tháng 4/2004.
9. *Bản tin Phú Mỹ Hưng*, số 2/2005; số 2/2006.
10. Bảo Trâm, “Thủ Thiêm xưa, con phà cũ”, [www.baotram.net](http://www.baotram.net), 10/03/2006.
11. Bích Châu, “Caric một thời vang bóng”, trong *Bản tin Quận 2*, Xuân 2004.
12. Bùi Giáng, “Trời đất - Đất trời”, [www.vnexpress.net](http://www.vnexpress.net).
13. Chow, Nelson W.S., “Moving into new towns - the costs of social adaptation”, (Dồn vào các khu đô thị mới - cái giá của sự thích nghi xã hội), *Asian Journal of Public Administration*, 1988.



14. Đàm Hải Vân, “Quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Thủ Thiêm”, [www.vneconomy.com.vn](http://www.vneconomy.com.vn), 10/11/2004.
15. Đặng Hồng Giang, “Bến đò Cây Bàng trước lúc...?”, trong báo *Công An TP. Hồ Chí Minh*, ngày 10/10/2004.
16. DICK, H.W. và RIMMER, P.J, “Beyond the third World City: The new urban geography of South - East Asia”, (Vượt khỏi thành phố thế giới thứ ba: Bản đồ đô thị mới của Đông Nam Á), *Urban Studies*, Vol.35, N°12, 1998.
17. Đoàn Phú, Nguyễn Thanh, “Bên kia sông bùng sáng”, [www.nld.com.vn](http://www.nld.com.vn), 28/01/2006.
18. Đoàn Trang, “Phố Đông hiện đại bên bờ sông Sài Gòn”, *Tuổi Trẻ*, thứ bảy 4/3/2006.
19. DOUGLASS, Mike, “Mega - Urban Regions and World city formation: Globalisation, the Economic crisis and Urban policy issues in Pacific Asia” (Các vùng đại đô thị và sự hình thành thành phố thế giới: toàn cầu hóa, khủng hoảng kinh tế và các chủ đề chính sách đô thị ở châu Á Thái Bình Dương), *Urban Studies*, Vol.37, N°12 (2315-2335), 2000.
20. EDAW [Công ty], *Hội thảo tầm nhìn - kế hoạch đầu tư và tài chính khu đô thị mới Thủ Thiêm*, TP. Hồ Chí Minh, tháng 8/2006.
21. Firman, Tommy, “New Town development in Jakarta Metropolitan Region: a perspective of spatial segregations” (Phát triển khu đô thị mới trong vùng Đại đô thị Jakarta: một quan điểm về phân cách không gian), *Habitat International* 28, 349-368, 2004.
22. Ford, Larry R., “Midtowns, Megastructures, and World cities” (Các khu nội thị hiện đại, các công trình lớn và các thành phố thế giới), *Geographical Review*, October 1998.
23. Gotsch, Peter và Peterek, Michael, *New settlements in the South - Urban models for the 21<sup>st</sup> century?* (Các quần cư mới ở [các quốc gia] phía Nam: mô hình đô thị cho thế kỷ 21?), University of Karlsruhe, Germany.
24. H. Trang. “Một quảng trường cho TP. Hồ Chí Minh”, *Sài Gòn Giải phóng* thứ bảy, ngày 18/9/2004.
25. Hải Đường, “Ngày xuân du khảo những chứng tích lịch sử quý hiếm ở Quận 2”, *Bản tin Quận 2*, Xuân 2000.



26. Hải Đường, “Phác họa cư dân tiền sử trên đất quận 2”, trong *Bản tin Quận 2*, Xuân 1999.
27. Hải Đường, “Tín ngưỡng dân gian ở Quận 2”, *Bản tin Quận 2*, Xuân 2000.
28. Hai Riều, “Nên nông nghiệp hóa trong vùng đô thị hóa”, trong *Bản tin Quận 2*, Xuân 1998.
29. Hải Tân, “Người nông dân Quận 2 trong buổi bình minh đô thị hóa”, trong *Bản tin Quận 2*, số 1/1997.
30. Hawnett, Steve và Hasan, Mirza I., “The relevance of western notions of sustainable urban development to Asian cities: An Indonesian case study” (Sự thích hợp của các khái niệm phương Tây về phát triển đô thị bền vững đối với các thành phố châu Á: một nghiên cứu trường hợp ở Indonesia), Tài liệu trên Internet.
31. Hoàng Hữu Phê, “Tiến tới một lý thuyết mới về vị trí cư trú đô thị và các ứng dụng chính sách của nó”, *Tạp chí Xã hội học*, số 3, năm 2000, tr. 23-37.
32. Hogan, T. và Houston, C., “Corporate cities - Urban gateways or gated communities against the city? The case of Lippo, Jakarta”, (Các thành phố do tập đoàn tư nhân xây dựng - Phải chăng là các cộng đồng [đặc quyền] khép kín? Trường hợp tập đoàn Lippo, Jakarta), In *Critical reflections on cities in Southeast Asia*, Singapore, 2002.
33. *Hội thảo quy hoạch chung [Khu đô thị mới Thủ Thiêm] tỷ lệ 1/5000*, Tài liệu tham khảo, TP. Hồ Chí Minh, tháng 6/2004.
34. Hương Uyên, “Phải xem khu đô thị mới Thủ Thiêm là dự án đặc biệt”, *Sài Gòn Giải phóng*, ngày 21/9/2005.
35. Huỳnh Minh, *Gia Định xưa và nay*, Sài Gòn, 1973.
36. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, *Đình Nam Bộ - Tín ngưỡng và nghi lễ*, TP. Hồ Chí Minh, 1993.
37. Jacquemin, Alain R.A., *Urban Development and New Towns in the Third World* (Phát triển đô thị và các khu đô thị mới trong thế giới thứ ba), Ashgate, 1999.
38. JICA [Tổ chức] và Bộ Kế hoạch - Đầu tư, *Nghiên cứu về dự án phát triển đô thị khu vực Hòa Lạc và Xuân Mai tại nước Cộng hòa XHCN Việt Nam - Giai đoạn 1*, Hà Nội, 1999.



39. Khắc Thi, “Ma túy ở Quận 2”, trong *Bản tin Quận 2*, số 11/1998.
40. Khắc Thi, “Ngày Xuân thử tìm hiểu vài nét lễ hội ở Quận 2”, trong *Bản tin Quận 2*, Xuân 1998.
41. Khánh Ngọc, “Có đất người thị dân mới có quay trở lại với ruộng đồng?”, trong *Bản tin Quận 2*, Xuân 1998.
42. Lan Phong, “Đời vá ghe”, trong báo *Sài Gòn Tiếp Thị*, ngày 17/05/2006.
43. Lê Huy Bá, “Phố Đông”, “Phố Nam” có phát triển bền vững?”, *Báo Tuổi trẻ cuối tuần*, số 16/2006, ra ngày 23/4/06).
44. Lê Trương, “Phát triển bán đảo Thủ Thiêm: Mùa xuân mới, niềm hy vọng mới tràn đầy”, trong *Bản tin Quận 2*, Xuân 2002.
45. Lê Xuân Thiêm, “Sát nách Sài Gòn là 300 năm về trước”, [www.sgtt.com.vn](http://www.sgtt.com.vn), 26/05/2006.
46. Leaf, Michael, “The New Town Impulse in Asia: Pathway to an Urban Future or Modernity’s last gasp?” (Cơn kịch phát khu đô thị mới ở châu Á: con đường đi tới một tương lai đô thị hay hơi thở hắt cuối cùng của tính hiện đại?), Tham luận khoa học tại Singapore, 2004.
47. MARSHALL, Richard, *Emerging Urbanity - Global urban projects in the Asia Pacific Rim* (Đặc tính đô thị mới đang xuất hiện - Các dự án đô thị toàn cầu ở vùng lòng chảo châu Á - Thái Bình Dương), Spon Press, London and New York.
48. Ngô Viết Nam Sơn, “Nhìn lại kế hoạch phát triển của trung tâm TP. Hồ Chí Minh sang Thủ Thiêm - Còn nhiều câu hỏi cần lời giải”, *Tuổi Trẻ cuối tuần*, số 20/2006, ra ngày 21/5/2006.
49. Ngọc Hoàng, “Mùa mưa đến đời sống người dân Thủ Thiêm sẽ ra sao?”, trong *Bản tin Quận 2*.
50. Nguyễn Hữu Thái, *Xu hướng mới Kiến trúc - Đô thị mới Việt Nam Thời hội nhập*, Nxb Xây Dựng, Hà Nội, 2003.
51. Nguyễn Minh Hòa, “Ngập lụt đô thị: những lời giải xưa”, *Tuổi trẻ cuối tuần*, số 16/2006, ra ngày 23/4/2006.
52. Nguyễn Tâm, “Ý tưởng thiết kế quy hoạch”, [www.sgtt.com.vn](http://www.sgtt.com.vn), 13/02/2006.
53. Nguyễn Triều, Mỹ Nhung, “Công bố quyết định điều chỉnh quy hoạch khu đô thị mới Thủ Thiêm”, [www.vietnamnet.vn](http://www.vietnamnet.vn), ngày 10/08/2006.



54. Nguyễn Tường Lộc, “Bến đò ngang ngưng hoạt động”, trong báo *Sài Gòn Giải Phóng*, ngày 26/10/2004.
55. Nguyễn Văn Kích, Phan Chánh Dưỡng, Tôn Sĩ Kinh, *Phú Mỹ Hưng - Đô thị phát triển bền vững*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2006.
56. Nhiều tác giả, *Đi qua 10 năm* [cuốn sách bằng tiếng Trung Quốc viết về quá trình xây dựng Phố Đông, Thượng Hải], trích dịch 100 trang sang tiếng Việt để dùng cho nhóm nghiên cứu.
57. Nhiều tác giả, *Thành phố hướng ra biển Đông* [viết về Phú Mỹ Hưng], Công ty Phú Mỹ Hưng ấn hành, NXB TP. Hồ Chí Minh, 2003.
58. P. Ngọc. “Những đô thị mới - Bộ mặt TP. Hồ Chí Minh trong tương lai”, *Báo Người Lao động*, ra ngày 2/2/2006.
59. Phan Thị Yên Tuyết, *Nhà ở - Trang phục - Ăn uống của các dân tộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Hà Nội, 1993.
60. Phan Tư Doãn, “Uy tín làm nên thành công”, trong *Bản tin Quận 2*, Xuân 2004.
61. Phillips, David R. và Yeh, Anthony C.O. (editors), *New Towns in East and South - East Asia: Planning and Development* (Các đô thị mới ở Đông Á và Đông Nam Á: quy hoạch và phát triển), Oxford University Press, 1987.
62. Quách Thu Nguyệt, *Hội đình của người Việt ở TP. Hồ Chí Minh*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Lịch sử, TP. Hồ Chí Minh, 1996.
63. Quang Chung, “Xây dựng Thủ Thiêm theo cách nào?”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, số ra ngày 24/8/2006.
64. Quốc Việt, Hoài Trang, “Xây dựng đô thị mới Thủ Thiêm: những bài toán”, báo *Tuổi Trẻ*, ngày 21/05/2006.
65. Quốc Việt, Hoài Trang, “Xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm: những bài toán”, *Tuổi trẻ chủ nhật*, 21/5/2006.
66. Sasaki Associates Inc, Viện Quy hoạch TP. Hồ Chí Minh, *Thuyết minh tóm tắt thiết kế quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Thủ Thiêm*, TP. Hồ Chí Minh, tháng 10/2004.
67. Sơn Nam, “Vài nét về vùng Thủ Thiêm xưa”, trong *Bản tin Quận 2*, Xuân 1999.



68. Sơn Nam, *Bến ghé xưa*, TP. Hồ Chí Minh, 1992.
69. Sơn Nam, *Đình miếu và lễ hội dân gian*, Đồng Tháp, 1994.
70. Thạch Phương, Huỳnh Lứa, Nguyễn Quang Vinh, Hồ Lê, *Văn hóa dân gian của người Việt ở Nam Bộ*, Hà Nội, 1992.
71. Thạch Phương, Lê Trung Hoa (chủ biên), *Từ điển Thành phố Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2001.
72. *Thu Thiem New Urban Area. Report Summary Detail Planning and Design* (Khu đô thị mới Thủ Thiêm. Báo cáo tóm tắt quy hoạch và thiết kế chi tiết), TP. Hồ Chí Minh, tháng 9/2004.
73. Thụy Phương, “Tỷ phú trên vùng đất chết”, trong báo *Sài Gòn Giải Phóng*, ngày 15/03/2005).
74. Tôn Nữ Quỳnh Trân (Chủ biên), *Văn hóa làng xã trước sự thách thức của đô thị hóa tại TP. Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, 1999.
75. Trần Hữu Quang, “Thử phác họa một lối tiếp cận xã hội học đối với quá trình chuyển dịch dân cư đến các khu đô thị mới”, *Tạp chí Xã hội học*, số 3, năm 2000, tr. 47-54.
76. Trần Thanh Bình, “Hơn 10 tỉ USD để xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm”, *Báo Thanh Niên*, ngày 4/3/2006.
77. Trần Thanh Bình, “Xây dựng khu đô thị mới Thủ Thiêm: Gợi ý từ Tuần Châu”, [www.sgt.com.vn](http://www.sgt.com.vn), 13/02/2006.
78. Trần Thanh, “Tìm cọc ven sông”, [www.tuoitre.com.vn](http://www.tuoitre.com.vn), 20/03/2006.
79. Trần Thanh, “Tìm cọc ven sông”, [www.tuoitre.com.vn](http://www.tuoitre.com.vn), 20/03/2006.
80. Trần Toàn, *Bàn chuyện an dân ở một đại hội đảng bộ* [Quận 2 bàn về tái định cư phục vụ xây dựng Thủ Thiêm].
81. Trần Triết, “Độc đáo và mong manh”, [www.sgt.com.vn](http://www.sgt.com.vn), 10/08/2006.
82. Trần Triết, “Phát hiện mới trên đường quy hoạch Thủ Thiêm”, [www.sgt.com.vn](http://www.sgt.com.vn), 26/05/2006.
83. Trần Văn Giàu (Chủ biên), *Địa chí văn hóa TP. Hồ Chí Minh*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 1987, tập 1.
84. Trịnh Duy Luân, *Xã hội học đô thị*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2004.
85. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, tập trung, bản dịch của Tu Trai Nguyễn Tạo, Sài Gòn, 1972.



86. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh, *Sài Gòn – TP. Hồ Chí Minh 300 năm hình thành và phát triển 1698 -1998*, TP. Hồ Chí Minh, 1999.
87. Trương Chí Tâm, “Tặng em trên chuyến đò Thủ Thiêm”, trong *Bản tin Quận 2*, số 1/1997.
88. Trương Quang Thao, *Đô thị học - Những khái niệm mở đầu*, Nxb. Xây dựng, Hà Nội, 2003.
89. Trương Thị Hiền, “Hiểu thêm một chút về Quận 2 - khu đô thị mới”, trong *Bản tin Quận 2*, số 1/1997.
90. Trương Thị Hiền, “Hội Xuân - Triển lãm quy hoạch và phát triển Quận 2”, trong *Bản tin Quận 2*, số 11/1998.
91. United Nations Center for Regional Development, *New Town Development Planning* (Trung tâm phát triển vùng của Liên Hiệp Quốc, Quy hoạch phát triển khu đô thị mới), Hà Nội, 1997.
92. Văn Thông, “Các khu dân cư - Nét sinh động của Thủ Thiêm”, *Pháp luật TP. Hồ Chí Minh*, số chủ nhật 23/4/2006.
93. Văn Thông, “Khu đa chức năng đại lộ Đông Tây và vùng ngập nước phía Nam”, *Pháp luật TP. Hồ Chí Minh*, số chủ nhật 16/4/2006.
94. Văn Thông, “Trung tâm của khu Thủ Thiêm mới”, *Pháp luật TP. Hồ Chí Minh*, số chủ nhật 9/4/2006.
95. Võ Hương, “Khu đô thị mới Thủ Thiêm sẽ như thế nào?”, [www.nld.com.vn](http://www.nld.com.vn), 02/11/2004.
96. Vũ Văn Vĩnh, “Xuân đang đến trên vùng tạm cư”, trong *Bản tin Quận 2*, Xuân 2005.
97. Yehua Dennis và Chi Kim Leung, *Development zones, Foreign Investment and Global City formation in Shanghai* (Các khu vực phát triển, đầu tư nước ngoài và sự hình thành thành phố toàn cầu ở Thượng Hải), *Growth and Change* Vol.36, N°1, (Winter 2005), tr.16-40.
98. Yên Dung, “Thủ Thiêm chuyển động”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, số ra ngày 4/11/2004.



**THỦ THIÊM**  
**Quá khứ và Tương lai**  
Tôn Nữ Quỳnh Trân  
Chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản  
**NGUYỄN THỊ THANH HƯỜNG**

Biên tập: Hoài Nam

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH  
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP  
62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1  
ĐT: 38256713 – 38247225 – 38296764 - 38223637  
Fax: 84.8.38222726  
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn  
Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 1131-2012/CXB/126-123/THTPHCM ngày 24/9/2012



● **Những người thực hiện**

*Tôn Nữ Quỳnh Trân*

*Nguyễn Quang Vinh*

*Lê Văn Năm*

**Sơn Nam**

*Trần Quang Ánh*

*Trương Hoàng Trương*

*Nguyễn Quang Giải*

*Nguyễn Tấn Tự*

*Trương Thanh Thảo*

*Doãn Quyên*

**Design bìa**

*Tiêu Phan Cẩm Vân*